

Số: 330 /QĐ-TTPVHCC

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ, Quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15 và các Văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 118/2025/NĐ-CP thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 6527/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án phân cấp, ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và

Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản; Thủy lợi; Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Môi trường; Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; Địa chất và Khoáng sản; Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 14/02/2025 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội tại Công văn số 2566/SNNMT-VP ngày 10/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết 38 thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, trong đó: 35 TTHC cấp tỉnh (31 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND Thành phố; 04 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường); 02 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, 01 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết chung của UBND Thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã (*Chi tiết tại phụ lục 1 và 2 kèm theo*).

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của UBND thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố hết hiệu lực.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công, các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC-Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Thành phố;
- TTPVHCC: GD, PGD, các phòng,
- đơn vị, chi nhánh/Điểm hỗ trợ DVC số;
- Lưu: VT, KSTTHC.

(để báo cáo)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Văn Phúc

Phụ lục I
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI
QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG
SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số 330/QĐ-TTPVHCC ngày 18 / 3 /2026
của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

STT		Tên Quy trình nội bộ	Ký hiệu	Mã số TTHC
A		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND THÀNH PHỐ (35 TTHC)		
1	1	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	QT-01.T	1.014260
2	2	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	QT-02.T	1.014261
3	3	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	QT-03.T	1014262
4	4	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	QT-04.T	1014263
5	5	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản	QT-05.T	1.014264
6	6	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	QT-06.T	1.014268
7	7	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	QT-07.T	1.014271
8	8	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	QT-08.T	1.014273
9	9	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản	QT-09.T	1.014789
10	10	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	QT-10.T	1.014291
11	11	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	QT-11.T	1.014466
12	12	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản	QT-12.T	1.014787
13	13	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản	QT-13.T	1.014788
14	14	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản	QT-14.T	1.014257
15	15	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản	QT-15.T	1.014265

STT		Tên Quy trình nội bộ	Ký hiệu	Mã số TTHC
16	16	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	QT-16.T	1.014266
17	17	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản	QT-17.T	1.014267
18	18	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản	QT-18.T	1.014269
19	19	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	QT-19.T	1.014270
20	20	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản	QT-20.T	1.014272
21	21	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	QT-21.T	1.014292
22	22	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	QT-22.T	1.014279
23	23	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	QT-23.T	1.014280
24	24	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	QT-24.T	1.014281
25	25	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	QT-25.T	1.014282
26	26	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	QT-26.T	1.014283
27	27	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	QT-27.T	1.014274
28	28	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	QT-28.T	1.014276
29	29	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	QT-29.T	1.014277
30	30	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	QT-30.T	1.014278
31	31	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	QT-31.T	1.014295
32	32	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	QT-32.T	1.014289
33	33	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	QT-33.T	1.014290
34	34	Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	QT-34.T	1.014346
35	35	Khai thác thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	QT-35.T	1.014786
B		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 TTHC)		
1	36	Cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	QT-36.X	1.014258

STT		Tên Quy trình nội bộ	Ký hiệu	Mã số TTHC
2	37	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	QT-37.X	1.014259
C		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CHUNG CỦA UBND THÀNH PHỐ, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ UBND CẤP XÃ (01 TTHC)		
1	38	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	QT-38	1.014256

Phụ lục II
NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số 330/QĐ-TTPVHCC ngày 18 / 03/2025
của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND THÀNH PHỐ.

1. Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (QT-01.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: - Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 37 của Luật Địa chất và khoáng sản: + Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp; + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã; + Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam; + Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực hoạt động khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III. - Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải có vốn chủ sở hữu, bảo lãnh ngân hàng bảo đảm 100% dự toán đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.

3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (<i>Mẫu số 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>);	x	
	- Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (<i>Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);	x	
	- Đề án thăm dò khoáng sản và các bản vẽ theo (<i>Mẫu số 01 - Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>);	x	
	- Hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản để thực hiện thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm		x

	dò khoáng sản không trực tiếp thực hiện thi công đề án thăm dò khoáng sản.		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Trong 29 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, TTPVHCC thành phố Hà Nội thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Thời hạn thông báo là 08 ngày làm việc, kể từ ngày có thông báo nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên. - Trong thời hạn thông báo nêu trên (08 ngày làm việc), TTPVHCC thành phố Hà Nội tiếp tục nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của các tổ chức, cá nhân khác (nếu có); tiếp tục thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó tại trụ sở cơ quan, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cho đến khi kết thúc thời hạn thông báo đầu tiên. - Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc công việc Tiếp nhận hồ sơ và thông báo công khai, TTPVHCC thành phố Hà Nội không nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân khác và chuyển hồ sơ đã tiếp nhận cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tiến hành lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính Phủ. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính Phủ, trình Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ra thông báo kết quả lựa chọn tới tổ chức, cá nhân được lựa chọn để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản. Đối với các tổ chức, cá nhân không được lựa chọn để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về lý do không được lựa chọn. - Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, TTPVHCC thành phố Hà Nội thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và công khai kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của UBND thành phố Hà Nội.		

3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.	TPVHCC	3,0 ngày làm việc
	Tiếp tục nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của các tổ chức, cá nhân khác (nếu có); tiếp tục thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó tại trụ sở cơ quan, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cho đến khi kết thúc 10 ngày đăng thông báo đầu tiên.	TPVHCC	8,0 ngày làm việc
B2	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước.	- TPVHCC - Sở NN&MT; + Lãnh đạo Sở; + Văn phòng Sở	0,5 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản và Tài	0,5 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
		nguyên nước; - Phó phòng và Chuyên viên giải quyết HS	
B4	Thẩm định hồ sơ tiến hành lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu để được lựa chọn để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản chuyển sang bước 5.2.	Phó phòng và Chuyên viên giải quyết HS	3,0 ngày làm việc
B5.1	Dự thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân Thành phố ra thông báo kết quả lựa chọn tới tổ chức, cá nhân được lựa chọn để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.	Phó phòng và Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước	0,5 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	3,0 ngày làm việc
B12.1	- Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	Sở NN&MT	Giờ hành chính

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B13.1	- Trả kết quả - Thông báo công khai kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp Thành phố Hà Nội.	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B5.2	Dự thảo Thông báo bằng văn bản về lý do không được lựa chọn cấp phép thăm dò	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày
B6.2	Duyệt Thông báo, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.2	Duyệt Thông báo	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo về lý do không được lựa chọn cấp phép thăm dò	Chánh Văn phòng Sở	1,0 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo Mẫu số 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026		
	Đề án thăm dò khoáng sản theo Mẫu số 01 - Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026		
	Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản theo Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.		

Mẫu số 01 - Phụ lục I

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép
thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng.....
năm..... do..... (Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giấy chứng nhận đăng
ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày.....
tháng..... năm..... do(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép
đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹
số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan nhà nước, người
có thẩm quyền quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc
Căn cước công dân² số cấp ngày..... tháng..... năm.....

1. Đề nghị được thăm dò khoáng sản (hoặc thăm dò xuống sâu, mở rộng tại khu
vực đang khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số)
.....(tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
với các thông tin chính sau đây:

- Diện tích thăm dò: ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc
có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản³ kèm theo Văn bản này.

Vị trí công trình thăm dò⁴:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ	Ghi chú
GK	(m)	X Y	

- Thời gian thăm dò: tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy phép.

- Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ

¹ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

² Áp dụng đối với cá nhân

³ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

⁴ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

chức lập đề án thăm dò).....⁵

- Mục đích sử dụng khoáng sản:

2.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định theo quy định tại điểm a, i và k khoản 2 Điều 59 của Luật Địa chất và khoáng sản (các tài liệu minh chứng gửi kèm theo)⁶.

3. (*Tên tổ chức, cá nhân*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(*Ký tên, đóng dấu*)

⁵ Áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản.

⁶ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị thăm dò xuống sâu, mở rộng.

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ)**

Phụ lục II**Tọa độ các điểm khép góc**

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

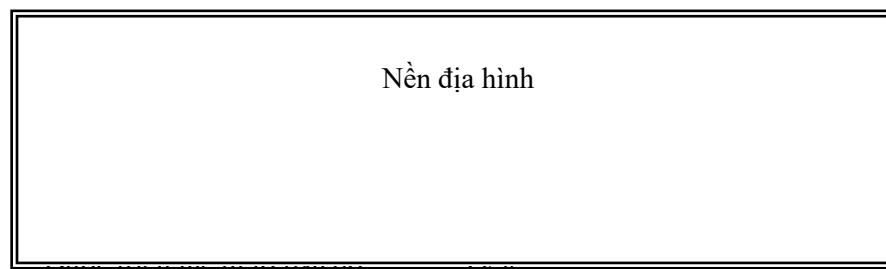
.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)...., ...(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-BNNMT (UBND) ngày
... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Được trích từ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến
trục..., múi chiều..., số
hiệu.....”

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân⁷
.....
(Ký, đóng dấu)

Khung tọa độ

⁷ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km^2 trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km^2 đến dưới 5 km^2 , bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ $0,5 \text{ km}^2$ đến dưới 2 km^2 , bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn $0,5 \text{ km}^2$, bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

Mẫu số 01 - Phụ lục VI
(ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

.....(tên loại khoáng sản)....., thuộc(tên cấp xã).....,
..... (tên cấp tỉnh)

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)....)

Địa danh....., năm 20...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....
-

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

.....(*tên loại khoáng sản*)....., thuộc(*tên cấp xã*).....,
(*tên cấp tỉnh*).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
 (Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh....., năm 20....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Đề án thăm dò khoáng sản (trong mẫu này viết tắt là Đề án) và đối tượng khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập Đề án.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập Đề án.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Đề án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên-kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò khoáng sản.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản. Thông tin về các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản khoáng sản trong khu vực.
- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

3. Đánh giá hiện trạng, kết quả nghiên cứu địa chất khu vực thăm dò khoáng sản

- Hiện trạng mức độ đầu tư, khai thác trong khu vực thăm dò khoáng sản.
- Đánh giá hiệu quả các phương pháp, chất lượng tài liệu và khả năng sử dụng tài liệu địa chất đã có cho công tác thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa chất vùng:

Trình bày những nét chính về đặc điểm địa tầng, kiến tạo, magma, khoáng sản có trong vùng xung quanh khu vực thăm dò khoáng sản.

2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản

- Các tiền đề, dấu hiệu có liên quan đến đối tượng khoáng sản cần thăm dò.
- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực thăm dò khoáng sản.
- Mức độ nghiên cứu từng thân quặng, đới khoáng hóa chứa quặng.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Nội dung quy chuẩn, quy phạm, quy định kỹ thuật áp dụng với đối tượng khoáng sản cần thăm dò.
- Tài liệu, số liệu ban đầu về loại hình nguồn gốc và điều kiện thành tạo quặng; tính chất vật lý của đối tượng khoáng sản cần thăm dò; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, điều kiện thi công;
- Dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò với đối tượng khoáng sản; đề xuất lựa chọn mạng lưới, tổ hợp phương pháp thăm dò khoáng sản.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình chủ yếu

Tất cả các phương pháp, hạng mục công việc thiết kế phải làm rõ mục đích yêu cầu, số lượng, khối lượng; cách thức thực hiện chi tiết theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện và lập bảng tổng hợp chung. Các công trình thiết kế phải thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

Các phương pháp thăm dò khoáng sản chủ yếu là:

- Công tác trắc địa: nêu mục đích, nhiệm vụ, thiết bị đo vẽ, khối lượng dự kiến. Công tác kỹ thuật bao gồm các dạng công tác: xác định mốc gốc và mua số liệu mốc (trường hợp mốc gốc có sẵn trong khu mỏ, phải có tài liệu chứng minh); thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao, nêu yêu cầu độ chính xác của các lưới; thành lập bản đồ địa hình nêu phương pháp đo, thiết bị đo, tỷ lệ bản đồ, khoảng cao đều, hệ tọa độ, diện tích thăm dò và mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ; công tác trắc địa công trình nêu phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế đưa ra thực địa và đo thu vào bản đồ, khối lượng công trình chủ yếu và thứ yếu; phương pháp định tuyến, đo vẽ mặt cắt tuyến thăm dò; bổ sung công tác xác định các công trình cũ (nếu có);
- Phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản (tỷ lệ phụ thuộc vào đặc điểm đối tượng khoáng sản cần thăm dò).
- Phương pháp địa hóa (tùy thuộc loại khoáng sản cần thăm dò).

- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc vào đặc tính vật lý, loại khoáng sản cần thăm dò). Riêng Đề án thăm dò khoáng sản than, công tác địa vật lý lỗ khoan cần nêu một số nội dung sau:

- + Mục tiêu, nhiệm vụ, khả năng giải quyết các vấn đề địa chất của từng phương pháp địa vật lý lỗ khoan trong thăm dò than.
- + Cơ sở địa chất, địa vật lý của từng phương pháp lựa chọn trong tổ hợp.
- + Khái quát đặc điểm địa chất của vùng đo địa vật lý.
- + Đặc điểm các trường địa vật lý trên mặt, trong lỗ khoan.
- + Các tham số địa vật lý của các tầng đất đá, quặng (than).
- + Máy móc, thiết bị và kỹ thuật thi công các phương pháp địa vật lý đã lựa chọn.
- + Điều kiện thi công tổ hợp các phương pháp địa vật lý.
- + Yêu cầu về kiểm soát chất lượng trong thi công các phương pháp địa vật lý
- + Cơ sở và nội dung phân tích tài liệu địa vật lý lỗ khoan.
- + Thành lập thiết đồ địa vật lý lỗ khoan.
- + Công tác tổ chức thi công.
- + Sản phẩm của công tác địa vật lý lỗ khoan.
- Thi công công trình khai đào (dọn vét lộ, hào, hố, giếng, lò), khoan.
- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích, kiểm soát chất lượng mẫu.
- Công tác nghiên cứu khí mỏ: Đối với các đề án thăm dò than, khoáng sản phóng xạ, Hg, As, khoáng sản kim loại, đa kim dự kiến khai thác bằng phương pháp hầm lò: Dự kiến phương pháp lấy mẫu khí sử dụng và phòng thí nghiệm phân tích mẫu khí; Dự kiến số lượng mẫu khí các loại (định tính và định lượng) cần lấy theo các tuyến thăm dò và theo các mức cao (đến độ sâu được phép thăm dò).
- Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình.
- Công tác nghiên cứu điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ (sự biến đổi góc dốc, chiều dày của vỉa khoáng sản; mức độ biến động kiến tạo của khoáng sản,...).
- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.
- Công tác văn phòng, lập báo cáo kết quả thăm dò.

CHƯƠNG 4

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp cảnh báo, giảm thiểu tác động đến môi trường khi thực hiện Đề án.

- Đối với các mỏ phóng xạ và các mỏ có chứa nguyên tố phóng xạ (Urani, thori,...) và khoáng sản độc hại nhóm II: Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phóng xạ, môi trường khoáng sản độc hại theo pháp luật về năng lượng nguyên tử hiện hành.

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công Đề án.

CHƯƠNG 5

DỰ TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoan nôi thân quặng địa chất, thân quặng công nghiệp, phân khối, xếp cấp và phương pháp dự tính trữ lượng khoáng sản theo cấp trữ lượng trong diện tích thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 6

TỔ CHỨC THI CÔNG

Dựa vào các căn cứ địa chất, kinh tế - kỹ thuật và phương pháp kỹ thuật, khối lượng đề ra trong Đề án, lập kế hoạch, tiến độ thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành; thời gian lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, dự kiến thời gian trình cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản.

Thời gian thi công để hoàn thành các hạng mục và khối lượng thăm dò khoáng sản kể từ ngày được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 7

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Đánh giá đặc điểm địa chất, khoáng sản (hình thái, chất lượng quặng).
- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công Đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢN VẼ KÈM THEO

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Bản đồ địa chất vùng.
- Bản đồ địa chất khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản.
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu dự kiến.
- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò khoáng sản.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập đề án.
- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập Đề án.

2. Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (QT-02.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: (1) Tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 37 của Luật Địa chất và khoáng sản, gồm: - Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp; - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã; - Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam. - Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực hoạt động khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III). (2) Thuộc đối tượng trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ, gồm: - Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền lựa chọn cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định tại Điều 30 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Tổ chức, cá nhân đã tham gia điều tra địa chất về khoáng sản theo quy định tại Điều 22 của Luật Địa chất và khoáng sản và Điều 9 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Tổ chức, cá nhân đáp ứng yêu cầu, điều kiện quy định tại Điều 35 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;

	- Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp quy định tại khoản 1b Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15; - Tổ chức, cá nhân được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực đã được khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo tiêu chí quy định tại khoản 6 Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 54 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ và chấp thuận thăm dò khoáng sản chiến lược đặc biệt; - Tổ chức, cá nhân đã được chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 và khoản 10, khoản 27 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư dự án sản xuất xi măng đã được xác định trong quy hoạch khoáng sản nhóm II để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đá vôi, sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng và khoáng sản là phụ gia điều chỉnh làm xi măng; - Tổ chức, cá nhân có nhà máy chế biến khoáng sản đang hoạt động theo quy định của pháp luật có đề nghị thăm dò khoáng sản làm nguyên liệu cho nhà máy chế biến khoáng sản đang hoạt động theo quy định của pháp luật. (3) Đáp ứng các điều kiện sau đây: - Đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính quy định tại Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Có đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản theo quy định của Nghị định này trong trường hợp trực tiếp thực hiện hoạt động thăm dò khoáng sản hoặc có hợp đồng với tổ chức có đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản quy định tại Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ để thực hiện đề án thăm dò khoáng sản; - Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp quyết định thành lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; - Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản về kết quả thăm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với trường hợp đề nghị thăm dò khoáng sản phóng xạ.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý

	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (<i>Mẫu số 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>);	x	
	Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (<i>Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);	x	
	Đề án thăm dò khoáng sản và các bản vẽ kèm theo (<i>Mẫu số 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>);	x	
	- Hồ sơ chứng minh năng lực tài chính quy định tại Điều 26 của		x

	Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;		
	- Hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản để thực hiện thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không trực tiếp thực hiện thi công đề án thăm dò khoáng sản.		x
	Đối với trường hợp đề nghị thăm dò khoáng sản phóng xạ, kèm theo hồ sơ còn có ý kiến bằng văn bản về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.		x
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	80 ngày (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đề nghị của tổ chức, cá nhân; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 70 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định. - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		

	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	03 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở; - Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày làm việc
B4	Kiểm tra nội dung hồ sơ báo cáo Lãnh đạo Sở xem xét thành lập hoặc không thành lập Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước; - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	3.0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	* Trường hợp không thành lập Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 43 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; gửi đề án thăm dò khoáng sản đến các Ủy viên phản biện, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản, chuyên gia (trong trường hợp cần thiết) để lấy ý kiến nhận xét về nội dung của đề án thăm dò khoáng sản. <i>(Trong thời hạn không quá 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan)</i> - Tiến hành kiểm tra thực địa, kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản - Tổng hợp ý kiến nhận xét của các cơ quan có liên quan và các chuyên gia. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B6.1; - Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, có thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ: chuyển sang bước B5.2. <i>Thực hiện từ bước 5.2 đến 10.2 và tiếp tục thực hiện từ bước 6.1 đến 15.1.</i>	Lãnh đạo Sở, Trưởng phòng, Phó phòng, Chuyên viên giải quyết HS	25 ngày
	*Trường hợp Thành lập Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 43 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa	Phó phòng, Chuyên viên giải quyết HS;, Thành viên Hội	25 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ - Gửi văn bản lấy ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản - Tiến hành kiểm tra thực địa, kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản - Tổng hợp ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, có thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ: chuyển sang bước B5.2. <i>Thực hiện từ bước 5.2 đến 10.2 và tiếp tục thực hiện từ bước 5.1 đến 15.1.</i>	đồng thẩm định;	
B5.1	- Tổ chức họp Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản: Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. + Tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án kèm theo biên bản phiên họp của Hội đồng và bản nhận xét của các Ủy viên Hội đồng; + Hồ sơ được thông qua: có từ 50% trở lên thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá “thông qua” => chuyển sang bước 6.1 + Hồ sơ phải chỉnh sửa, hoàn thiện: có từ 50% trở lên thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá “thông qua” và “thông qua với điều	Phó phòng, Chuyên viên giải quyết HS và Hội đồng thẩm định	20 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	kiện phải hoàn thiện, chỉnh sửa” => chuyển sang bước 5.2. <i>Thực hiện từ bước 5.2 đến 10.2 và tiếp tục thực hiện từ bước 6.1 đến 15.1.</i> + Hồ sơ không được thông qua: có trên 50% thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá “không thông qua” => chuyển sang bước 5.2		
B6.1	Chuẩn bị hồ sơ trình cấp phép	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	10,0 ngày
B7.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B8.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày
B9.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B10.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B11.1	Trình UBND Thành phố	- Sở NN&MT	0,5 ngày
B12.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B13.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công.	Sở NN&MT;	1,0 ngày làm việc
B14.1	Trả kết quả	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	Sở NN&MT; Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	* Trường hợp không thành lập Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 43 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ <i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B6.1 đến B14.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày)</i> - B6.1: 15,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 2,0 ngày - B9.1: 1,0 ngày - B10.1: 0,5 ngày - B11.1: 0,5 ngày - B12.1: 5,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc - B14.1: 1.0 ngày làm việc		
	* Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 43 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ: đối với trường hợp chưa họp hội đồng (chưa thực hiện Bước 5.1)		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B14.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày)</i> - B5.1: 10 ngày - B6.1: 7,0 ngày - B7.1: 1,0 ngày - B8.1: 1,0 ngày - B9.1: 1,0 ngày - B10.1: 0,5 ngày - B11.1: 0,5 ngày - B12.1: 5,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc - B14.1: 1.0 ngày làm việc		
	* Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 43 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ: đối với trường hợp đã họp hội đồng Bước 5.1 <i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B6.1 đến B14.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày)</i> - B6.1: 14,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 3,0 ngày - B9.1: 1,0 ngày - B10.1: 0,5 ngày - B11.1: 0,5 ngày - B12.1: 5,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc - B14.1: 1.0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo Mẫu số 03 - Phụ lục I kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026		
	Đề án thăm dò khoáng sản theo Mẫu số 01 - Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại		

	khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026
	Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản theo Mẫu số 09 - Phụ lục II kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
	Giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo <i>Mẫu số 11 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>

Mẫu số 01 - Phụ lục I
(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy
phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng.....
năm..... do..... (Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số.....
ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền
cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại
diện (chi nhánh)⁸ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ
quan nhà nước, người có thẩm quyền quyết định thành lập văn phòng đại diện,
chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân⁹ số cấp ngày.....
tháng..... năm.....

1. Đề nghị được thăm dò khoáng sản (hoặc thăm dò xuống sâu, mở rộng tại
khu vực đang khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số)
.....(tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh)..... với các thông tin chính sau đây:

- Diện tích thăm dò: ha (km²), được giới hạn bởi các điểm
góc có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản¹⁰ kèm theo Văn
bản này.

Vị trí công trình thăm dò¹¹:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ	Ghi chú
GK	(m)	X Y	

- Thời gian thăm dò: tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy

⁸ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

⁹ Áp dụng đối với cá nhân

¹⁰ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

¹¹ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

phép.

- Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....¹²

- Mục đích sử dụng khoáng sản:

2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định theo quy định tại điểm a, i và k khoản 2 Điều 59 của Luật Địa chất và khoáng sản (các tài liệu minh chứng gửi kèm theo)¹³.

3. (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

¹² Áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản.

¹³ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị thăm dò xuống sâu, mở rộng.

Mẫu số 01 - Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

.....(tên loại khoáng sản)....., thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp huyện)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh, năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....
-

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

.....(*tên loại khoáng sản*)....., thuộc(*tên cấp xã*).....,
(*tên cấp huyện*)....., ...(*tên cấp tỉnh*).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
 (Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, năm 20....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Đề án thăm dò khoáng sản (trong mẫu này viết tắt là Đề án) và đối tượng khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập Đề án.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập Đề án.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Đề án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên-kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò khoáng sản.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản. Thông tin về các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản khoáng sản trong khu vực.
- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

3. Đánh giá hiện trạng, kết quả nghiên cứu địa chất khu vực thăm dò khoáng sản

- Hiện trạng mức độ đầu tư, khai thác trong khu vực thăm dò khoáng sản.
- Đánh giá hiệu quả các phương pháp, chất lượng tài liệu và khả năng sử dụng tài liệu địa chất đã có cho công tác thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa chất vùng:

Trình bày những nét chính về đặc điểm địa tầng, kiến tạo, magma, khoáng sản có trong vùng xung quanh khu vực thăm dò khoáng sản.

2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản

- Các tiền đề, dấu hiệu có liên quan đến đối tượng khoáng sản cần thăm dò.
- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực thăm dò khoáng sản.
- Mức độ nghiên cứu từng thân quặng, đới khoáng hóa chứa quặng.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Nội dung quy chuẩn, quy phạm, quy định kỹ thuật áp dụng với đối tượng khoáng sản cần thăm dò.
- Tài liệu, số liệu ban đầu về loại hình nguồn gốc và điều kiện thành tạo quặng; tính chất vật lý của đối tượng khoáng sản cần thăm dò; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, điều kiện thi công;
- Dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò với đối tượng khoáng sản; đề xuất lựa chọn mạng lưới, tổ hợp phương pháp thăm dò khoáng sản.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình chủ yếu

Tất cả các phương pháp, hạng mục công việc thiết kế phải làm rõ mục đích yêu cầu, số lượng, khối lượng; cách thức thực hiện chi tiết theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện và lập bảng tổng hợp chung. Các công trình thiết kế phải thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

Các phương pháp thăm dò khoáng sản chủ yếu là:

- Công tác trắc địa: nêu mục đích, nhiệm vụ, thiết bị đo vẽ, khối lượng dự kiến. Công tác kỹ thuật bao gồm các dạng công tác: xác định mốc gốc và mua số liệu mốc (trường hợp mốc gốc có sẵn trong khu mỏ, phải có tài liệu chứng minh); thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao, nêu yêu cầu độ chính xác của các lưới; thành lập bản đồ địa hình nêu phương pháp đo, thiết bị đo, tỷ lệ bản đồ, khoảng cao đều, hệ tọa độ, diện tích thăm dò và mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ; công tác trắc địa công trình nêu phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế đưa ra thực địa và đo thu vào bản đồ, khối lượng công trình chủ yếu và thứ yếu; phương pháp định tuyến, đo vẽ mặt cắt tuyến thăm dò; bổ sung công tác xác định các công trình cũ (nếu có);
- Phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản (tỷ lệ phụ thuộc vào đặc điểm đối tượng khoáng sản cần thăm dò).
- Phương pháp địa hóa (tùy thuộc loại khoáng sản cần thăm dò).

- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc vào đặc tính vật lý, loại khoáng sản cần thăm dò). Riêng Đề án thăm dò khoáng sản than, công tác địa vật lý lỗ khoan cần nêu một số nội dung sau:

- + Mục tiêu, nhiệm vụ, khả năng giải quyết các vấn đề địa chất của từng phương pháp địa vật lý lỗ khoan trong thăm dò than.
- + Cơ sở địa chất, địa vật lý của từng phương pháp lựa chọn trong tổ hợp.
- + Khái quát đặc điểm địa chất của vùng đo địa vật lý.
- + Đặc điểm các trường địa vật lý trên mặt, trong lỗ khoan.
- + Các tham số địa vật lý của các tầng đất đá, quặng (than).
- + Máy móc, thiết bị và kỹ thuật thi công các phương pháp địa vật lý đã lựa chọn.
- + Điều kiện thi công tổ hợp các phương pháp địa vật lý.
- + Yêu cầu về kiểm soát chất lượng trong thi công các phương pháp địa vật lý
- + Cơ sở và nội dung phân tích tài liệu địa vật lý lỗ khoan.
- + Thành lập thiết đồ địa vật lý lỗ khoan.
- + Công tác tổ chức thi công.
- + Sản phẩm của công tác địa vật lý lỗ khoan.
- Thi công công trình khai đào (dọn vét lộ, hào, hố, giếng, lò), khoan.
- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích, kiểm soát chất lượng mẫu.
- Công tác nghiên cứu khí mỏ: Đối với các đề án thăm dò than, khoáng sản phóng xạ, Hg, As, khoáng sản kim loại, đa kim dự kiến khai thác bằng phương pháp hầm lò: Dự kiến phương pháp lấy mẫu khí sử dụng và phòng thí nghiệm phân tích mẫu khí; Dự kiến số lượng mẫu khí các loại (định tính và định lượng) cần lấy theo các tuyến thăm dò và theo các mức cao (đến độ sâu được phép thăm dò).
- Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình.
- Công tác nghiên cứu điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ (sự biến đổi góc dốc, chiều dày của vỉa khoáng sản; mức độ biến động kiến tạo của khoáng sản,...).
- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.
- Công tác văn phòng, lập báo cáo kết quả thăm dò.

CHƯƠNG 4

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp cảnh báo, giảm thiểu tác động đến môi trường khi thực hiện Đề án.

- Đối với các mỏ phóng xạ và các mỏ có chứa nguyên tố phóng xạ (Urani, thori,...) và khoáng sản độc hại nhóm II: Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phóng xạ, môi trường khoáng sản độc hại theo pháp luật về năng lượng nguyên tử hiện hành.

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công Đề án.

CHƯƠNG 5

DỰ TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoan nôi thân quặng địa chất, thân quặng công nghiệp, phân khối, xếp cấp và phương pháp dự tính trữ lượng khoáng sản theo cấp trữ lượng trong diện tích thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 6

TỔ CHỨC THI CÔNG

Dựa vào các căn cứ địa chất, kinh tế - kỹ thuật và phương pháp kỹ thuật, khối lượng đề ra trong Đề án, lập kế hoạch, tiến độ thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành; thời gian lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, dự kiến thời gian trình cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản.

Thời gian thi công để hoàn thành các hạng mục và khối lượng thăm dò khoáng sản kể từ ngày được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 7

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Đánh giá đặc điểm địa chất, khoáng sản (hình thái, chất lượng quặng).
- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công Đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢN VẼ KÈM THEO

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Bản đồ địa chất vùng.
- Bản đồ địa chất khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản.
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu dự kiến.
- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò khoáng sản.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập đề án.
- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập Đề án.

Mẫu số 11 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ...**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng năm.....;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về;

Căn cứ Văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản số..... ngày....tháng năm của(Tên cơ quan ban hành).....¹⁴

Căn cứ Quyết định số ngày.... tháng năm.... của(Tên cơ quan ban hành)..... về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản¹⁵;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại và Biên bản của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... được thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản:

2. Vị trí khu vực thăm dò:, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

¹⁴ Áp dụng đối với các khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

¹⁵ Áp dụng đối với khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II¹⁶ Giấy phép này.

4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m (nếu thấy cần thiết).

5. Phương pháp và khối lượng công tác thăm dò: theo Đề án thăm dò khoáng sản(*Tên Đề án thăm dò*) do(*Tên tổ chức, cá nhân*) lập kèm theo Giấy phép này.

6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện thăm dò(*tên khoáng sản*)..... theo phương pháp và khối lượng tại Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo giấy phép này.

3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

¹⁶ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số /GP-UBND
 ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

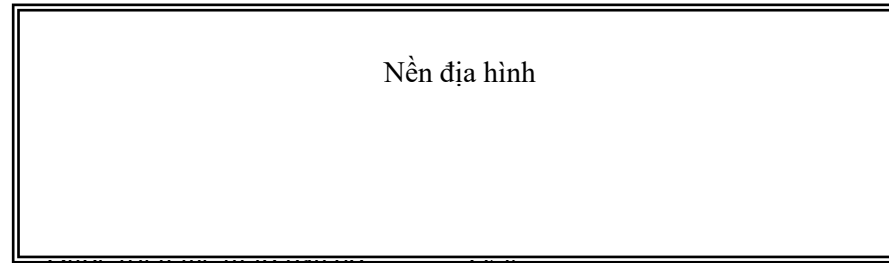
Mẫu số 09 - Phụ lục II*(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)***BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ)****Phụ lục II****Tọa độ các điểm khếp góc**

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện ích: ... ha		

.....(TÊN BẢN ĐỒ).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)...., ...(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....*(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-BNNMT (UBND) ngày
... tháng ... năm ...)*

CHỈ DẪN

.....
.....
.....Được trình tự từ tờ bản đồ
địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến
trục..., múi chiều..., số
hiệu.....”**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
*(Ký, đóng dấu)***Tổ chức, cá nhân¹⁷**
.....
(Ký, đóng dấu)

Khung tọa độ

¹⁷ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km^2 trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km^2 đến dưới 5 km^2 , bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ $0,5 \text{ km}^2$ đến dưới 2 km^2 , bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn $0,5 \text{ km}^2$, bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

3. Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (QT-03.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Cấp lại Giấy phép thăm dò khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Cấp lại Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: - Việc cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản được thực hiện trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 44 của Luật Địa chất và khoáng sản, cụ thể: Trường hợp hết thời hạn thăm dò theo quy định tại điểm a khoản này, tổ chức, cá nhân chưa hoàn thành thi công khối lượng công việc theo đề án thăm dò khoáng sản vì sự kiện bất khả kháng, giấy phép thăm dò khoáng sản được xem xét cấp lại theo quy định của Luật này nhưng không quá 48 tháng và có thể được gia hạn không quá 02 lần với tổng thời gian gia hạn không quá 24 tháng. - Nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (bao gồm cả thời gian gia hạn) cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại thời điểm giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 45 ngày. Trường hợp giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít hơn 45 ngày, người có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp bất khả kháng, trước khi xem xét cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản; - Tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò đã và đang thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 47 của Luật Địa chất và khoáng sản và quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản tính đến thời điểm cấp lại kèm theo các văn bản chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ đã được Ủy ban nhân cấp tỉnh xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ tính đến thời điểm đề nghị cấp lại giấy phép đối với giấy phép thăm dò khoáng sản. Cụ thể gồm: Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; Thực hiện các nội dung trong giấy phép thăm dò khoáng sản. Trường hợp thăm dò vượt quá mức sâu thăm dò theo quy định của Chính phủ, bổ sung mẫu công nghệ, moong khai thác thử hoặc điều chỉnh phương pháp hoặc giảm khối lượng công tác thăm dò, tổ chức, cá nhân phải báo cáo và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi thực

	hiện; Bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra theo quy định của pháp luật; Thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện; Thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về kiểm tra, thanh tra, kiểm soát hoạt động thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật này, pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan..		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (<i>Mẫu số 03 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);	x	
	Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (<i>Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);	x	
	Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (<i>Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		

	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	34 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định được kéo dài thêm tối đa 21 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn không quá 24 ngày - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: + Ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc; + Trả kết quả: 02 ngày làm việc		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	03 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở;	1,0 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	- Văn phòng Sở	
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản. <i>(Trong thời hạn không quá 08 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;)</i> - Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước; - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	14,0 ngày
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	3,0 ngày
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B9.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,5 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định cấp lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày)</i> - B5.1: 16,0 ngày - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 1,0 ngày - B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 0,5 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản theo Mẫu số 03 - Phụ lục I kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025		
	Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo - Mẫu số 32 - Phụ lục V kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025		
	Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản theo Mẫu số 09 - Phụ lục II kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025		
	Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo Mẫu số 15 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026		

Mẫu số 03 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do*(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹⁸ số..... ngày..... tháng..... năm..... do*(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh)*.....; hoặc Căn cước công dân¹⁹ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được*(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm để thăm dò*(tên khoáng sản)*..... tại*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... Diện tích thăm dò: ha/km².

Do đã hết thời hạn, kể cả thời gian gia hạn theo quy định nhưng*(tên tổ chức, cá nhân)* ... chưa thực hiện hết khối lượng các hạng mục thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm

Lý do chưa hoàn thành công tác thăm dò:

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*..... đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản*(tên khoáng sản)*..... tại*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*.....

Diện tích thăm dò: ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ

¹⁸ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹⁹ Áp dụng đối với cá nhân

xác định trên bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản²⁰ kèm theo văn bản này.

Vị trí công trình thăm dò²¹:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ	Ghi chú
GK	(m)	X Y	

Thời gian thăm dò: tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy phép.

Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....²²

Mục đích sử dụng khoáng sản:

..... (Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

²⁰ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

²¹ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên

²² Áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)²³ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân²⁴ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện đến thời điểm báo cáo.

²³ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

²⁴ Áp dụng đối với cá nhân

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO²⁵

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
I	Công tác trắc địa					

²⁵ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1						
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					

3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

**Tổ chức, cá nhân
được phép thăm dò
(Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 15 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(CẤP LẠI)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng năm.....;*

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... được tiếp tục thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản:
2. Vị trí khu vực thăm dò:, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;
3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm

khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II²⁶ của Giấy phép này.

4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m (nếu thấy cần thiết).

5. Phương pháp, khối lượng công tác thăm dò: theo phương pháp và khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-... ngày ... tháng ... năm ... do ...(*tên cơ quan cấp phép*)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... thành lập.

6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện công tác thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật.

3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NN&MT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

²⁶ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục I

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại) số /GP-UBND
 ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3⁰)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

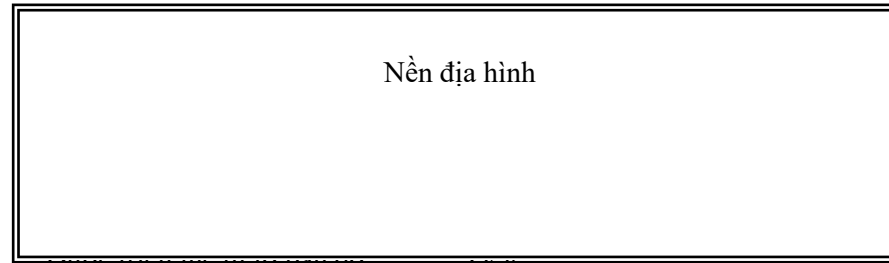
Mẫu số 09 - Phụ lục II*(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)***BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ)****Phụ lục II****Tọa độ các điểm khếp góc**

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

.....(TÊN BẢN ĐỒ).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)...., ...(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....*(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-BNNMT (UBND) ngày
... tháng ... năm ...)*

CHỈ DẪN

.....
.....
.....Được trình tự từ tờ bản đồ
địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến
trục..., múi chiều..., số
hiệu.....”**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
*(Ký, đóng dấu)***Tổ chức, cá nhân²⁷**
.....
(Ký, đóng dấu)

Khung tọa độ

²⁷ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km^2 trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km^2 đến dưới 5 km^2 , bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ $0,5 \text{ km}^2$ đến dưới 2 km^2 , bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn $0,5 \text{ km}^2$, bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

4. Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (QT-04.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: - Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ

	quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (<i>Mẫu số 02 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);	x	
	Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (<i>Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	26 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 21 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn không quá 20 ngày - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: + Ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc; + Trả kết quả: 02 ngày làm việc		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		

	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	03 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	- Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản. <i>(Trong thời hạn không quá 08 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;)</i> - Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước; - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	9,0 ngày làm việc
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,5 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	Sở NN&MT;	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày)</i> - B5.1: 14,0 ngày - B6.1: 2,0 ngày		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- B7.1: 3,0 ngày - B8.1: 1,0 ngày - B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 0,5 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản theo Mẫu số 02 - Phụ lục I kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025		
	Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo - Mẫu số 32 - Phụ lục V kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025		
	Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo Mẫu số 13 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026		

Mẫu số 02 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax.....

Được phép thăm dò *(tên khoáng sản)*..... tại*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng năm của *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

Đề nghị được gia hạn thời gian thăm dò đến ngày tháng ... năm

Lý do đề nghị gia hạn:

.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)* cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)²⁸ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân²⁹ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện đến thời điểm báo cáo.

²⁸ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

²⁹ Áp dụng đối với cá nhân

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO³⁰

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
I	Công tác trắc địa					

³⁰ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1						
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					

3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

**Tổ chức, cá nhân
 được phép thăm dò
 (Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 13 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(GIA HẠN)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng năm.....;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm để(tên tổ chức, cá nhân)..... được tiếp tục thăm dò (tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... đến hết ngày tháng năm

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện phương pháp, khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-UBND ngày ... tháng ... năm ... do... (*tên cơ quan cấp phép*)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... thành lập.

3. Hoàn thành việc san lấp và đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày... tháng ... năm ... của(*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NN&MT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

5. Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (QT-05.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: * Trường hợp thay đổi tên tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản: Tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 15 ngày. * Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: Tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 45 ngày.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	* Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm: - Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025); - Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025); - Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).	X	
	* Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi; thành phần hồ sơ gồm: - Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	* Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: 26 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 21 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn không quá 16 ngày làm việc - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: + Ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc; + Trả kết quả: 02 ngày làm việc * Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định		

3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	03 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4			
	* Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản - Kiểm tra nội dung hồ sơ:	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài	10,5 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản. <i>(Trong thời hạn không quá 08 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;)</i> Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	nguyên nước; - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	
	* Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi. - Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước; - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,5 ngày
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.		
	* Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản:	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	* Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định cấp điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	- Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	- Sở NN&MT; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	kiện giải quyết		
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày)</i> - B5.1: 16,0 ngày - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 1,0 ngày - B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 0,5 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản theo Mẫu số 04 - Phụ lục I kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025		
	Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo - Mẫu số 32 - Phụ lục V kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025		
	Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản theo Mẫu số 09 - Phụ lục II kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025		
	Quyết định điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo Mẫu số 19 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026		

Mẫu số 04 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Được phép thăm dò *(tên khoáng sản³¹)*..... tại*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số....., ngày..... tháng ... năm ... của *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

Đề nghị điều chỉnh *(nội dung điều chỉnh³²)*..... của Giấy phép thăm dò khoáng sản như sau:

- ... *(nội dung theo Giấy phép thăm dò đã cấp)*.....;
- ... *(nội dung đề nghị điều chỉnh)*.....;
- Diện tích trả lại:..... ha (km²)³³;
- Diện tích tiếp tục thăm dò:.....ha (km²)³⁴.

Diện tích đề nghị điều chỉnh và diện tích tiếp tục thăm dò được thể hiện bởi tọa độ các điểm khếp góc xác định tại Phụ lục I và Bản đồ ranh giới, diện tích khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản kèm theo văn bản này³⁵.

Lý do đề nghị điều chỉnh:

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)* cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

³¹ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

³² Nêu rõ các nội dung đề nghị điều chỉnh theo quy định.

³³ Áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh diện tích thăm dò khoáng sản.

³⁴ Áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh diện tích thăm dò khoáng sản.

³⁵ Áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh diện tích thăm dò khoáng sản. Bản đồ ranh giới, diện tích khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục I

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)</i>	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực đề nghị trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản		
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)³⁶ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân³⁷ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện đến thời điểm báo cáo.

³⁶ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

³⁷ Áp dụng đối với cá nhân

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO³⁸

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
I	Công tác trắc địa					

³⁸ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1						
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					

3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

Tổ chức, cá nhân
được phép thăm dò
 (Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 19 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng năm.....;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh (nội dung, điều, khoản)..... quy định trong Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân)..... thăm dò ... (tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... như sau:

.....(nội dung điều chỉnh).....

.....(*nội dung điều chỉnh*).....

Tọa độ, diện tích khu vực không được tiếp tục thăm dò, được tiếp tục thăm dò khoáng sản được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này³⁹.

Tọa độ, diện tích khu vực thăm dò khoáng sản được trả lại, được tiếp tục thăm dò khoáng sản được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II⁴⁰ kèm theo Quyết định này⁴¹.

Điều 2.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có).
2. Tiếp tục thăm dò khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định tại Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....
3. Chấm dứt hoạt động thăm khoáng sản tại phần diện tích không được tiếp tục thăm dò và thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò theo quy định của pháp luật⁴².
4. Chấm dứt hoạt động thăm khoáng sản tại phần diện tích được trả lại và thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò theo quy định của pháp luật⁴³.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*tên tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- UBND tỉnh (thành phố)....;
- Bộ NN&MT;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
- Lưu HS, VT.

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

³⁹ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò

⁴⁰ Bản đồ ranh giới khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

⁴¹ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò

⁴² Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò

⁴³ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC THĂM DÒ,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND
ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)...))

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực không được thăm dò khoáng sản: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực được tiếp tục thăm dò khoáng sản: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		

⁴⁴ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...Phụ lục II⁴⁵**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực được trả lại: ...ha/km²		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản: ...ha/km²		
1		
2		
...		
n		

⁴⁵ Chỉ áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò

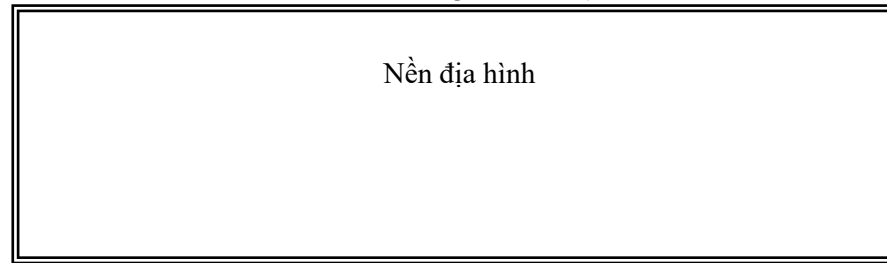
Mẫu số 09 - Phụ lục II*(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)***BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ)****Phụ lục II****Tọa độ các điểm khếp góc**

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

.....(TÊN BẢN ĐỒ).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)...., ...(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....*(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-BNNMT (UBND) ngày
... tháng ... năm ...)*

CHỈ DẪN

.....
.....
.....

Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ
địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến
trục..., múi chiều..., số
hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
*(Ký, đóng dấu)***Tổ chức, cá nhân⁴⁶**
.....
(Ký, đóng dấu)

Khung tọa độ

⁴⁶ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km^2 trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km^2 đến dưới 5 km^2 , bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ $0,5 \text{ km}^2$ đến dưới 2 km^2 , bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn $0,5 \text{ km}^2$, bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

6. Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (QT-06.T)

1	Mục đích		
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản		
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính		
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).		
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Việc trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản được thực hiện trong trường hợp giấy phép còn thời hạn nhưng tổ chức, cá nhân không thể triển khai thăm dò hoặc không thể tiếp tục thực hiện thăm dò.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	* Trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản khi tổ		

	chức, cá nhân chưa thực hiện hoạt động thăm dò khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:		
	- Văn bản đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (<i>Mẫu số 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);	x	
	- Bản chính giấy phép thăm dò khoáng sản	x	
	* Trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản khi tổ chức, cá nhân đã thực hiện hoạt động thăm dò khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:		
	- Văn bản đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (<i>Mẫu số 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);	x	
	- Giấy phép thăm dò khoáng sản	x	
	- Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (<i>Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);	x	
	- Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (<i>Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>).	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	26 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định tăng thêm 21 ngày làm việc) - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn không quá 16 ngày - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: + Ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc; + Trả kết quả: 02 ngày làm việc		

3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	03 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản.	-Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải	10,5 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	<i>(Trong thời hạn không quá 08 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;)</i> - Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	quyết HS	
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	Sở NN&MT; Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày)</i> - B5.1: 15,0 ngày - B6.1: 2,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 1,0 ngày - B9.1: 0,5 ngày		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- B10.1: 0,5 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản theo Mẫu số 05 - Phụ lục I kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025		
	Báo cáo kết quả thực hiện công tác thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị trả lại theo Mẫu số 32 - Phụ lục V kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025		
	Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản theo Mẫu số 09 - Phụ lục II kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025		
	Quyết định cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Mẫu số 21 - Phụ lục III kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026		

Mẫu số 05 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Đã được *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*..... cho phép thăm dò khoáng sản*(tên khoáng sản)*..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng năm tại khu vực mỏ *(tên mỏ⁴⁷)*..... thuộc*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... nêu trên.

Lý do đề nghị trả lại:

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

⁴⁷ Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản.

Mẫu số 21 - Phụ lục III
(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../QĐ-UBND **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số ... 2025/TT-BNNMT ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm của

Xét hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân)..... được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò) ... cấp tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, ...(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*tên tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁴⁸ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân⁴⁹ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực

⁴⁸ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

⁴⁹ Áp dụng đối với cá nhân

hiện đến thời điểm báo cáo.

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO⁵⁰

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	

⁵⁰ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

I	Công tác trắc địa					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1						
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				

2.2	...					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

Tổ chức, cá nhân
được phép thăm dò
 (Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục II

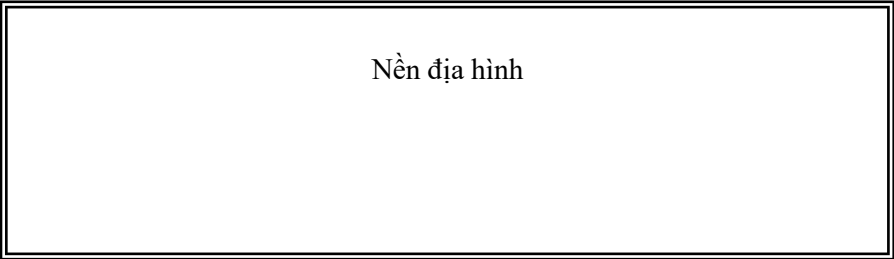
Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....
....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)...., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân⁵¹
.....
(Ký, đóng dấu)

⁵¹ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km^2 trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:50.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km^2 đến dưới 5 km^2 , bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ $0,5 \text{ km}^2$ đến dưới 2 km^2 , bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn $0,5 \text{ km}^2$, bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.

7. Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (QT-07.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT)
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản được xem xét cho phép chuyển nhượng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: - Tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản chỉ được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản khi đã thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản. - Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 06 tháng, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được hồ sơ đề nghị chuyển nhượng. - Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản là: + Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp; + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã; + Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam; + Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực hoạt động khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III. - Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng phải có đủ năng lực tài chính để thực hiện đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 47 của Luật Địa chất và khoáng sản và quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng kèm theo các văn bản chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ;

	cụ thể gồm: + Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; + Thực hiện các nội dung trong giấy phép thăm dò khoáng sản. Trường hợp thăm dò vượt quá mức sâu thăm dò theo quy định của Chính phủ, bổ sung mẫu công nghệ, moong khai thác thử hoặc điều chỉnh phương pháp hoặc giảm khối lượng công tác thăm dò, tổ chức, cá nhân phải báo cáo và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện; + Bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra theo quy định của pháp luật; + Thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện; + Thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về kiểm tra, thanh tra, kiểm soát hoạt động thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật này, pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan. - Được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nêu trên tính đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng đối với giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Nông nghiệp và môi trường. - Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp quyết định thành lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp bên nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp nước ngoài.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định

	trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mẫu số 06 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	X	
	Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và việc thực hiện nghĩa vụ theo giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp tính đến thời điểm chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng (Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)	X	
	Hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;		X
	Hồ sơ chứng minh năng lực tài chính quy định tại Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.		X
	Hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản để thực hiện thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không trực tiếp thực hiện thi công đề án thăm dò khoáng sản.		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	26 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày) - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn không quá 16 ngày		

	- Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: + Ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc; + Trả kết quả: 02 ngày làm việc		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	03 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản. <i>(Trong thời hạn không quá 08 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;)</i> - Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	9,5 ngày
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B9.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định cấp giấy phép chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	- Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	Sở NN&MT;	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	Sở NN&MT; Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các</i>		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	<i>bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày)</i> - B5.1: 15,0 ngày - B6.1: 2,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 1,0 ngày - B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 0,5 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản theo Mẫu số 06 - Phụ lục I kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025		
	Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và việc thực hiện nghĩa vụ theo giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp tính đến thời điểm chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng Mẫu số 32 - Phụ lục V kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025		
	Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo Mẫu số 17 - Phụ lục III kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026		

Mẫu số 06 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Đã được *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*..... cho phép thăm dò khoáng sản*(tên khoáng sản)*..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng năm tại khu vực mỏ *(tên mỏ⁵²)*..... thuộc ...*(tên cấp xã)*..., ...*(tên cấp tỉnh)*...

Đề nghị được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho:

.....*(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)*

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do*(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁵³ số..... ngày..... tháng..... năm..... do*(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh)*.....; hoặc Căn cước công dân⁵⁴ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Hợp đồng chuyển nhượng số ngày..... tháng..... năm.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
đề nghị chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân
nhận chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

⁵² Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản

⁵³ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

⁵⁴ Áp dụng đối với cá nhân

Mẫu số 17 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(CHUYỂN NHƯỢNG)****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng năm.....;**Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Quyết định số/QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của (cơ quan ban hành) phê duyệt Quy hoạch**Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về**Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;**Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)..... và(tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)..... đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)..... nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....) từ(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)..... để tiếp tục thăm dò(tên khoáng sản)..... với các nội dung chính sau đây:

1. Loại khoáng sản:
2. Vị trí khu vực thăm dò:, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II⁵⁵ của Giấy phép này.

4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m.

5. Phương pháp, khối lượng công tác thăm dò: theo phương pháp và khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-... ngày ... tháng ... năm ... do ...(*tên cơ quan cấp phép*)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... thành lập.

6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện công tác thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật.

3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chấm dứt hiệu lực của Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NN&MT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố... (bản sao).

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

⁵⁵ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục I

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng) số /GP-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3⁰)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

Mẫu số 09 - Phụ lục II

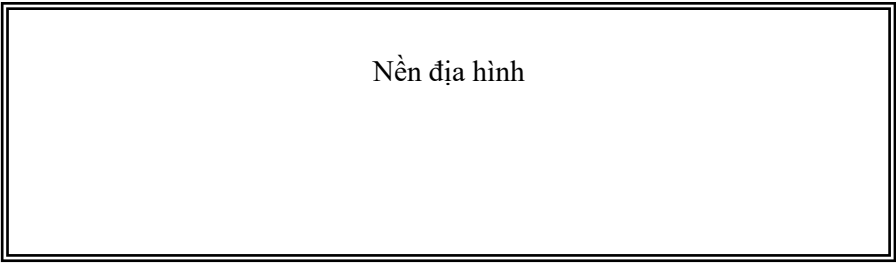
(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

.....(*Tên bản đồ*).....
....(*tên khoáng sản*)....tại khu vực(*tên mỏ*)...., ...(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*).....
(*Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...*)



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu.....”
Tổ chức, cá nhân lập bản đồ
(*Ký, đóng dấu*)

Tổ chức, cá nhân⁵⁶
.....
(*Ký, đóng dấu*)

Phụ lục II

CHỈ DẪN
.....
.....
.....

Khung tọa độ

⁵⁶ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁵⁷ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân⁵⁸ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp huyện)....., ...(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực

⁵⁷ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

⁵⁸ Áp dụng đối với cá nhân

hiện đến thời điểm báo cáo.

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
3								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO⁵⁹

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối
			Còn lại tiếp tục	Dự kiến thời gian	Tăng, giảm so	

⁵⁹ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

			thăm dò	thực hiện	với đề án	lượng
I	Công tác trắc địa					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1						
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				

2.2	...					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lập hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

**Tổ chức, cá nhân
 được phép thăm dò
 (Ký tên, đóng dấu)**

8. Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản (QT-08.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trong trường hợp tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản không đủ điều kiện kinh doanh thăm dò khoáng sản thì phải hợp đồng với tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Địa chất và khoáng sản (bao gồm: Được thành lập theo quy định của pháp luật; có nhân sự phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học hoặc tương đương thuộc ngành về địa chất, có kinh nghiệm công tác trong thăm dò khoáng sản; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thăm dò khoáng sản; có đội ngũ công nhân kỹ thuật chuyên ngành địa chất và chuyên ngành khác có liên quan; có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công công trình thăm dò khoáng sản) và đáp ứng đủ điều kiện theo quy định các Điều 27, Điều 28 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ (tiêu chuẩn của nhân sự phụ trách kỹ thuật thăm dò khoáng sản và yêu cầu về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản) để thực hiện công tác thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng khoáng sản/xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ

	sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Văn bản đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản/xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (<i>Mẫu số 07 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);	X	
	Đề án thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản, xác định khoáng sản đi kèm (<i>Mẫu số 02 - Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>).	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 19 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp đề án thăm dò cần chỉnh sửa, bổ sung thì thời hạn giải quyết tăng thêm 05 ngày làm việc) không tính thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; - Trường hợp đề án thăm dò bổ sung cần chỉnh sửa, bổ sung: Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ		

	thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không quá 24 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản thông báo của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc..		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	Giờ hành chính
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ; - Gửi đề án thăm dò bổ sung để lấy ý kiến của các cơ quan, chuyên gia có chuyên môn về thăm dò khoáng sản; (Trong thời hạn không quá 08 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản mời đọc nhận xét, phản biện kèm theo đề án thăm dò bổ sung của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan, chuyên gia được lấy ý kiến phải có văn bản nhận xét, phản biện đối với nội dung kỹ thuật của đề án) - Tổng hợp nhận xét, phản biện đối với nội dung kỹ thuật của đề án cơ quan, chuyên gia được lấy ý kiến. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước; - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	10,5 ngày làm việc
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định ban hành Văn bản chấp thuận để tổ chức, cá nhân thực hiện thăm dò bổ sung	Chủ tịch UBND Thành phố	1,0 ngày làm việc
B12.1	- Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	- Sở NN&MT; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Giờ hành chính
B13.1	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Giờ hành chính
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	Sở NN&MT; Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân là 05 ngày làm việc)</i> - B5.1: 1,0 ngày - B6.1: 1,0 ngày		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- B7.1: 1,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 1,0 ngày - B12.1: Giờ hành chính - B13.1: Giờ hành chính		
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị thăm dò bổ sung đề nâng cấp trữ lượng khoáng sản/xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm theo Mẫu số 07 - Phụ lục I kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025		
	Đề án thăm dò bổ sung theo Mẫu số 02 - Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025		
	Văn bản chấp thuận thăm dò bổ sung thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 26b - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2025).		

Mẫu số 07 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ BỔ SUNG ĐỂ NÂNG CẤP TÀI
 NGUYÊN, TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN CHÍNH/ XÁC ĐỊNH TRỮ
 LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐI KÈM**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁶⁰ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân⁶¹ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được phép khai thác (tên khoáng sản)..... tại xã, tỉnh..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày tháng năm của (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản).....

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 59 Luật Địa chất và khoáng sản, ...(Tên tổ chức, cá nhân)..... đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép) được tiến hành thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng tại các khối tài nguyên cấp, khối trữ lượng cấp ... /xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm là (tên khoáng sản đi kèm) trong phạm vi diện tích được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày tháng năm của (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác).

Vị trí, diện tích thăm dò bổ sung: ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò (bổ sung)⁶² kèm theo văn bản này.

Mức sâu thấp nhất của công trình thăm dò bổ sung: đến mức m

⁶⁰ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

⁶¹ Áp dụng đối với cá nhân

⁶² Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Thời gian thăm dò bổ sung: tháng (năm), kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....⁶³

Mục đích sử dụng khoáng sản:

Vị trí công trình thăm dò⁶⁴:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ	Ghi chú
GK	(m)	X Y	

..... (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

⁶³ Áp dụng đối với trường hợp chủ đầu tư thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản

⁶⁴ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên

Mẫu số 09 - Phụ lục II

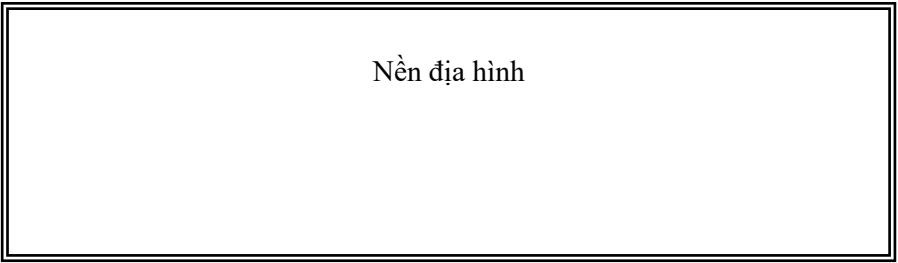
(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

.....(*Tên bản đồ*).....
....(*tên khoáng sản*)....tại khu vực(*tên mỏ*)...., ...(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*).....
(*Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...*)



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu.....”
Tổ chức, cá nhân lập bản đồ
(*Ký, đóng dấu*)

Tổ chức, cá nhân⁶⁵
.....
(*Ký, đóng dấu*)

Phụ lục II

CHỈ DẪN
.....
.....
.....

Khung tọa độ

⁶⁵ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

Mẫu số 02 - Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THẨM DÒ BỔ SUNG)

ĐỀ ÁN THẨM DÒ BỔ SUNG

.....(tên loại khoáng sản)....., (trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số Của Bộ, ngày Mỏ.....) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp huyện)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh, năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....
-

ĐỀ ÁN THĂM DÒ BỔ SUNG

.....(*tên loại khoáng sản*)....., (trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số Của Bộ, ngày Mỏ.....) thuộc(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp huyện*)....., ...(*tên cấp tỉnh*).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, năm 20....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Đề án thăm dò bổ sung khoáng sản (trong mẫu này viết tắt là Đề án) và đối tượng khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập Đề án.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả thăm dò, khai thác ở mỏ để sử dụng lập Đề án.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò bổ sung (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Đề án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC THĂM DÒ BỔ SUNG

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên-kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò bổ sung.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu địa chất, khoáng sản

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò bổ sung.
- Các kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản.
- Các phương pháp, khối lượng thăm dò đã thực hiện và đánh giá hiệu quả các phương pháp, chất lượng tài liệu và khả năng sử dụng tài liệu địa chất đã có cho công tác thăm dò bổ sung.

3. Đánh giá hiện trạng, kết quả khai thác khoáng sản tại khu vực thăm dò bổ sung

Hiện trạng mức độ đầu tư, thông tin về các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản; đánh giá hiện trạng, sản lượng của hoạt động khai thác mỏ trong khu vực thăm dò bổ sung so với trữ lượng cấp phép khai thác, nguyên nhân tăng giảm.

4. Đặc điểm địa chất, khoáng sản khu vực thăm dò bổ sung

- Đặc điểm địa chất khu vực thăm dò bổ sung.
- Mô tả chi tiết mức độ nghiên cứu, nguồn gốc, quy mô, chất lượng từng thân quặng có trong trong khu vực thăm dò bổ sung.

CHƯƠNG 2

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG THĂM DÒ BỔ SUNG

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Nội dung quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng để lựa chọn phương pháp với đối tượng khoáng sản thăm dò bổ sung.
- Đánh giá về đặc điểm, cấu trúc địa chất, loại hình nguồn gốc, điều kiện thành tạo, mức độ phân bố, thành phần vật chất, tính chất vật lý và điều kiện thi công của đối tượng khoáng sản thăm dò bổ sung.
- Dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò bổ sung với đối tượng khoáng sản; đề xuất tổ hợp phương pháp thăm dò bổ sung.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình chủ yếu

Tất cả các phương pháp, hạng mục công việc thiết kế phải làm rõ mục đích, cách thức thực hiện, dự kiến khối lượng thực hiện. Tùy theo mức độ các phương pháp, khối lượng đã thực hiện trong các nghiên cứu địa chất, điều tra, đánh giá, thăm dò khoáng sản ở giai đoạn trước, công trình thăm dò phục vụ khai thác và mức độ yêu cầu của đối tượng khoáng sản cần thăm dò bổ sung để dự kiến các phương pháp, khối lượng trong Đề án.

Các phương pháp thăm dò khoáng sản chủ yếu là:

- Công tác trắc địa: nêu mục đích, nhiệm vụ, thiết bị đo vẽ, khối lượng dự kiến. Công tác kỹ thuật thực hiện các dạng công tác: xác định mốc gốc và mua số liệu mốc (trường hợp mốc gốc có sẵn trong khu mỏ, phải có tài liệu chứng minh); thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao, nêu yêu cầu độ chính xác của các lưới; thành lập bản đồ hiện trạng nêu phương pháp đo, thiết bị đo, tỷ lệ bản đồ, khoảng cao đều, hệ tọa độ, diện tích thăm dò và mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ. Trường hợp sử dụng bản đồ hiện trạng khai thác mỏ hàng năm thì phải bổ sung vào đề án kèm theo tài liệu chứng minh; công tác trắc địa công trình nêu phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế đưa ra thực địa và đo thu vào bản đồ, khối lượng công trình chủ yếu và thứ yếu; phương pháp định tuyến, đo vẽ mặt cắt tuyến thăm dò; Bổ sung công tác xác định các công trình cũ (nếu có);
- Phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản (tỷ lệ phụ thuộc vào đặc điểm đối tượng thăm dò bổ sung);
- Phương pháp địa hóa (tùy thuộc loại khoáng sản thăm dò bổ sung);
- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc vào đặc tính vật lý, loại khoáng sản thăm dò bổ sung). Riêng Đề án thăm dò bổ sung khoáng sản than, công tác địa vật lý lỗ khoan cần nêu một số nội dung sau:

Mục tiêu, nhiệm vụ, khả năng giải quyết các vấn đề địa chất của từng phương pháp địa vật lý lỗ khoan trong thăm dò than.

Cơ sở địa chất, địa vật lý của từng phương pháp lựa chọn trong tổ hợp.

Khái quát đặc điểm địa chất của vùng đo địa vật lý.

Đặc điểm các trường địa vật lý trên mặt, trong lỗ khoan.

Các tham số địa vật lý của các tầng đất đá, quặng (than).

Máy móc, thiết bị và kỹ thuật thi công các phương pháp địa vật lý đã lựa chọn.

Điều kiện thi công tổ hợp các phương pháp địa vật lý.

Yêu cầu về kiểm soát chất lượng trong thi công các phương pháp địa vật lý

Cơ sở và nội dung phân tích tài liệu địa vật lý lỗ khoan.

Thành lập thiết đồ địa vật lý lỗ khoan.

Công tác tổ chức thi công.

Sản phẩm của công tác địa vật lý lỗ khoan.

- Thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hào, hố, giếng, lò), khoan.

- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích, kiểm soát chất lượng mẫu.

- Công tác nghiên cứu khí mỏ: Đối với các đề án thăm dò than, khoáng sản phóng xạ, Hg, As, khoáng sản kim loại, đa kim dự kiến khai thác bằng phương pháp hầm lò: Dự kiến phương pháp lấy mẫu khí sử dụng và phòng thí nghiệm phân tích mẫu khí; Dự kiến số lượng mẫu khí các loại (định tính và định lượng) cần lấy theo các tuyến thăm dò và theo các mức cao (đến độ sâu nhất được phép thăm dò).

- Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình.

- Công tác nghiên cứu điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ (sự biến đổi góc dốc, chiều dày của vỉa khoáng sản; mức độ biến động kiến tạo của khoáng sản,...).

- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.

- Công tác văn phòng, lập báo cáo kết quả thăm dò.

- Các công trình thiết kế phải thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

CHƯƠNG 3

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp cảnh báo, giảm thiểu khi thực hiện Đề án.

- Đối với các mỏ phóng xạ và các mỏ có chứa nguyên tố phóng xạ (Urani, thori...): Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phóng xạ theo pháp luật về năng lượng nguyên tử hiện hành.

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công Đề án.

CHƯƠNG 4

DỰ TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoanh nổi thân

quặng, dự tính trữ lượng khoáng sản theo cấp trữ lượng dự kiến đạt được trong diện tích thăm dò bổ sung.

CHƯƠNG 5 TỔ CHỨC THI CÔNG

Lập kế hoạch, tiến độ, thời gian thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành; thời gian lập báo cáo kết quả thăm dò bổ sung, dự kiến thời gian trình cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản.

Thời gian thi công để hoàn thành các hạng mục và khối lượng thăm dò bổ sung tính từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

CHƯƠNG 6 DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Đánh giá đặc điểm địa chất, khoáng sản (hình thái, chất lượng quặng).
- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công Đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản đồ, bản vẽ kèm theo

- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao (nếu có)
- Bản đồ địa chất khoáng sản khu vực thăm dò bổ sung
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu dự kiến.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

2. Phụ lục các tài liệu kèm theo

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập Đề án (nếu có).
- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập Đề án.

Mẫu số 26b - Phụ lục III

*(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-UBND

Địa danh....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO**Chấp thuận thăm dò bổ sung**

Kính gửi: (Tên tổ chức, cá nhân).....

Căn cứ điểm c khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 59 Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ khoản 1 Điều 68 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Xét đề nghị của(tên tổ chức, cá nhân).... tại văn bản số/... ngày..... tháng..... năm..... về việc;

Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ của ... (Tên cơ quan thẩm định hồ sơ)...., Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho ... (tên tổ chức, cá nhân) ...được thăm dò bổ sung với một số thông tin chính như sau:

- Mục đích⁶⁶:

- Loại khoáng sản thăm dò bổ sung:

- Vị trí, diện tích thăm dò: Trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày ... của ... (Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản)

- Phương pháp và khối lượng thăm dò: Thực hiện theo Đề án thăm dò bổ sung (đã được chỉnh sửa, hoàn thiện (nếu có)) kèm theo Văn bản số ngày ... của ... (tên tổ chức, cá nhân).....

- Mức sâu thăm dò bổ sung thấp nhất (nếu có): Đến mức ... m.

- Thời gian thăm dò: Được xác định theo Đề án thăm dò khoáng sản.

2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

⁶⁶ Xác định mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP

a) Thực hiện việc thăm dò bổ sung khoáng sản theo phương pháp và khối lượng tại Đề án thăm dò bổ sung kèm theo Thông báo này;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... trong quá trình thực hiện thăm dò bổ sung khoáng sản nếu xảy ra sai phạm;

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... thông báo đề ... *(Tên tổ chức, cá nhân)*... biết, thực hiện./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (thành phố);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (thành phố);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)...
- ...;
- Lưu: ... ()

9. Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản (QT-09.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp thăm dò vượt quá mức sâu đã xác định trong đề án thăm dò mà có khả năng ảnh hưởng đến các công trình khác dưới sâu trong cùng phạm vi diện tích khu vực thăm dò, tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò phải báo cáo cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền để xem xét, chấp thuận phải bổ sung khối lượng, hạng mục công việc thi công (thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản) trong các trường hợp sau: - Bổ sung số lượng mẫu công nghệ hoặc moong khai thác thử; - Điều chỉnh phương pháp thăm dò; giảm khối lượng công tác thăm dò dẫn đến giảm hơn 10% tổng dự toán của đề án thăm dò; - Bổ sung phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc thăm dò để đánh giá chất lượng, trữ lượng, tài nguyên khoáng sản khác mới phát hiện trong quá trình thăm dò.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản

	sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Văn bản đề nghị chấp thuận nội dung điều chỉnh đề án thăm dò khoáng sản (Mẫu số 08a - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026) kèm theo báo cáo về các nội dung điều chỉnh trong các trường hợp: Thăm dò vượt quá mức sâu đã xác định trong đề án thăm dò mà có khả năng ảnh hưởng đến các công trình khác dưới sâu trong cùng phạm vi diện tích khu vực thăm dò; Bổ sung số lượng mẫu công nghệ hoặc moong khai thác thử; Điều chỉnh phương pháp thăm dò; giảm khối lượng công tác thăm dò dẫn đến giảm hơn 10% tổng dự toán của đề án thăm dò; Bổ sung phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc thăm dò để đánh giá chất lượng, trữ lượng, tài nguyên khoáng sản khác mới phát hiện trong quá trình thăm dò.	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản theo quy định.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		

3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	Giờ hành chính
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Gửi đề án thăm dò điều chỉnh để lấy ý kiến của các cơ quan, chuyên gia có chuyên môn về thăm dò khoáng sản; (Trong thời hạn không quá 08 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản mời đọc nhận xét, phản biện kèm theo đề án thăm dò điều chỉnh của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan, chuyên gia được lấy ý kiến phải có văn bản nhận xét, phản biện đối với nội dung kỹ thuật của đề án) - Tổng hợp nhận xét, phản biện đối với nội dung kỹ thuật của đề án cơ quan, chuyên gia được lấy ý kiến. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước; - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	12,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ chấp thuận nội dung điều chỉnh đề án thăm dò khoáng sản. cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B9.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,5 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định ban hành Văn bản chấp thuận nội dung điều chỉnh đề án thăm dò khoáng sản.	Chủ tịch UBND Thành phố	3,0 ngày làm việc
B12.1	- Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	- Sở NN&MT; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Giờ hành chính
B13.1	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Giờ hành chính
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	đạo Phòng		
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	Sở NN&MT; Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân là 10 ngày làm việc)</i> - B5.1: 3,0 ngày - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 3,0 ngày - B12.1: Giờ hành chính - B13.1: Giờ hành chính		
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị chấp thuận nội dung điều chỉnh đề án thăm dò khoáng sản (Mẫu số 08a - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		

Mẫu số 08a - Phụ lục I
(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh..., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH
ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền*).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Được phép thăm dò (*tên khoáng sản*)..... tại xã,
 tỉnh..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng
 năm của (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm
 quyền*).....

Căn cứ quy định tại khoản ... Điều Nghị định số ngày ... của Chính
 phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng
 sản, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... đề nghị (*Tên cơ quan nhà nước,
 người có thẩm quyền*) điều chỉnh phương pháp, khối lượng của đề án thăm dò
 khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng
 năm của (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền*) như
 sau:

Điều chỉnh, bổ sung..... (*nêu cụ thể các phương pháp, khối
 lượng hạng mục công việc đề nghị điều chỉnh hoặc bổ sung*).

(*Báo cáo đề nghị điều chỉnh hoặc bổ sung phương pháp, khối lượng của đề
 án thăm dò khoáng sản và các tài liệu, bản vẽ minh chứng kèm theo*)

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) cam kết thực hiện đúng quy định của
 pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO**ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG PHƯƠNG PHÁP/ KHỐI LƯỢNG
CỦA ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo văn bản đề nghị chấp thuận điều chỉnh nội dung đề án thăm dò khoáng sản ngày ... tháng ... năm ... của ... (tên tổ chức, cá nhân)...)

I. Kết quả thi công công tác thăm dò đến thời điểm báo cáo

- Khái quát nội dung Đề án thăm dò (đối tượng, phạm vi, mục tiêu nhiệm vụ, các phương pháp áp dụng, khối lượng thi công công tác thăm dò của đề án);
- Tóm tắt kết quả thi công đề án đến thời điểm báo cáo và vấn đề còn tồn tại. Cập nhật kết quả thi công trên các sơ đồ, bản vẽ thi công.

II. Cơ sở tài liệu đề nghị điều chỉnh phương pháp/khối lượng công tác thăm dò hoặc đề nghị bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản

- Nêu cơ sở tài liệu của việc đề nghị điều chỉnh phương pháp/khối lượng công tác thăm dò hoặc đề nghị bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản.
- Trình bày các dạng công tác đề nghị điều chỉnh/bổ sung cần thực hiện.

Bảng khối lượng hạng mục công việc đề nghị điều chỉnh/bổ sung:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng theo đề án	Khối lượng đề nghị điều chỉnh/thi công bổ sung	Thời gian thực hiện dự kiến (ngày/tháng)	Ghi chú

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

10. Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn (QT-10.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân được xem xét, chấp thuận bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn khi đã thực hiện đầy đủ khối lượng công tác thăm dò theo đề án thăm dò mà giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn nhưng phải bổ sung khối lượng công tác thăm dò theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản (trong đó nêu cụ thể khối lượng các hạng mục công trình cần thi công bổ sung, thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc thi công) (Mẫu số 30 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	Giờ hành chính

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	Giờ hành chính
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa, lấy ý kiến các đơn vị liên quan nếu cần thiết - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước; - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	5,5 ngày làm việc
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ chấp thuận bổ sung khối lượng công tác thăm dò cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định ban hành Văn bản chấp thuận bổ sung khối lượng công tác thăm dò.	Chủ tịch UBND Thành phố	2,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B12.1	- Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	- Sở NN&MT	Giờ hành chính
B13.1	Trả kết quả	TTPVHCC	Giờ hành chính
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	Sở NN&MT; Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm là 12 ngày làm việc)</i> - B5.1: 6,0 ngày làm việc - B6.1: 1,0 ngày làm việc - B7.1: 2,0 ngày làm việc - B8.1: 0,5 ngày làm việc - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 2,0 ngày làm việc - B12.1: giờ hành chính		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- B13.1: giờ hành chính		
4	Biểu mẫu		
	Kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản (Mẫu số 30 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).		

Mẫu số 30 - Phụ lục IV
(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

KẾ HOẠCH THI CÔNG BỔ SUNG
KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Thông báo số .../TB-... ngày ... tháng ... năm ... của)

(Áp dụng trong trường hợp phải bổ sung công trình thăm dò theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản nhưng giấy phép thăm dò đã hết thời hạn)

I. Mở đầu

Khái quát nội dung Đề án thăm dò (đối tượng, phạm vi, mục tiêu nhiệm vụ, các phương pháp áp dụng); tóm tắt kết quả thi công đề án và vấn đề còn tồn tại.

II. Kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản

- Nêu cơ sở pháp lý của việc thực hiện thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản.

- Trình bày các dạng công tác cần thực hiện.

Bảng khối lượng hạng mục công việc:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng thi công bổ sung	Thời gian thực hiện dự kiến (ngày/tháng)	Ghi chú

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

11. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản (QT-11.T)

1	Mục đích		
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản		
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính		
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).		
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản	Bản

		chính	sao
	Văn bản đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung (Mẫu số 08 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	X	
	Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với các loại khoáng sản rắn (Mẫu số 03 - Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)	X	
	Các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan; tài liệu luận giải chỉ tiêu tính trữ lượng	X	
	Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân	X	
	Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bằng bản giấy, các tài liệu gồm: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả thăm dò bổ sung công trình nâng cấp trữ lượng khoáng sản; Các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan; tài liệu luận giải chỉ tiêu tính trữ lượng còn phải được gửi bản số được lưu trữ trên thiết bị lưu trữ (USB).		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Thời hạn thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ: tối đa là 57 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản hợp lệ; - Thời hạn thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản đối với khoáng sản nhóm III: tối đa là 42 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản hợp lệ.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ		

	http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Mức thu lệ phí công nhận kết quả thăm dò khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 {Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT)}, cụ thể: - Đến 01 tỷ đồng, mức thu là: 10 triệu đồng; - Trên 01 đến 10 tỷ đồng, mức thu là: 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng); - Trên 10 đến 20 tỷ đồng, mức thu là: 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng); - Trên 20 tỷ đồng, mức thu là: 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng).		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	02 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày
Trường hợp: Đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ			
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và các tài liệu nguyên thủy của báo cáo.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài	35,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- Gửi văn bản lấy ý kiến các chuyên gia địa chất khoáng sản, cơ quan chuyên môn về các nội dung có liên quan trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. - Tổ chức kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản để làm rõ những vấn đề tồn tại, mâu thuẫn hoặc chưa rõ, làm cơ sở hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. - Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật đối với trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật để thẩm định cho từng báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (quy định tại điểm b khoản 4 Điều 54 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ). - Tổ chức phiên họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật. - Gửi văn bản thông báo kết luận của Chủ tịch Hội đồng, kèm theo biên bản họp Hội đồng đến tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	nguyên nước; - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ chấp thuận nội dung điều chỉnh đề án thăm dò khoáng sản. cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B9.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,5 ngày
B11.1	UBND Thành phố xem xét, quyết định ban hành Văn bản chấp thuận nội dung điều chỉnh đề án thăm dò khoáng sản.	UBND Thành phố	7,0 ngày làm việc
B12.1	- Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	- Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả	TTPVHCC	2,0 ngày làm việc
Trường hợp: Đối với khoáng sản nhóm III			
B4.1	- Kiểm tra nội dung hồ sơ, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và các tài liệu nguyên thủy của báo cáo. - Gửi văn bản lấy ý kiến các chuyên gia địa chất khoáng sản, cơ quan chuyên môn về các nội dung có liên quan trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. - Tổ chức kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, để làm rõ những vấn đề tồn tại, mâu thuẫn hoặc chưa rõ, làm cơ sở hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. - Trong trường hợp cần thiết, báo cáo, trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan của Thành phố và một số chuyên gia có chuyên môn về thăm dò khoáng sản để thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trước khi công nhận kết quả thăm dò khoáng sản. - Tổ chức phiên họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước; - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	22,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- Gửi văn bản thông báo kết luận của Chủ tịch Hội đồng, kèm theo biên bản họp Hội đồng đến tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ công nhận kết quả thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B9.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,5 ngày
B11.1	UBND Thành phố xem xét, quyết định công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	UBND Thành phố	7,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công;	- Sở NN&MT; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	Sở NN&MT; Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm là 24 ngày làm việc)</i> - B5.1: 18,0 ngày làm việc - B6.1: 1,0 ngày làm việc - B7.1: 2,0 ngày làm việc - B8.1: 1,0 ngày làm việc - B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 0,5 ngày - B11.1: 7,0 ngày làm việc - B12.1: 2,0 ngày làm việc - B13.1: 1.0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	-Mẫu số 08 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung (Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025); -Mẫu số 03 - Phụ lục VI: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với các loại khoáng sản rắn (Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025). -Mẫu số 04 - Phụ lục VI: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên (Ban hành kèm theo		

	Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025). - Quyết định công nhận báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với các loại khoáng sản rắn thuộc thẩm quyền công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 25 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026). - Quyết định công nhận báo cáo kết quả thăm dò, thăm dò bổ sung đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên (Mẫu số 26 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

Mẫu số 08 - Phụ lục I

*(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN/ THĂM DÒ BỔ SUNG

Kính gửi: (*Tên cơ quan có thẩm quyền*⁶⁷).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*).....

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁶⁸ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(*Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh*).....; hoặc Căn cước công dân⁶⁹ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã hoàn thành công tác thi công các công trình thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày.... tháng..... năm..... của(*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*)...../ Văn bản chấp thuận thăm dò bổ sung đề ⁷⁰ trong phạm vi khu vực được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày.... tháng.... năm.... của(*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác*).....) và đã lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung(*tên báo cáo*)..... theo quy định.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... đề nghị(*Tên cơ quan có thẩm quyền*⁷¹)..... thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung theo báo cáo(*tên báo cáo*).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết các nội dung, thông tin trong

⁶⁷ Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁶⁸ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài.

⁶⁹ Áp dụng đối với cá nhân.

⁷⁰ Nêu mục đích của thăm dò bổ sung.

⁷¹ Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

hồ sơ đề nghị công nhận nhận kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung gửi kèm theo văn bản này và các tài liệu nguyên thủy sử dụng để lập báo cáo là trung thực, chính xác, đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03 - Phụ lục IV

*(ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(THĂM DÒ BỔ SUNG)**

.....(tên khoáng sản)....., tại khu vực....., ...(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

Địa danh, tháng... năm...

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Tác giả:.....

Chủ biên:

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(THĂM DÒ BỔ SUNG)**

.....(*tên khoáng sản*)....., tại khu vực, ...(*tên cấp xã*).....,
.....(*tên cấp tỉnh*).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(*Chức danh*)

ĐƠN VỊ THI CÔNG ĐỀ ÁN
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(nếu có)
(*Chức danh*)

Ký, đóng dấu
(*Họ và tên*)

Ký, đóng dấu
(*Họ và tên*)

Địa danh, tháng..... năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

- Cơ sở pháp lý thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung).
- Chủ đầu tư, đơn vị thi công đề án thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung), cơ quan giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung).
- Mục tiêu và nhiệm vụ của công tác thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung), thời gian thực hiện.
- Phương pháp, khối lượng công trình thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung), chủ yếu đã hoàn thành, trữ lượng đạt được.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN (THĂM DÒ BỔ SUNG)

- Vị trí hành chính và địa lý của khu vực thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung), ranh giới và diện tích thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung).
- Khái quát về địa hình, khí hậu, mạng lưới sông suối, tình hình dân cư, kinh tế, văn hóa. Điều kiện giao thông vận tải, cơ sở công nghiệp, nông nghiệp.
- Khái quát công tác nghiên cứu địa chất khu vực, lịch sử phát hiện, công tác điều tra, tìm kiếm và thăm dò khoáng sản đã tiến hành trước đây và hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản (nếu có).

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO ĐỊA CHẤT MỎ

- Khái quát về vị trí khu vực thăm dò khoáng sản trong cấu trúc địa chất chung của vùng (khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo...);
- Đặc điểm địa chất mỏ: nêu chi tiết về đặc điểm địa tầng, magma, kiến tạo và các yếu tố khống chế các thân quặng (thân nguyên liệu).
- Đặc điểm các thân quặng: Số lượng, vị trí phân bố (từ dưới lên trên), mối liên kết của các thân quặng theo đường phương và hướng cắm.
- Khái quát đặc điểm cấu tạo từng thân quặng: Vị trí, diện phân bố, hình dáng, chiều dày, kích thước theo đường phương (từ tuyến...đến tuyến), hướng dốc, thế nằm, đặc điểm vót nhọn, công trình khống chế (trên mặt và dưới sâu). Trình bày đặc điểm biến đổi các thông số chiều dày theo công trình (min, max, TB, hệ số biến thiên V_m) của thân quặng trong không gian, sự phân bố các thành phần có ích chính, đi kèm, các tạp chất có hại (min, max, TB, hệ số biến thiên hàm lượng V_c), đặc điểm phân bố các khoáng quặng giàu, quặng nghèo, mối quan hệ giữa thân quặng và đá vây quanh. Thành phần và đặc điểm phân bố các lớp kẹp không chứa quặng hoặc quặng không đạt chỉ tiêu tính trữ lượng, tỷ lệ của

chúng trong thân quặng. Đặc điểm phong hóa, sự biến đổi nguyên sinh và thứ sinh của khoáng sản và đá vây quanh, cuối phần này phải lập bảng thể hiện các thông số cơ bản của thân quặng đã mô tả.

Nhận định về nguồn gốc thành tạo quặng qua các tài liệu nghiên cứu, tài liệu thăm dò, khai thác ở mỏ và các khu vực lân cận, các khu vực có điều kiện địa chất tương tự.

Đối với mỏ có biểu hiện karst ngầm hoặc lộ trên mặt phải lý giải các phương pháp xác định mức độ karst.

Đối với mỏ sa khoáng, phải mô tả đặc điểm địa mạo (cổ địa lý) tích tụ sa khoáng; điều kiện thể nằm của sa khoáng; đặc điểm hình dáng, kích thước, cấu tạo và thành phần của thân sa khoáng; thành phần và chiều dày lớp phủ; cấu tạo địa chất đáy thân sa khoáng; hàm lượng các thành phần có ích chính trong cát quặng, trong lớp phủ và trong tầng đá lót đáy; hình dáng, kích thước, mức độ mài tròn các khoáng vật có ích; hàm lượng các thành phần chứa trong khoáng vật (túi vàng đối với vàng sa khoáng); thành phần cấp hạt, độ chứa sét, chứa đá tảng, mức độ chứa nước...

Đối với mỏ than phải thống kê số lượng vỉa đã phát hiện có thể khai thác, không khai thác. Đối với các vỉa có thể khai thác cần mô tả chi tiết vị trí, chiều sâu, đặc tính đất đá vách, trụ vỉa than, các dấu hiệu để nối vỉa, công trình không chế. Đối với các vỉa đang khai thác cần chỉ dẫn diện tích và độ sâu khai thác; chiều dày, cấu tạo vỉa; so sánh kết quả khai thác với kết quả thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 3

CÔNG TÁC THĂM DÒ ĐỊA CHẤT VÀ CÁC VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công tác thăm dò địa chất

- Cơ sở phân chia nhóm mỏ thăm dò cần căn cứ trên cơ sở đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ, kết quả thống kê và địa thống kê một số thông số đặc trưng thân quặng như chiều dày, hàm lượng, tính đẳng hướng, dị hướng, bán kính đới ảnh hưởng....;

- Mạng lưới công trình thăm dò đã được áp dụng cho từng cấp trữ lượng, cách thức bố trí công trình thăm dò, dạng công trình thăm dò,...;

- Đánh giá sự phù hợp của nhóm mỏ thăm dò, mạng lưới bố trí công trình thăm dò so với quy định và kết quả đạt được so với Đề án.

- Báo cáo chi tiết hệ phương pháp, khối lượng đã thực hiện và kết quả đạt được theo các yêu cầu như sau:

1.1. Công tác trắc địa

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện;

b) Nội dung công tác kỹ thuật

- Thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao: Nêu điểm gốc nhà nước, từng loại lưới khống chế mặt phẳng, độ cao đã thành lập; thiết bị sử dụng đo, phương pháp đo, phương pháp tính toán, bình sai; so sánh kết quả độ chính xác lưới sau bình sai với chỉ tiêu kỹ thuật cho phép theo quy định hiện hành.

- Thành lập bản đồ địa hình: Nêu phương pháp đo, thiết bị thành lập bản đồ địa hình; tỷ lệ bản đồ, khoảng cao đều, múi chiếu và kinh tuyến trục, diện tích thăm dò; mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ,... Nêu một số đặc điểm chính về địa hình, địa vật và hiện trạng nổi bật trong khu thăm dò.

- Công tác trắc địa công trình: Phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế ra thực địa và đo thu về bản đồ, khối lượng công trình chủ yếu và thứ yếu; phương pháp định tuyến, đo vẽ mặt cắt tuyến thăm dò; bổ sung công tác xác định các công trình cũ (nếu có), ...

- Đánh giá chung về khối lượng, chất lượng công tác trắc địa và kết quả đạt được; So sánh với đề án thăm dò.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Các file gốc đo lưới khống chế mặt phẳng và độ cao bằng công nghệ GPS, cùng sổ đo trạm máy; Sổ đo lưới khống chế mặt phẳng và độ cao (nếu đo bằng phương pháp truyền thống); Các file điểm đo chi tiết địa hình, đo mặt cắt được trút ra từ máy toàn đạc điện tử và in nộp sổ đo; Sổ đo điểm công trình địa chất; Sổ đo thủy chuẩn (nếu dẫn độ cao bằng phương pháp đo cao hình học); Phiếu cấp tọa độ, độ cao các điểm gốc và bản đồ địa hình (nếu có); Phiếu kiểm định máy đo đạc.

- Tài liệu tổng hợp: Bảng tính toán bình sai lưới khống chế mặt phẳng, độ cao; Bảng tính bình sai lưới thủy chuẩn (nếu có); Bảng tính tọa độ và độ cao công trình; Bảng thống kê tọa độ, độ cao các điểm lưới khống chế mặt phẳng, độ cao đã thành lập; Bảng thống kê tọa độ, độ cao công trình địa chất và bảng thống kê tọa độ, độ cao các điểm đo chi tiết địa hình, điểm đo mặt cắt (nếu có); Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao; Bản đồ địa hình; Mặt cắt địa hình (nếu có); Lập phụ lục riêng cho công tác trắc địa.

1.2. Công tác địa chất

Gồm các dạng công việc: Đo vẽ lập bản đồ địa chất khoáng sản và các dạng công việc khác như địa hóa, trọng sa, nghiên cứu chuyên đề ... (nếu có).

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của các dạng công việc đã thực hiện.

b) Nội dung công tác kỹ thuật

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện, đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thẩm dò.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký địa chất và bản đồ hành trình kèm theo; Bản đồ hoặc sơ đồ bố trí công trình thực tế; Các sổ thống kê mẫu, thống kê công trình thẩm dò; Ảnh chụp vết lộ quan trọng.

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục kèm theo báo cáo.

1.3. Công tác địa vật lý

a) Công tác địa vật lý chung:

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng, phương pháp tiến hành; máy móc, thiết bị sử dụng; chất lượng tài liệu, đánh giá kết quả đạt được và hiệu quả từng phương pháp.

b) Công tác địa vật lý lỗ khoan:

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ của công tác địa vật lý lỗ khoan đã được phê duyệt trong Đề án; Khối lượng đã thực hiện; Tổ hợp phương pháp thi công; Máy móc, thiết bị đã huy động thực hiện trong Đề án; Kỹ thuật thi công của từng phương pháp; Kết quả kiểm soát chất lượng của từng phương pháp; Phương pháp phân tích tài liệu, xây dựng thiết đồ địa vật lý lỗ khoan; Kết quả địa chất đạt được của công tác địa vật lý; Đánh giá hiệu quả của tổ hợp phương pháp; xác lập cột địa tầng địa vật lý lỗ khoan và so sánh với cột địa tầng thực tế khoan; mức độ sử dụng kết quả địa vật lý lỗ khoan trong việc xác định chiều dày và tính trữ lượng...

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đo các phương pháp địa vật lý thực hiện trong đề án thẩm dò khoáng sản (điện, từ, xạ, trọng lực...); Các tài liệu hiệu chuẩn, kiểm chuẩn thiết bị địa vật lý theo quy định; Các sổ đo kiểm tra, sổ đánh giá chất lượng tài liệu thực địa; Nhật ký đo carota lỗ khoan; Các file kết quả đo địa vật lý lưu trên thiết bị đo hoặc máy tính; Các tài liệu thực tế hàng ngày, từng hành trình biểu diễn dưới dạng đường cong, sơ đồ, đồ thị, mặt cắt tương ứng với từng phương pháp thi công thực tế; Bảng tính sai số đo kiểm tra của toàn bộ lỗ khoan đo địa vật lý; Tập thiết đồ nguyên thủy của từng lỗ khoan.

- Tài liệu tổng hợp: Báo cáo thuyết minh và các bản vẽ phân tích, xử lý tương ứng với từng phương pháp đã thi công theo quy định địa vật lý hiện hành; Lập phụ lục riêng về công tác địa vật lý.

- Báo cáo nội dung và kết quả thi công công tác địa vật lý đã thi công

1.4. Thi công công trình thẩm dò

a) Công trình khai đào:

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí công trình; khối lượng đã thực hiện; quy cách kỹ thuật áp dụng và đánh giá hiệu quả, kết quả từng loại hình công trình.

b) Công trình khoan:

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và bố trí mạng lưới công trình khoan; thiết bị và công nghệ khoan, kết cấu và độ sâu các lỗ khoan; số lượng và khối lượng khoan, trạng thái lỗ khoan; tỷ lệ thu hồi mẫu lõi khoan qua đá, lõi khoan qua quặng (có thể tính theo trọng lượng hoặc thể tích đối với khoan lấy mẫu sa khoáng). Đánh giá hiệu quả công trình khoan lấy mẫu phục vụ công tác nghiên cứu địa chất và tính trữ lượng.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đăng ký công trình; Thiết đồ công trình khai đào (vết lộ, hố, hào, giếng, lò); Sổ theo dõi địa chất lỗ khoan; Nhật ký khoan (sổ khoan); Thiết đồ lỗ khoan tổng hợp; Ảnh chụp mẫu công trình khai đào, mẫu lõi khoan.

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục kèm theo báo cáo

1.5. Công tác lấy, gia công và phân tích mẫu

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của từng loại mẫu về các phương pháp lấy, gia công, phân tích mẫu đã áp dụng: chủng loại, số lượng, kích thước, khoảng cách giữa các mẫu, sơ đồ gia công mẫu phân tích định lượng, phương pháp phân tích, số lượng mẫu kiểm tra; kết quả kiểm tra, đánh giá sai số và khả năng sử dụng số liệu phân tích trong việc luận giải và tính trữ lượng khoáng sản.

b) Nội dung kỹ thuật

- Lấy mẫu: Mô tả chính xác quá trình lấy mẫu đã thực hiện. Đối với mỗi loại mẫu cần nêu được mục đích, vị trí, cách thức, khối lượng mẫu (kích thước), số lượng (tất cả quá trình này đều phải phù hợp với hồ sơ ghi chép thực tế).

- Gia công mẫu: nêu rõ quy trình gia công, sơ đồ rút gọn mẫu thực tế.

- Phân tích mẫu: nêu đầy đủ chỉ tiêu phân tích, phương pháp phân tích, số lượng mẫu, tên phòng thí nghiệm thực hiện đối với mỗi loại mẫu.

- Đánh giá chất lượng kết quả phân tích mẫu: tuân thủ theo các quy định hiện hành về loại mẫu kiểm soát, số lượng, bảng tính toán sai số.

c) Các sản phẩm

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ lấy mẫu; Sổ đăng ký mẫu gia công, phân tích; Phiếu gửi mẫu; Phiếu chứng nhận kết quả thử nghiệm.

- Tài liệu tổng hợp: Sổ tổng hợp các loại mẫu; Phụ lục thống kê, đánh giá sai số theo biểu mẫu quy định.

2. Các vấn đề về bảo vệ tài nguyên, môi trường

Các loại mẫu đã lấy để thí nghiệm, xác định sự có mặt của các khoáng sản khác, khoáng sản quý hiếm, phóng xạ... để đề xuất phương án thu hồi, bảo vệ khi khai thác khoáng sản chính.

Ảnh hưởng của công tác thăm dò khoáng sản đến môi trường xung quanh được phản ánh thông qua mức độ biến đổi cảnh quan thiên nhiên trong vùng, sự thay đổi chế độ nước mặt, nước ngầm, sự nhiễm bẩn bầu khí quyển, thủy quyển và giảm độ phì nhiêu của đất trồng và các ảnh hưởng tiêu cực khác.

Các giải pháp làm giảm thiểu tác động môi trường đã được thực hiện.

3. Những thay đổi về diện tích thăm dò khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản

Nêu rõ những thay đổi về diện tích thăm dò khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản so với đề án thăm dò khoáng sản được phê duyệt (nếu có); nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi đó.

CHƯƠNG 4

ĐẶC ĐIỂM CHẤT LƯỢNG VÀ TÍNH CHẤT CÔNG NGHỆ CỦA KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm chất lượng khoáng sản

- Phân chia các loại, kiểu quặng tự nhiên và công nghiệp;
- Thành phần khoáng vật quặng chính, đi kèm và phi quặng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ.

- Các tính chất về cơ lý, cấu tạo, kiến trúc và các đặc điểm khác. Quy luật phân bố các loại, kiểu quặng tự nhiên, hạng quặng công nghiệp và tỷ lệ của chúng trong phạm vi mỏ (khoảnh mỏ, khu mỏ, phân khu mỏ) và trong từng thân khoáng. Sự biến đổi thành phần và tính chất cơ lý của quặng trong đới phong hóa (oxy hóa), độ sâu phát triển của đới này. Các tiêu chuẩn phân chia theo mức độ phong hóa.

- Thành phần hóa: Sự biến đổi thành phần chính theo mẫu đơn, theo công trình (trên mặt và dưới sâu), theo khối tính trữ lượng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ; hàm lượng các nguyên tố, thành phần có ích chính và tạp chất có hại (theo mẫu nhóm, theo khối trữ lượng). Xác định mối tương quan giữa các thành phần có ích chính và đi kèm. Đánh giá khả năng khai thác lựa chọn và chế biến các loại, kiểu quặng công nghiệp, các thành phần chính và đi kèm.

- Đối với than, cần thống kê và đánh giá số lượng, chất lượng công tác lấy, phân tích mẫu; đánh giá trạng thái tự nhiên và tính chất vật lý, thành phần thạch học của than theo từng vỉa than; phương pháp tính và xác định độ tro trung bình,

độ tro hàng hóa; thành phần tro, độ nóng chảy của tro than; thành phần lưu huỳnh, photpho đối với than giàu lưu huỳnh, photpho...; tính chất cơ lý của than như tỷ trọng, độ kiên cố, độ bền cơ học (riêng cho từng loại ôxy hóa và chưa ôxy hóa).

Đối với vỉa phức tạp cần mô tả chi tiết thành phần, cấu tạo địa chất, đặc tính cơ lý các lớp đá kẹp; mức độ thay đổi thành phần và tính chất của than khi đi ngoài trời; đánh giá sự có mặt của các khoáng sản có ích trong than, lớp phủ, đá vây quanh (nếu có).

Kiến nghị về phương pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên than đã thăm dò; sản phẩm đi kèm (nếu có).

2. Tính chất công nghệ của quặng

- Phương pháp lấy mẫu và nghiên cứu thí nghiệm tính chất công nghệ của quặng. Tính đại diện của mẫu về khối lượng, vị trí không gian, thành phần vật chất, hàm lượng các thành phần có ích chính, đi kèm và các chỉ tiêu khác đối với thân quặng, toàn mỏ.

- Kết quả nghiên cứu tính chất công nghệ của khoáng sản ở quy mô phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm mở rộng (bán công nghiệp). công nghiệp vv.

- Các tổ chức thực hiện chương trình nghiên cứu và kết quả đạt được.

- Kết luận về tính chất công nghệ, khả năng làm giàu, chế biến và sử dụng trong công nghiệp.

- Đánh giá mức độ sử dụng kết quả nghiên cứu mẫu công nghệ để thiết kế sơ đồ công nghệ chế biến thu hồi tổng hợp các thành phần có ích. So sánh các thông số kinh tế - kỹ thuật thu được với các chỉ tiêu của nhà máy chế biến nguyên liệu khoáng có thành phần tương tự ở trong nước và ở nước ngoài.

CHƯƠNG 5

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT THỦY VĂN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

1. Công tác đo vẽ địa chất thủy văn, địa chất công trình

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của các công tác nghiên cứu địa chất thủy văn (trong mẫu này gọi tắt là ĐCTV) và địa chất công trình (trong mẫu này gọi tắt là ĐCCT) đã tiến hành.

b) Nội dung công tác kỹ thuật

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện (Đo vẽ lập sơ đồ, bản đồ ĐCTV - ĐCCT; khoan ĐCTV - ĐCCT chuyên môn; quan trắc đơn giản ĐCTV - ĐCCT; quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm tại các trạm; bơm nước thí nghiệm; mức nước thí nghiệm; công tác lấy, gia công,

phân tích mẫu cơ lý đất đá, nước, vi sinh...); đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò khoáng sản.

c) Các sản phẩm

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký ĐCTV - ĐCCT và bản đồ tài liệu thực tế kèm theo; Các mặt cắt ĐCTV - ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV - ĐCCT; Các loại sổ liên quan đến các công tác ĐCTV - ĐCCT đã thực hiện (Sổ quan trắc ĐCTV - ĐCCT công trình khoan, khai đào; Sổ bơm nước thí nghiệm lỗ khoan; Sổ đổ nước thí nghiệm; Sổ quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm; Sổ tổng hợp Tài liệu khí tượng thủy văn; Sổ lấy mẫu cơ lý đất, Sổ lấy mẫu cơ lý đá, Sổ lấy mẫu nước, Sổ lấy mẫu vi sinh...).

- Tài liệu tổng hợp: Lập Phụ lục công tác ĐCTV - ĐCCT kèm theo.

2. Đặc điểm địa chất thủy văn

a. Đặc điểm nước mặt

- Mạng lưới sông, suối; chiều dài, rộng và sâu của sông, suối; độ dốc lòng sông mức độ uốn khúc đặc điểm phù sa của sông, suối...

- Độ cao mực nước sông, suối; lưu lượng nước vào mùa khô, mùa mưa, sự biến đổi hàng tháng của sông, suối.

- Chế độ lũ lụt và diện tích bị ngập nước. Đặc điểm các dòng chảy tạm thời như ao, hồ, đầm lầy v.v... và sự ảnh hưởng của chúng đối với khai thác mỏ.

b. Đặc điểm nước ngầm

- Phân chia phức hệ ĐCTV, mô tả các đơn vị chứa nước theo thứ tự tuổi địa tầng từ trẻ đến già. Diện tích phân bố, thành phần thạch học, khoáng vật của đá, thành phần hạt, tính phân lớp, độ nứt nẻ, mức độ karst hóa, vật chất đầm lầy, hang hốc karst và khe nứt, sản trạng và chiều dày của lớp.

- Tính chất vật lý và tính thấm nước của đá chứa nước, độ phong phú của nước. Tính chất thủy lực (không áp, có áp). Chiều sâu mực nước ngầm (hay mực áp lực) và động thái của chúng. Mức độ chênh lệch của mực nước (mực áp lực) so với gốc xâm thực địa phương và so với mức sâu nhất dự kiến khai thác. Sự liên hệ thủy lực giữa các tầng chứa nước và giữa nước mặt và nước ngầm.

- Đặc tính ĐCTV của đới phong hóa, của đới phá hủy kiến tạo và các đứt gãy lớn cắt qua các thân khoáng.

- Đặc điểm các tầng (lớp) cách nước.

- Đánh giá các nguồn nước và dự tính lượng nước có thể chảy vào mỏ. Khi tính toán phải căn cứ vào đặc điểm nguồn nước và dựa vào các mặt cắt ĐCTV để chọn sơ đồ, phương pháp và công thức tính phù hợp. Khi trong vùng nghiên cứu có mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCTV tương tự với mỏ thăm dò thì nhất thiết phải sử dụng các số liệu thực tế về lượng nước chảy vào mỏ để đánh giá

điều kiện ĐCTV của mỏ thăm dò. So sánh kết quả tính toán với số liệu thực tế để tìm hiểu nguyên nhân khắc phục. Đánh giá mức độ tin cậy của các số liệu tính toán.

- Dự đoán khả năng nước chảy vào mỏ khi hoạt động khai thác tiến đến gần sông, hồ, các công trình chứa nước hoặc các giếng khai thác cũ chứa nước. Khả năng bực nước chảy vào mỏ khi khai thác, biện pháp xử lý.

- Đánh giá các nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước kỹ thuật.

- Xác định số lượng và chất lượng của nguồn nước mặt và nước ngầm. Tính chất vật lý và thành phần hóa học của nước. Hàm lượng chất độc hại và lượng vi trùng trong nước. Đánh giá tính chất ăn mòn của nước đối với bê tông và kim loại. Khả năng sử dụng nước tháo khô mỏ vào mục đích cấp nước sinh hoạt. Điều kiện bảo vệ vệ sinh các nguồn nước cấp cho ăn uống.

3. Đặc điểm địa chất công trình

- Khái quát về sự phân bố các loại đất đá theo diện và theo chiều sâu trong phạm vi thăm dò. Mô tả các loại đất đá theo thứ tự từ trên xuống dưới. Trạng thái đất đá khi còn tươi và khi đã bị phong hóa. Tính chất cơ lý của đất, đá nửa cứng, đá cứng, đặc biệt ở trụ và vách, quặng. Tính chất cơ lý của đất đá trong đới phá hủy, đới phong hóa. Phương pháp nghiên cứu thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý, đánh giá mức độ tin cậy của các kết quả thu được. So sánh các kết quả thí nghiệm trong phòng và ngoài trời (nếu có). Đối chiếu các số liệu thí nghiệm với số liệu của mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCCT tương tự.

- Các hiện tượng địa chất tự nhiên và ĐCCT.

- Diện phân bố, quy mô và giai đoạn phát triển, điều kiện và nguyên nhân phát sinh (trượt lở, nương xói, karst, xói ngầm, bùng nền...). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển các hiện tượng. Mức độ nguy hại của chúng đối với xây dựng và khai thác mỏ. Biện pháp ngăn ngừa và xử lý.

4. Điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ

- Khái quát cơ sở hạ tầng khu mỏ, mô tả các điều kiện địa chất - khai thác của mỏ ảnh hưởng tới phương pháp, công nghệ khai thác mỏ (địa hình, chiều dày và đặc điểm thạch học của trầm tích phủ, mức độ phức tạp về cấu tạo thân khoáng, chiều dày và sự biến đổi của chúng).

- Đối với mỏ dự kiến khai thác lộ thiên cần có các số liệu về tính chất, thành phần và chiều dày của đất đá phủ. Đặc điểm phong hóa, thành phần thạch học, đặc điểm phân lớp, hướng cắm và góc dốc của vỉa... làm căn cứ để tính toán xác định hệ số bóc trung bình, tối đa, góc dốc bờ tầng, bờ moong khai trường.

- Đối với mỏ dự kiến khai thác hầm lò, mô tả các tính chất cơ lý của đá vách, đá trụ và thân khoáng cũng như đất đá trong đới mềm yếu (đới phong hóa, karst, đới dập vỡ kiến tạo...) cho phép tính toán, xác định áp lực đá lên nóc, đáy

và hông lò và lên thành giếng mỏ. Các yếu tố khác làm phức tạp hóa trong quá trình khai thác như: mức độ karst, cát chảy, bụi nước, khí độc hại, mức độ chứa phóng xạ của quặng và đất đá vây quanh, sự có mặt của các hợp chất độc hại, mức độ độc hại của bụi khi tiến hành công tác khai thác và các yếu tố khác ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

- Phạm vi diện tích không chứa khoáng sản cho phép bố trí các hạng mục công trình sản xuất và sinh hoạt cũng như sử dụng làm bãi thải.

CHƯƠNG 6

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHÍ MỎ

**(đối với các báo cáo kết quả thăm dò có công tác nghiên cứu khí mỏ
theo đề án thăm dò, thăm dò bổ sung)**

1. Phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu

- Nêu rõ phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu, thiết bị nghiên cứu.
- Phòng thí nghiệm phân tích mẫu khí qua các giai đoạn.

2. Khối lượng, chất lượng công tác nghiên cứu khí

- Khối lượng các mẫu khí (định tính, định lượng) qua các giai đoạn thăm dò khoáng sản.

- Chất lượng các mẫu khí.

3. Đặc điểm phân bố khí và xếp hạng cấp khí mỏ

a) Kết quả nghiên cứu khí và xếp hạng cấp khí mỏ.

- Hàm lượng các chất khí (CO_2 , H_2 , CH_4 , $\text{CH}_4 + \text{H}_2$).
- Độ chứa khí tự nhiên (CO_2 , H_2 , CH_4 , $\text{CH}_4 + \text{H}_2$).

b) Kết quả nghiên cứu khí theo các công trình khác.

c) Kết quả nghiên cứu khí theo mức cao của báo cáo thăm dò.

d) Đặc điểm phân bố khí.

e) Phân loại mỏ theo cấp khí:

- Cơ sở pháp lý về phân cấp khí mỏ.
- Phân cấp khí mỏ theo kết quả thăm dò.
- Phân cấp khí mỏ theo Bộ Công Thương qua các năm.
- Kết quả phân cấp khí mỏ theo kết quả tổng hợp.

g) Những vấn đề cần quan tâm trong quá trình khai thác mỏ.

- Về trang thiết bị điện trong mỏ.
- Về đo khí trong mỏ (thiết bị cầm tay, hệ thống cảnh báo khí).
- Về công tác thông gió mỏ.

CHƯƠNG 7

CÔNG TÁC TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

- Chỉ tiêu dùng để tính trữ lượng khoáng sản theo báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản;
- Luận giải về tính hợp lý của phương pháp tính trữ lượng khoáng sản được áp dụng;
- Nguyên tắc, cách thức khoanh nội thân khoáng tính trữ lượng;
- Phân khối và xếp cấp trữ lượng khoáng sản.
- Xác định các thông số tính trữ lượng khoáng sản.
- Kết quả tính trữ lượng khoáng sản chính, khoáng sản và thành phần có ích đi kèm (nếu có); khối lượng đất bóc, đá kẹp đối với khu vực dự kiến khai thác bằng phương pháp lộ thiên.

Trong trường hợp sử dụng phần mềm chuyên dùng để tính trữ lượng khoáng sản, cần phải mô tả phương pháp, quy trình tính toán đảm bảo khả năng xem xét, kiểm tra và hiệu chỉnh các cơ sở dữ liệu (database) như: tọa độ công trình thăm dò khoáng sản, dữ liệu lỗ khoan, các trường địa chất, vị trí và kết quả lấy mẫu; nguyên tắc nội ngoại suy, kết quả xác lập mô hình hóa thân khoáng, mô tả các đặc trưng về tính đẳng hướng, dị hướng, biểu đồ variogram, xác định kích thước các vi khối tính trữ lượng khoáng sản và các thông số liên quan (chiều dày, hàm lượng, diện tích,...).

CHƯƠNG 8

HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

- Chi phí chung cho công tác thăm dò khoáng sản, trong đó những hạng mục công việc chính được trình bày chi tiết;
- Giá thành thăm dò khoáng sản cho một tấn (một đơn vị tính) trữ lượng khoáng sản.
- Phân tích tính đúng đắn của các hệ phương pháp, khối lượng thăm dò đã được áp dụng và những đề nghị để nâng cao hiệu quả thăm dò.

KẾT LUẬN

- Trình bày tóm tắt những nội dung công việc chính đã hoàn thành;
- Kết quả chính báo cáo thăm dò khoáng sản đạt được;
- Công tác nghiên cứu chất lượng và tính chất công nghệ của quặng;
- Kết quả tính trữ lượng;
- Điều kiện ĐCTV - ĐCCT;
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các tài liệu đã xuất bản, các nguồn lưu trữ và các nguồn khác đã được sử dụng khi thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trình cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản. Nêu tên tài liệu, tác giả, năm và nơi xuất bản (thành lập).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các kết quả tính toán, phân tích

- Phụ lục 1: Báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản.
- Phụ lục 2: Công tác trắc địa (toàn bộ nội dung công tác trắc địa).
- Phụ lục 3: Kết quả phân tích các loại mẫu.
- Phụ lục 4: Kết quả tính toán (gồm sai số phân tích mẫu, thống kê hàm lượng, chiều dày theo mẫu đơn, công trình, thân quặng...).
- Phụ lục 5: Kết quả tính trữ lượng khoáng sản (gồm kết quả tính hàm lượng trung bình công trình, khối trữ lượng, thể trọng, trữ lượng, tài nguyên...).
- Phụ lục 6: Công tác ĐCTV-ĐCCT (bao gồm toàn bộ các hạng mục của thủy văn và công trình).
- Phụ lục 7: Công tác Địa vật lý (nếu có).
- Phụ lục 8: Công tác nghiên cứu khí mỏ (nếu có).
- Phụ lục 9: Kết quả thí nghiệm mẫu công nghệ hoặc báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu công nghệ.
- Phụ lục 10: Tập thiết đồ công trình (khoan, hào, giếng, lò, vết lộ).

2. Phụ lục các bản đồ, bản vẽ

Các bản đồ, bản vẽ được lập với số lượng ít nhất nhưng đảm bảo đưa vào đầy đủ các tài liệu, thông tin, số liệu thăm dò khoáng sản và thể hiện được cấu trúc, hình dáng, kích thước và thể nằm của thân khoáng, đặc điểm địa chất, ĐCTV và ĐCCT của mỏ.

Bản vẽ phải thành lập rõ ràng, chính xác, chỉ dẫn đầy đủ, đảm bảo tính thống nhất. Các bản vẽ chủ yếu trong một báo cáo có thể bao gồm:

- Bản đồ vị trí giao thông khu mỏ tỷ lệ 1:100.000 - 1.200.000 (đóng cùng thuyết minh).
- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000.
- Bản đồ địa hình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000.
- Bản đồ địa chất khu vực tỷ lệ 1:10.000 - 1:50.000 và mặt cắt qua mỏ (có thể đóng cùng thuyết minh).

- Bản đồ tài liệu thực tế địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000).

- Bản đồ địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000), kèm theo mặt cắt địa chất.

- Mặt cắt địa chất theo các tuyến thăm dò khoáng sản có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ bản đồ địa chất.

- Bình đồ địa chất, bình đồ lấy mẫu theo tầng (trong trường hợp các công trình thăm dò khoáng sản bố trí theo tầng).

- Các bình đồ đồng đẳng trụ vỉa (thân khoáng), đồng đẳng vách (đối với mỏ khai thác lộ thiên); bình đồ đồng đẳng hàm lượng thành phần có ích chính, đi kèm, tạp chất có hại; bình đồ đồng đẳng chiều dày vỉa (thân khoáng), chiều dày đất phủ. Các bình đồ này có tỷ lệ tương ứng với bản đồ địa chất mỏ.

- Biểu đồ nghiên cứu địa vật lý mỏ; bình đồ đo vẽ địa vật lý chi tiết kèm theo vị trí các tuyến; các kết quả xử lý các dị thường đã phát hiện; bình đồ tổng hợp các dị thường địa vật lý, tỷ lệ 1:2.000 - 1:10.000 dựa theo số liệu nghiên cứu, địa vật lý tổng hợp và ranh giới thân khoáng; các mặt cắt địa vật lý - địa chất; các giản đồ karota lỗ khoan.

- Các bình đồ phân khối tính trữ lượng khoáng sản, hình chiếu dọc và mặt cắt tính trữ lượng khoáng sản, bình đồ phân bố thân quặng. Trên các bản vẽ tính trữ lượng khoáng sản phải thể hiện ranh giới các khối tính trữ lượng khoáng sản. Đối với từng khối phải ghi số hiệu và cấp trữ lượng khoáng sản. Con số trữ lượng khoáng sản, hàm lượng trung bình và trữ lượng khoáng sản có ích chính và khoáng sản đi kèm hoặc các chỉ tiêu về chất lượng trung bình khác được quy định trong chỉ tiêu. Tại các mỏ đang khai thác, trên các bản vẽ này phải đưa ranh giới trữ lượng khoáng sản tính theo số liệu trắc địa mỏ.

- Bản đồ tài liệu thực tế ĐCTV - ĐCCT khu vực thăm dò khoáng sản tỷ lệ 1:1000 - 1:5000.

- Bản đồ ĐCTV khu vực thăm dò khoáng sản tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000.

- Bản đồ ĐCCT khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000.

- Các mặt cắt ĐCTV - ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV - ĐCCT.

- Các đồ thị khí tượng thủy văn; đồ thị quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm; đồ thị tổng hợp bơm nước thí nghiệm; các đồ thị quan trắc ĐCCT (quan trắc trượt lở, bùng nền lò, sụt lún mặt đất...).

3. Phụ lục luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản

3.1. Khái quát chung về khu vực thăm dò khoáng sản

- Khái quát về mỏ và khu vực thăm dò khoáng sản;
- Đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ;
- Công tác thăm dò khoáng sản đã tiến hành;

3.2. Đặc điểm chất lượng khoáng sản, tính khả thi về kỹ thuật công nghệ và cơ sở lựa chọn các giá trị giới hạn thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản

Cơ sở lựa chọn các thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản xác định trên cơ sở các số liệu về địa chất mỏ, đặc điểm địa chất các thân quặng, thành phần vật chất và tính chất công nghệ của quặng, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ thu thập được trong quá trình thăm dò khoáng sản; các tiêu chuẩn nhà nước, tiêu chuẩn ngành, các yêu cầu công nghiệp và các chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản áp dụng cho các mỏ có cấu tạo địa chất, thành phần vật chất và điều kiện khai thác tương tự đang khai thác hoặc đã thăm dò trong vùng. Kết quả dự tính trữ lượng theo chỉ tiêu dự kiến.

3.3. Luận giải các thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản a) Chỉ tiêu về chất lượng khoáng sản

- Hàm lượng biên của các thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng biên của các thành phần có ích quy định cho mẫu đơn khi ranh giới thân quặng không rõ ràng;

- Hàm lượng công nghiệp tối thiểu của thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng công nghiệp tối thiểu quy định cho các khối tính trữ lượng khoáng sản. Trường hợp đặc biệt có thể quy định cho nhóm khối trữ lượng khoáng sản hoặc toàn mỏ; (xem lại khái niệm hàm lượng CN (trung bình khối để trình bày lại nội dung này

- Hàm lượng tối đa đối với thành phần có hại. Chỉ tiêu này quy định cho mẫu đơn và khối tính trữ lượng khoáng sản hoặc toàn mỏ;

- Hệ số chứa quặng tối thiểu trong khối tính trữ lượng khoáng sản. Chỉ tiêu này áp dụng cho các mỏ có sự phân bố khoáng sản có ích không liên tục hoặc dạng ổ, mạng mạch stocvet, khi trữ lượng khoáng sản đạt chỉ tiêu không thể khoan nổi riêng trên cơ sở chỉ tiêu công nghiệp và điều kiện iện kinh tế kỹ thuật khai thác mỏ và việc tính trữ lượng khoáng sản phải thực hiện bằng phương pháp xác suất.

b) Chỉ tiêu về chiều dày tính trữ lượng khoáng sản

- Chiều dày tối thiểu thân quặng (via, thân, mạch quặng, hoặc tích mét phần trăm tối thiểu hoặc gam.met tối thiểu);

- Chiều dày tối đa cho phép của lớp đá hoặc quặng không đạt chỉ tiêu nằm bên trong thân quặng được khoan vào ranh giới tính trữ lượng khoáng sản;

- Chiều sâu tối đa tính trữ lượng khoáng sản, chiều dày giới hạn của đá phủ hoặc hệ số bóc đất tối đa.

Ngoài các nội dung nêu trên, tùy thuộc vào đặc điểm cấu tạo địa chất, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ, loại khoáng sản, thành phần vật chất khoáng sản, lĩnh vực sử dụng và yêu cầu công nghiệp cần bổ sung thêm các quy định vào chỉ tiêu cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Kết quả tính trữ lượng khoáng sản theo các phương án hàm lượng đã lựa chọn; so sánh và đề xuất chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản tối ưu cho mỏ.

Mẫu số 25 - Phụ lục III

*(ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UBND

Địa danh, ngày..... tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản**

**mở(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....
(Trừ lượng tính đến tháng năm)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương..... ngày.... tháng năm
.....;*

*Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và
khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định ... (trích Thông tư quy định về
biểu mẫu....);*

*Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về ... (trích Thông tư quy định
về phân cấp trữ lượng và tài nguyên ...);*

*Căn cứ Quyết định số ngày tháng... năm của Ủy ban nhân dân
tỉnh (thành phố)... ban hành quy chế của Hội đồng tư vấn thăm dò khoáng sản.*

*Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ...
của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá
nhân).....;*

*Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn tỉnh (thành phố)..... tại phiên họp
ngày.... tháng..... năm..... và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;*

Xét hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại; Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/ thăm dò bổ sung theo “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tại khu vực(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....”, với các nội dung chính sau đây:

1. Diện tích khu vực công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/ thăm dò bổ sung là ha (*Bằng chữ.....*), có tọa độ xác định tại Phụ lục I và Bình đồ phân khối trữ lượng (Bình đồ phân bố thân quặng) kèm theo Quyết định này.

2. Công nhận trữ lượng khoáng sản.....(*tên khoáng sản*)..... đã tính trong báo cáo, bao gồm:

Cấp 121: tấn (hoặc m³).

Cấp 122: tấn (hoặc m³).

3. Tài nguyên cấp 333:..... tấn (hoặc m³).

4. Các khoáng sản đi kèm (nếu có):

Trữ lượng cấp 121: tấn (hoặc m³).

Trữ lượng cấp 122: tấn (hoặc m³).

5. Mức sâu thấp nhất các khối trữ lượng; thống kê chi tiết trữ lượng khoáng sản theo khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*tên tổ chức, cá nhân*)....., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT tỉnh.....;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng Hội đồng ĐGTLKSQG;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị PDDL;
- Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng địa chất;
- Lưu VT, lưu trữ.....

CHỦ TỊCH

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Phụ lục I

**TỌA ĐỘ KHU VỰC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN/THĂM DÒ BỔ SUNG**

**khoáng sản(tên khoáng sản).... tại(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ- UBND ngày ... tháng ... năm.....
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN2000	
	Kinh tuyến trực ..., múi chiếu 3 ⁰	
	X(m)	Y(m)
Diện tích: ... ha		

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Phụ lục II

THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

**khoáng sản(tên khoáng sản).... tại(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm.....
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất (m)	Trữ lượng (tấn/m ³ /...)	Ghi chú (nếu có)
1	1-121			
2	2-121			
...	...			
Tổng 121				
	1-122			
	2-122			
				
Tổng 122				
121+122				

Mẫu số 26 - Phụ lục III

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Địa danh, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả thăm dò nước nóng thiên nhiên/
nước khoáng thiên nhiên tại lỗ khoan(tên lỗ khoan).....
tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
(Trữ lượng tính đến tháng năm)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và
khoáng sản;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương..... ngày.... tháng năm
.....;*

*Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định ...(trích Thông tư quy định
biểu mẫu ...);*

*Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định ...(trích Thông tư quy định về
phân cấp trữ lượng và tài nguyên ...);*

*Căn cứ Quyết định số ngày tháng... năm của Ủy ban nhân dân
tỉnh (thành phố) ban hành quy chế của Hội đồng tư vấn thăm dò khoáng sản.*

*Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ...
của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá
nhân).....;*

*Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn thăm dò khoáng sản tỉnh (thành
phố)..... tại phiên họp ngày.... tháng..... năm..... và phiếu đánh giá của các Ủy
viên Hội đồng;*

Xét hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/ thăm dò bổ sung của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/ thăm dò bổ sung nước nóng thiên nhiên/ nước khoáng thiên nhiên tại lỗ khoan(tên lỗ khoan)..... theo “Báo cáo kết quả thăm dò nước nóng thiên nhiên/ nước khoáng thiên nhiên tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....”, với các nội dung chính sau đây:

1. Tọa độ lỗ khoan(tên lỗ khoan)..... được xác định theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực ... , múi chiều 3⁰:

X(m)..... Y(m)..... và bản đồ kèm theo Quyết định này.

2. Trữ lượng nước nóng thiên nhiên/ nước khoáng thiên nhiên tại lỗ khoan(tên lỗ khoan)..... như sau:

Cấp B: m³/ngày.

Cấp C₁: m³/ngày

3. Nguồn nước tại lỗ khoan(tên lỗ khoan)..... là nước khoáng thiên nhiên khoáng hóa, tổng khoáng hóa..... mg/l, nhiệt độ°C.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ, thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất. Quá trình khai thác và sử dụng nước nóng thiên nhiên/ nước khoáng thiên nhiên phải tiến hành lấy mẫu định kỳ, quan trắc theo yêu cầu chuyên môn, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(tên tổ chức, cá nhân)....., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT tỉnh....;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng Hội đồng ĐGTLKSQG;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị PDDL;
- Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng địa chất;
- Lưu VT, lưu trữ.....

CHỦ TỊCH

12. Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản (QT-12.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Văn bản đề nghị lấy mẫu, trong đó nêu rõ mục đích lấy mẫu, loại khoáng sản, vị trí, độ sâu, khối lượng và thời gian thực hiện (Mẫu số 01 - Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Điều 14 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Phương án lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Điều 14 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản đồ vị trí lấy mẫu và mô tả điều kiện địa chất, khoáng sản (Mẫu số 03 - Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Điều 14 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Tài liệu chứng minh năng lực phòng thí nghiệm hoặc văn bản thỏa thuận với đơn vị có chức năng phân tích, thử nghiệm công nghệ		X
	Văn bản chấp thuận của tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp vị trí lấy mẫu thuộc diện tích khu vực thăm dò khoáng sản hoặc diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Điều 14 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ Trường hợp vị trí lấy mẫu thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm cấm hoạt động khoáng sản, phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Chủ		

	tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thời gian thẩm định được tăng thêm 10 ngày làm việc.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	03 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ, Tổ chức kiểm tra thực địa để làm rõ những vấn đề tồn tại, mâu thuẫn hoặc chưa rõ, làm cơ sở hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	7,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- Trường hợp vị trí lấy mẫu thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm cấm hoạt động khoáng sản, có văn bản xin ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (Thời gian xin ý kiến tối đa là 10 ngày làm việc và không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ). - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản. cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B9.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,5 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định ban hành văn bản chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản	Chủ tịch UBND Thành phố	3,0 ngày làm việc
B12.1	- Nhận kết quả từ UBND Thành phố,	- Sở NN&MT	0,5 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;		
B13.1	Trả kết quả, thông báo cho tổ chức, cá nhân	TTPVHCC	0,5 ngày
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	Sở NN&MT; Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm là 10 ngày làm việc)</i> - B5.1: 5,0 ngày làm việc - B6.1: 1,0 ngày làm việc - B7.1: 2,0 ngày làm việc - B8.1: 1,0 ngày làm việc - B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 0,5 ngày		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- B11.1: 3,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1.0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	- Văn bản đề nghị lấy mẫu, trong đó nêu rõ mục đích lấy mẫu, loại khoáng sản, vị trí, độ sâu, khối lượng và thời gian thực hiện (Mẫu số 01 - Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Điều 14 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);		
	- Phương án lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Điều 14 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);		
	- Bản đồ vị trí lấy mẫu và mô tả điều kiện địa chất, khoáng sản (Mẫu số 03 - Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Điều 14 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);		
	- Văn bản chấp thuận của tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp vị trí lấy mẫu thuộc diện tích khu vực thăm dò khoáng sản hoặc diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Điều 14 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026		
	- Văn bản chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 05 - Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Điều 14 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		

Mẫu số 01 - Phụ lục VI
(ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NGHIÊN
CỨU CÔNG NGHỆ.....**

Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ LẤY MẪU

Kính gửi:(Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận).....

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị.....

Trụ sở tại:....Điện thoại: Fax:

Đề nghị được lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản như sau:

1. Phạm vi lấy mẫu:

2. Thời gian thực hiện:

3. Phương pháp, biện pháp kỹ thuật:

3.1.Thi công công trình....

3.2. Công tác mẫu: Số lượng, chủng loại, kích thước, khối lượng.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02 - Phụ lục VI

*(ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

PHƯƠNG ÁN

**LẤY MẪU ĐỂ NGHIÊN CỨU, THỬ NGHIỆM CÔNG NGHỆ,
CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN**

*.....(tên loại khoáng sản)....., thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....*

Địa danh....., năm 20...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan.....

**PHƯƠNG ÁN
LẤY MẪU ĐỂ NGHIÊN CỨU, THỬ NGHIỆM CÔNG NGHỆ
CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN**

.....(tên loại khoáng sản)....., thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
NGHIÊN CỨU**
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

Địa danh....., năm 20....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết
 - 1.1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu và đối tượng khoáng sản.
 - Văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật.
 - Cơ sở tài liệu địa chất, khoáng sản (*tài liệu đã có trước đây, kết quả khảo sát (nếu có)*).
 - Tính cấp thiết (*nêu rõ sự cần thiết của việc lấy mẫu*).
2. Mục tiêu, nhiệm vụ (*quy trình, sản phẩm, giá trị sản phẩm dự kiến đạt được....*).
3. Phạm vi nghiên cứu (*địa danh, tọa độ khép góc*)
4. Thông tin về đơn vị lập (*tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực....*)

CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN

1. Đặc điểm và lĩnh vực sử dụng
2. Nguồn nguyên liệu trong nước và quốc tế
3. Tình hình nghiên cứu thế giới và tại Việt Nam
4. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm nghiên cứu
5. Giá và chất lượng sản phẩm nghiên cứu (dự kiến) trên thị trường

CHƯƠNG 2 HỆ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở khoa học lựa chọn phương pháp nghiên cứu (*đặc điểm đối tượng nghiên cứu, áp dụng các phương pháp tương tự tiên tiến trên thế giới...*)
2. Các phương pháp kỹ thuật
 - 2.1. Công tác lấy mẫu (*quy cách, phương pháp, bảo quản...*)
 - 2.2. Công tác gia công (*quy trình gia công, địa điểm nghiên cứu...*)
 - 2.3. Công tác phân tích (*thành phần khoáng vật, thành phần hoá học, địa điểm nghiên cứu,...*)
3. Công tác kiểm soát, kiểm tra, giám sát...

** Lưu ý: Việc thiết kế khối lượng các hạng mục công việc phải logic và đảm bảo đủ chi tiết để áp đúng giá dự toán theo các định mức đơn giá hiện hành;*

Đối với các hạng mục chưa có đơn giá phải nêu được đầy đủ mục đích, yêu

cầu sản phẩm và mô tả chi tiết quy trình/cách thức thực hiện.

CHƯƠNG 3

QUẢN LÝ, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

1. Dự báo các tác động của hoạt động nghiên cứu mẫu công nghệ chế biến khoáng sản tới môi trường
2. Các biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường
3. Giải pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản

CHƯƠNG 4

DỰ KIẾN SẢN PHẨM VÀ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

1. Nghiên cứu thử nghiệm
2. Nghiên cứu chế độ chế biến
3. Thử nghiệm chế biến sơ đồ, các thông số thử nghiệm
4. Sơ đồ công nghệ chế biến kiến nghị và thông số kỹ thuật
5. Sản phẩm, quy cách, bảo quản, bàn giao quản lý...

Chương 5

TỔ CHỨC THI CÔNG

1. Tổ chức thi công
2. Thời gian thi công
3. Danh mục tài liệu nộp cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản (sau khi hoàn thành đề án)

CHƯƠNG 6

DỰ TOÁN KINH TẾ

1. Căn cứ xây dựng đơn giá dự toán và vốn đầu tư nghiên cứu
2. Đơn giá các hạng mục công việc
3. Tổng vốn đầu tư

CHƯƠNG 7

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận
2. Kiến nghị

....., tháng năm

T/M. tập thể tác giả

(Ký ghi rõ họ tên)

DANH MỤC CÁC BẢN VẼ KÈM THEO PHƯƠNG ÁN
TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tài liệu Lưu trữ: tên tài liệu, tác giả, năm, nơi lưu trữ (sắp xếp theo mức độ tham khảo, sử dụng);
- Tài liệu công bố: tài liệu, tác giả, năm, nơi xuất bản;
- Tài liệu đang thi công (nếu có)

Mẫu số 03 - Phụ lục VII

(ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CHẤP THUẬN**Tọa độ các điểm khép góc**

Điểm góc	Hệ VN - 2000, kinh tuyến trực ... múi chiều ...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

..... (TÊN BẢN ĐỒ)

..... (tên khoáng sản) tại khu vực (tên mỏ) thuộc Phụ lục ... (số la mã)
..... (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh)

Nền địa hình và các
điểm khép góc khu vực mỏ, các công trình dự kiến lấy mẫu

CHỈ DẪN

- Đặc điểm địa chất
- Đặc điểm đối tượng lấy mẫu
- Vị trí lấy mẫu, loại công trình lấy mẫu

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia, hoặc đo vẽ từ hiện trạng) tỷ lệ..., kinh tuyến trực..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Thước tỷ lệ

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ (đối với tổ chức phải có chức
năng thành lập theo quy định)**
(Ký, đóng dấu)

**Tổ chức, cá nhân
nghiên cứu**
(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 04 - Phụ lục VII

*(ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

Kính gửi:*(Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận)*.....

Căn cứ quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản

Ngày ... tháng ... năm... tại *(địa danh thảo luận về phương án lấy mẫu)*
Công ty *(tên tổ chức, cá nhân nghiên cứu)* và Công ty *(tên tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản)* đã thống nhất các nội dung như sau:

1. Công ty *(tên tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản)* đồng ý để Công ty *(tên tổ chức, cá nhân nghiên cứu)* lấy mẫu nghiên cứu công nghệ chế biến khoáng sản (loại khoáng sản) theo phương án lấy mẫu để nghiên cứu công nghệ chế biến khoáng sản *(có phương án kèm theo)*.

2. Các điều kiện khác (nếu có): chia sẻ dữ liệu, số liệu, quy trình.... trách nhiệm của các bên....

Công ty *(tên tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản)* cam kết để Công ty *(tên tổ chức, cá nhân nghiên cứu)* được thực hiện theo đúng phương án lấy mẫu nghiên cứu công nghệ chế biến khoáng sản sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận đồng ý bằng văn bản./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
NGHIÊN CỨU
(Chức danh)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ GIẤY PHÉP
THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Chức danh)

(Ký tên, đóng dấu)
Họ và tên

(Ký tên, đóng dấu)
Họ và tên

Mẫu số 05 - Phụ lục VII

(ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
CHẤP THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /... -...

Địa danh, ngày tháng năm

V/v chấp thuận lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản

Kính gửi:(Tên tổ chức, cá nhân).....

Xét đề nghị của ...(tên tổ chức, cá nhân).... tại Văn bản số về việc; căn cứ quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản; trên cơ sở báo cáo kết quả xem xét, thẩm định hồ sơ của ...(tên cơ quan thẩm định hồ sơ)....., ...(tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận).....có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho ...(tên tổ chức, cá nhân)... được tiến hành lấy mẫu để nghiên cứu công nghệ chế biến khoáng sản với một số nội dung chính như sau:

- Loại khoáng sản nghiên cứu.

- Phạm vi (vị trí và diện tích): Trong phạm vi ranh giới khu vực được phép lấy mẫu theo phương án lấy mẫu ..., kèm theo Bản đồ vị trí lấy mẫu và mô tả điều kiện địa chất khoáng sản.

- Phương pháp và khối lượng lấy mẫu: Thực hiện theo phương án lấy mẫu để nghiên cứu công nghệ chế biến khoáng sản kèm theo Văn bản số của ...(tên tổ chức, cá nhân).....

- Thời gian lấy mẫu: ... tháng, kể từ ngày ban hành văn bản này.

2.(Tên tổ chức, cá nhân).... có trách nhiệm

a) Thực hiện việc lấy mẫu để nghiên cứu công nghệ chế biến khoáng sản theo phương pháp và khối lượng tại phương án kèm theo Công văn này; tuân thủ các quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và (tên cơ quan chấp thuận)..... nếu xảy ra sai phạm trong quá trình thực hiện lấy mẫu để nghiên cứu công nghệ chế biến khoáng sản;

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

3.(Tên tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản, khai thác

khoáng sản).... có trách nhiệm⁷²:

a) Thực hiện theo đúng nội dung tại Văn bản chấp thuận để tổ chức, cá nhân nghiên cứu thực hiện việc lấy mẫu;

b) Theo dõi, giám sát quá trình lấy mẫu tại mỏ, đảm bảo an toàn lao động;

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

.....(*Tên cơ quan chấp thuận lấy mẫu*)..... thông báo để ...(*tên tổ chức, cá nhân nghiên cứu và tổ chức cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có)*)... biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chấp thuận;
- UBND tỉnh (thành phố)...
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)...
- Văn phòng HĐĐGTLKS quốc gia;
- ...
- Lưu: VT, ()

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CHẤP THUẬN**

(Ký tên, đóng dấu)

⁷² Chỉ áp dụng trong trường hợp vị trí lấy mẫu thuộc diện tích khu vực thăm dò khoáng sản hoặc diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

13. Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (QT-14.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp Cấp giấy phép khai thác khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tại khu vực khoáng sản đã có kết quả thăm dò nhưng tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết quyền ưu tiên nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản và không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 46 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

	- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Hồ sơ chứng minh năng lực tài chính theo quy định tại Điều 55 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	26 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu khai thác khoáng sản.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị khai thác khoáng sản tại trụ sở cơ quan, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.	TPVHCC	3,0 ngày làm việc
	Tiếp tục nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân khác (nếu có); tiếp tục thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó tại trụ sở cơ quan, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cho đến khi kết thúc 10 ngày đăng thông báo đầu tiên.	TPVHCC	8,0 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	- Sở NN\$MT - Lãnh đạo Sở; - Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ và để tiến hành lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 59a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1;	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	3,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao cho hồ sơ trình cấp phép	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định Lựa chọn tổ chức, cá nhân để Cấp giấy phép khai thác khoáng sản	Chủ tịch UBND Thành phố	3,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	- Sở NN&MT; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Giờ hành chính
B13.1	- Trả kết quả - Thông báo công khai kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp Thành phố Hà Nội.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1,0 ngày làm việc
B5.2	Dự thảo Thông báo bằng văn bản về lý do không được lựa chọn cấp phép thăm dò	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	1,0 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
	Văn bản thông báo kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 34a - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		

Mẫu số 01 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)*

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ngày tháng năm
do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)* cấp; hoặc
Giấy phép đầu tư số ngày tháng năm do *(Tên cơ quan
cấp giấy phép đầu tư)* cấp.

Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản *(tên khoáng sản)* tại khu vực
thuộc *(tên cấp xã)*, ... *(tên cấp tỉnh)* đã được *(cơ quan
phê duyệt)* phê duyệt, công nhận hoặc xác nhận theo văn bản số ngày
..... tháng năm

Trữ lượng (khối lượng⁷³)..... *(tên khoáng sản)* được công nhận (phê duyệt,
xác nhận): khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm (nếu có) (tấn, m³, ...).

Đề nghị được cấp giấy phép khai thác khoáng sản *(tên khoáng sản)* tại
khu vực thuộc *(tên cấp xã)*, ... *(tên cấp tỉnh)* với các nội
dung như sau:

1. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản được phép khai thác⁷⁴:..... (tấn, m³, ...),
trong đó:

a) Khoáng sản chính: (tấn, m³, ...);

b) Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³, ...).

2. Phương pháp khai thác: (Lộ thiên, hầm lò, khác).

⁷³ Chỉ áp dụng trong trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được bổ sung tại
điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP.

⁷⁴ Không áp dụng đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

3. Công suất khai thác tối đa⁷⁵:..... (tấn, m³,...)/năm;

4. Không gian đề nghị cấp phép khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: (ha, m², km²);

b) Mức sâu khai thác: Từ (m) đến (m).

(Không gian khai thác được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

5. Thời hạn khai thác: năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mở là: năm (tháng).

6. Dự án (công trình; nhóm dự án, công trình) sử dụng khoáng sản⁷⁶:.....

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) cam kết về tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các thông tin, số liệu nêu trên và thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./..

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

⁷⁵ “Lưu lượng khai thác tối đa là: ... m³/ngày” áp dụng đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

⁷⁶ Ghi rõ tên dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III theo quy định tại khoản 1b Điều 55 Luật Địa chất và khoáng sản.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày tháng năm của)*

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất(m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất(m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	Điểm góc khu vực chồng lấn	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)		Diện tích chồng lấn theo bề mặt (ha, m², km²)
		X (m)	Y (m)	
H1	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 1 (chồng lấn với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 2 chồng lấn với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	m			
.....				

Mức sâu thấp nhất khu vực chông lán (m)	Điểm góc khu vực chông lán	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)		Diện tích chông lán theo bề mặt (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
Hn	1			Diện tích khu vực chông lán thứ n chông lán với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	k			

3. Trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)		Diện tích khu vực không được phép khai thác (ha, m ² , km ²)
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
.....			

Mẫu số 34a - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-.....

Địa danh....., ngày.....tháng... năm...

THÔNG BÁO

**kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ
đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản**

Kính gửi:.....(tên tổ chức, cá nhân).....

Căn cứ quy định tại.....

.....(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền).....thông báo kết quả
lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng
sản..... (tên khoáng sản) tại khu vực thuộc (tên cấp xã),
..... (tên cấp tỉnh) như sau:

...(tên tổ chức, cá nhân).... được (hoặc không được) lựa chọn để nộp hồ sơ đề
nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản nêu trên.

.....(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền).....thông báo để
...(tên tổ chức, cá nhân)... biết, thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)....;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
- Lưu VT, ... (.....)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu)

14. Cấp giấy phép khai thác khoáng sản (QT-14.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Cấp giấy phép khai thác khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: <i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố</i> Tổ chức, cá nhân được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng các điều kiện sau: - Là tổ chức đăng ký kinh doanh ngành, nghề khai thác khoáng sản, cụ thể: Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã; Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực hoạt động khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III. - Là tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng thông tin, kết quả thăm dò khoáng sản hợp pháp. - Có hồ sơ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản trong trường hợp pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư có yêu cầu.

- Đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với trường hợp đề nghị khai thác khoáng sản phóng xạ hoặc có chứa chất phóng xạ đi kèm.

**** Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản***

Tổ chức, cá nhân được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Nhà thầu thi công, nhà đầu tư, chủ đầu tư thực hiện các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản hoặc tổ chức, cá nhân khác đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã) và khoáng sản khai thác được chỉ để cung cấp vật liệu phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản trong trường hợp nhà thầu thi công, nhà đầu tư, chủ đầu tư không đề nghị cấp giấy phép.

- Là tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng thông tin, kết quả thăm dò khoáng sản hợp pháp.

- Hồ sơ dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có nội dung về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.

**** Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV***

Tổ chức, cá nhân được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản trong trường hợp pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư có yêu cầu.

- Đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư khai thác khoáng sản đối với trường hợp thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy

	định của pháp luật về bảo vệ môi trường. - Phù hợp với nguyên tắc khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản. - Khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác đã có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV hoặc kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền xác nhận, công nhận hoặc phê duyệt. <i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV</i> Tổ chức, cá nhân được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV khi đáp ứng các điều kiện sau: - Phù hợp với nguyên tắc khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản. - Khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác đã có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV hoặc kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền xác nhận, công nhận hoặc phê duyệt.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

	- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố</i>		
	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản, các bản đồ, mặt cắt, bản vẽ thiết kế liên quan (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương đối với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản		X
	Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.		X
	<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản</i>		

	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản, các bản đồ, mặt cắt, bản vẽ thiết kế liên quan (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Phương án về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường quy định tại khoản 5 Điều 61 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ (Mẫu số 38 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).	X	
<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV</i>			
	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 02 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản được phê duyệt theo quy định; báo cáo kết quả khảo sát thông tin chung về khoáng sản nhóm IV hoặc báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã được công nhận.		X
<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV</i>			
	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 02 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	

	Phương án khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 37 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)	X	
	Văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công; báo cáo kết quả khảo sát thông tin chung về khoáng sản nhóm IV hoặc báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã được công nhận.		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	<i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố</i> Tổng thời gian 70 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản</i> Tổng thời gian 55 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt;		

	- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết * Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV Tổng thời gian 22 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra, rà soát và thẩm định hồ sơ: 15 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 05 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan. * Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV Tổng thời gian 18 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra, rà soát và thẩm định hồ sơ: 09 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 03 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 03 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Thời hạn trả kết quả: bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép ngay khi nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).
3.6	Phí, lệ phí

Mức thu lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

(1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:

- Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 1.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép;

(2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên:

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép;

(3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép.

(4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 80.000.000 đồng/01 giấy phép.

(5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 100.000.000 đồng/01 giấy phép.

(6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên:

- Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép.

(7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 60.000.000 đồng/01 giấy phép.

	(8) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố</i>		
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ; - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản. (Trong thời hạn không quá 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải	45,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý) - Tiến hành kiểm tra thực địa; Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản; - Thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản; - <i>Việc xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả được thực hiện đồng thời với quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Trường hợp việc xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phức tạp, kéo dài, tổ chức, cá nhân được phép thực hiện bảo lãnh ngân hàng hoặc ký quỹ theo số tiền tạm tính do Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo làm cơ sở để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định. Tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng được hoàn trả sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.</i> - Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang	quyết HS	

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	7,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	2,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	3,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao hồ sơ trình cấp phép	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,5 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định cấp giấy phép khai thác khoáng sản	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	- Sở NN&MT;	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả, thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	Sở NN&MT; Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày làm việc
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm là 21 ngày)</i> - B5.1: 16,0 ngày - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 1,0 ngày - B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 0,5 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản</i>			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội		
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản. (Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý) - Tiến hành kiểm tra thực địa; Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản; Thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản; - Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản, địa chất, tài chính, bảo vệ môi trường. Hội đồng có trách nhiệm xem xét toàn diện các vấn đề về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	30,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	trường, ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường của dự án đầu tư khai thác khoáng sản; - Việc xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả được thực hiện đồng thời với quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Trường hợp việc xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phức tạp, kéo dài, tổ chức, cá nhân được phép thực hiện bảo lãnh ngân hàng hoặc ký quỹ theo số tiền tạm tính do Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo làm cơ sở để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định. Tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng được hoàn trả sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	7,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	2,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	3,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B9.1	Bàn giao hồ sơ trình cấp phép	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,5 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định cấp giấy phép khai thác khoáng sản	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	- Sở NN&MT;	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả: thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	Sở NN&MT; Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày làm việc
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn</i>		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	<i>thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm là 21 ngày)</i> - B5.1: 16,0 ngày - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 1,0 ngày - B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 0,5 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	Giờ hành chính
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	0,5 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản. (Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	7,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý) - Tiến hành kiểm tra thực địa; Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản; - Thẩm định các nội dung: chiều sâu, khối lượng khoáng sản, công suất, thời hạn khai thác của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và các nội dung khác có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản; - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2: Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu.		
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao cho hồ sơ trình cấp phép	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết	Chủ tịch UBND	3,0 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	định cấp giấy phép khai thác khoáng sản	Thành phố	làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	- Sở NN&MT;	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, cơ quan tiếp nhận hồ sơ bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho tổ chức, cá nhân	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	Sở NN&MT; Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày làm việc
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm là 05 ngày)</i> - B5.1: 2,0 ngày - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 1,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 3,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	Giờ hành chính
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	0,25 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,25 ngày
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản, trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan có liên quan về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	4,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý) - Tiến hành kiểm tra thực địa; Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản; - Thẩm định các nội dung: chiều sâu, khối lượng khoáng sản, công suất, thời hạn khai thác của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và các nội dung khác có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản; - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2: Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu.		
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao cho hồ sơ trình cấp phép	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định cấp giấy phép khai thác khoáng sản	Chủ tịch UBND Thành phố	2,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	- Sở NN&MT;	Giờ hành chính
B13.1	Trả kết quả: trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, cơ quan tiếp nhận hồ sơ bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho tổ chức, cá nhân	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	Sở NN&MT; Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày làm việc
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm là 05 ngày)</i> - B5.1: 1,0 ngày - B6.1: 0,5 ngày - B7.1: 0,5 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 2,0 ngày làm việc		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- B12.1: 0,5 ngày - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 02 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
	Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Mẫu số 15 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
	Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả cho nhà nước đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Mẫu số 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025) hoặc Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả giữa các tổ chức, cá nhân đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Mẫu số 06 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).		

Mẫu số 01 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi:(Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)

..... (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp.

Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản).....tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... đã được(cơ quan phê duyệt)..... phê duyệt, công nhận hoặc xác nhận theo văn bản số..... ngày.... tháng.... năm....

Trữ lượng(tên khoáng sản)..... được công nhận (phê duyệt, xác nhận): (tấn, m³,...).

Đề nghị được cấp giấy phép khai thác khoáng sản (tên khoáng sản) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác⁷⁷:.....(tấn, m³,...), trong đó:
 - a) Khoáng sản chính (theo từng cấp trữ lượng):(tấn, m³,...);
 - b) Khoáng sản đi kèm (theo từng cấp trữ lượng, nếu có):(tấn, m³,...).
2. Phương pháp khai thác: (Lộ thiên, hầm lò, ...).
3. Công suất khai thác tối đa:.....(tấn, m³,...)/năm⁷⁸, trong đó:
4. Không gian đề nghị cấp phép khai thác:

⁷⁷ Không áp dụng đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

⁷⁸ “Lưu lượng khai thác tối đa là: ... m³/ngày” áp dụng đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

5. Thời hạn khai thác:..... năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mở là:.... năm (tháng).

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(*Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...*)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (<i>Kinh tuyến trực ... mũi chiếu...</i>)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

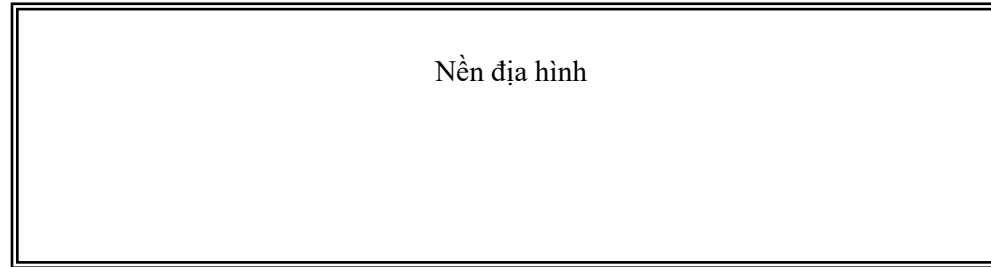
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
 ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
 lập bản đồ
 (Ký, đóng dấu)**

**Tổ chức, cá nhân⁷⁹.....
 (Ký, đóng dấu)**

⁷⁹ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 38 - Phụ lục II

***(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)***

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

PHƯƠNG ÁN VỀ KỸ THUẬT AN TOÀN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Tên khu vực, thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....)

Địa danh....., năm...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

PHƯƠNG ÁN VỀ KỸ THUẬT AN TOÀN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Tên khu vực, thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
 (Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
 (nếu có)
 (Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh....., năm ...

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin tổ chức khai thác khoáng sản

- Tên tổ chức:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:, Fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

2. Cơ sở lập Phương án

2.1. Cơ sở pháp lý

- Văn bản phê duyệt quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng (nếu có).
- Các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư có liên quan.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan.

2.2. Tài liệu cơ sở

- Tài liệu khảo sát, thăm dò địa chất mỏ, địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có);
- Tài liệu khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản;
- Các tài liệu kỹ thuật khác.

3. Nhu cầu sử dụng khoáng sản

Phân tích nhu cầu sử dụng khoáng sản của các dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khả năng cấp được quy định của Luật Địa chất và khoáng sản.

4. Sự cần thiết và mục tiêu khai thác

- Sự cần thiết.
- Mục tiêu khai thác: Nêu rõ tên công trình, dự án.

5. Hình thức đầu tư, địa điểm và nhu cầu sử dụng đất

5.1. Hình thức đầu tư và quản lý dự án

- Xác định hình thức đầu tư.
- Xác định hình thức quản lý dự án.

5.2. Địa điểm mỏ và nhu cầu sử dụng đất

- Mô tả địa điểm mỏ.
- Nhu cầu sử dụng đất: xác định nhu cầu sử dụng đất, tổng diện tích, cơ cấu đất sử dụng, tiến độ sử dụng đất.

PHẦN I: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

I. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT MỎ

1. Vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội

Nêu khái quát về vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực dự án.

2. Đặc điểm địa chất mỏ

Trình bày tóm tắt về đặc điểm địa chất mỏ khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình; bổ sung các kết quả nghiên cứu về đặc điểm địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có).

3. Khối lượng (trữ lượng) và chất lượng khoáng sản

Tổng hợp về khối lượng (tài nguyên, trữ lượng) và chất lượng của khoáng sản khu vực nghiên cứu lập phương án khai thác.

4. Đánh giá mức độ tin cậy của tài liệu địa chất

Đánh giá mức độ khảo sát, đánh giá, thăm dò (nếu có), độ tin cậy của tài liệu địa chất đã được phê duyệt hoặc công nhận phục vụ công tác thiết kế và kiến nghị bổ sung (nếu có).

5. Đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ

- Xác định đối tượng, số lượng, phạm vi phân bố của đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. Nêu rõ cơ quan quản lý đối tượng cần bảo vệ;
- Các yếu tố tác động đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản khi tiến hành hoạt động thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản;
- Đề xuất các phương pháp, công nghệ áp dụng trong hoạt động thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản; dự kiến các giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến đối tượng cần bảo vệ;
- Đánh giá về hiệu quả kinh tế khi tiến hành thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản trong khu vực đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản.

II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

1. Biên giới và khối lượng (trữ lượng) trong khai trường

1.1. Biên giới khai trường

Nêu nguyên tắc và xác định ranh giới khai trường: tọa độ, mức sâu khai thác, diện tích khai trường.

1.2. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản trong khai trường

- Tính toán khối lượng (trữ lượng) khai trường bao gồm: Khối lượng (trữ lượng)

địa chất trong ranh giới khảo sát, đánh giá và khối lượng (trữ lượng) địa chất dự kiến huy động vào khai thác (được quy đổi theo khoáng sản nguyên khai).

- Tính toán khối lượng đất thổ nhưỡng cần lưu giữ phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.

2. Chế độ làm việc, công suất và thời gian khai thác

- Xác định chế độ làm việc bộ phận trực tiếp, gián tiếp trong các công đoạn khai thác.

- Xác định công suất khai thác mỏ.

- Thời gian, chế độ khai thác: Trên cơ sở khối lượng (trữ lượng) dự kiến huy động vào khai thác; tính toán thời gian khai thác phù hợp (bao gồm thời gian xây dựng cơ bản mỏ và thời gian khai thác).

3. Mở vỉa và trình tự khai thác

3.1. Mở vỉa

Lựa chọn vị trí và phương pháp mở vỉa.

3.2. Trình tự khai thác

- Xây dựng, lập biểu đồ chế độ công tác mỏ.

- Công tác giải phóng mặt bằng.

- Công tác xây dựng cơ bản mỏ (nếu có): Xác định khối lượng, thời gian xây dựng cơ bản mỏ; tính toán chi tiết khối lượng, cung độ vận tải, khối lượng vận chuyển tính bằng tấn, km, đất bóc xây dựng cơ bản của từng tầng, từng năm, từng khu vực (nếu có).

- Trình tự khai thác, lịch khai thác:

- + Xây dựng trình tự khai thác mỏ phù hợp, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.

- + Xây dựng lịch bóc đất thổ nhưỡng, lịch khai thác khoáng sản hàng năm.

4. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác

- Mô tả công nghệ khai thác.

- Lập bảng thống kê các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.

- Liệt kê danh mục các thiết bị khai thác, đặc tính kỹ thuật cơ bản các loại thiết bị chính.

5. Vận tải mỏ

- Mô tả khối lượng vận tải và phương thức vận tải hợp lý. Mô tả năng suất và số lượng thiết bị vận tải cần thiết theo từng năm.

- Mô tả tuyến đường vận tải.

6. Công tác đổ thải (nếu có)

- Xác định khối lượng chất thải loại không đủ tiêu chuẩn sử dụng cho các dự án, công trình sử dụng khoáng sản trong quá trình khai thác mỏ.
- Xác định vị trí, quy mô của bãi thải; biện pháp bảo đảm an toàn, thoát nước mặt.

7. Các hạng mục, công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động khai thác

- Hệ thống cung cấp điện và trang bị điện.
- Hệ thống cấp nước và thoát nước.
- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

8. Kỹ thuật an toàn

- Mô tả các biện pháp bảo đảm an toàn cho cộng đồng dân cư xung quanh khu vực mỏ, các công trình cần bảo vệ.
- Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ.

9. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động

- Xây dựng sơ đồ quản lý, tổ chức các bộ phận sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.
- Xây dựng biên chế lao động; năng suất lao động.

10. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có)

- Tính toán nhu cầu sử dụng đất; thông tin, số liệu về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có).
- Xây dựng phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tiến độ khai thác mỏ.

11. Các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước

Trình bày về các khoản thuế, phí, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định hiện hành.

PHẦN II. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động khai thác khoáng sản có khả năng tác động xấu đến môi trường.
2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đa dạng sinh học; đánh giá hiện trạng môi trường; nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi khai thác khoáng sản.
3. Nhận dạng, đánh giá, dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của hoạt động khai thác khoáng sản đến môi trường; quy mô, tính chất của chất thải; tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa và yếu tố nhạy cảm khác; tác động do giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai

thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường.

4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải.

5. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có); phương án bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

6. Công trình, biện pháp cải tạo phục hồi môi trường khi đóng cửa mỏ khoáng sản; thông số kỹ thuật của mỏ sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản.

7. Tính toán, xác định kinh phí để thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

8. Số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; tiến độ kỹ quỹ.

9. Kết luận, kiến nghị và cam kết của tổ chức khai thác.

PHẦN III. PHỤ LỤC KÈM THEO

1. Các bản vẽ, tài liệu có liên quan.

2. Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền đối với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (nếu có) theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Tổ chức, cá nhân lập Phương án

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02 - Phụ lục II

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

..... (Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ngày tháng năm
do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) cấp; hoặc
Giấy phép đầu tư số ngày tháng năm do (Tên cơ
quan cấp giấy phép đầu tư) cấp.

Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (báo cáo
kết quả thăm dò khoáng sản) (tên khoáng sản nhóm IV) tại thuộc
..... (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... đã được (cơ quan phê
duyet) phê duyệt, công nhận hoặc xác nhận theo văn bản số ngày
tháng năm

Khối lượng (hoặc trữ lượng) (tên khoáng sản) được công nhận (phê
duyet, xác nhận):(tấn, m³, ...).

Đề nghị được cấp giấy phép khai thác khoáng sản (tên khoáng sản nhóm IV)
..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh)
với các nội dung như sau:

1. Khối lượng (hoặc trữ lượng) khoáng sản khai thác: (tấn, m³, ...).
2. Phương pháp khai thác: Khai thác lộ thiên,...
3. Công suất khai thác tối đa: (tấn, m³, ...)/năm.
4. Không gian đề nghị cấp phép khai thác:
 - a) Diện tích khu vực khai thác: (ha, m², km²).
 - b) Mức sâu khai thác: Từ (m) đến (m).

(Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

5. Thời hạn khai thác: năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mở là: năm (tháng).

6. Dự án (công trình; nhóm dự án, công trình) sử dụng khoáng sản⁸⁰:

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(*Ký tên, đóng dấu*)

⁸⁰ Ghi rõ tên dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

1. Trường hợp không có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác như sau:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Ngoài Bảng 1 nêu trên, cần bổ sung chi tiết Bảng 2 trong trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác như sau:

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)		Diện tích khu vực không được phép khai thác (ha, m², km²)
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	Hệ tọa độ VN-2000 (<i>Kinh tuyến trục ... mũi chiếu...</i>)		Diện tích khu vực không được phép khai thác (ha, m ² , km ²)
	X (m)	Y (m)	
...			
m			
.....			

Mẫu số 37 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV)**

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV
(tên mỏ khoáng sản, thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....)

Địa danh, năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV)

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV
(tên mỏ khoáng sản, thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(nếu có)
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, năm 20...

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin tổ chức khai thác khoáng sản

- Tên tổ chức:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:, Fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

2. Cơ sở lập Phương án

2.1. Cơ sở pháp lý

- Văn bản phê duyệt quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng (nếu có).
- Các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư có liên quan.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan.

2.2. Tài liệu cơ sở

- Tài liệu khảo sát, thăm dò địa chất mỏ, địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có);
- Tài liệu khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV;
- Các tài liệu kỹ thuật khác.

3. Nhu cầu sử dụng khoáng sản

Phân tích nhu cầu sử dụng khoáng sản của các dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp được quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản sử dụng khoáng sản nhóm IV và được quy định trong giấy phép khai thác do mình là nhà thầu thi công.

4. Sự cần thiết và mục tiêu khai thác

- Sự cần thiết.
- Mục tiêu khai thác.

5. Hình thức đầu tư, địa điểm và nhu cầu sử dụng đất

5.1. Hình thức đầu tư và quản lý dự án

- Xác định hình thức đầu tư: Đầu tư mới hay cải tạo, điều chỉnh hoặc mở rộng quy mô, nâng công suất, đổi mới công nghệ.
- Xác định hình thức quản lý dự án.

5.2. Địa điểm mỏ và nhu cầu sử dụng đất

- Mô tả địa điểm mỏ.
- Nhu cầu sử dụng đất: xác định nhu cầu sử dụng đất, tổng diện tích, cơ cấu đất sử dụng, tiến độ sử dụng đất.

PHẦN I: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

I. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT MỎ

1. Vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội

Nêu khái quát về vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực dự án.

2. Đặc điểm địa chất mỏ

Trình bày tóm tắt về đặc điểm địa chất mỏ khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình; bổ sung các kết quả nghiên cứu về đặc điểm địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có).

3. Khối lượng (trữ lượng) và chất lượng khoáng sản

Tổng hợp về khối lượng (tài nguyên, trữ lượng) và chất lượng của khoáng sản khu vực nghiên cứu lập phương án khai thác.

4. Đánh giá mức độ tin cậy của tài liệu địa chất

Đánh giá mức độ khảo sát, đánh giá, thăm dò (nếu có), độ tin cậy của tài liệu địa chất đã được phê duyệt hoặc công nhận phục vụ công tác thiết kế và kiến nghị bổ sung (nếu có).

II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

1. Biên giới và khối lượng (trữ lượng) trong khai trường

1.1. Biên giới khai trường

Nêu nguyên tắc và xác định ranh giới khai trường: tọa độ, mức sâu khai thác, diện tích khai trường.

1.2. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản trong khai trường

- Tính toán khối lượng (trữ lượng) khai trường bao gồm: Khối lượng (trữ lượng) địa chất trong ranh giới khảo sát, đánh giá và khối lượng (trữ lượng) địa chất dự kiến huy động vào khai thác (được quy đổi theo khoáng sản nguyên khai).
- Tính toán khối lượng đất thổ nhưỡng cần lưu giữ phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường.
- Lập bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.

2. Chế độ làm việc, công suất và thời gian khai thác

- Xác định chế độ làm việc bộ phận trực tiếp, gián tiếp trong các công đoạn khai thác.
- Xác định công suất khai thác mỏ.
- Thời gian, chế độ khai thác: Trên cơ sở khối lượng (trữ lượng) dự kiến huy động vào khai thác; tính toán thời gian khai thác phù hợp (bao gồm thời gian xây dựng

cơ bản mở và thời gian khai thác).

3. Mở vỉa và trình tự khai thác

3.1. Mở vỉa

Lựa chọn vị trí và phương pháp mở vỉa.

3.2. Trình tự khai thác

- Xây dựng, lập biểu đồ chế độ công tác mỏ.
- Công tác giải phóng mặt bằng.
- Công tác xây dựng cơ bản mỏ (nếu có): Xác định khối lượng, thời gian xây dựng cơ bản mỏ; tính toán chi tiết khối lượng, cung độ vận tải, khối lượng vận chuyển tính bằng tấn, km, đất bóc xây dựng cơ bản của từng tầng, từng năm, từng khu vực (nếu có).
- Trình tự khai thác, lịch khai thác:
 - + Xây dựng trình tự khai thác mỏ phù hợp, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.
 - + Xây dựng lịch bóc đất thô nhường, lịch khai thác khoáng sản hàng năm.

4. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác

- Mô tả công nghệ khai thác.
- Lập bảng thống kê các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.
- Liệt kê danh mục các thiết bị khai thác, đặc tính kỹ thuật cơ bản các loại thiết bị chính.

5. Vận tải mỏ

- Mô tả khối lượng vận tải và phương thức vận tải hợp lý. Mô tả năng suất và số lượng thiết bị vận tải cần thiết theo từng năm.
- Mô tả tuyến đường vận tải.

6. Công tác đổ thải (nếu có)

- Xác định khối lượng chất thải loại không đủ tiêu chuẩn sử dụng cho các dự án, công trình sử dụng khoáng sản trong quá trình khai thác mỏ.
- Xác định vị trí, quy mô của bãi thải; biện pháp bảo đảm an toàn, thoát nước mặt.

7. Các hạng mục, công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động khai thác

- Hệ thống cung cấp điện và trang bị điện.
- Hệ thống cấp nước và thoát nước.
- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

8. Kỹ thuật an toàn

- Mô tả các biện pháp bảo đảm an toàn cho cộng đồng dân cư xung quanh khu vực mỏ, các công trình cần bảo vệ.
- Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ.

9. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động

- Xây dựng sơ đồ quản lý, tổ chức các bộ phận sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.
- Xây dựng biên chế lao động; năng suất lao động.

10. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có)

- Tính toán nhu cầu sử dụng đất; thông tin, số liệu về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có).
- Xây dựng phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tiến độ khai thác mỏ.

11. Các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước

Trình bày về các khoản thuế, phí, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định hiện hành.

PHẦN II. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động khai thác khoáng sản có khả năng tác động xấu đến môi trường.
2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đa dạng sinh học; đánh giá hiện trạng môi trường; nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi khai thác khoáng sản.
3. Nhận dạng, đánh giá, dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của hoạt động khai thác khoáng sản đến môi trường; quy mô, tính chất của chất thải; tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa và yếu tố nhạy cảm khác; tác động do giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường.
4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải.
5. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có); phương án bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
6. Công trình, biện pháp cải tạo phục hồi môi trường khi đóng cửa mỏ khoáng

sản; thông số kỹ thuật của mỏ sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản.

7. Tính toán, xác định kinh phí để thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

8. Số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; tiến độ kỹ quỹ.

9. Kết luận, kiến nghị và cam kết của tổ chức khai thác.

Tổ chức, cá nhân lập Phương án

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 1: BẢN ĐỒ, BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

TT	Số ký hiệu⁸¹	Tên bản vẽ	Số tờ
I		Phần địa chất	
1		Bản đồ vị trí khu vực khai thác	
2		Sơ đồ địa chất, khoáng sản khu mỏ, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
3		Bình đồ tính khối lượng (trữ lượng) khoáng sản, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
4		Các mặt cắt địa chất, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
II		Phần khai thác	
1		Bản đồ mở vỉa, tỷ lệ 1:5.000	
2		Bản đồ giai đoạn xây dựng cơ bản (nếu có), tỷ lệ 1:5.000	
3		Bản đồ khai thác năm đạt công suất thiết kế, tỷ lệ 1:5.000	
4		Bản đồ kết thúc khai thác mỏ, tỷ lệ 1:5.000	
5		Sơ đồ hệ thống khai thác	
6		Bản đồ tổng mặt bằng chung toàn mỏ, tỷ lệ 1:2.000	
III		Phần bảo vệ môi trường	
1		Sơ đồ bố trí các công trình bảo vệ môi trường, vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường	
2		Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác, tỷ lệ 1:5.000	

⁸¹ Số ký hiệu bản đồ, bản vẽ đảm bảo tính thống nhất, thuận tiện cho tìm kiếm và tra cứu

Phụ lục 2: DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Dự toán xây dựng công trình gồm các nội dung sau:

1. Phần thuyết minh

Nêu căn cứ pháp lý và cơ sở lập dự toán xây dựng công trình.

2. Phần dự toán

- Xác định khối lượng xây dựng của hạng mục công trình theo thiết kế.
- Xác định đơn giá dự toán xây dựng công trình.
- Lập các khoản mục chi phí dự toán xây dựng công trình theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện hành.

Mẫu số 15 - Phụ lục II

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số/...../TT-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ngày tháng năm của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh (thành phố)

Căn cứ văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư dự án (công trình)⁸²(nếu có);

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh.....;⁸³

Căn cứ báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung về khoáng sản đề nghị khai thác (báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản) được công nhận (phê duyệt, xác nhận) tại

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số ngày tháng năm của cấp cho Dự án đầu tư

⁸² Ghi rõ tên dự án, công trình hoặc nhóm dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III, nhóm IV cấp cho các nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư dự án, công trình quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản.

⁸³ Đối với giấy phép cấp tại khu vực nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.

khai thác tại khu vực (mỏ) thuộc của ⁸⁴;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của (Tên cơ quan phê duyệt) về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh) ⁸⁵;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của (Tên cơ quan phê duyệt) về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản⁸⁶;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của (Tên cơ quan phê duyệt) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại mỏ (tên mỏ) thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh) ⁸⁷;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ngày tháng năm của (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân) khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh) với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác:

- a) (tên khoáng sản chính)
- b) (tên khoáng sản đi kèm)

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: (lộ thiên, hầm lò, khác).

3. Không gian khai thác:

- a) Diện tích khu vực khai thác: (ha, m², km²).
- b) Mức sâu khai thác: Từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II ⁸⁸kèm theo giấy phép này.

⁸⁴ Chỉ áp dụng đối với trường hợp Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

⁸⁵ Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản.

⁸⁶ Đối với trường hợp không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

⁸⁷ Đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

⁸⁸ Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

4. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản được phép khai thác⁸⁹:

a) Khoáng sản chính: (tấn, m³).

b) Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).

5. Công suất khai thác tối đa⁹⁰: (tấn, m³/năm);

6. Thời hạn khai thác:

7. Thời gian khai thác⁹¹:

a) Trong ngày: Từ đến

b) Trong năm: Từ tháng đến tháng

8. Dự án (công trình; nhóm dự án, công trình) sử dụng khoáng sản⁹²:
.....

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển⁹³.

4. Các yêu cầu cần thiết khác (trường hợp cần ràng buộc thêm điều kiện khi cấp phép) đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- Ủy ban nhân dân(*Tên cấp xã*).....
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

⁸⁹ Là “Khối lượng khoáng sản được phép khai thác” áp dụng đối với khoáng sản nhóm IV và không áp dụng cho khoáng sản là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

⁹⁰ Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính. Đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên là “Lưu lượng khai thác tối đa là: ... m³/ngày”.

⁹¹ Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ.

⁹² Ghi rõ tên dự án, công trình hoặc nhóm dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III, nhóm IV cấp cho nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản.

⁹³ Chỉ áp dụng đối với các giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục I

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m ² , km ²)		
Mức sâu khai thác cao nhất(m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất(m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	Điểm góc khu vực chồng lấn	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)		Diện tích chồng lấn theo bề mặt (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H1	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 1 (chồng lấn với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 2 chồng lấn với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	m			
.....				

Mức sâu thấp nhất khu vực chông lán (m)	Điểm góc khu vực chông lán	Hệ tọa độ VN-2000 (<i>Kinh tuyến trục ... múi chiếu...</i>)		Diện tích chông lán theo bề mặt (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
Hn	1			Diện tích khu vực chông lán thứ n chông lán với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	k			

3. Trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	Hệ tọa độ VN-2000 (<i>Kinh tuyến trục ... múi chiếu...</i>)		Diện tích khu vực không được phép khai thác (ha, m ² , km ²)
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
.....			

Mẫu số 05 - Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**UBND TỈNH
(THÀNH PHỐ).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí
thăm dò khoáng sản phải hoàn trả**

**đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc
.....(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)...

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đầu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của(Cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho.....(Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép).....;

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với mỏ
.....(tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh)..... lập ngày tháng năm;*

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình (Phiếu trình) số/..... ngày tháng năm 20.... về việc trình phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của mỏ(tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của(*tên mỏ khoáng sản*) tại khu vực thuộc(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của(*Tên cơ quan cấp giấy phép*)..... cấp cho(*Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép*)..... với tổng số tiền là: đồng (*số tiền viết bằng chữ*).

Điều 2.(*Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản*)..... có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền nêu tại Điều 1 của Quyết định này vào Tài khoản số của(*Tên đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả*) thuộc mở tại Kho bạc nhà nước(*Tên Kho bạc nhà nước nơi đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả mở tài khoản*)..... theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân (*Tên tỉnh (thành phố)*).....; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc (Thủ trưởng)(*Đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả*).....;(*Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản*)..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Kho bạc nhà nước khu vực (để phối hợp);
- Lưu: VT, ĐCKS (12).

CHỦ TỊCH

Mẫu số 06 - Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**UBND TỈNH
(THÀNH PHỐ).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối
với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp
xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)...

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng
sản;*

*Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí
đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản
trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò
khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết
toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai
thác khoáng sản;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm
của(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho.....(Tên tổ chức, cá nhân được
cấp giấy phép).....;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm
năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với mỏ(tên
mỏ khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh)..... lập ngày tháng năm;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình (Phiếu
trình) số/..... ngày tháng năm 20..... về việc trình phê duyệt kết
quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của mỏ(tên mỏ
khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh).....*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của(tên mỏ khoáng sản) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép)..... với tổng số tiền là: đồng (số tiền viết bằng chữ).

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản)..... có trách nhiệm hoàn trả số tiền tại Điều 1 của Quyết định này cho(Tên tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản).....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân (Tên tỉnh (thành phố)).....; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc (Thủ trưởng)(Đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả).....;(Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản)....., ...(Tên tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản)..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: VT, ĐCKS (12).

CHỦ TỊCH

15. Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức cá nhân được xem xét cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: - Khi thời hạn khai thác khoáng sản đã hết hoặc đã được gia hạn nhưng giấy phép đã hết hiệu lực mà khu vực được phép khai thác còn trữ lượng hoặc khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị gia hạn hoặc cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản sau ngày giấy phép khai thác khoáng sản đã hết hiệu lực mà khu vực được phép khai thác còn trữ lượng. - Đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 59 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản; nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật) và không vi phạm các nghĩa vụ của pháp luật về khoáng sản đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước đó. - Được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có). - Được cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công chấp thuận bằng văn bản đối với nội dung điều chỉnh so với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)	X	

	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm hết thời gian khai thác trong giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, cập nhật hiện trạng khu vực khai thác đến thời điểm đề nghị cấp lại (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)	X	X
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	X	X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	<i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoan định và công bố</i> Tổng thời gian là 70 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công</i>		

	<i>trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản</i> Tổng thời gian là 55 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN\$MT - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày làm việc
<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoan định và công bố</i>			
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản. (Trong thời hạn không quá 16 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý) - Tiến hành kiểm tra thực địa; Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản; - Thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản; <i>Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và</i>	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước; - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	42,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	<i>Môi trường trình Chủ tịch UBND Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định việc cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản</i> - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	10,0 ngày làm việc
B61	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	2,0 ngày
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	3,0 ngày
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B9.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,5 ngày
B11.1	UBND Thành phố xem xét, quyết định cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản	UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả, thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.		
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	Sở NN&MT; Chuyên viên giải quyết HS.	1.0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm là 21 ngày)</i> - B5.1: 15,0 ngày - B6.1: 2,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 1,0 ngày - B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 0,5 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản</i>		
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ; - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản. (Trong thời hạn không quá 16 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý) - Tiến hành kiểm tra thực địa; Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản; - Thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản; <i>Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ, xem xét toàn diện các vấn đề về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường, ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường của dự án đầu tư khai thác khoáng sản trước khi trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định việc cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản</i> - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước; - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	30,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Hoàn thiện và trình hồ sơ cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	6,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	2,0 ngày
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	3,0 ngày
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B9.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,5 ngày
B11.1	UBND Thành phố xem xét, quyết định cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản	UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả, thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài	0,5 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
		nguyên nước	
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	Sở NN&MT; Chuyên viên giải quyết HS.	1.0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm là 21 ngày)</i> - B5.1: 15,0 ngày - B6.1: 2,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 1,0 ngày - B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 0,5 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
	Bản chính bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026); 025		

	Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm hết thời gian khai thác trong giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, cập nhật hiện trạng khu vực khai thác đến thời điểm đề nghị cấp lại (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)
	Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 21 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)

Mẫu số 07 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI (HOẶC CẤP ĐỔI)
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do*(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp.

Được *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*..... cho phép khai thác *(tên khoáng sản⁹⁴)*..... tại thuộc*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày..... tháng..... năm.....

Trữ lượng*(tên khoáng sản)*..... được công nhận (phê duyệt, xác nhận): (tấn, m³,...), trong đó:

Trữ lượng đã khai thác: (tấn, m³,...);

Trữ lượng còn lại chưa khai thác: (tấn, m³,...);

Đề nghị được cấp lại (cấp đổi) giấy phép khai thác khoáng sản *(tên khoáng sản)* tại khu vực thuộc*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... với các nội dung như sau:

1. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác:.....(tấn, m³,...).
2. Phương pháp khai thác: (Lộ thiên, hầm lò, ...).
3. Công suất khai thác tối đa:.....(tấn, m³,...)/năm.
4. Không gian đề nghị cấp lại giấy phép khai thác:

⁹⁴ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

5. Thời hạn khai thác:..... năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mở là:.... năm (tháng).

Lý do đề nghị cấp đổi⁹⁵:.....

Đề nghị thực hiện kết hợp với gia hạn (cấp lại, điều chỉnh) giấy phép khai thác khoáng sản với nội dung như sau⁹⁶:

- Thời gian đề nghị gia hạn hoặc nội dung đề nghị điều chỉnh:.....

- Lý do gia hạn (cấp lại, điều chỉnh):.....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

⁹⁵ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản.

⁹⁶ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày tháng năm)*

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất(m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất(m)		

2. Ngoài Bảng 1 nêu trên, cần bổ sung chi tiết Bảng 2 trong trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản như sau:

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	Điểm góc khu vực chồng lấn	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)		Diện tích chồng lấn theo bề mặt (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H1	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 1 (chồng lấn với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 2 chồng lấn với
	2			
	...			

Mức sâu thấp nhất khu vực chông lán (m)	Điểm góc khu vực chông lán	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)		Diện tích chông lán theo bề mặt (ha, m ² , km ²) Giấy phép số...)
		X (m)	Y (m)	
	m			
.....				
Hn	1			Diện tích khu vực chông lán thứ n chông lán với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	k			

3. Ngoài Bảng 1 và Bảng 2 nêu trên, cần bổ sung chi tiết Bảng 3 trong trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác như sau:

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)		Diện tích khu vực không được phép khai thác (ha, m ² , km ²)
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
.....			

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khớp góc

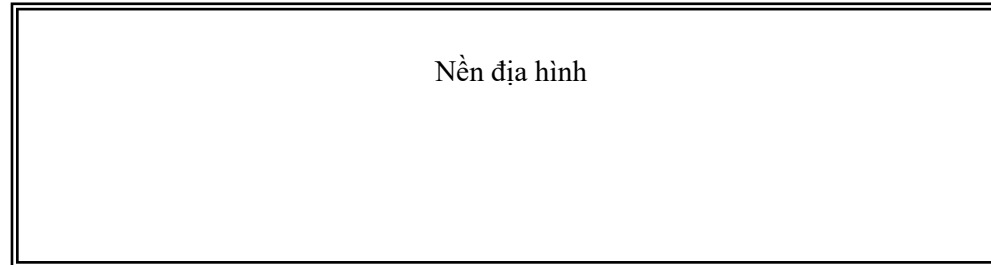
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân⁹⁷.....
(Ký, đóng dấu)

⁹⁷ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên
 - Năm sinh
5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép.....
 - Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 - Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
 - Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
 - Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác:..... ;
 - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....⁹⁸:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản⁹⁹

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản

⁹⁸ Thời điểm báo cáo

⁹⁹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo¹⁰⁰

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

¹⁰⁰ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 21 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Cấp lại hoặc cấp đổi)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi,
bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản,
được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm
2026 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai
thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số/...../TT-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng
sản;*

*Căn cứ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được công nhận (phê duyệt, xác
nhận) tại*

*Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương
đầu tư) số ... ngày ... tháng ... năm ... của cấp cho Dự án đầu tư khai thác
...tại khu vực (mỏ) thuộc của ¹⁰¹;*

*Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của
(Tên cơ quan phê duyệt) về việc phê duyệt kết quả thăm định báo cáo đánh
giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc
..... (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh).....;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm
của*

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản ngày tháng

¹⁰¹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

năm của (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân) khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh) với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản:

a) (tên khoáng sản chính).....;

b) (tên khoáng sản đi kèm).....

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: (lộ thiên, hầm lò, khác).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: Từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II¹⁰² kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số:

a) Khoáng sản chính: (tấn, m³,...).

b) Khoáng sản đi kèm: (tấn, m³,...).

5. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản được phép tiếp tục khai thác¹⁰³:

a) Khoáng sản chính:..... (tấn, m³).

b) Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).

6. Công suất khai thác tối đa¹⁰⁴:..... (tấn, m³/năm);

7. Thời hạn khai thác:

8. Thời gian khai thác¹⁰⁵:

a) Trong ngày: Từ đến

b) Trong năm: Từ tháng đến tháng

9. Dự án (công trình; nhóm dự án, công trình) sử dụng khoáng sản¹⁰⁶:.....

¹⁰² Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

¹⁰³ Không áp dụng cho khoáng sản là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

¹⁰⁴ Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính. Đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên là “Lưu lượng khai thác tối đa là: ... m³/ngày”.

¹⁰⁵ Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ.

¹⁰⁶ Ghi rõ tên dự án, công trình hoặc nhóm dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III, nhóm IV cấp cho nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.
3. Các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.¹⁰⁷
4. Các yêu cầu cần thiết khác (trường hợp cần ràng buộc thêm điều kiện khi cấp phép) đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực của Giấy phép khai thác khoáng sản số..../.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

¹⁰⁷ Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại hoặc cấp đổi) số/GP-UBND ngày ... tháng năm..... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố...)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m ² , km ²)		
Mức sâu khai thác cao nhất(m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất(m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	Điểm góc khu vực chồng lấn	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)		Diện tích chồng lấn theo bề mặt (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H1	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 1 (chồng lấn với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 2 chồng lấn với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	m			
.....				

Mức sâu thấp nhất khu vực chông lán (m)	Điểm góc khu vực chông lán	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)		Diện tích chông lán theo bề mặt (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
Hn	1			Diện tích khu vực chông lán thứ n chông lán với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	k			

3. Trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)		Diện tích khu vực không được phép khai thác (ha, m ² , km ²)
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
.....			

16. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: * Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố Tổ chức, cá nhân được xem xét gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: - Việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện để kéo dài thời hạn khai thác đối với trữ lượng còn lại khi giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực. - Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 30 ngày tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn. Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít hơn 30 ngày, người có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp bất khả kháng, trước khi xem xét gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. * Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV Tổ chức, cá nhân được xem xét gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV khi đáp ứng đủ điều kiện sau: - Việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện để kéo dài thời hạn khai thác đối với khối lượng còn lại khi giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực. - Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 25 ngày tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn. Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít hơn 25 ngày, người có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm

	hành chính, trừ trường hợp bất khả kháng, trước khi xem xét gia hạn. <i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV</i> Tổ chức, cá nhân được xem xét gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV khi đáp ứng đủ điều kiện sau: - Việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện để kéo dài thời hạn khai thác đối với khối lượng còn lại khi giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực. - Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn. - Công trình, dự án sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (nếu có) phải còn thời hạn thi công (bao gồm cả thời hạn được gia hạn, điều chỉnh).		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác</i>			

<i>khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố</i>			
	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	x	
	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm đề nghị gia hạn, mặt cắt hiện trạng liên quan kèm theo tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).	x	x
<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV</i>			
	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 05 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	x	
	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)	x	
	Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	x	
	Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo.	x	
<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản</i>			

nhóm IV			
	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 05 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	x	
	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)	x	
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ văn bản điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện các dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	x	x
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày) - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: + Ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc; + Trả kết quả: 02 ngày làm việc		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		

3.6	Phí, lệ phí
	Mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày ngày 05/02/2024, cụ thể: (1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép; (3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép. (4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép. (5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép. (6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên: - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép; - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/01 giấy phép; (7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép.
3.7	Quy trình xử lý công việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày làm việc
<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoan định và công bố</i>			
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (<i>Trong thời hạn không quá 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý</i>)	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	17 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- Tiến hành kiểm tra thực địa, Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ. - Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. <i>Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.</i> - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình cấp gia hạn Giấy phép	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
			làm việc
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	- Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày làm việc
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	1,0 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- TTPVHCC; - Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B6.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc</i> - B5.1: 15,0 ngày làm việc		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- B6.1: 2,0 ngày làm việc - B7.1: 3,0 ngày làm việc - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
	<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản</i>		
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (<i>Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý</i>) - Tiến hành kiểm tra thực địa, Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ. - Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. <i>Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản, địa chất, tài chính, bảo vệ môi trường. Hội đồng có trách nhiệm xem xét toàn diện các vấn đề</i>	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	17 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường, kỹ quỹ, cải tạo phục hồi môi trường của dự án đầu tư khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình cấp gia hạn Giấy phép	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	- Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày làm việc
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	1,0 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- TTPVHCC; - Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B6.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc</i> - B5.1: 15,0 ngày làm việc - B6.1: 2,0 ngày làm việc - B7.1: 3,0 ngày làm việc - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị			

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
<i>gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV</i>			
B4	- Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; kiểm tra tại thực địa; trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến chủ đầu tư dự án, công trình sử dụng khoáng sản về việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV. <i>(Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý)</i> - Tiến hành kiểm tra thực địa, Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản; - Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	03 ngày làm việc
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình cấp gia hạn Giấy phép	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS;	0,25 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
		- Sở NN&MT	
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	Giờ hành chính
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	3,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	- Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày làm việc
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Sở NN&MT;	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B6.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc</i>		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- B5.1: 2,0 ngày làm việc - B6.1: 0,5 ngày làm việc - B7.1: 0,5 ngày làm việc - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 2,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
	<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV</i>		
B4	- Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; kiểm tra tại thực địa; trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan có liên quan về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV. (Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý) - Tiến hành kiểm tra thực địa, Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản; - Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	05 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình cấp gia hạn Giấy phép	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	Giờ hành chính
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	2,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	- Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày làm việc
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	1,0 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- TTPVHCC; - Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B6.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc</i> - B5.1: 2,0 ngày làm việc - B6.1: 0,5 ngày làm việc - B7.1: 0,5 ngày làm việc - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 2,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).		
	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 05 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).		
	Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 18 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		

Mẫu số 04 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi:(Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)

..... (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được(Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép) cho phép khai thác (tên khoáng sản¹⁰⁸)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm

1. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác: (tấn, m³,...) ¹⁰⁹, trong đó:

a) Khoáng sản chính:(tấn, m³,...);

b) Khoáng sản đi kèm:(tấn, m³,...).

2. Trữ lượng khoáng sản còn lại đến thời điểm đề nghị gia hạn: (tấn, m³,...) ¹¹⁰, trong đó:

a) Khoáng sản chính:(tấn, m³,...);

b) Khoáng sản đi kèm:(tấn, m³,...).

3. Đề nghị gia hạn thời gian khai thác:(số năm khai thác)..... năm, đến ngày tháng năm

Lý do đề nghị gia hạn:

.....

(Có kế hoạch tiếp tục khai thác gửi kèm theo).

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁰⁸ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

¹⁰⁹ “Lưu lượng được phép khai thác tối đa là: ... m³/ngày” áp dụng đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

¹¹⁰ Không áp dụng đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

Mẫu số 05 - Phụ lục II
(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được(*Tên cơ quan cấp giấy phép*)..... cho phép khai thác (*tên khoáng sản¹¹¹*)..... tại(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm

Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: (tấn, m³,...).

Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản còn lại đến thời điểm đề nghị gia hạn: (tấn, m³,...).

Đề nghị gia hạn thời gian khai thác:(*số năm khai thác*)..... năm, đến ngày tháng năm

Lý do đề nghị gia hạn:

.....
 (Có kế hoạch tiếp tục khai thác gửi kèm theo).

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

¹¹¹ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khếp góc			(TÊN BẢN ĐỒ).....	CHỈ DẪN
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...		(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)...., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....	
	X(m)	Y(m)		
1			Nền địa hình	
2				
...				
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)			“Được trích lục từ tờ bản đồ Tỷ lệ:..... địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu.....”	 Khung tọa độ
Tổ chức, cá nhân lập bản đồ (Ký, đóng dấu)			Tổ chức, cá nhân¹¹²..... (Ký, đóng dấu)	

¹¹² Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên
 - Năm sinh
5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép.....
 - Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 - Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
 - Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
 - Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác:..... ;
 - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....¹¹³:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản¹¹⁴

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản

¹¹³ Thời điểm báo cáo

¹¹⁴ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo¹¹⁵

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

¹¹⁵ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 18 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số:...../GP-UBND **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Gia hạn)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số/...../TT-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-UBND ngày tháng năm của (Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản của (tên tổ chức, cá nhân) ngày tháng năm

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-UBND ngày tháng năm để (Tên tổ chức, cá nhân) được tiếp tục khai thác (tên khoáng sản) tại khu vực (mỏ) (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh) đến ngày tháng năm

Điều 2. (*tên tổ chức, cá nhân*) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Tiếp tục thực hiện khai thác trữ lượng (khối lượng) khoáng sản còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-UBND ngày tháng năm
3. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-UBND ngày tháng năm

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-UBND ngày tháng năm của (*Tên cơ quan cấp giấy phép*)/.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- Các Sở, ngành liên quan (bản sao);
- UBND.....(*Tên cấp xã*)... (bản sao).

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

17. Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: <i>* Trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố</i> Đối với trường hợp tăng hoặc giảm công suất khai thác hoặc thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; tổ chức, cá nhân được xem xét điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khi đáp ứng các điều kiện sau: - Được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư khai thác khoáng sản điều chỉnh hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có); trừ trường hợp quy định tại khoản 1a Điều 57 của Luật Địa chất và khoáng sản; - Được cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công chấp thuận bằng văn bản đối với nội dung điều chỉnh so với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; - Trường hợp điều chỉnh giảm công suất và kéo dài thời gian khai thác so với thời gian quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp, thời hạn khai thác sau khi điều chỉnh (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản, thời gian khai thác trước đó) không vượt quá thời hạn khai thác quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: thời hạn khai thác bao gồm thời gian xây dựng cơ bản, thời gian khai thác được xác định theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản nhưng không quá 30 năm và có thể được gia hạn nhiều lần theo đề nghị của tổ chức, cá nhân có giấy phép

	khai thác khoáng sản, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá 20 năm). * Trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV a) Việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đối với trường hợp thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép, mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản cho tổ chức cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản chỉ được thực hiện khi đã có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV ở phần mở rộng hoặc xuống sâu của khu vực khai thác. b) Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 được xem xét điều chỉnh khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây: - Đáp ứng điều kiện quy định điểm a mục này; - Đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV có kèm theo điều chỉnh thời hạn khai thác, công trình, dự án sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (nếu có) phải còn thời hạn thi công (bao gồm cả thời hạn được gia hạn, điều chỉnh); - Đối với trường hợp thay đổi hoặc bổ sung công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản, công trình, dự án đề nghị thay đổi hoặc bổ sung vào giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đã được cấp trực tiếp cho nhà đầu tư, chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công phải do nhà đầu tư, chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công đó thực hiện.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ

	khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	3.2.1. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố đề nghị: Điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; Tăng hoặc giảm công suất khai thác; Thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; Bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm (trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 64 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 23 Điều 1 của Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ)		
	- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	- Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác, mặt cắt hiện trạng liên quan tại thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	- Bản sao hợp lệ báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản điều chỉnh được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư;		x
	- Bản chính báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	x	
	- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất	x	x

	cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với dự án điều chỉnh; trừ trường hợp quy định tại khoản 1a Điều 57 của Luật Địa chất và khoáng sản;		
	- Bản sao hợp lệ văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với nội dung điều chỉnh so với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.		x
3.2.2. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố đề nghị trả lại một phần diện tích khai thác			
	Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại, bản đồ khu vực khai thác đối với phần diện tích còn lại tiếp tục khai thác (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính từ thời điểm cấp phép đến thời điểm đề nghị trả lại (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	x	
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ phương án đóng cửa mỏ một phần khu vực khai thác đề nghị trả lại (Mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).	x	
3.2.3. Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép			

<i>khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố có một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản</i>			
	Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh diện tích, bản đồ khu vực khai thác đối với phần diện tích còn lại tiếp tục khai thác (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính phương án đóng cửa mỏ một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản sao hợp lệ báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản điều chỉnh được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư;		x
	Bản sao hợp lệ văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với nội dung điều chỉnh so với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.		x
<i>3.2.4. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố đề nghị điều chỉnh tăng mức sâu khai thác hoặc mở rộng ranh giới khu vực khai thác sau khi kết quả thăm dò xuống sâu, mở rộng được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền công nhận; mở rộng ranh giới khu vực khai thác khoáng sản nhằm khai thác tối đa trữ lượng khoáng sản đã</i>			

<i>phê duyệt hoặc công nhận trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản</i>			
	Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản sao hợp lệ tài liệu, bản vẽ thể hiện nội dung điều chỉnh so với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật về xây dựng;		x
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với dự án điều chỉnh;	x	x
	Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác, mặt cắt hiện trạng liên quan tại thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).	x	
<i>3.2.5. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố đề nghị điều chỉnh tọa độ các điểm khếp góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khác quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận</i>			
	Bản chính văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả rà soát, so sánh bản đồ gốc và bản đồ đo vẽ, xác lập tọa độ tại thời điểm cấp phép	x	

	và hiện tại của tổ chức, cá nhân.		
3.2.6. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoạch định và công bố đề nghị điều chỉnh bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm là khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản nhóm IV (bao gồm đất, đá tầng phủ, xen kẹp được xác định phải thải loại trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản) để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và d khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản			
	Bản chính văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)	x	
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	x	
	Bản chính phương án khai thác khoáng sản và sử dụng khoáng sản đi kèm (Mẫu số 39 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).	x	
3.2.7. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoạch định và công bố đề nghị điều chỉnh nội dung chế biến khoáng sản, mục đích sử dụng, tiêu thụ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 16/01/2026			
	Bản chính văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	

	Bản chính phương án chế biến, sử dụng, tiêu thụ khoáng sản và so sánh với phương án theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp (Mẫu số 40 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)	X	
3.2.8. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố đề nghị thay đổi tên gọi			
	Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).	X	
3.2.9. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản			
	Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	X	
	Bản chính kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo;	X	
	Bản chính báo cáo kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản	X	

	(Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);		
	Bản sao hợp lệ dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh theo quy định pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.	x	
3.2.10. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản			
	Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)	x	
	Bản chính kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo	x	
	Bản sao hợp lệ dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh theo quy định pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.		x
3.2.11. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị điều chỉnh công suất khai thác khoáng sản nhóm IV để phục vụ công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản hoặc tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị thay đổi hoặc bổ sung công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản			

	Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	x	
	Bản chính kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo;	x	
	Văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản		x
	Bản sao hợp lệ dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh theo quy định pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.		x
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
3.4.1	<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố đề nghị: Điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; Tăng hoặc giảm công suất khai thác; Thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; Trả lại một phần diện tích khai thác; Bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm, trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 64 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 23 Điều 1 của Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; Tăng mức sâu khai thác hoặc mở rộng ranh giới khu vực khai thác sau khi kết quả thăm dò xuống sâu, mở rộng được cơ</i>		

	<i>quan nhà nước, người có thẩm quyền công nhận; mở rộng ranh giới khu vực khai thác khoáng sản nhằm khai thác tối đa trữ lượng khoáng sản đã phê duyệt hoặc công nhận trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; Điều chỉnh nội dung chế biến khoáng sản, mục đích sử dụng, tiêu thụ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 16/01/2026</i>
	Tổng thời gian là 34 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt (trường hợp lấy ý kiến Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản đất hiếm thì thời gian lấy ý kiến không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.
3.4.2	<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố đề nghị: Thay đổi tên gọi của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; Điều chỉnh tọa độ các điểm khếp góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khác quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận; Bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm là khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản nhóm IV (bao gồm đất, đá tảng phủ, xen kẹp được xác định phải thải loại trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản) để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản</i>
	Tổng thời gian là 17 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.
3.4.3	<i>Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố có một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản</i>

	Tổng thời gian là 29 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.
3.4.4	<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị: Thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; Mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; Tăng công suất khai thác khoáng sản; Thay đổi tên gọi của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản</i>
	Tổng thời gian là 18 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra, rà soát và thẩm định hồ sơ: 11 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 05 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.
3.4.5	<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị: Thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; Mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; Tăng công suất khai thác khoáng sản; Thay đổi tên gọi của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; Thay đổi hoặc bổ sung công trình, dự án sử dụng khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản</i>
	Tổng thời gian là 10 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra, rà soát và thẩm định hồ sơ: 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 03 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 03 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ

	trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Thời hạn trả kết quả: bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho tổ chức đề nghị điều chỉnh giấy phép ngay khi nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.		
3.4.6	<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị điều chỉnh công suất khai thác khoáng sản nhóm IV để phục vụ công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản</i>		
	Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	<i>1. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố đề nghị: Điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; Tăng hoặc giảm công suất khai thác; Thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; Trả lại một phần diện tích khai thác; Bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm (trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 64 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 23 Điều 1 của Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của</i>		

Chính phủ); Tăng mức sâu khai thác hoặc mở rộng ranh giới khu vực khai thác sau khi kết quả thăm dò xuống sâu, mở rộng được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền công nhận; mở rộng ranh giới khu vực khai thác khoáng sản nhằm khai thác tối đa trữ lượng khoáng sản đã phê duyệt hoặc công nhận trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; Điều chỉnh nội dung chế biến khoáng sản, mục đích sử dụng, tiêu thụ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 16/01/2026			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (<i>Trong thời hạn không quá 16 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý</i>) - Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; thăm định các tài liệu, hồ sơ - Tiến hành kiểm tra thực địa. - Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	17,0 ngày làm việc

	khoáng sản. - Việc xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả được thực hiện đồng thời với quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản. Trường hợp việc xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phức tạp, kéo dài, tổ chức, cá nhân được phép thực hiện bảo lãnh ngân hàng hoặc ký quỹ theo số tiền tạm tính do Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo làm cơ sở để Chủ tịch UBND Thành phố điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định. Tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng được hoàn trả sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND Thành phố. - Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình cấp phép	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải	0,5 ngày

		quyết HS	làm việc
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở NN&MT;	1,0 ngày làm việc
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	1,0 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- TTPVHCC; - Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B14.1, trong đó thời gian tại các</i>		

	<i>bước như sau (thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc)</i> - B5.1: 16,0 ngày - B6.1: 2,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
2. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoan định và công bố đề nghị: Thay đổi tên gọi của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; Điều chỉnh tọa độ các điểm khếp góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khác quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận; Bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm là khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản nhóm IV (bao gồm đất, đá tảng phủ, xen kẹp được xác định phải thải loại trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản) để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	0,5 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài	- Trưởng phòng	0,5 ngày

	nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	Khoáng sản & Tài nguyên nước;	
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ, kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ - Trong trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra thực địa đối với trường hợp điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khác quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận hoặc bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm là khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản nhóm IV (bao gồm đất, đá tảng phủ, xen kẹp được xác định phải thải loại trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản) để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1. - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	7,0 ngày làm việc
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình cấp phép	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS;	0,25 ngày

		- Sở NN&MT	
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	2,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- TTPVHCC; - Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau (thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 10 ngày làm việc)</i> <i>- B6.1: 7,0 ngày làm việc</i>		

	- B7.1: 1,0 ngày - B8.1: 1,0 ngày - B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 0,25 ngày - B12.1: 2,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc - B14.1: 1,0 ngày làm việc		
3. Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoan định và công bố trong trường hợp một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ, kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ - Trong trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra thực địa. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	12,0 ngày làm việc

	bước B5.1. - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình cấp phép	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày

B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- TTPVHCC; - Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau (thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 10 ngày làm việc)</i> - B5.1: 7,0 ngày làm việc - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 1,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4. Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị: Thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; Mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; Tăng công suất khai thác khoáng sản; Thay đổi tên gọi của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố			

<i>là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản</i>			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	0,5 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; - Kiểm tra tại thực địa đối với trường hợp điều chỉnh mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. - Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan có liên quan về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đối với trường hợp mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; Lấy ý kiến Sở Xây dựng về nội dung điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đối với các trường hợp thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép, mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản, tăng công suất khai thác khoáng sản (trong thời hạn không quá 05 ngày	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	6,0 ngày làm việc

	làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan). - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1. - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình cấp phép	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	3,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày

B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- TTPVHCC; - Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau (thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 10 ngày làm việc)</i> - B5.1: 7,0 ngày làm việc - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 1,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 3,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc			
5. Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị: Thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; Mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; Tăng công suất khai thác khoáng sản; Thay đổi tên gọi của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; Thay đổi hoặc bổ sung công trình, dự án sử dụng khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động			

<i>khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản</i>			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	0,5 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; - Kiểm tra tại thực địa đối với trường hợp điều chỉnh mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. - Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan có liên quan về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đối với trường hợp mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; (trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan). - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	4,0 ngày làm việc

	- Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình cấp phép	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	2,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở NN&MT	Giờ hành chính
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày

B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- TTPVHCC; - Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau (thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 10 ngày làm việc)</i> - B5.1: 7,0 ngày làm việc - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 1,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 2,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
6. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị điều chỉnh công suất khai thác khoáng sản nhóm IV để phục vụ công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	0,5 ngày

B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1. - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình cấp phép	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	2,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở NN&MT	Giờ hành chính
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	Giờ hành chính
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ	Phó phòng &	1,0 ngày

	không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Chuyên viên giải quyết HS	
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- TTPVHCC; - Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau (thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 07 ngày làm việc)</i> - B5.1: 4,0 ngày làm việc - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 1,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 2,0 ngày làm việc - B12.1: Giờ hành chính - B13.1: Giờ hành chính		
4	Biểu mẫu		
	Mẫu số 08 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)		
	Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả		

	lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>)
	Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 26 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).
	Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả cho nhà nước đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Mẫu số 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025) hoặc Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả giữa các tổ chức, cá nhân đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Mẫu số 06 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).
	Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (Mẫu số 27 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

Mẫu số 08 - Phụ lục II
(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép*).....

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*)

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax:

Được (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép*)
 cho phép khai thác (*tên khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm¹¹⁶*) tại
 thuộc (*tên cấp xã*), ... (*tên cấp tỉnh*) theo Giấy phép khai
 thác khoáng sản số ngày tháng năm

1. Đề nghị được điều chỉnh nội dung của giấy phép khai thác khoáng sản nêu trên như sau:

- (*nội dung theo Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp*);

- (*nội dung đề nghị điều chỉnh*);

2. Diện tích khu vực khoáng sản đề nghị trả lại, tiếp tục khai thác¹¹⁷:

- Diện tích khu vực đã được cấp phép khai thác: (ha, m², km²).

- Diện tích đề nghị trả lại: (ha, m², km²).

- Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác: (ha, m², km²).

(Diện tích đề nghị trả lại và không gian khu vực đề nghị được tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo).

3. Lý do đề nghị điều chỉnh:

.....

* Đề nghị thực hiện kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản với nội dung như sau¹¹⁸:

¹¹⁶ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

¹¹⁷ Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

¹¹⁸ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.

- Thời gian đề nghị gia hạn:

- Lý do gia hạn:

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(*Ký tên, đóng dấu*)

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN¹¹⁹**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác khoáng sản
ngày tháng năm)*

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều ...)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực đề nghị trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa khu vực tiếp tục khai thác với các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	Điểm góc khu vực chồng lấn	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)		Diện tích chồng lấn theo bề mặt (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H1	1			Diện tích khu

¹¹⁹ Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

Mức sâu thấp nhất khu vực chông lán (m)	Điểm góc khu vực chông lán	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)		Diện tích chông lán theo bề mặt (ha, m ² , km ²) vực chông lán thứ 1 (chông lán với Giấy phép số...)
		X (m)	Y (m)	
	2			
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chông lán thứ 2 chông lán với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	m			
.....				
Hn	1			Diện tích khu vực chông lán thứ n chông lán với Giấy phép số...)
	2			
	...			

3. Trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)		Diện tích khu vực không được phép khai thác (ha, m ² , km ²)
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
.....			

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khếp góc			(TÊN BẢN ĐỒ).....	CHỈ DẪN
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...		(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)...., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....	
	X(m)	Y(m)		
1			Nền địa hình	
2				
...				
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)			“Được trích lục từ tờ bản đồ Tỷ lệ:..... địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu.....”	 Khung tọa độ
Tổ chức, cá nhân lập bản đồ (Ký, đóng dấu)			Tổ chức, cá nhân¹²⁰..... (Ký, đóng dấu)	

¹²⁰ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
 Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
 2. Loại hình doanh nghiệp:
 3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên
 - Năm sinh
 5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép.....
 - Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 - Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
 - Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
 - Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác:..... ;
 - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....¹²¹:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản¹²²

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83

¹²¹ Thời điểm báo cáo

¹²² Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

(đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo¹²³

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

¹²³ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
***(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh).....***

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(nếu có)
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy

ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;
- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;
- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;
- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác

khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.
- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;
- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;
- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải*

thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên

cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);

- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 39 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN ĐI KÈM
(Tên khu vực....., thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....)

Địa danh....., năm 20...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN ĐI KÈM
(Tên khu vực....., thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
 (Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
 (nếu có)
 (Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh....., năm 20...

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin tổ chức khai thác khoáng sản

- Tên tổ chức:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:, Fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

2. Cơ sở lập Phương án

2.1. Cơ sở pháp lý

- Giấy phép khai thác khoáng sản.
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường (nếu có).
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng, tài nguyên (nếu có).
- Hợp đồng thuê đất (nếu có).
- Các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư có liên quan.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan.

2.2. Tài liệu cơ sở

- Báo cáo kết quả thăm dò, tài liệu thăm dò địa chất mỏ, địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có) và quyết định phê duyệt, công nhận.
- Dự án đầu tư, Thiết kế cơ sở, Thiết kế mỏ đã được thẩm định, phê duyệt.
- Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng; báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê, kiểm kê sản lượng khoáng sản khai thác thực tế, trữ lượng (khối lượng) khoáng sản còn lại.
- Các tài liệu kỹ thuật khác.

3. Sự cần thiết và mục tiêu khai thác

- Sự cần thiết.
- Mục tiêu khai thác.

PHẦN I: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

I. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT MỎ

1. Vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội

Nêu khái quát về vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực dự án.

2. Đặc điểm địa chất mỏ

Trình bày tóm tắt về đặc điểm địa chất mỏ khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình; bổ sung các kết quả nghiên cứu về đặc điểm địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có).

3. Khối lượng và chất lượng khoáng sản

Tổng hợp về khối lượng và chất lượng của khoáng sản khu vực nghiên cứu lập phương án khai thác.

4. Đánh giá mức độ tin cậy của tài liệu địa chất

Đánh giá mức độ khảo sát, đánh giá, thăm dò (nếu có), độ tin cậy của tài liệu địa chất đã được phê duyệt hoặc công nhận phục vụ công tác thiết kế và kiến nghị bổ sung (nếu có).

5. Hiện trạng mỏ

- Mô tả đặc điểm, hiện trạng mỏ.
- Phạm vi đề nghị khai thác, sử dụng khoáng sản đi kèm.

II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

1. Biên giới và khối lượng trong khai trường

1.1. Biên giới khai trường

Nêu nguyên tắc và xác định ranh giới khai trường: tọa độ, diện tích, mức sâu khai thác của khai trường.

1.2. Khối lượng khoáng sản trong khai trường

- Tính toán khối lượng khai trường bao gồm: Khối lượng khoáng sản trong ranh giới khảo sát, đánh giá và khối lượng khoáng sản dự kiến huy động vào khai thác (được quy đổi theo khoáng sản nguyên khai).
- Tính toán khối lượng đất thổ nhưỡng cần lưu giữ phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường.
- Lập bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.

2. Chế độ làm việc, công suất và thời gian khai thác

- Xác định chế độ làm việc bộ phận trực tiếp, gián tiếp trong các công đoạn khai thác.
- Xác định công suất khai thác mỏ.
- Thời gian, chế độ khai thác: Trên cơ sở khối lượng khoáng sản dự kiến huy động vào khai thác; tính toán thời gian khai thác phù hợp.

3. Phương án xúc bốc

- Mô tả phương án xúc bốc.
- Liệt kê danh mục các thiết bị xúc bốc, đặc tính kỹ thuật cơ bản các loại thiết bị chính

4. Công tác vận tải

- Mô tả khối lượng vận tải và phương thức vận tải hợp lý. Mô tả năng suất và số lượng thiết bị vận tải cần thiết theo từng năm.
- Mô tả tuyến đường vận tải.

5. Kỹ thuật an toàn

- Mô tả các biện pháp bảo đảm an toàn cho cộng đồng dân cư xung quanh khu vực mỏ, các công trình cần bảo vệ.
- Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn trong công tác xúc bốc, vận tải.

6. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động

- Xây dựng sơ đồ quản lý, tổ chức các bộ phận sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.
- Xây dựng biên chế lao động; năng suất lao động.

7. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có)

- Tính toán nhu cầu sử dụng đất; thông tin, số liệu về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có).
- Xây dựng phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tiến độ khai thác của mỏ.

8. Các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước

Kê khai các khoản thuế, phí, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định hiện hành.

PHẦN II. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động khai thác khoáng sản có khả năng tác động xấu đến môi trường.
2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đa dạng sinh học; đánh giá hiện trạng môi trường; nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi khai thác khoáng sản.
3. Nhận dạng, đánh giá, dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của hoạt động khai thác khoáng sản đến môi trường; quy mô, tính chất của chất thải; tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa và yếu tố nhạy cảm khác; tác động do giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường.
4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải.
5. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có); phương án bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
6. Công trình, biện pháp cải tạo phục hồi môi trường khi đóng cửa mỏ khoáng sản; thông số kỹ thuật của mỏ sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản.
7. Tính toán, xác định kinh phí để thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

8. Số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; tiến độ kỹ quỹ.
9. Kết luận, kiến nghị và cam kết của tổ chức khai thác.

PHẦN III. PHỤ LỤC KÈM THEO

Các bản vẽ, tài liệu có liên quan.

Tổ chức, cá nhân lập Phương án

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 40 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

PHƯƠNG ÁN CHẾ BIẾN, SỬ DỤNG, TIÊU THỤ KHOÁNG SẢN
*(Tên khu vực....., thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh).....)*

Địa danh....., năm 20...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

PHƯƠNG ÁN CHẾ BIẾN, SỬ DỤNG, TIÊU THỤ KHOÁNG SẢN
(Tên khu vực....., thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh....., năm 20...

PHẦN I. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Thông tin tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

- Tên tổ chức:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:, Fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

2. Cơ sở lập Phương án

2.1. Cơ sở pháp lý

- Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp.
- Văn bản phê duyệt quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng (nếu có).
- Các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư có liên quan.

2.2. Tài liệu cơ sở

- Tài liệu khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản;
- Các tài liệu kỹ thuật khác.

3. Địa chỉ chế biến, sử dụng, tiêu thụ theo giấy phép khai thác khoáng sản được cấp

Trình bày rõ địa chỉ chế biến, sử dụng, tiêu thụ theo giấy phép khai thác khoáng sản được cấp.

4. Địa chỉ chế biến, sử dụng, tiêu thụ đề nghị điều chỉnh

- Địa chỉ chế biến, sử dụng, tiêu thụ đề nghị điều chỉnh.
- Lý do đề nghị điều chỉnh.

5. So sánh phương án đề nghị điều chỉnh với phương án theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp

So sánh, đánh giá các tác động của việc thay đổi phương án chế biến, sử dụng, tiêu thụ khoáng sản so với phương án theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

PHẦN II. CÁC TÀI LIỆU PHÁP LÝ LIÊN QUAN

Các văn bản pháp lý liên quan việc điều chỉnh phương án.

Tổ chức, cá nhân lập Phương án

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 26 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số/...../TT-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản ngày tháng năm của (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh (nội dung, điều, khoản,...) của Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của (Tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên tổ chức, cá nhân) khai thác (tên khoáng sản) tại khu vực (mỏ) thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh) như sau:

1. (nội dung theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp)

2. (*nội dung điều chỉnh*)¹²⁴
3. Không gian khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác¹²⁵:
- a) Diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại: (ha, m², km²).
- b) Diện tích khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản: (ha, m², km²).
- c) Mức sâu khai thác tại khu vực tiếp tục khai thác: Từ (m) đến (m).
- d) Thời hạn tiếp tục khai thác: ¹²⁶

Diện tích khu vực trả lại và không gian khu vực tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II¹²⁷ kèm theo giấy phép này.

Điều 2¹²⁸. Chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:
2. Diện tích thực hiện:
3. Khối lượng thực hiện:
4. Thời gian thực hiện:
5. Đơn vị thực hiện:

Điều 3¹²⁹. (*Tên tổ chức, cá nhân*) có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có);
2. Tiếp tục khai thác khoáng sản, thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số
3. Chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản tại phần diện tích trả lại; thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan đối với phần diện tích trả lại theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.
4. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản đối với phần diện tích trả lại sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của

¹²⁴ Không áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. Nội dung điều chỉnh có thể kết hợp gia hạn trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện đồng thời thủ tục gia hạn, điều chỉnh.

¹²⁵ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

¹²⁶ Áp dụng trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện đồng thời thủ tục gia hạn, điều chỉnh.

¹²⁷ Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

¹²⁸ Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khi điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

¹²⁹ Khoản 3 và khoản 4 Điều này chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

Giấy phép khai thác khoáng sản số

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

Mẫu số 27 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi,
bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản,
được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm
2026 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai
thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số/...../TT-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng
sản;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm
của*

*Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác khoáng sản ngày tháng
..... năm của (tên tổ chức, cá nhân)*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh (nội dung, điều, khoản, ...) quy định trong Giấy
phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của
(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho (tên tổ chức, cá nhân) khai
thác (tên khoáng sản) tại khu vực (mỏ) thuộc (tên cấp xã)
....., ... (tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. (nội dung theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp)

2. (*nội dung điều chỉnh*)¹³⁰

3. Không gian khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác¹³¹:

a) Diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại: (ha, m², km²);

b) Diện tích khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản: (ha, m², km²);

c) Mức sâu khai thác tại khu vực tiếp tục khai thác: Từ (m) đến (m).

Diện tích khu vực trả lại và không gian khu vực tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II¹³² kèm theo giấy phép này.

Điều 2¹³³. Đóng cửa mỏ phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại.

Mục đích đóng cửa mỏ:.....

Điều 3. (*Tên tổ chức, cá nhân*) có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có);

2. Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số

3. Chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản tại phần diện tích trả lại¹³⁴.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ... (*tổ chức, cá nhân*) và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

¹³⁰ Không áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

¹³¹ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

¹³² Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

¹³³ Chỉ áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

¹³⁴ Chỉ áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

Mẫu số 05 - Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**UBND TỈNH
(THÀNH PHỐ).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí
thăm dò khoáng sản phải hoàn trả**

**đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc
.....(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)...

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và
khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi
phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn
bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản,
thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê
duyet, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu
giá quyền khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm
của(Cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho.....(Tên tổ chức, cá nhân được
cấp giấy phép).....;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm
năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với mỏ
.....(tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh)..... lập ngày tháng năm;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình
(Phiếu trình) số/..... ngày tháng năm 20..... về việc trình phê
duyet kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò
khoáng sản phải hoàn trả của mỏ(tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực
thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của(tên mỏ khoáng sản) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép)..... với tổng số tiền là: đồng (số tiền viết bằng chữ).

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản)..... có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền nêu tại Điều 1 của Quyết định này vào Tài khoản số của(Tên đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả) thuộc mở tại Kho bạc nhà nước(Tên Kho bạc nhà nước nơi đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả mở tài khoản)..... theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân (Tên tỉnh (thành phố)).....; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc (Thủ trưởng)(Đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả).....;(Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản)..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Kho bạc nhà nước khu vực (để phối hợp);
- Lưu: VT, ĐCKS (12).

CHỦ TỊCH

Mẫu số 06 - Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**UBND TỈNH
(THÀNH PHỐ).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối
với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp
xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)...

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng
sản;*

*Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí
đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản
trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò
khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết
toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai
thác khoáng sản;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm
của(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho.....(Tên tổ chức, cá nhân được
cấp giấy phép).....;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm
năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với mỏ(tên
mỏ khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh)..... lập ngày tháng năm;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình (Phiếu
trình) số/..... ngày tháng năm 20..... về việc trình phê duyệt kết
quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của mỏ(tên mỏ
khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh).....*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của(tên mỏ khoáng sản) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép)..... với tổng số tiền là: đồng (số tiền viết bằng chữ).

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản)..... có trách nhiệm hoàn trả số tiền tại Điều 1 của Quyết định này cho(Tên tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản).....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân (Tên tỉnh (thành phố)).....; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc (Thủ trưởng)(Đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả).....;(Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản)....., ...(Tên tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản)..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: VT, ĐCKS (12).

CHỦ TỊCH

18. Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: * Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố Tổ chức, cá nhân được xem xét trả lại giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: - Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản không có nhu cầu tiếp tục khai thác khoáng sản; - Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 65 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 25 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. * Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV Tổ chức cá nhân được xem xét trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV khi có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ và nộp trước ngày giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV hết thời hạn khai thác.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết

	một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản (quy định tại điểm c khoản 4 Điều 82 của Luật Địa chất và khoáng sản)</i>		
	Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, trong đó nêu rõ lý do chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản (Mẫu số 10 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính giấy phép khai thác khoáng sản	X	
	<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố (trừ trường hợp chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản)</i>		

	Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 10 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm đề nghị trả lại (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính từ thời điểm cấp phép đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	x	
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ các văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.	x	
<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV</i>			
	Bản chính bản bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 10 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	x	
	Bản chính báo cáo kết quả thực hiện đóng cửa mỏ tính đến thời điểm đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-	x	

	BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	<i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoan định và công bố</i> Tổng thời gian là 34 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV</i> Tổng thời gian là 25 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra, rà soát và thẩm định hồ sơ: 18 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		

	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	<i>1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và d khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố</i>		
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (Trong thời hạn không quá 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	18,0 ngày làm việc

	nếu đã đồng ý) - Tiến hành kiểm tra thực địa; Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ - <i>Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.</i> - Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình trả lại Giấy phép <i>* Trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản (quy định tại điểm c khoản 4 Điều 82 của Luật Địa chất và khoáng sản), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản kết hợp với việc cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.</i>	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,5 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS;	0,25 ngày làm việc

B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở NN&MT.	1,0 ngày làm việc
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	1,0 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B6.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc</i> - B5.1: 15,0 ngày - B6.1: 2,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày		

	- B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 1,0 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý) - Tiến hành kiểm tra thực địa; Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	18,0 ngày làm việc

	- Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản, địa chất, tài chính, bảo vệ môi trường. Hội đồng có trách nhiệm xem xét toàn diện các vấn đề về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường, ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường của dự án đầu tư khai thác khoáng sản; đề thẩm định hồ sơ trước khi trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản. - Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình trả lại Giấy phép * Trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản (quy định tại điểm c khoản 4 Điều 82 của Luật Địa chất và khoáng sản), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản kết hợp với việc cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,5 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS;	0,25 ngày làm việc

B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở NN&MT.	1,0 ngày làm việc
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	1,0 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B6.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc</i> - B5.1: 15,0 ngày - B6.1: 2,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày		

	- B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 1,0 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
3. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý) - Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	6,5 ngày làm việc

B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình trả lại Giấy phép	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS;	0,25 ngày làm việc
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	3,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở NN&MT.	1,0 ngày làm việc
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày

B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B6.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 08 ngày làm việc</i> - B5.1: 5,0 ngày - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 1,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 1,0 ngày - B11.1: 3,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Mẫu số 10 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>)		
	Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>)		
	Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>)		
	Mẫu số 05 - Phụ lục: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>)		
	Mẫu số 06 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên và khí đồng hành cùng nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>)		
	Mẫu số 07 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản ở lòng sông, lòng hồ và khu vực biển (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày</i>		

	02/7/2025)
	Mẫu số 08 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>)
	Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 30 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).
	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 18 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).
	Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 30 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).
	Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 31 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

Mẫu số 10 - Phụ lục II
*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày ... tháng ... năm ...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: *(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax

Được *(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)* cho
phép khai thác *(tên khoáng sản¹³⁵)* tại *(tên cấp xã)*
....., ... *(tên cấp tỉnh)* theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày
..... tháng năm

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nêu trên.

Lý do đề nghị trả lại:

.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)* cam kết thực hiện đúng quy định của pháp
luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

¹³⁵ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khếp góc

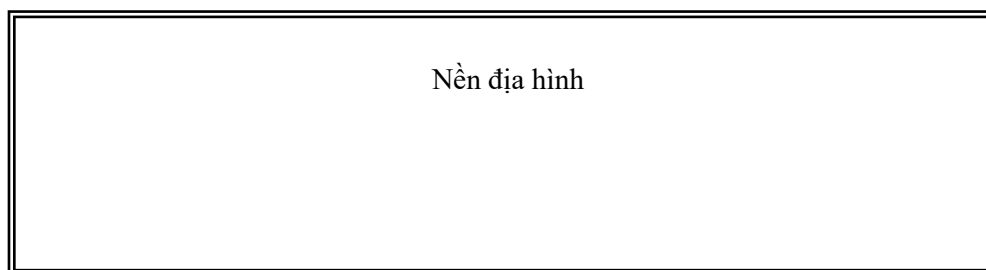
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ Tỷ lệ:.....
địa hình (hoặc thành lập trên
nền bản đồ địa hình quốc gia)
tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi
chiều..., số hiệu.....”

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹³⁶.....
(Ký, đóng dấu)

¹³⁶ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
 2. Loại hình doanh nghiệp:
 3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên
 - Năm sinh
 5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép.....
 - Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 - Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
 - Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
 - Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác:..... ;
 - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....¹³⁷:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản¹³⁸

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83

¹³⁷ Thời điểm báo cáo

¹³⁸ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

(đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo¹³⁹

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05 - Phụ lục

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)

¹³⁹ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

***(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....***

Địa danh, tháng năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

*(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã),
..... (tên cấp tỉnh)*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (dưới đây gọi tắt là đề án).
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập đề án.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập đề án

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập đề án.
- 2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến đề án.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đề án.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.
- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ khoáng sản phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;
- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Đề án/dự án/phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản,..... đã được phê duyệt; hiện trạng khu vực khai thác (các moong khai thác, lò khai thác), các công trình phụ trợ trên bề mặt mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;
- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ, TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LỊCH SỬ KHAI THÁC

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

1.1. Vị trí địa lý: Mô tả vị trí, toạ độ khu vực thực hiện đề án (khai trường, mặt bằng sản công nghiệp, khu phụ trợ, bãi thải), ranh giới tiếp giáp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội: Mô tả đặc điểm địa hình, sông suối, đặc điểm khí hậu, đặc điểm giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, điều kiện kinh tế - xã hội nơi đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Các đối tượng xung quanh khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (*bao gồm cả*

phạm vi trên mặt và dưới sâu).

2. Lịch sử khai thác

Nêu khái quát quá trình khai thác của khu vực khoáng sản theo từng giai đoạn: Giai đoạn trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra trong khai thác khoáng sản và kết quả khắc phục các tồn tại, vi phạm (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung kết luận thanh tra, thông báo khắc phục và yêu cầu kiến nghị, xử lý các tồn tại, vi phạm và kết quả khắc phục (nếu có).

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ khai thác;
- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt.

Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu.

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;
- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong khai thác khoáng sản;
- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.
- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ,...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác,... Cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;
- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;
- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong đề án khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương án thực hiện các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án. Lập bảng thống kê khối lượng theo Phương án (Đề án, Dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, khối lượng đã thực hiện (nếu có) và khối lượng còn phải phải thực hiện (khối lượng đóng cửa mỏ).

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện các hạng mục công trình của đề án.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường) trong quá trình thực hiện đề án.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công các hạng mục công trình của đề án.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (*trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá*), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các hạng mục công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công đề án; nguyên, nhiên liệu sử dụng; biện pháp kỹ thuật, an toàn.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ.
5	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng của khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
6	Bình đồ phân khối trữ lượng.
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản.
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu (nếu có).
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
10	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);

- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

*(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh).....*

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

*(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....*TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(nếu có)

(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án
- Bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy

ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;
- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;
- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;
- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác

khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.
- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;
- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;
- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải*

thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên

cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);

- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 09 - Phụ lục

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

Địa danh....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN (PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Người đại diện pháp luật:

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:.....

Thực hiện Quyết định số ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)..... về việc phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản.....(Tên Đề án (Phương án)).....;

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản như sau:

1. Nội dung chính của Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản

- Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản: ;
- Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản: ;
- Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản:.....ha/km².

2. Kết quả thực hiện

a) Kết quả hoạt động khai thác:

- Sản lượng thực tế đã khai thác: Khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm (tách riêng từng loại khoáng sản).
- Khối lượng đất, đá thải mỏ.
- Trữ lượng tài, nguyên còn lại.

b) Các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

.....

.....

c) Hạng mục, khối lượng và phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

.....

d) Công tác giám sát và bảo vệ môi trường trong quá trình đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

.....

đ) Các giải pháp đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

.....

e) Công tác sử dụng đất đai:

.....

.....

3. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị

Đánh giá chung về tình hình thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản so với Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Lý do hoàn thành (hoặc không hoàn thành) các nội dung của Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Các đề xuất, kiến nghị liên quan.

Tài liệu gửi kèm theo:

- Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Hồ sơ nghiệm thu các hạng mục, khối lượng theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Mẫu số 30 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Số:...../QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;**Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của**Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân)..... được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Điều 2¹⁴⁰. Phê duyệt Đề án (Chấp thuận Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:.....

2. Diện tích thực hiện:

3. Khối lượng thực hiện:

¹⁴⁰ Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục phê duyệt đề án hoặc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với thủ tục trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.

4. Thời gian thực hiện:

5. Đơn vị thực hiện:

Điều 3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm:

1. Nộp tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)... theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

3. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 31 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Số:...../QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;**Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của;**Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân)..... được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Điều 2. Đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích:.....

2. Diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², có tọa độ chi tiết tại

Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm nộp tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)... theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

Phụ lục**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ...
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

Mẫu số 18 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đóng cửa mỏ khoáng sản
(đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi,
bổ sung một số điều theo Luật số 147/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi,
bổ sung một số điều tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa
chất và khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi,
bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, được
sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng
01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung
đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn
bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo
vệ môi trường;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm
của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho
phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... được khai thác(tên loại khoáng
sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;*

*Căn cứ Quyết định (Thông báo) số ngày tháng năm của
.....(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt (chấp thuận) đề án
(phương án))..... về việc phê duyệt (chấp thuận) Đề án (Phương án) đóng cửa*

mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....);

Căn cứ Báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản số ngày tháng năm; Biên bản kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm

Căn cứ Văn bản số của về việc tham gia ý kiến đối với kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân)..... nộp tại(Tên cơ quan thẩm định hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....
.....
.....

2. Diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiều, được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I và Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ tại Phụ lục II¹⁴¹ kèm theo Quyết định này.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... đã hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền đóng cửa mỏ)..... phê duyệt (chấp thuận) tại Quyết định (Thông báo) số ngày tháng năm

1. Kết quả thực hiện khối lượng các hạng mục công trình theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được nghiệm thu nêu tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

¹⁴¹ Phụ lục II. Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 5 của Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT và mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trên cơ sở hạng mục, khối lượng công tác đóng cửa mỏ và cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện nêu tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... thực hiện thủ tục liên quan đối với số tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

Điều 3.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Báo cáo với các cơ quan chức năng có liên quan để thực hiện thủ tục bàn giao đối với khu vực có diện tích nêu tại Điều 1 của Quyết định này để địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Tiếp tục thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo thời hạn trong Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

Điều 4. Ủy ban nhân dân xã (phường)..... có trách nhiệm:

Tiếp nhận, quản lý, sử dụng đất khu vực đóng cửa mỏ, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trong khu vực theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... có trách nhiệm:

Phối hợp với Quỹ bảo vệ môi trường trong việc hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường cho(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)....., Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Quỹ bảo vệ môi trường, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ NN&MT;
- Sở NN&MT;
-
- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

Phụ lục I

**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN)**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))*

STT	Tên điểm khép góc	Hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục III

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THEO ĐỀ
ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN (ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN ĐIỆN
TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))*

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng		Tỷ lệ đạt (%)	Ghi chú
			Theo Đề án được phê duyệt	Đã thực hiện (Tại thời điểm nghiệm thu)		
1						
2						
...						

19. Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức cá nhân được xem xét chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản phải đáp ứng các điều kiện sau: - Tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản chỉ được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản sau khi đã hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, đưa mỏ vào khai thác. - Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép khai thác khoáng sản. - Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định theo quy định tại các điểm a, d, đ, g, h, i, và k khoản 2 Điều 59 của Luật Địa chất và khoáng sản kèm theo các tài liệu chứng minh, cụ thể gồm: + Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản; nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật; + Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và các hoạt động khác được xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ được phê duyệt theo quy định của pháp luật; trừ trường hợp bất khả kháng; + Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản; thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; + Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm theo đúng nội dung quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản; bảo vệ khoáng sản trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác khoáng sản; thực hiện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản; thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về thanh tra, kiểm tra, kiểm

	soát hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật này, pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan; + Lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung, khai thác khoáng sản; kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định tại Điều 108 của Luật này; + Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo; + Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra theo quy định của pháp luật. - Được Ủy ban nhân cấp tỉnh xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ theo quy định; - Tại thời điểm nộp hồ sơ, giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 06 tháng.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Bản chính văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (<i>Mẫu số 12 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>)	x	
	Bản chính Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản cùng các bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác (<i>Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>)	x	
	Bản sao hợp lệ hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng (Hợp đồng giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng phải có nội dung chính sau: hiện trạng số lượng, khối lượng, giá trị công trình khai thác, hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư, xây dựng; giá trị chuyển nhượng; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tính đến thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng đối với việc tiếp tục thực hiện các công việc, nghĩa vụ chưa hoàn thành của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tính đến thời điểm chuyển nhượng; quyền và nghĩa vụ khác có liên quan của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng và tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng theo quy định);		x
	- Bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ thời điểm giấy phép có hiệu lực thi hành đến thời điểm chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (<i>Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>)		x
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	34 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 21 ngày làm việc) - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình		

	phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).
3.6	Phí, lệ phí
	Mức thu lệ phí cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản khi chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TTBTC ngày 05/02/2024, cụ thể: (1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép; (3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép. (4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép. (5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép.

	(6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên: - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép; - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/01 giấy phép; (7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	<i>1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố</i>		
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày làm việc

B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý) - Tiến hành kiểm tra thực địa, Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ - Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	15,0 ngày làm việc
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình chuyển nhượng Giấy phép khai thác khoáng sản	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	3,5 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc

B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	- Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày làm việc
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	1,0 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- TTPVHCC; - Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B6.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc</i> - B5.1: 15,0 ngày - B6.1: 2,0 ngày - B7.1: 3,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày		

	- B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý) - Tiến hành kiểm tra thực địa, Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ - Trình Chủ tịch UBND Thành phố ban hành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	15,0 ngày làm việc

	thẩm định hồ sơ đề nghị khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường. Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản, địa chất, tài chính, bảo vệ môi trường. Hội đồng có trách nhiệm xem xét toàn diện các vấn đề về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường, ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường của dự án đầu tư khai thác khoáng sản; Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình chuyển nhượng Giấy phép khai thác khoáng sản	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	3,5 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	- Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày làm việc

B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	1,0 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT;	1,0 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B6.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc</i> - B5.1: 15,0 ngày - B6.1: 2,0 ngày - B7.1: 3,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		

	Mẫu số 12 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>)
	Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>)
	Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>)
	Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 23 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

Mẫu số 12 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG
QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

..... (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Được (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép khai thác khoáng sản(tên khoáng sản)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày tháng năm tại khu vực mỏ (tên mỏ¹⁴²)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Đề nghị được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho:

..... (Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp.

Hợp đồng chuyển nhượng số....., ký ngày... tháng... năm... và các văn bản khác liên quan.

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị
chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển
nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁴² Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

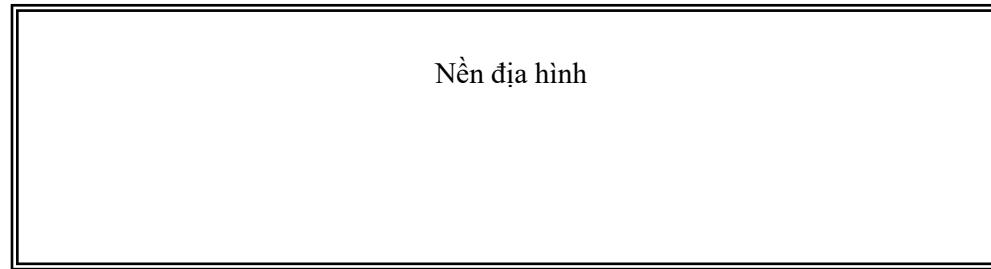
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
 ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁴³.....
(Ký, đóng dấu)

¹⁴³ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:

2. Loại hình doanh nghiệp:

3. Địa chỉ:.....

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên

- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:

- Cơ quan cấp phép

- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);

- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);

- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.

- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác:

- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);

- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.... tháng.... năm....¹⁴⁴:

¹⁴⁴ Thời điểm báo cáo

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
 - Tiền thuê đất:.....(VNĐ)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có)
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm.....
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VNĐ).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác.....

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản¹⁴⁵

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

¹⁴⁵ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo¹⁴⁶

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

¹⁴⁶ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 23 - Phụ lục II
(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-UBND

Địa danh, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Chuyển nhượng)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số/...../TT-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của

Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản của ký với

Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày tháng năm của (tên tổ chức, cá nhân)

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng) khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh) với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản:

a) (tên khoáng sản chính)

b) (tên khoáng sản đi kèm)

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: (lộ thiên, hầm lò, khác).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: (ha, m², km²);

b) Mức sâu khai thác: Từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II¹⁴⁷ kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số.....:

a) Khoáng sản chính: (tấn, m³, ...);

b) Khoáng sản đi kèm: (tấn, m³, ...).

5. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản được phép tiếp tục khai thác¹⁴⁸:

a) Khoáng sản chính:(tấn, m³);

b) Khoáng sản đi kèm (nếu có):(tấn, m³).

6. Công suất khai thác tối đa¹⁴⁹: (tấn, m³/năm);

7. Thời hạn khai thác:

8. Thời gian khai thác¹⁵⁰:

a) Trong ngày: Từ đến

b) Trong năm: Từ tháng đến tháng

9. Dự án (công trình; nhóm dự án, công trình) sử dụng khoáng sản¹⁵¹:

.....

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi lòng

¹⁴⁷ Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

¹⁴⁸ Không áp dụng cho khoáng sản là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

¹⁴⁹ Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính. Đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên là “Lưu lượng khai thác tối đa là: ... m³/ngày”

¹⁵⁰ Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ.

¹⁵¹ Ghi rõ tên dự án, công trình hoặc nhóm dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III, nhóm IV cấp cho nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản.

sông, lòng hồ, khu vực biển¹⁵².

4. Các yêu cầu cần thiết khác (trường hợp cần quy định thêm điều kiện khi chuyển nhượng) đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực của Giấy phép khai thác khoáng sản số...../.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

¹⁵² Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục I

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) số/GP-UBND ngày tháng..... năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất(m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất(m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	Điểm góc khu vực chồng lấn	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)		Diện tích chồng lấn theo bề mặt (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H1	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 1 (chồng lấn với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 2 chồng lấn với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	m			

Mức sâu thấp nhất khu vực chông lán (m)	Điểm góc khu vực chông lán	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)		Diện tích chông lán theo bề mặt (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
.....				
Hn	1			Diện tích khu vực chông lán thứ n chông lán với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	k			

3. Trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)		Diện tích khu vực không được phép khai thác (ha, m ² , km ²)
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
.....			

20. Cấp đổi Giấy phép khai thác khoáng sản

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Cấp đổi Giấy phép khai thác khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Cấp đổi Giấy phép khai thác khoáng sản Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: - Nội dung giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 có nội dung không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể, nội dung giấy phép khai thác khoáng sản bao gồm: Vị trí, diện tích khu vực khai thác khoáng sản; mức sâu được phép khai thác; Loại khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm (nếu có); Trữ lượng hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác; Công suất khai thác, phương pháp khai thác khoáng sản; Thời hạn khai thác khoáng sản). - Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong thời hạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 01/01/2029. Sau thời hạn ngày 01/01/2029, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải tạm dừng khai thác cho đến khi được cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng

	sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<i>1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản không quy định một hoặc nhiều nội dung sau: trữ lượng hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác, thời hạn khai thác, diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc mức sâu được phép khai thác</i>		
	- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản sao hợp lệ giấy phép khai thác khoáng sản		X
	Bản sao hợp lệ thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đã được phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật về xây dựng.		X

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản			
	Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm đề nghị gia hạn, mặt cắt hiện trạng liên quan kèm theo tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).	X	X
3. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện kết hợp với cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản			
	Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm hết thời gian khai thác trong giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, cập nhật hiện trạng khu vực khai thác đến thời điểm đề nghị cấp lại (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	X	X

	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.	X	X
4. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện kết hợp với điều chỉnh một trong các nội dung giấy phép khai thác khoáng sản sau: Điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; Tăng hoặc giảm công suất khai thác; Thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; Bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm, trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 64 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 23 Điều 1 của Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ			
	Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác, mặt cắt hiện trạng liên quan tại thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản sao hợp lệ báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản điều chỉnh được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư;		X
	Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025)	X	
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với dự án điều chỉnh; trừ trường hợp quy định tại khoản 1a Điều 57 của Luật Địa chất và khoáng sản;	X	X

	Bản sao hợp lệ văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với nội dung điều chỉnh so với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.		X
	5. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện kết hợp với điều chỉnh thay đổi tên gọi trong giấy phép khai thác khoáng sản		
	Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).	X	
	6. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện kết hợp với trả lại một phần diện tích khai thác trong giấy phép khai thác khoáng sản		
	- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại, bản đồ khu vực khai thác đối với phần diện tích còn lại tiếp tục khai thác (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính từ thời điểm cấp phép đến thời điểm đề nghị trả lại (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ phương án đóng cửa mỏ một phần khu vực khai thác đề nghị trả lại (Mẫu số 08 - Phụ lục ban hành	X	X

	kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
7. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện kết hợp với điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản do một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản			
	Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh diện tích, bản đồ khu vực khai thác đối với phần diện tích còn lại tiếp tục khai thác (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính phương án đóng cửa mỏ một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản sao hợp lệ báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản điều chỉnh được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư;		X
	Bản sao hợp lệ văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với nội dung điều chỉnh so với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.		X
8. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện kết hợp với điều chỉnh tăng mức sâu khai thác hoặc mở rộng ranh giới khu vực khai thác sau khi kết quả thăm dò			

<i>xuống sâu, mở rộng được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền công nhận; mở rộng ranh giới khu vực khai thác khoáng sản nhằm khai thác tối đa trữ lượng khoáng sản đã phê duyệt hoặc công nhận trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản</i>			
	Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản sao hợp lệ tài liệu, bản vẽ thể hiện nội dung điều chỉnh so với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật về xây dựng;		X
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với dự án điều chỉnh;	X	X
	Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác, mặt cắt hiện trạng liên quan tại thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).	X	
<i>9. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện kết hợp với điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khác quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận</i>			
	- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	

	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả rà soát, so sánh bản đồ gốc và bản đồ đo vẽ, xác lập tọa độ tại thời điểm cấp phép và hiện tại của tổ chức, cá nhân.	X	X
10. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện kết hợp với điều chỉnh bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm là khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản nhóm IV (bao gồm đất, đá tảng phủ, xen kẹp được xác định phải thải loại trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản) để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản			
	Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính phương án khai thác khoáng sản và sử dụng khoáng sản đi kèm (Mẫu số 39 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).	X	
11. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện kết hợp với điều chỉnh nội dung chế biến khoáng sản, mục đích sử dụng, tiêu thụ khoáng sản			
	Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính phương án chế biến, sử dụng, tiêu thụ khoáng sản và so	X	

	sánh với phương án theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp (Mẫu số 40 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản không quy định diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc mức sâu được phép khai thác Tổng thời gian là 15 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp lấy ý kiến Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định việc cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đất hiếm thì thời gian lấy ý kiến không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. 2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị: (1) Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản không quy định trữ lượng hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác hoặc không quy định thời hạn khai thác; (2) Thực hiện việc cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; (3) Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản đồng thời thuộc nhiều trường hợp sau: không quy định trữ lượng hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác, không quy định thời hạn khai thác, không quy định diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc mức sâu được phép khai thác Tổng thời gian là 34 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt (trường hợp lấy ý kiến Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định việc cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đất hiếm thì thời gian lấy ý kiến không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ);		

	- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).
3.6	Phí, lệ phí
	<i>* Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:</i> Không quy định. <i>* Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản</i> thì mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024, cụ thể: (1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép; (3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép. (4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép.

	(5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép. (6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên: - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép; - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/01 giấy phép; (7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	<i>1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản không quy định diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc mức sâu được phép khai thác</i>		
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu,	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng	4,5 ngày làm việc

	hồ sơ; Tiến hành kiểm tra thực địa nếu thấy cần thiết. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình đổi giấy phép khai thác khoáng sản	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	2,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	- Sở NN&MT;	1,0 ngày làm việc
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày

B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- TTPVHCC; - Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 12 ngày làm việc</i> - B5.1: 6,0 ngày - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày làm việc - B11.1: 2,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị: (1) Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản không quy định trữ lượng hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác hoặc không quy định thời hạn khai thác; (2) Thực hiện việc cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép			

<i>khai thác khoáng sản; (3) Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản đồng thời thuộc nhiều trường hợp sau: không quy định trữ lượng hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác, không quy định thời hạn khai thác, không quy định diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc mức sâu được phép khai thác</i>			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: Tiến hành kiểm tra thực địa, Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ; - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản. (Trong thời hạn không quá 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan.) - Việc xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả được thực hiện đồng thời với quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	17 ngày làm việc

	<i>phép khai thác khoáng sản. Trường hợp việc xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phức tạp, kéo dài, tổ chức, cá nhân được phép thực hiện bảo lãnh ngân hàng hoặc ký quỹ theo số tiền tạm tính do Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo làm cơ sở để Chủ tịch UBND Thành phố cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định. Tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng được hoàn trả sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND Thành phố.</i> <i>- Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định việc cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản.</i> <i>- Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1;</i> <i>- Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.</i>		
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình đổi giấy phép khai thác khoáng sản	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,5 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc

B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	2,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	- Sở NN&MT;	1,0 ngày làm việc
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- TTPVHCC; - Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày

	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc</i> - B5.1: 15,0 ngày - B6.1: 2,0 ngày - B7.1: 3,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày làm việc - B11.1: 2,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Mẫu số 07 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị cấp lại (hoặc cấp đổi) giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III <i>(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)</i>		
	Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản <i>(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025)</i>		
	Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản <i>(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025)</i>		
	Mẫu số 08 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác <i>(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025)</i>		
	Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp đổi) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 21 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
	Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả cho nhà nước đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Mẫu số 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025) hoặc Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả giữa các tổ chức, cá nhân đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Mẫu số 06 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).		

Mẫu số 07 - Phụ lục II
(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI (HOẶC CẤP ĐỔI)
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: ...*(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)*...

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ngày tháng năm do *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)* cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số ngày tháng năm do *(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)* cấp.

Được *(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)* cho phép khai thác *(tên khoáng sản¹⁵³)* tại thuộc *(tên cấp xã)*, ... *(tên cấp tỉnh)* theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm

Trữ lượng (khối lượng¹⁵⁴)..... *(tên khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm)* được công nhận (phê duyệt, xác nhận): (tấn, m³, ...), trong đó:

Trữ lượng (khối lượng) đã khai thác *(tên khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm)*: (tấn, m³, ...);

Trữ lượng (khối lượng) còn lại chưa khai thác *(tên khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm)*: (tấn, m³, ...);

Đề nghị được cấp lại (cấp đổi) giấy phép khai thác khoáng sản *(tên khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm)* tại khu vực thuộc *(tên cấp xã)*, ... *(tên cấp tỉnh)* với các nội dung như sau:

1. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản được phép khai thác:

¹⁵³ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

¹⁵⁴ Chỉ áp dụng trong trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP.

a) Khoáng sản chính: (tấn, m³, ...);

b) Khoáng sản đi kèm: (tấn, m³, ...).

2. Phương pháp khai thác: (Lộ thiên, hầm lò, khác).

3. Công suất khai thác tối đa: (tấn, m³,...)/năm;

4. Không gian đề nghị cấp lại giấy phép khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: Từ (m) đến (m).

(Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

5. Thời hạn khai thác: năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mở là: năm (tháng).

Lý do đề nghị cấp đổi¹⁵⁵:

.....

* Đề nghị thực hiện kết hợp với gia hạn (cấp lại, điều chỉnh) giấy phép khai thác khoáng sản với nội dung như sau¹⁵⁶:

- Thời gian đề nghị gia hạn hoặc nội dung đề nghị điều chỉnh:

- Lý do gia hạn (cấp lại, điều chỉnh):

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(*Ký tên, đóng dấu*)

¹⁵⁵ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản.

¹⁵⁶ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày tháng năm)*

**1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy
phép khai thác khoáng sản**

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất(m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất(m)		

**2. Ngoài Bảng 1 nêu trên, cần bổ sung chi tiết Bảng 2 trong trường hợp
có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản
như sau:**

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	Điểm góc khu vực chồng lấn	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)		Diện tích chồng lấn theo bề mặt (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H1	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 1 (chồng lấn với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 2 chồng lấn với
	2			
	...			

Mức sâu thấp nhất khu vực chông lán (m)	Điểm góc khu vực chông lán	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)		Diện tích chông lán theo bề mặt (ha, m ² , km ²) Giấy phép số...)
		X (m)	Y (m)	
	m			
.....				
Hn	1			Diện tích khu vực chông lán thứ n chông lán với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	k			

3. Ngoài Bảng 1 và Bảng 2 nêu trên, cần bổ sung chi tiết Bảng 3 trong trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác như sau:

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)		Diện tích khu vực không được phép khai thác (ha, m ² , km ²)
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
.....			

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

Đối với trường hợp điều chỉnh, chuyển nhượng có thay đổi diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ khu vực tiếp tục khai thác, khu vực trả lại để phù hợp Phụ lục I.

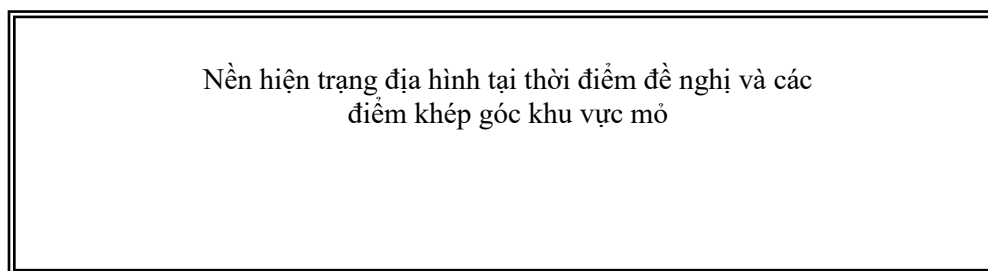
Đối với trường hợp diện tích không khai thác nằm trong diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ kèm theo

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁵⁷.....
(Ký, đóng dấu)

¹⁵⁷ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên.....
 - Năm sinh.....
5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép
 - Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 - Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
 - Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
 - Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
 - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....¹⁵⁸:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
 - Tiền thuê đất:.....(VNĐ)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VNĐ).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản¹⁵⁹

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng

¹⁵⁸ Thời điểm báo cáo

¹⁵⁹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo¹⁶⁰

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

¹⁶⁰ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

*(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh).....*

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

*(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....*TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu**(Họ và tên)*

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu**(Họ và tên)*

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản

cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có*

tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy móng kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);

- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 39 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN ĐI KÈM
(Tên khu vực....., thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....)

Địa danh....., năm 20...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN ĐI KÈM
(Tên khu vực....., thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
 (Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
 (nếu có)
 (Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh....., năm 20...

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin tổ chức khai thác khoáng sản

- Tên tổ chức:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:, Fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

2. Cơ sở lập Phương án

2.1. Cơ sở pháp lý

- Giấy phép khai thác khoáng sản.
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường (nếu có).
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng, tài nguyên (nếu có).
- Hợp đồng thuê đất (nếu có).
- Các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư có liên quan.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan.

2.2. Tài liệu cơ sở

- Báo cáo kết quả thăm dò, tài liệu thăm dò địa chất mỏ, địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có) và quyết định phê duyệt, công nhận.
- Dự án đầu tư, Thiết kế cơ sở, Thiết kế mỏ đã được thẩm định, phê duyệt.
- Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng; báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê, kiểm kê sản lượng khoáng sản khai thác thực tế, trữ lượng (khối lượng) khoáng sản còn lại.
- Các tài liệu kỹ thuật khác.

3. Sự cần thiết và mục tiêu khai thác

- Sự cần thiết.
- Mục tiêu khai thác.

PHẦN I: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

I. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT MỎ

1. Vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội

Nêu khái quát về vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực dự án.

2. Đặc điểm địa chất mỏ

Trình bày tóm tắt về đặc điểm địa chất mỏ khoáng sản, địa chất thủy văn,

địa chất công trình; bổ sung các kết quả nghiên cứu về đặc điểm địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có).

3. Khối lượng và chất lượng khoáng sản

Tổng hợp về khối lượng và chất lượng của khoáng sản khu vực nghiên cứu lập phương án khai thác.

4. Đánh giá mức độ tin cậy của tài liệu địa chất

Đánh giá mức độ khảo sát, đánh giá, thăm dò (nếu có), độ tin cậy của tài liệu địa chất đã được phê duyệt hoặc công nhận phục vụ công tác thiết kế và kiến nghị bổ sung (nếu có).

5. Hiện trạng mỏ

- Mô tả đặc điểm, hiện trạng mỏ.
- Phạm vi đề nghị khai thác, sử dụng khoáng sản đi kèm.

II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

1. Biên giới và khối lượng trong khai trường

1.1. Biên giới khai trường

Nêu nguyên tắc và xác định ranh giới khai trường: tọa độ, diện tích, mức sâu khai thác của khai trường.

1.2. Khối lượng khoáng sản trong khai trường

- Tính toán khối lượng khai trường bao gồm: Khối lượng khoáng sản trong ranh giới khảo sát, đánh giá và khối lượng khoáng sản dự kiến huy động vào khai thác (được quy đổi theo khoáng sản nguyên khai).

- Tính toán khối lượng đất thổ nhưỡng cần lưu giữ phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.

2. Chế độ làm việc, công suất và thời gian khai thác

- Xác định chế độ làm việc bộ phận trực tiếp, gián tiếp trong các công đoạn khai thác.

- Xác định công suất khai thác mỏ.

- Thời gian, chế độ khai thác: Trên cơ sở khối lượng khoáng sản dự kiến huy động vào khai thác; tính toán thời gian khai thác phù hợp.

3. Phương án xúc bốc

- Mô tả phương án xúc bốc.
- Liệt kê danh mục các thiết bị xúc bốc, đặc tính kỹ thuật cơ bản các loại thiết bị chính

4. Công tác vận tải

- Mô tả khối lượng vận tải và phương thức vận tải hợp lý. Mô tả năng suất và số lượng thiết bị vận tải cần thiết theo từng năm.

- Mô tả tuyến đường vận tải.

5. Kỹ thuật an toàn

- Mô tả các biện pháp bảo đảm an toàn cho cộng đồng dân cư xung quanh khu vực mỏ, các công trình cần bảo vệ.

- Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn trong công tác xúc bốc, vận tải.

6. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động

- Xây dựng sơ đồ quản lý, tổ chức các bộ phận sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng biên chế lao động; năng suất lao động.

7. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có)

- Tính toán nhu cầu sử dụng đất; thông tin, số liệu về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có).

- Xây dựng phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tiến độ khai thác của mỏ.

8. Các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước

Kê khai các khoản thuế, phí, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định hiện hành.

PHẦN II. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động khai thác khoáng sản có khả năng tác động xấu đến môi trường.

2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đa dạng sinh học; đánh giá hiện trạng môi trường; nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi khai thác khoáng sản.

3. Nhận dạng, đánh giá, dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của hoạt động khai thác khoáng sản đến môi trường; quy mô, tính chất của chất thải; tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa và yếu tố nhạy cảm khác; tác động do giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường.

4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải.

5. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có); phương án bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); phương án phòng

ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

6. Công trình, biện pháp cải tạo phục hồi môi trường khi đóng cửa mỏ khoáng sản; thông số kỹ thuật của mỏ sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản.

7. Tính toán, xác định kinh phí để thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

8. Số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; tiến độ ký quỹ.

9. Kết luận, kiến nghị và cam kết của tổ chức khai thác.

PHẦN III. PHỤ LỤC KÈM THEO

Các bản vẽ, tài liệu có liên quan.

Tổ chức, cá nhân lập Phương án

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 40 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

PHƯƠNG ÁN CHẾ BIẾN, SỬ DỤNG, TIÊU THỤ KHOÁNG SẢN

***(Tên khu vực....., thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh).....)***

Địa danh....., năm 20...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

PHƯƠNG ÁN CHẾ BIẾN, SỬ DỤNG, TIÊU THỤ KHOÁNG SẢN
(Tên khu vực....., thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh....., năm 20...

PHẦN I. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Thông tin tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

- Tên tổ chức:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:, Fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

2. Cơ sở lập Phương án

2.1. Cơ sở pháp lý

- Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp.
- Văn bản phê duyệt quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng (nếu có).
- Các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư có liên quan.

2.2. Tài liệu cơ sở

- Tài liệu khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản;
- Các tài liệu kỹ thuật khác.

3. Địa chỉ chế biến, sử dụng, tiêu thụ theo giấy phép khai thác khoáng sản được cấp

Trình bày rõ địa chỉ chế biến, sử dụng, tiêu thụ theo giấy phép khai thác khoáng sản được cấp.

4. Địa chỉ chế biến, sử dụng, tiêu thụ đề nghị điều chỉnh

- Địa chỉ chế biến, sử dụng, tiêu thụ đề nghị điều chỉnh.
- Lý do đề nghị điều chỉnh.

5. So sánh phương án đề nghị điều chỉnh với phương án theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp

So sánh, đánh giá các tác động của việc thay đổi phương án chế biến, sử dụng, tiêu thụ khoáng sản so với phương án theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

PHẦN II. CÁC TÀI LIỆU PHÁP LÝ LIÊN QUAN

Các văn bản pháp lý liên quan việc điều chỉnh phương án.

Tổ chức, cá nhân lập Phương án

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 21 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh, ngày tháng năm

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Cấp lại hoặc cấp đổi)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số/...../TT-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được công nhận (phê duyệt, xác nhận) tại

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số ... ngày ... tháng ... năm ... của cấp cho Dự án đầu tư khai thác ...tại khu vực (mỏ) thuộc của ¹⁶¹;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của (Tên cơ quan phê duyệt) về việc phê duyệt kết quả thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản ngày tháng

¹⁶¹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

..... năm của (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân) khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh) với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản:

a) (tên khoáng sản chính).....;

b) (tên khoáng sản đi kèm).....

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: (lộ thiên, hầm lò, khác).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: Từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II¹⁶² kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số:

a) Khoáng sản chính: (tấn, m³,...).

b) Khoáng sản đi kèm: (tấn, m³,...).

5. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản được phép tiếp tục khai thác¹⁶³:

a) Khoáng sản chính:..... (tấn, m³).

b) Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).

6. Công suất khai thác tối đa¹⁶⁴:..... (tấn, m³/năm);

7. Thời hạn khai thác:

8. Thời gian khai thác¹⁶⁵:

a) Trong ngày: Từ đến

b) Trong năm: Từ tháng đến tháng

9. Dự án (công trình; nhóm dự án, công trình) sử dụng khoáng sản¹⁶⁶:.....

¹⁶² Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

¹⁶³ Không áp dụng cho khoáng sản là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

¹⁶⁴ Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính. Đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên là “Lưu lượng khai thác tối đa là: ... m³/ngày”.

¹⁶⁵ Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ.

¹⁶⁶ Ghi rõ tên dự án, công trình hoặc nhóm dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III, nhóm IV cấp cho nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.¹⁶⁷

4. Các yêu cầu cần thiết khác (trường hợp cần ràng buộc thêm điều kiện khi cấp phép) đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực của Giấy phép khai thác khoáng sản số..../.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

¹⁶⁷ Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại hoặc cấp đổi) số/GP-UBND ngày ... tháng năm..... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố...)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m ² , km ²)		
Mức sâu khai thác cao nhất(m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất(m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	Điểm góc khu vực chồng lấn	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)		Diện tích chồng lấn theo bề mặt (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H1	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 1 (chồng lấn với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 2 chồng lấn với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	m			
.....				

Mức sâu thấp nhất khu vực chông lán (m)	Điểm góc khu vực chông lán	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)		Diện tích chông lán theo bề mặt (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
Hn	1			Diện tích khu vực chông lán thứ n chông lán với Giấy phép số...)
	2			
	...			
	k			

3. Trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)		Diện tích khu vực không được phép khai thác (ha, m ² , km ²)
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
.....			

Mẫu số 05 - Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**UBND TỈNH
(THÀNH PHỐ).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí
thăm dò khoáng sản phải hoàn trả**

**đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc
.....(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)...

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất
và khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định
chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu
văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản,
thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê
duyet, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đầu
giá quyền khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm
..... của(Cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho.....(Tên tổ chức, cá nhân
được cấp giấy phép).....;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá
tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với mỏ
.....(tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh)..... lập ngày tháng năm;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình
(Phiếu trình) số/..... ngày tháng năm 20..... về việc trình phê
duyet kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò
khoáng sản phải hoàn trả của mỏ(tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực
thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của(tên mỏ khoáng sản) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép)..... với tổng số tiền là: đồng (số tiền viết bằng chữ).

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản)..... có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền nêu tại Điều 1 của Quyết định này vào Tài khoản số của(Tên đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả) thuộc mở tại Kho bạc nhà nước(Tên Kho bạc nhà nước nơi đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả mở tài khoản)..... theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân (Tên tỉnh (thành phố)).....; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc (Thủ trưởng)(Đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả).....;(Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản)..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Kho bạc nhà nước khu vực (để phối hợp);
- Lưu: VT, ĐCKS (12).

CHỦ TỊCH

Mẫu số 06 - Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**UBND TỈNH
(THÀNH PHỐ).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối
với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp
xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)...

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và
khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi
phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn
bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm
dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết
toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai
thác khoáng sản;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm
..... của(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho.....(Tên tổ chức, cá nhân
được cấp giấy phép).....;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá
tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với mỏ
.....(tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh)..... lập ngày tháng năm;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình
(Phiếu trình) số/..... ngày tháng năm 20.... về việc trình phê duyệt
kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của mỏ(tên mỏ
khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh).....*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của(tên mỏ khoáng sản) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép)..... với tổng số tiền là: đồng (số tiền viết bằng chữ).

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản)..... có trách nhiệm hoàn trả số tiền tại Điều 1 của Quyết định này cho(Tên tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản).....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân (Tên tỉnh (thành phố)).....; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc (Thủ trưởng)(Đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả).....;(Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản)....., ...(Tên tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản)..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: VT, ĐCKS (12).

CHỦ TỊCH

21. Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (QT-21.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Việc thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được thực hiện trong trường hợp phương pháp, công nghệ thăm dò hoặc phương pháp, công nghệ khai thác không ảnh hưởng xấu đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
<i>* Trường hợp đề nghị chấp thuận thăm dò khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:</i>			
	Văn bản đề nghị thăm dò khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản của tổ chức, cá nhân (Mẫu số 08b - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại Điều 11 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Mẫu số 33 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).	x	
<i>* Trường hợp đề nghị chấp thuận khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:</i>			
	Văn bản đề nghị chấp thuận khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại Điều 6 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026	x	
	Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại Điều 6 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).	x	
	Báo cáo hiện trạng hoạt động khai thác khoáng sản đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đang khai thác khoáng sản tại khu vực liền kề hoặc giáp ranh với khu vực đề nghị giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (nếu có).		x
3.3	Số lượng hồ sơ		

	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Trong 39 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: 32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của tổ chức, cá nhân; - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường	TPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước.	Sở NN&MT; + Lãnh đạo Sở; + Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước;	1,0 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ; - Trình Chủ tịch UBND Thành phố gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về mức độ ảnh hưởng đến đối tượng bảo vệ tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và việc chấp thuận cho phép thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. (Trong thời hạn không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan). - Tiến hành kiểm tra thực địa; Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước. - Phó phòng, Chuyên viên giải quyết HS	18,0 ngày làm việc
B5.1	Dự thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân Thành phố ra thông báo kết quả lựa chọn tới tổ chức, cá nhân được lựa chọn để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.	Phó phòng và Chuyên viên giải quyết HS	7,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B9.1	Bàn giao cho Bộ phận Một cửa	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,5 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	- Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B13.1	- Trả kết quả - Thông báo kết quả giải quyết	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Dự thảo Thông báo bằng văn bản về lý do không được lựa chọn cấp phép thăm dò	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt Thông báo, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.2	Duyệt Thông báo	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.2	Ký Thông báo về lý do không được lựa chọn cấp phép thăm dò	Chánh Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B9.2	Phát hành Thông báo	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định được tăng</i>		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	<i>thêm là 10 ngày)</i> - B5.1: 6,0 ngày - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 1,0 ngày - B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 0,5 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị thăm dò khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản của tổ chức, cá nhân (Mẫu số 08b - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại Điều 11 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
	Văn bản đề nghị chấp thuận khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại Điều 6 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
	Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Mẫu số 33 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
	Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại Điều 6 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
	Văn bản chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 26d - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
	Văn bản chấp thuận khai thác ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân		

	cấp tỉnh (Mẫu số 04 - Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại Điều 6 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

Mẫu số 08b - Phụ lục I

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ TRONG KHU VỰC CẤM
HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI
CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: (Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày.....
tháng.....năm..... do..... (Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy
chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư
số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan nhà nước,
người có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành
lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹⁶⁸ số..... ngày..... tháng.....
năm..... do(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quyết định thành
lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân số¹⁶⁹
..... cấp ngày..... tháng..... năm.....;

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản, sửa đổi,
bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất
và khoáng sản, ...(Tên tổ chức, cá nhân)..... đề nghị được thăm dò
khoáng sản (tên khoáng sản).... trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm
thời cấm hoạt động khoáng sản tại xã (phường, đặc khu) tỉnh (thành phố)
.....;

Diện tích dự kiến đề nghị thăm dò: ha (km²), trong đó, diện
tích thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng
sản: ha (km²).

Toạ độ, diện tích được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo.

..... (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng quy định của
pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁶⁸ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹⁶⁹ Áp dụng đối với cá nhân

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CHẤP THUẬN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CẤM HOẠT
ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG
KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Văn bản số.....ngày tháng năm của)

1. Tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

2. Tọa độ, diện tích nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

Mẫu số 01 - Phụ lục IIa

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở
KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI
CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: (Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền)

..... (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày.....
tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh
nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng.....
năm..... do(tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép đầu
tư)..... cấp.

Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản).....tại khu vực
.... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... đã được(cơ quan
phê duyệt)..... phê duyệt, công nhận hoặc xác nhận theo văn bản số..... ngày....
tháng.... năm....

Trữ lượng, tài nguyên.....(tên khoáng sản).....được công nhận (phê duyệt,
xác nhận): (tấn, m³,...).

Đề nghị được chấp thuận khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động
khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản) đối với khoáng sản
(tên khoáng sản) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản dự kiến đề nghị cấp phép khai
thác:.....(tấn, m³,...), trong đó:

a) Khoáng sản chính:(tấn, m³,...);

b) Khoáng sản đi kèm (nếu có):(tấn, m³,...).

2. Phương pháp khai thác: (Lộ thiên, hầm lò, khác).

3. Diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản:..... (ha, m², km²), trong đó diện tích nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản là..... (ha, m², km²).

Toạ độ, diện tích được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CHẤP THUẬN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CẤM HOẠT
ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG
KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Văn bản số.....ngày tháng năm của)

1. Tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

2. Tọa độ, diện tích nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

Mẫu số 02 - Phụ lục IIa

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

**PHƯƠNG ÁN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỐI
TƯỢNG CẦN BẢO VỆ TẠI KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG
SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN
(Tên khu vực....., thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh).....)**

Địa danh....., năm 20...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

**PHƯƠNG ÁN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỐI
TƯỢNG CẦN BẢO VỆ TẠI KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG
SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

*(Tên khu vực....., thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh).....)*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(nếu có)
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh....., năm 20...

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập dự án đầu tư, phương án khai thác khoáng sản.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập dự án đầu tư, phương án khai thác khoáng sản.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Phương án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Phương án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Phương án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT KHU VỰC ĐỀ NGHỊ KHAI THÁC

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực khai thác khoáng sản.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực khai thác khoáng sản.
- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn khai thác khoáng sản.

CHƯƠNG 2

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa chất vùng

2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực

- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực khai thác khoáng sản.

- Mức độ nghiên cứu từng thân quặng, đới khoáng hóa chứa quặng.

CHƯƠNG 3

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG BẢO VỆ VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG

I. Phạm vi và đối tượng bảo vệ

1. Phạm vi không gian

2. Đối tượng cần bảo vệ

- Xác định đối tượng, số lượng, phạm vi phân bố của đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.
- Cơ quan quản lý đối tượng cần bảo vệ.

II. Giải pháp kỹ thuật công nghệ (dự kiến)

1. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản trong khai trường

Tính toán trữ lượng (khối lượng) khai trường bao gồm: Khối lượng (trữ lượng) địa chất trong ranh giới khảo sát, đánh giá và trữ lượng (khối lượng) địa chất dự kiến huy động vào khai thác (được quy đổi theo khoáng sản nguyên khai).

2. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác

- Mô tả công nghệ khai thác.
- Lập bảng thống kê các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.
- Liệt kê danh mục các thiết bị khai thác, đặc tính kỹ thuật cơ bản các loại thiết bị chính.

3. Vận tải mỏ

- Mô tả khối lượng vận tải và phương thức vận tải hợp lý. Mô tả năng suất và số lượng thiết bị vận tải cần thiết theo từng năm.
- Mô tả tuyến đường vận tải.

4. Công tác đổ thải (nếu có)

- Xác định khối lượng chất thải loại không đủ tiêu chuẩn sử dụng cho các dự án, công trình sử dụng khoáng sản trong quá trình khai thác mỏ.
- Xác định vị trí, quy mô của bãi thải; biện pháp bảo đảm an toàn, thoát nước mặt.

5. Các hạng mục, công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động khai thác

- Hệ thống cung cấp điện và trang bị điện.
- Hệ thống cấp nước và thoát nước.
- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

III. Nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng

Đánh giá mức độ tác động của phương pháp, giải pháp kỹ thuật công nghệ khi khai thác khoáng sản đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

CHƯƠNG 4 ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ

1. Hiệu quả kinh tế khi không khai thác trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Hiệu quả kinh tế khi khai thác trong và ngoài khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

3. Đánh giá hiệu quả kinh tế toàn bộ khu vực khai thác để sơ bộ lựa chọn phương pháp khai thác (lộ thiên, hầm lò, khác), qua đó đánh giá hiệu quả kinh tế mỏ.

KẾT LUẬN

- Đánh giá hiệu quả việc khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản để đưa ra bức tranh tổng thể, lựa chọn phương án khai thác phù hợp, hiệu quả.

- Các yêu cầu, kiến nghị, cảnh báo khác.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢN VẼ VÀ CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản với tỷ lệ thích hợp; trong đó thể hiện ranh giới đề nghị khai thác, ranh giới đề nghị khai thác trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 33 - Phụ lục V

*(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

**PHƯƠNG ÁN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỐI
TƯỢNG CẦN BẢO VỆ TRONG QUÁ TRÌNH THĂM DÒ TẠI
KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM
THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

.....(tên loại khoáng sản..., thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh)....

Địa danh, năm 20...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

Danh sách tác giả lập Phương án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....
-

**PHƯƠNG ÁN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỐI
TƯỢNG CẦN BẢO VỆ TRONG QUÁ TRÌNH THẨM DÒ TẠI
KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM
THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

.....(*tên loại khoáng sản*)....., thuộc(*tên cấp xã*).....,
.....(*tên cấp tỉnh*).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, năm 20....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập Đề án.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập Đề án.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Phương án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Phương án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Phương án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT KHU VỰC ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò khoáng sản.

- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản.

- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 2

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG KHOÁNG SẢN

I. Phạm vi, đối tượng khoáng sản

1. Đặc điểm địa chất vùng

2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực

- Các tiền đề, dấu hiệu có liên quan đến đối tượng khoáng sản cần thăm dò.

- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực thăm dò khoáng sản.

- Mức độ nghiên cứu từng thân quặng, đới khoáng hóa chứa quặng.

CHƯƠNG 3

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG BẢO VỆ VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG

I. Phạm vi và đối tượng bảo vệ

1. Phạm vi không gian

2. Đối tượng cần bảo vệ

- Xác định đối tượng, số lượng, phạm vi phân bố của đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Cơ quan quản lý đối tượng cần bảo vệ.

II. Phương pháp, công nghệ thăm dò

- Dự kiến phương pháp thăm dò khoáng sản

- Giải pháp công nghệ khi thăm dò nhằm đảm bảo an toàn cho đối tượng thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

III. Nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng

Đánh giá mức độ tác động của phương pháp, giải pháp công nghệ khi thăm dò khoáng sản đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THĂM DÒ

1. Hiệu quả công tác thăm dò khi không thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Hiệu quả công tác thăm dò khi thăm dò trong và ngoài khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

3. Đánh giá hiệu quả công tác thăm dò toàn bộ khu vực thăm dò để sơ bộ lựa chọn phương pháp khai thác (lộ thiên, hầm lò, khác), qua đó đánh giá hiệu quả kinh tế mở.

KẾT LUẬN

- Đánh giá hiệu quả công tác thi công thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản để đưa ra bức trong tổng thể, lựa chọn phương án khai thác phù hợp, hiệu quả.
- Các yêu cầu, kiến nghị, cảnh báo khác.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢN VẼ VÀ CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản với tỷ lệ thích hợp; trong đó thể hiện ranh giới đề nghị thăm dò, ranh giới đề nghị thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 04 - Phụ lục IIa

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

**Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản,
khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản**

Kính gửi: (tên tổ chức, cá nhân)

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản; sửa đổi, bổ sung tại
khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, ... tại các Văn bản số.....
ngày ... tháng năm về việc.....;

Xét đề nghị của (tên tổ chức, cá nhân đề nghị) tại Văn bản số/...
ngày..... tháng..... năm..... về việc

Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi
trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận đề... (tên tổ chức, cá nhân) ... được lập hồ sơ đề nghị cấp
giấy phép khai thác khoáng sản (tên khoáng sản) trong khu vực cấm hoạt động
khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản tại xã, phường tỉnh
....., kèm theo Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ
với một số thông tin chính như sau:

- Loại khoáng sản khai thác:

- Phương pháp khai thác khoáng sản:(lộ thiên, hầm lò, khác).

- Diện tích dự kiến đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản:
..... ha (km²), trong đó diện tích khai thác khoáng sản nằm trong khu
vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản là
..... ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định tại
phụ lục kèm theo Thông báo này.

2. (tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của
pháp luật hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về thông tin, số liệu trong Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ.

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) thông báo đề ...*(tên tổ chức, cá nhân)*... biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

-*(Tên tổ chức, cá nhân)*...;
- Cơ quan cấp phép;
- Cơ quan thẩm định hồ sơ;
- Bộ NNMT;
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)**PHỤ LỤC****TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC CHẤP THUẬN KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN TẠI KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN,
KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Thông báo số.....ngày tháng năm của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))*

1. Tọa độ, diện tích khu vực dự kiến đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

2. Tọa độ, diện tích dự kiến khai thác trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

Mẫu số 26d - Phụ lục III

*(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-UBND

Địa danh..., ngày tháng năm...

THÔNG BÁO

**Chấp thuận thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu
vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản**

Kính gửi: (tên tổ chức, cá nhân).....

*Căn cứ khoản 3 Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản; sửa đổi, bổ sung tại
khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng
sản;*

*Căn cứ ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ,.... tại các Văn bản số.....
ngày ... tháng năm về việc.....;*

*Xét đề nghị của (tên tổ chức, cá nhân đề nghị).... tại Văn bản số/...
ngày..... tháng..... năm..... về việc*

Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ của ... (Tên cơ quan thẩm định
hồ sơ)...., Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận đề... (tên tổ chức, cá nhân) ... được lập hồ sơ đề nghị cấp
giấy phép thăm dò khoáng sản (tên khoáng sản) trong khu vực cấm hoạt động
khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản tại xã, phường tỉnh
....., kèm theo Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ
với một số thông tin chính như sau:

- Loại khoáng sản thăm dò:.....

- Diện tích dự kiến đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản:
..... ha (km²), trong đó diện tích thăm dò khoáng sản nằm trong khu
vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản là
..... ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định tại
phụ lục kèm theo Văn bản này.

2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định của
pháp luật hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về thông tin, số liệu trong

Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ.

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... thông báo đề ... (*Tên tổ chức, cá nhân*) ... biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)...;
- ...;
- Lưu: ... ()

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

PHỤ LỤC

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC CHẤP THUẬN
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG
SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số.....ngày tháng năm của)

1. Tọa độ, diện tích khu vực dự kiến đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

2. Tọa độ, diện tích nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

24. Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức cá nhân được xem xét cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: - Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền lựa chọn cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực không đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Đáp ứng các yêu cầu về năng lực tài chính quy định tại Điều 55 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư khai thác tận thu khoáng sản trong trường hợp pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư yêu cầu; - Đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; - Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với trường hợp đề nghị khai thác tận thu khoáng sản phóng xạ hoặc có chứa chất phóng xạ đi kèm.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2025/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

	một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (<i>Mẫu số 03 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);	x	
	- Bản chính Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản (<i>Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);	x	
	- Bản sao y Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương đối với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác tận thu khoáng sản;		x
	- Bản sao y Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật;		x
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;		

	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 08 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản là 5.000.000 đồng/01 giấy phép.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	Trung tâm Phục vụ hành chính công	03 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	- Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ; - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong thời hạn không	- Lãnh đạo Sở - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	9,5 ngày làm việc

	quá 08 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. - Tiến hành kiểm tra thực địa; Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; - Trong trường hợp cần thiết, trình UBND Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình UBND Thành phố quyết định việc cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Phó phòng, Chuyên viên giải quyết HS - Hội đồng tư vấn kỹ thuật (nếu có)	
B5.1	Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao hồ sơ trình cấp phép	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	- Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc

B13.1	Trả kết quả	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Bộ phận Một cửa; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm là 08 ngày)</i> - B5.1: 4,0 ngày - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 03 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);		
	Bản chính Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);		

	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 16 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/202).

Mẫu số 03 - Phụ lục II
(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC
TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

..... (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp.

Đề nghị được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (tên khoáng sản) tại bãi thải.... của khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Khối lượng khoáng sản đề nghị được khai thác:.....(tấn, m³,...).
2. Phương pháp khai thác: lộ thiên.
3. Công suất khai thác tối đa:.....(tấn, m³,...)/năm.
4. Không gian đề nghị cấp phép khai thác:
 - a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).
 - b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

5. Thời hạn khai thác:..... năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mỏ là:.... năm (tháng).

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
 (Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiều...)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 03 - Phụ lục II*(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Môi trường)***VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU
KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

..... (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do.....
(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số.....
ngày..... tháng..... năm..... do.....(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp.

Đề nghị được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (tên khoáng sản) tại bãi thải....
của khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Khối lượng khoáng sản đề nghị được khai thác:.....(tấn, m³,...).

2. Phương pháp khai thác: lộ thiên.

3. Công suất khai thác tối đa:.....(tấn, m³,...)/năm.

4. Không gian đề nghị cấp phép khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

5. Thời hạn khai thác:..... năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó:
Thời gian xây dựng cơ bản mỏ là:.... năm (tháng).

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất,
khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m², km²)		

Đối với trường hợp điều chỉnh, chuyển nhượng có thay đổi diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ khu vực tiếp tục khai thác, khu vực trả lại để phù hợp Phụ lục I.

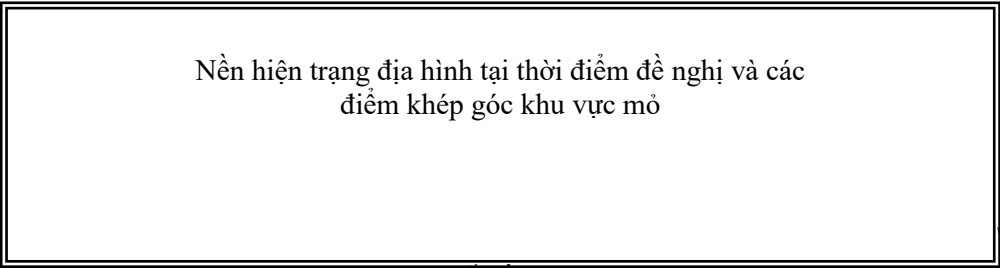
Đối với trường hợp diện tích không khai thác nằm trong diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ kèm theo

.....(TÊN BẢN ĐỒ).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trực..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....
Thước tỷ lệ

Khung tọa độ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁷⁰.....
(Ký, đóng dấu)

¹⁷⁰ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 16 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Số:...../GP-.....****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Địa danh, ngày tháng năm***GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số/...../TT-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số ... ngày ... tháng ... năm ... của cấp cho Dự án đầu tư khai thác ... tại khu vực (mỏ) thuộc của ¹⁷¹;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của (Tên cơ quan phê duyệt) về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh)

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của (Tên cơ quan phê duyệt) về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản¹⁷²;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm

¹⁷¹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

¹⁷² Đối với trường hợp không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

của (Tên cơ quan phê duyệt)..... về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) (tên khu vực hoặc mỏ) thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh).....¹⁷³;

Căn cứ quyết định số ngày của về việc đóng cửa mỏ khoáng sản (tên khoáng sản) tại khu vực thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh),

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản ngày..... tháng năm của (tên tổ chức, cá nhân),

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân) khai thác tận thu khoáng sản tại bãi thải của khu vực (mỏ) thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh) với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác: (tên khoáng sản)
2. Phương pháp khai thác khoáng sản: Lộ thiên, hầm lò, khác...
3. Không gian khai thác:
 - a) Diện tích khu vực khai thác: (ha, m², km²).
 - b) Mức sâu khai thác thấp nhất: (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II¹⁷⁴ kèm theo giấy phép này.

5. Khối lượng khoáng sản được phép khai thác:
 - a) Khoáng sản chính: (tấn, m³, ...);
 - b) Khoáng sản đi kèm: (tấn, m³, ...).
6. Công suất khai thác tối đa¹⁷⁵: (tấn, m³/năm);
7. Thời hạn khai thác:
8. Dự án (công trình; nhóm dự án, công trình) sử dụng khoáng sản¹⁷⁶:.... ..

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, các khoản phí có

¹⁷³ Đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

¹⁷⁴ Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

¹⁷⁵ Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính.

¹⁷⁶ Ghi rõ tên dự án, công trình hoặc nhóm dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III, nhóm IV cấp cho nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản.

liên quan theo quy định hiện hành.

2. Các yêu cầu cần thiết khác (không được quy định trong quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản hoặc pháp luật khác có liên quan) đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục I

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số /GP-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

23. Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (QT-23.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức cá nhân được xem xét gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: - Việc gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện để kéo dài thời hạn khai thác đối với khối lượng khoáng sản còn lại khi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hết hiệu lực; - Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 30 ngày tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn. Trường hợp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản còn hiệu lực ít hơn 30 ngày, người có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp bất khả kháng, trước khi xem xét gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2025/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng

	khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Bản chính văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (<i>Mẫu số 06 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);	x	
	- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tận thu khoáng sản tại thời điểm đề nghị gia hạn (<i>Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>);	x	
	- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn (<i>Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>).	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn) là 2.500.000 đồng/01 giấy phép.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian

tự			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	- Cán bộ của Trung tâm Phục vụ hành chính công	02 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	- Sở NN\$MT - Lãnh đạo Sở; - Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ; - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong thời hạn không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan; - Tiến hành kiểm tra thực địa; Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; - Trong trường hợp cần thiết, trình UBND Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình UBND Thành phố quyết định việc cấp gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước	- Lãnh đạo Sở - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước. - Phó phòng, Chuyên viên giải quyết HS - Hội đồng tư vấn kỹ thuật (nếu có)	8,0 ngày

	B5.2.		
B5	Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao hồ sơ trình cấp phép	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	3,0 ngày làm việc
B12.1	- Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Bộ phận Một cửa; - Chuyên viên giải	1,0 ngày

		quyết HS.	
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm là 05 ngày)</i> - B5.1: 2,0 ngày - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 1,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 3,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	- Mẫu số 06 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);		
	- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>);		
	- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>).		

Mẫu số 06 - Phụ lục II

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP
KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

..... (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Được(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cho phép khai thác tận thu
.....(tên khoáng sản) tại bãi thải... của khu vực(tên mỏ)..... thuộc
.....(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác tận thu
khoáng sản số ngày tháng năm

Khối lượng khoáng sản được phép khai thác:.....(tấn, m³,...).

Khối lượng còn lại đến thời điểm đề nghị gia hạn:..... (tấn, m³,...).

Đề nghị gia hạn thời gian khai thác:(số năm khai thác)..... năm, đến
ngày ... tháng ... năm...

Lý do đề nghị gia hạn.....

.....

(Có kế hoạch tiếp tục khai thác gửi kèm theo)

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của
pháp luật về địa chất khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

)

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

Đối với trường hợp điều chỉnh, chuyển nhượng có thay đổi diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ khu vực tiếp tục khai thác, khu vực trả lại để phù hợp Phụ lục I.

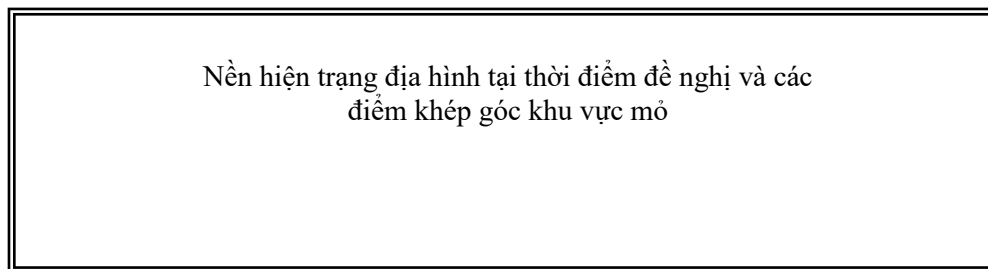
Đối với trường hợp diện tích không khai thác nằm trong diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ kèm theo

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)....,
 ... (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu.....”

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
 (Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁷⁷
 (Ký, đóng dấu)

¹⁷⁷ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên
 - Năm sinh
5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:.....
 - Cơ quan cấp phép.....
 - Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 - Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
 - Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
 - Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác:
 - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày..... tháng.... năm....¹⁷⁸:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo

¹⁷⁸ Thời điểm báo cáo

cáo:..... (tấn, m³).

7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).

8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).

9. Tổng doanh thu:(VND).

10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:

- Thuế tài nguyên:(VND);

- Thuế môi trường:.....(VNĐ);

- Tiền thuê đất:.....(VNĐ)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);

- Khác (nếu có):

11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có)

12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm

13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).

14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VNĐ).

16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản¹⁷⁹

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....
.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....
.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

¹⁷⁹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo¹⁸⁰

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

¹⁸⁰ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 19 - Phụ lục II
(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Số:...../GP-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN
(Gia hạn)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày của;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày tháng năm để(Tên tổ chức, cá nhân)..... được tiếp tục khai thác(tên khoáng sản) tại bãi thải.... của khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 2.(tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện khai thác khối lượng khoáng sản còn lại của Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ...

3. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số

..... ngày ... tháng ... năm

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của/.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

23. Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (QT-24.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân được xem xét điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: - Được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư khai thác khoáng sản điều chỉnh hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có); trừ trường hợp quy định tại khoản 1a Điều 57 của Luật Địa chất và khoáng sản; - Được cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công chấp thuận bằng văn bản đối với nội dung điều chỉnh so với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; - Trường hợp điều chỉnh giảm công suất và kéo dài thời gian khai thác so với thời gian quy định trong giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp, thời hạn khai thác sau khi điều chỉnh (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản, thời gian khai thác trước đó) không vượt quá thời hạn khai thác quy định tại điểm a khoản 2 Điều 68 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: thời hạn khai thác tận thu khoáng sản bao gồm thời gian xây dựng cơ bản mỏ và thời gian khai thác tận thu khoáng sản được xác định theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản nhưng không quá 10 năm và có thể được gia hạn nhiều lần theo đề nghị của tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác tận thu khoáng sản với tổng thời gian gia hạn không quá 05 năm).
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2025/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy

	định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thay đổi tên gọi:		
	Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản, các bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tận thu khoáng sản, bản vẽ mặt cắt hiện trạng có liên quan (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).	x	
	* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm		
	- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	- Bản chính Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản, các bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tận thu khoáng sản, bản vẽ mặt cắt hiện trạng có liên quan (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	

	- Bản chính hoặc bản sao y Kế hoạch khai thác tận thu điều chỉnh kèm theo quyết định phê duyệt;	x	
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả hoạt động khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).	x	x
* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị trả lại một phần diện tích khai thác:			
	- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	- Bản chính Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản, các bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tận thu khoáng sản, bản vẽ mặt cắt hiện trạng có liên quan (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ kế hoạch khai thác tận thu điều chỉnh kèm theo quyết định phê duyệt;	x	x
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả hoạt động khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	x	x
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ phương án đóng cửa mỏ một phần diện tích khu vực khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).	x	x
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		

<i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm:</i> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thay đổi tên tổ chức, cá nhân:</i> - Thời hạn tiếp nhận, thẩm định và ra quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
1.	<i>Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng</i>		

<i>khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm</i>			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1,0 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	- Sở NN\$MT - Lãnh đạo Sở; - Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	1,0 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. - Tiến hành kiểm tra thực địa; Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; - Trong trường hợp cần thiết, trình UBND Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình UBND Thành phố quyết định việc cấp điều	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước. - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	8,0 ngày làm việc

	chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao cho Văn phòng Sở	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Văn phòng Sở	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	3,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	- Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày

B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Bộ phận Một cửa; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1: Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc</i> - B5.1: 2,0 ngày làm việc - B6.1: 1,0 ngày làm việc - B7.1: 1,0 ngày làm việc - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 3,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	- Mẫu số 09 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);		
	- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);		
	- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);		
	- Mẫu số 08 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
	Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 28 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		

Mẫu số 09 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG
GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: Fax:

Được*(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy
phép)*..... cho phép khai thác tận thu *(tên khoáng sản¹⁸¹)* tại bãi
thải của khu vực *(tên mỏ)* thuộc *(tên cấp xã)*, ...
(tên cấp tỉnh) theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày
..... tháng năm

1. Đề nghị được điều chỉnh nội dung của Giấy phép khai thác tận thu khoáng
sản nêu trên như sau:

- *(nội dung theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã cấp)*
- *(nội dung đề nghị điều chỉnh)*

2. Diện tích khu vực khoáng sản đề nghị trả lại, tiếp tục khai thác¹⁸²:

- Diện tích khu vực khai thác: (ha, m², km²).
- Diện tích đề nghị trả lại: (ha, m², km²).
- Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác: (ha, m², km²).

*(Diện tích đề nghị trả lại và không gian khu vực đề nghị được tiếp tục khai
thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo).*

3. Lý do đề nghị điều chỉnh:

.....

* Đề nghị thực hiện kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản với
nội dung như sau¹⁸³:

¹⁸¹ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

¹⁸² Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

¹⁸³ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- Thời gian đề nghị gia hạn:

- Lý do gia hạn:

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(*Ký tên, đóng dấu*)

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN¹⁸⁴**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác tận thu khoáng sản
ngày tháng năm)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực đề nghị trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác tận thu khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất ... (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất ... (m)		

¹⁸⁴ Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khớp góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

Đối với trường hợp điều chỉnh, chuyển nhượng có thay đổi diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ khu vực tiếp tục khai thác, khu vực trả lại để phù hợp Phụ lục I.

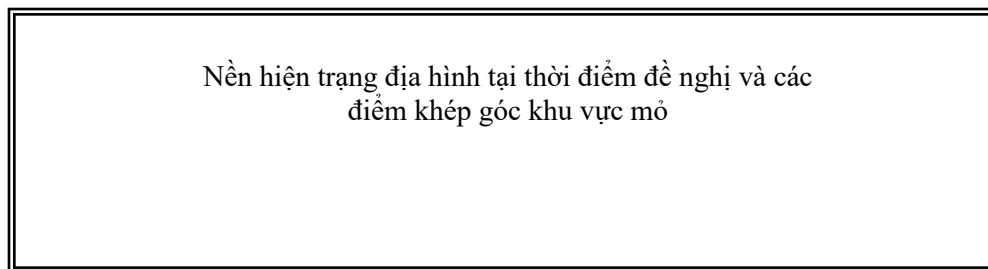
Đối với trường hợp diện tích không khai thác nằm trong diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ kèm theo

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)....,
....(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Được trích lục từ tờ bản đồ
địa hình (hoặc thành lập
trên nền bản đồ địa hình
quốc gia) tỷ lệ..., kinh
tuyến trục..., múi chiều...,
số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁸⁵.....
(Ký, đóng dấu)

¹⁸⁵ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên.....
 - Năm sinh.....
5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:.....
 - Cơ quan cấp phép.....
 - Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 - Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
 - Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
 - Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
 - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.... tháng.... năm....¹⁸⁶:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).

¹⁸⁶ Thời điểm báo cáo

5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trừ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
 - Tiền thuê đất:.....(VNĐ)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có)
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VNĐ).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản¹⁸⁷

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trừ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trừ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

¹⁸⁷ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo¹⁸⁸

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁸⁸ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục
(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

*(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....*TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC
HIỆN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG
SẢN

(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu**(Họ và tên)*ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(nếu có)

(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu**(Họ và tên)*

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản

cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có*

tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy móng kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);

- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 28 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

Số:...../QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số/...../TT-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày tháng năm của;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác tận thu khoáng sản ngày tháng năm của (tên tổ chức, cá nhân)

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh (nội dung, điều, khoản, ...). quy định trong Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày tháng năm của (Tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên tổ chức, cá nhân) khai thác (tên khoáng sản) tại bãi thải của khu vực (mỏ) thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. (nội dung theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp)

2. (nội dung điều chỉnh)¹⁸⁹
3. Không gian khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác¹⁹⁰:
 - a) Diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại: (ha, m², km²).
 - b) Diện tích khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản: (ha, m², km²).
 - c) Mức sâu khai thác tại khu vực tiếp tục khai thác: Từ (m) đến (m).
 - d) Thời hạn tiếp tục khai thác: ¹⁹¹

Diện tích khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II¹⁹² kèm theo giấy phép này.

Điều 2¹⁹³. Chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:
2. Diện tích thực hiện:
3. Khối lượng thực hiện:
4. Thời gian thực hiện:
5. Đơn vị thực hiện:

Điều 3¹⁹⁴. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có);
2. Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số

3. Chấm dứt hoạt động khai thác tận thu khoáng sản tại phần diện tích trả lại; thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan đối với phần diện tích trả lại theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

4. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản đối với phần diện tích trả lại sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ... (tổ chức, cá nhân) và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

CHỦ TỊCH

¹⁸⁹ Không áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. Nội dung điều chỉnh có thể kết hợp gia hạn trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện đồng thời thủ tục gia hạn, điều chỉnh.

¹⁹⁰ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

¹⁹¹ Áp dụng trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện đồng thời thủ tục gia hạn, điều chỉnh.

¹⁹² Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

¹⁹³ Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khi điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

¹⁹⁴ Khoản 3 và khoản 4 Điều này chỉ áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

-(Tên tổ chức, cá nhân)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

(Ký tên, đóng dấu)

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

25. Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (QT-25.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân được xem xét trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: - Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản không có nhu cầu tiếp tục khai thác khoáng sản; - Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 25 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ..
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2025/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản (quy định tại điểm c khoản 4 Điều 82 của Luật Địa chất và khoáng sản):</i>		
	Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, trong đó nêu rõ lý do chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản (Mẫu số 11 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	x	
	<i>* Các trường hợp khác trường hợp nêu trên:</i>		
	Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 11 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;	x	
	Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm đề nghị trả lại (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	-Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính từ thời điểm cấp phép đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	x	
	Bản chính Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản của khu vực khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 05 hoặc mẫu số 06 hoặc mẫu số 07 hoặc mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ các văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản theo quy định tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	x	

3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	- Cán bộ của Trung tâm Phục vụ hành chính công	1,0 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	1,0 ngày làm việc

B4	+ Kiểm tra nội dung hồ sơ; + Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan; + Tiến hành kiểm tra thực địa; Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ - Trong trường hợp cần thiết, trình Chủ tịch UBND Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định việc trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. - Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước. - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	8,0 ngày làm việc
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao cho Văn phòng Sở	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Văn phòng Sở	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết	Chủ tịch UBND	3,0 ngày

	định	Thành phố	làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	- Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Bộ phận Một cửa; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày làm việc
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (tổng thời gian thẩm định là 05 ngày làm việc)</i> - B6.1: 2,0 ngày làm việc - B7.1: 1,0 ngày làm việc - B8.1: 1,0 ngày làm việc - B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 0,25 ngày - B12.1: 3,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc - B14.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	- Mẫu số 11 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);		
	- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển		

	nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);
	- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);
	Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản của khu vực khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 05 hoặc mẫu số 06 hoặc mẫu số 07 hoặc mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)
	Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 32 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

Mẫu số 11 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax

Được *(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)*
..... cho phép khai thác tận thu *(tên khoáng sản¹⁹⁵)* tại bãi thải
của khu vực (mỏ)..... thuộc *(tên cấp xã)*, ... *(tên cấp tỉnh)*
theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày tháng năm
.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nêu trên.

Lý do đề nghị trả lại:

.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)* cam kết thực hiện đúng quy định của
pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁹⁵ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khớp góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

Đối với trường hợp điều chỉnh, chuyển nhượng có thay đổi diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ khu vực tiếp tục khai thác, khu vực trả lại để phù hợp Phụ lục I.

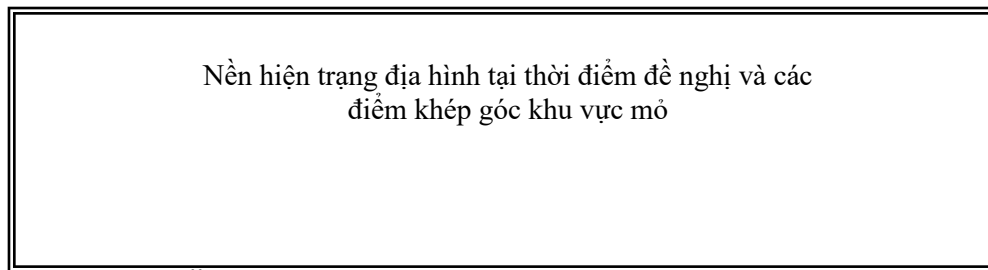
Đối với trường hợp diện tích không khai thác nằm trong diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ kèm theo

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)....,
....(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Được trích lục từ tờ bản đồ
địa hình (hoặc thành lập
trên nền bản đồ địa hình
quốc gia) tỷ lệ..., kinh
tuyến trục..., múi chiều...,
số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁹⁶.....
(Ký, đóng dấu)

¹⁹⁶ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên.....
 - Năm sinh.....
5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép
 - Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 - Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
 - Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
 - Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
 - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....¹⁹⁷:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
 - Tiền thuê đất:.....(VNĐ)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VNĐ).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản¹⁹⁸

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng

¹⁹⁷ Thời điểm báo cáo

¹⁹⁸ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....
.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....
.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....
.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo¹⁹⁹

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....
.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

¹⁹⁹ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 05 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

*(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....*

Địa danh, tháng năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã),
..... (tên cấp tỉnh)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
 (nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC
DANH MỤC BẢNG BIỂU
DANH MỤC HÌNH VẼ
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH
MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (dưới đây gọi tắt là đề án).
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập đề án.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập đề án

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập đề án.
- 2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến đề án.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đề án.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).
- Bàn giao diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ

khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ khoáng sản phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;

- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Đề án/dự án/phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản,..... đã được phê duyệt; hiện trạng khu vực khai thác (các moong khai thác, lò khai thác), các công trình phụ trợ trên bề mặt của mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ, TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LỊCH SỬ KHAI THÁC

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

1.1. Vị trí địa lý: Mô tả vị trí, tọa độ khu vực thực hiện đề án (khai trường, mặt bằng sản công nghiệp, khu phụ trợ, bãi thải), ranh giới tiếp giáp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội: Mô tả đặc điểm địa hình, sông suối, đặc điểm khí hậu, đặc điểm giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, điều kiện kinh tế - xã hội nơi đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Các đối tượng xung quanh khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (*bao gồm cả phạm vi trên mặt và dưới sâu*).

2. Lịch sử khai thác

Nêu khái quát quá trình khai thác của khu vực khoáng sản theo từng giai đoạn: Giai đoạn trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra trong khai thác khoáng sản và kết quả khắc phục các tồn tại, vi phạm (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung kết luận thanh tra, thông báo khắc phục và yêu cầu kiến nghị, xử lý các tồn tại, vi phạm và kết quả khắc phục (nếu có).

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ khai thác;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế

và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu.

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ,...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác,... Cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong đề án khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương án thực hiện các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án. Lập bảng thống kê khối lượng theo Phương án (Đề án, Dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, khối lượng đã thực hiện (nếu có) và khối lượng còn phải phải thực hiện (khối lượng đóng cửa mỏ).

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động

để thực hiện các hạng mục công trình của đề án.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường) trong quá trình thực hiện đề án.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công các hạng mục công trình của đề án.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó *(trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá)*, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra *(Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt)*.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các hạng mục công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công đề án; nguyên, nhiên liệu sử dụng; biện pháp kỹ thuật, an toàn.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác?
Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ.
5	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng của khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
6	Bình đồ phân khối trữ lượng.
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản.
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu (nếu có).
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
10	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);

- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 06 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
 (nếu có)
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

1.1. Tên Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho

Dự án,...; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố),... quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*vị trí, tọa độ lỗ khoan/giếng khoan, trữ lượng, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác bơm hút, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, chế độ khai thác; Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng cấp phép phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Thống kê chi tiết trữ lượng khai thác theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng cấp phép phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã triển khai từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, đứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn của các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt .

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra tại khu vực mỏ và việc khắc phục, xử lý các tồn tại (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung thanh tra, kiểm tra và việc thực hiện kiến nghị, khắc phục, xử lý các tồn tại (nếu có).

4. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG II PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (để án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan .

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành các hạng mục công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

III. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG III DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục*

hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt).

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành các hạng mục công việc của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
5	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 07 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

***(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,.....(tên cấp
tỉnh).....***

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC
 HIỆN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG
 SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
 (nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh, tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Để thống kê trữ lượng (khối lượng) khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ

lượng (khối lượng) khoáng sản còn lại chưa khai thác.

- Bàn giao diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác.

- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, cung cấp điện*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... Trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất tại khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, các hạng mục công trình của công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG II

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương; đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ và cải tạo, phục hồi môi trường

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG III DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục*

hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt).

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của Phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công Phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ).
4	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải (nếu có).
5	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản được thể hiện trên không gian ba chiều (3D).
6	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định, quyết định phê duyệt);

- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
*(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh).....*

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu**(Họ và tên)*

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu**(Họ và tên)*

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản

cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;
- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;
- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có*

tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy móng kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);

- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 32 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày tháng năm của

Xét hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân)..... được trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm.... do(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp tại bãi thải.... của khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Điều 2²⁰⁰. Phê duyệt Đề án (Chấp thuận Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:.....

2. Diện tích thực hiện:

²⁰⁰ Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục phê duyệt đề án hoặc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với thủ tục trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

3. Khối lượng thực hiện:
4. Thời gian thực hiện:
5. Đơn vị thực hiện:

Điều 3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm:

1. Nộp tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.
3. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

26. Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản (QT-26.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Điều kiện chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản: - Tuân thủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 67 của Luật Địa chất và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 20 Điều 1 của Luật số 147/2025/QH15; - Đã hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định tại điểm a, d, đ, e, g, h, i và k khoản 2 Điều 70 của Luật Địa chất và khoáng sản, cụ thể: + Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật; + Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và các hoạt động khác được xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ được phê duyệt theo quy định của pháp luật; trừ trường hợp bất khả kháng; + Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; + Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm theo đúng nội dung quy định trong giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; bảo vệ khoáng sản trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác; thực hiện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản; thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản, pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan; có giám đốc điều hành mỏ hoặc nhân sự điều hành mỏ theo quy định của pháp luật; + Lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả khai thác tận thu khoáng sản; kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

	+ Thống kê, kiểm kê khối lượng khoáng sản được khai thác; + Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tận thu khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo; + Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra theo quy định của pháp luật. - Tại thời điểm chuyển nhượng không có tranh chấp về quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản. - Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản theo quy định tại khoản 3 Điều 83 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 25 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; tại thời điểm nộp hồ sơ, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đang còn hiệu lực ít nhất 6 tháng; - Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo quy định của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; cụ thể: + Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền lựa chọn cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực không đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; + Đáp ứng các yêu cầu về năng lực tài chính quy định tại Điều 55 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; + Đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư khai thác tận thu khoáng sản trong trường hợp pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư yêu cầu; + Đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; + Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với trường hợp đề nghị khai thác tận thu khoáng sản phóng xạ hoặc có chứa chất phóng xạ đi kèm.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2025/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

	một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Bản chính văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 13 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	x	
	Bản sao hợp lệ hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng (Hợp đồng giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng phải có nội dung chính sau: hiện trạng số lượng, khối lượng, giá trị công trình khai thác, hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư, xây dựng; giá trị chuyển nhượng; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tính đến thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng đối với việc tiếp tục thực hiện các công việc, nghĩa vụ chưa hoàn thành của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tính đến thời điểm chuyển nhượng; quyền và nghĩa vụ khác có liên quan của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng và tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng theo quy định);		x
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ bản đồ khu vực khai thác, các bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tận thu khoáng sản, mặt cắt hiện trạng tính đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	x
	- Bản sao hợp lệ báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính từ thời điểm giấy phép có hiệu lực thi hành đến thời điểm nộp đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);		x

	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ các văn bản, tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ (quy định tại điểm b khoản 1 Điều 83 và Điều 85 của Nghị định 139/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng;	x	x
	Hồ sơ, tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản đủ điều kiện được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	x	x
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, mức thu lệ phí cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản khi chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản là 2.500.000 đồng/01 giấy phép.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	Trung tâm Phục vụ	01 ngày

	- Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	hành chính công	làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC), trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	- Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	01 ngày làm việc
B4	+ Kiểm tra nội dung hồ sơ; + Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị chuyển nhượng giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. (Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan;) + Tiến hành kiểm tra thực địa; Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng khai thác tận thu khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ. + Trong trường hợp cần thiết, trình Chủ tịch UBND Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định việc chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản. - Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc đề nghị chuyển nhượng giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B 5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước. - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	8,0 ngày làm việc

B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao cho Văn phòng Sở	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	UBND Thành phố xem xét, quyết định	UBND Thành phố	3,0 ngày làm việc
B12.1	- Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Bộ phận Một cửa; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày làm việc

	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (tổng thời gian thẩm định là 05 ngày làm việc)</i> - B5.1: 2,0 ngày - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 1,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 3,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc
4	Biểu mẫu
	- Mẫu số 13 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);
	- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>).
	- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>).
	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (chuyển nhượng) (Mẫu số 24 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

Mẫu số 13 -Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG
QUYỀN KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

..... (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Được(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cho phép khai thác tận thu (tên khoáng sản²⁰¹)..... tại bãi thải.... của khu vực(tên mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày tháng năm

Đề nghị được chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản cho:

..... (Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp.

Hợp đồng chuyển nhượng số....., ký ngày... tháng... năm... và các văn bản khác liên quan.

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển
nhượng**

(Ký tên, đóng dấu)

**Tổ chức, cá nhân nhận chuyển
nhượng**

(Ký tên, đóng dấu)

²⁰¹ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khớp góc

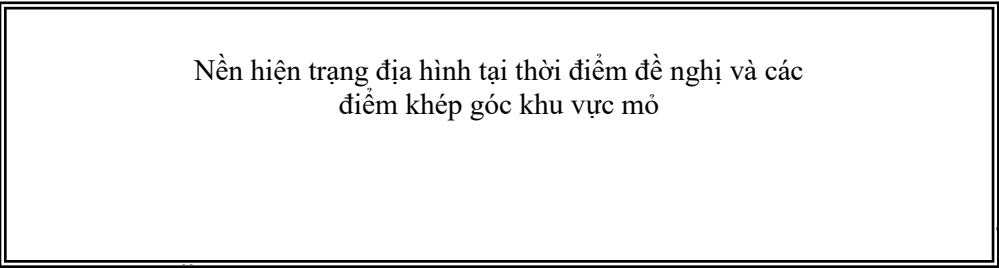
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

Đối với trường hợp điều chỉnh, chuyển nhượng có thay đổi diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ khu vực tiếp tục khai thác, khu vực trả lại để phù hợp Phụ lục I.

Đối với trường hợp diện tích không khai thác nằm trong diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ kèm theo

.....(TÊN BẢN ĐỒ).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....



Được trích lục từ tờ bản đồ
địa hình (hoặc thành lập
trên nền bản đồ địa hình
quốc gia) tỷ lệ..., kinh
tuyến trục..., múi chiều...,
số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân²⁰².....
(Ký, đóng dấu)

CHỈ DẪN

.....
.....
.....

Khung tọa độ

²⁰² Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên
 - Năm sinh
5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:.....
 - Cơ quan cấp phép.....
 - Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 - Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
 - Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
 - Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
 - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày..... tháng.... năm....²⁰³:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản

²⁰³ Thời điểm báo cáo

theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).

4. Tổng vốn đầu tư: (VND).

5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).

6. Khối lượng (trừ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).

7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).

8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).

9. Tổng doanh thu:(VND).

10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:

- Thuế tài nguyên:(VND);

- Thuế môi trường:.....(VNĐ);

- Tiền thuê đất:.....(VNĐ)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);

- Khác (nếu có):

11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có)

12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm

13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).

14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VNĐ).

16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản²⁰⁴

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trừ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trừ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

²⁰⁴ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

.....
c) Đánh giá khác (nếu có)

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo²⁰⁵

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....
2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).
3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.
4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²⁰⁵ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 24 - Phụ lục II

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Số:...../GP-UBND****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Địa danh, ngày tháng năm*

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN
(Chuyển nhượng)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số/...../TT-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày tháng năm của

Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản của ký với

Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản ngày tháng năm của (tên tổ chức, cá nhân chuyển nhượng)

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng) khai thác tận thu khoáng sản tại bãi thải của khu vực (mỏ) thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh) với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản:

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: Lộ thiên, hầm lò, khác.

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: (ha, m², km²);

b) Mức sâu khai thác: Từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II²⁰⁶ kèm theo giấy phép này.

4. Khối lượng khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm:

a) Khoáng sản chính: (tấn, m³, ...);

b) Khoáng sản đi kèm: (tấn, m³, ...).

5. Khối lượng khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:

a) Khoáng sản chính: (tấn, m³, ...);

b) Khoáng sản đi kèm: (tấn, m³, ...).

6. Công suất khai thác tối đa: (tấn, m³, ...)/năm;

7. Thời hạn khai thác: năm..... tháng.

8. Dự án (công trình; nhóm dự án, công trình) sử dụng khoáng sản²⁰⁷:

.....

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng*) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các yêu cầu cần thiết khác (trường hợp cần quy định thêm điều kiện khi chuyển nhượng) đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực của Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số/.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

²⁰⁶ Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

²⁰⁷ Ghi rõ tên dự án, công trình hoặc nhóm dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III, nhóm IV cấp cho nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục I

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (chuyển nhượng) số/GP-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

27. Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (QT-27.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với toàn bộ hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản trong các trường hợp sau đây: - Đã khai thác hết toàn bộ trữ lượng khoáng sản trong phạm vi diện tích, ranh giới theo chiều sâu khu vực khai thác khoáng sản; - Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm a, b, đ, e, g và h khoản 2 Điều 66 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: Giấy phép bị thu hồi; Giấy phép đã hết thời hạn khai thác nhưng không đủ điều kiện để gia hạn, cấp lại; Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã; Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất, khu vực biển theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan; Theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết trọng tài); c) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm a, b, đ, e, g và h khoản 2 Điều 71 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: Giấy phép bị thu hồi; Giấy phép đã hết thời hạn khai thác tận thu khoáng sản nhưng không đủ điều kiện để gia hạn; Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã; Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất của dự

	án đầu tư khai thác khoáng sản do vi phạm pháp luật về đất đai; Theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết trọng tài); - Thời hạn khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã hết nhưng không đủ điều kiện để gia hạn, cấp lại; - Khi tổ chức, cá nhân có đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Mẫu số 01 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>)	x	
	- Bản chính Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Mẫu số 05 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>)	x	
	- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (<i>Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số</i>	x	

	04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)		
	Bản sao hợp lệ phương án cải tạo, phục hồi môi trường được tích hợp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; trừ trường hợp quy định tại khoản 1c Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản		X
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính từ thời điểm cấp phép đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);	X	X
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ các văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.	X	X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	63 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 21 ngày) - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 50 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		

3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ, Tổ chức kiểm tra tại thực địa; - Gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan về đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Trong thời hạn không quá 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan</i>) - Tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan; - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	18,0 ngày làm việc
B5.1	- Thành lập Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định tại Điều 101	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng	15,0 ngày làm việc

	của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ. - Tổng hợp ý kiến góp ý, trình Chủ tịch hội đồng để tổ chức phiên họp của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; - Tổ chức phiên họp của hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản: Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự - Ban hành văn bản thông báo nội dung kết luận của Chủ tịch hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho tổ chức, cá nhân để chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản: + Hồ sơ được thông qua: có từ 50% trở lên thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá “thông qua” => chuyển sang bước 6.1 + Hồ sơ phải chỉnh sửa, hoàn thiện: có từ 50% trở lên thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá “thông qua” và “thông qua với điều kiện phải hoàn thiện, chỉnh sửa” => chuyển sang bước 5.2. <i>Thực hiện từ bước 5.2 đến 10.2 và tiếp tục thực hiện từ bước 6.1 đến 14.1</i> + Hồ sơ không được thông qua: có trên 50% thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá “không thông qua” => chuyển sang bước 5.2	Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS - Hội đồng thẩm định	
B6.1	Chuẩn bị hồ sơ trình ban hành quyết định việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	7,0 ngày làm việc
B7.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	3,0 ngày làm việc
B8.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	3,0 ngày làm việc
B9.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B10.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B11.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,5 ngày

B12.1	UBND Thành phố xem xét, quyết định	UBND Thành phố	8,0 ngày làm việc
B13.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở NN&MT;	1,0 ngày làm việc
B14.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Sở NN&MT;	1,0 ngày
- Trường hợp yêu cầu bổ sung từ bước B4: <i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B14.1, trong đó thời gian tại các bước như sau (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc)</i> - B5.1: 15,0 ngày làm việc - B6.1: 2,0 ngày làm việc - B7.1: 1,0 ngày làm việc - B8.1: 2,0 ngày làm việc - B9.1: 0,5 ngày làm việc - B10.1: 0,25 ngày làm việc - B11.1: 0,25 ngày làm việc			

	- B12.1: 8,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc - B14.1: 1,0 ngày làm việc - Trường hợp yêu cầu bổ sung từ bước B5.1: <i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B6.1 đến B14.1, trong đó thời gian tại các bước như sau (Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc)</i> - B6.1: 15,0 ngày làm việc - B7.1: 2,0 ngày làm việc - B8.1: 3,0 ngày làm việc - B9.1: 0,5 ngày làm việc - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 0,25 ngày - B12.1: 8,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc - B14.1: 1,0 ngày làm việc
4	Biểu mẫu
	Mẫu số 01 - Phụ lục: Văn bản đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>)
	Mẫu số 05 - Phụ lục: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>)
	Mẫu số 19 - Phụ lục: Bản đồ trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>)
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính từ thời điểm cấp phép đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)
	Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 12 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

Mẫu số 01 - Phụ lục

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT
ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:

Đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản).....tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép).....).

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

Thời gian đề nghị thực hiện: tháng.

Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản có tọa độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị
đóng cửa mỏ khoáng sản

Chức danh

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Mẫu số 19 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Phụ lục II**BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN****Tọa độ các điểm khép góc**

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiếu)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....			
Tổng diện tích: ha/km ²			

.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....

Nền hiện trạng địa hình tại thời điểm đề nghị và ranh giới các điểm khép góc khu vực mỏ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ (đối với tổ chức phải có chức năng thành lập theo quy định)
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân lập
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Khung và lưới tọa độ

Tỷ lệ:

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ, kinh tuyến trục, múi chiếu, số hiệu”

Mẫu số 05 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

Địa danh, tháng năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã),
..... (tên cấp tỉnh)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
 (nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (dưới đây gọi tắt là đề án).
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập đề án.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập đề án

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập đề án.
- 2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến đề án.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đề án.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng

khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.

- Mục đích khác (nêu rõ).

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ khoáng sản phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;

- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Đề án/dự án/phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản,..... đã được phê duyệt; hiện trạng khu vực khai thác (các moong khai thác, lò khai thác), các công trình phụ trợ trên bề mặt mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ, TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LỊCH SỬ KHAI THÁC

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

1.1. Vị trí địa lý: Mô tả vị trí, tọa độ khu vực thực hiện đề án (khai trường, mặt bằng sản công nghiệp, khu phụ trợ, bãi thải), ranh giới tiếp giáp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội: Mô tả đặc điểm địa hình, sông suối, đặc điểm khí hậu, đặc điểm giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, điều kiện kinh

tế - xã hội nơi đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Các đối tượng xung quanh khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (*bao gồm cả phạm vi trên mặt và dưới sâu*).

2. Lịch sử khai thác

Nêu khái quát quá trình khai thác của khu vực khoáng sản theo từng giai đoạn: Giai đoạn trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra trong khai thác khoáng sản và kết quả khắc phục các tồn tại, vi phạm (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung kết luận thanh tra, thông báo khắc phục và yêu cầu kiến nghị, xử lý các tồn tại, vi phạm và kết quả khắc phục (nếu có).

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ khai thác;
- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản

chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu.

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ,...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác,... Cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong đề án khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương án thực hiện các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã

được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án. Lập bảng thống kê khối lượng theo Phương án (Đề án, Dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, khối lượng đã thực hiện (nếu có) và khối lượng còn phải phải thực hiện (khối lượng đóng cửa mỏ).

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện các hạng mục công trình của đề án.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường) trong quá trình thực hiện đề án.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công các hạng mục công trình của đề án.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó *(trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá)*, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra *(Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt)*.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các hạng mục công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công đề án; nguyên, nhiên liệu sử dụng; biện pháp kỹ thuật, an toàn.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ.
5	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng của khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
6	Bình đồ phân khối trữ lượng.
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản.
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu (nếu có).
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
10	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);

- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên.....
 - Năm sinh.....
5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép
 - Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 - Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
 - Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
 - Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
 - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....²⁰⁸:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
 - Tiền thuê đất:.....(VNĐ)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VNĐ).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản²⁰⁹

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng

²⁰⁸ Thời điểm báo cáo

²⁰⁹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo²¹⁰

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²¹⁰ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 12 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ)**

Số:/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ ý kiến của về việc tham gia ý kiến đối với Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Trên cơ sở Biên bản phiên họp ngày tháng năm của Hội đồng

thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Biên bản kiểm tra thực địa ngày tháng năm

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản) nộp tại (Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (tên loại khoáng sản) tại khu vực thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh) theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép) cấp cho (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản) với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiếu, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản:

Thực hiện theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được Hội đồng Thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của (Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản) thẩm định và thông qua (thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6. Đơn vị thực hiện:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản) có trách nhiệm:

Chỉ nêu các trách nhiệm chưa được quy định trong Luật Địa chất và khoáng sản, các luật khác có liên quan.

Điều 3. (Tên cơ quan thẩm định hồ sơ) có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Xác nhận hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật bảo vệ môi trường sau khi(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... hoàn thành Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Ủy ban nhân dân xã (phường) có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... trong quá trình thi công các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

2. Kịp thời ngăn chặn và xử lý hoạt động khai thác, thu hồi khoáng sản trái phép trong khu vực thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Giải quyết các thủ tục có liên quan, đảm bảo thi công Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo đúng khối lượng và tiến độ.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*).....và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ NNN&MT;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)...;
-
- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

28. Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt (QT-28.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Các trường hợp điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt: - Thay đổi tên tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; - Điều chỉnh thời gian thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản; - Điều chỉnh khối lượng các hạng mục công việc trong đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-

	BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thời gian thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc điều chỉnh khối lượng các hạng mục công việc trong đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:</i>		
	Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 03 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)	x	
	Bản chính Báo cáo kết quả thực hiện tình hình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt kèm theo kế hoạch thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản điều chỉnh (Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)	x	
	Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ tại thời điểm đề nghị điều chỉnh (Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)	x	
	Bản sao hợp lệ phương án cải tạo, phục hồi môi trường được tích hợp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường		x
	<i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thay đổi tên tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; thành phần hồ sơ là:</i>		
	Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 03 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).	x	

3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	60 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 21 ngày) - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 50 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc

B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ, Tổ chức kiểm tra tại thực địa; - Gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan về nội dung điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Trong thời hạn không quá 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan</i>) - Tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	18,0 ngày làm việc
B5.1	- Thành lập Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định tại Điều 101 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ. - Tổng hợp ý kiến góp ý, trình Chủ tịch hội đồng để tổ chức phiên họp của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; - Tổ chức phiên họp của hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản: Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự - Ban hành văn bản thông báo nội dung kết luận của Chủ tịch hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho tổ chức, cá nhân để chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản: + Hồ sơ được thông qua: có từ 50% trở lên thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS - Hội đồng thẩm định	18,0 ngày làm việc

	“thông qua” => chuyển sang bước 6.1 + Hồ sơ phải chỉnh sửa, hoàn thiện: có từ 50% trở lên thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá “thông qua” và “thông qua với điều kiện phải hoàn thiện, chỉnh sửa” => chuyển sang bước 5.2. Thực hiện từ bước 5.2 đến 10.2 và tiếp tục thực hiện từ bước 6.1 đến 14.1 + Hồ sơ không được thông qua: có trên 50% thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá “không thông qua” => chuyển sang bước 5.2		
B6.1	Chuẩn bị hồ sơ trình phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	5,0 ngày làm việc
B7.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	2,0 ngày làm việc
B8.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	3,0 ngày làm việc
B9.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B10.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	0,5 ngày làm việc
B11.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,5 ngày làm việc
B12.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày
B13.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	- Sở NN&MT;	1,0 ngày làm việc
B14.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày

	điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng		
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	1,0 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- TTPVHCC; - Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
* Trường hợp bổ sung từ bước B.4 Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B14.1, trong đó thời gian tại các bước như sau, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc - B5.1: 14,0 ngày làm việc - B6.1: 2,0 ngày làm việc - B7.1: 1,0 ngày làm việc - B8.1: 3,0 ngày làm việc - B9.1: 0,5 ngày làm việc - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 0,25 ngày - B12.1: 5,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc - B14.1: 1,0 ngày làm việc * Trường hợp bổ sung từ bước B.5.1 Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B6.1 đến B14.1, trong đó thời gian tại các bước như sau, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc - B6.1: 14,0 ngày làm việc - B7.1: 2,0 ngày làm việc - B8.1: 3,0 ngày làm việc			

	- B9.1: 1,0 ngày làm việc - B10.1: 0,5 ngày - B11.1: 0,5 ngày - B12.1: 5,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc - B14.1: 1,0 ngày làm việc

4	Biểu mẫu
	Mẫu số 03 - Phụ lục: Văn bản đề nghị phê duyệt điều chỉnh đề án (phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>)
	Bản chính báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt kèm theo kế hoạch thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản điều chỉnh (Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026))
	Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ tại thời điểm đề nghị điều chỉnh (Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);
	Quyết định phê duyệt điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 16 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

Mẫu số 03 - Phụ lục

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN
(PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:*(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đóng cửa mỏ)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:

Đề nghị phê duyệt điều chỉnh Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản
.....*(tên loại khoáng sản)*..... tại khu vực thuộc*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... (theo Quyết định số ngày tháng năm của*(Tên cơ quan phê duyệt đề án (phương án) đóng cửa mỏ)*.....).

Nội dung đề nghị điều chỉnh:

Lý do điều chỉnh:

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân đề nghị
đóng cửa mỏ khoáng sản**

Chức danh

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

Mẫu số 09 - Phụ lục
(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Địa danh....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
 ĐỀ ÁN (PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Người đại diện pháp luật:

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Thực hiện Quyết định số ngày tháng năm của
(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)..... về việc phê
 duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản.....(Tên Đề án (Phương
 án)).....;

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương
 án) đóng cửa mỏ khoáng sản như sau:

1. Nội dung chính của Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản

- Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:
- Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:
- Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

2. Kết quả thực hiện

a) Kết quả hoạt động khai thác:

- Sản lượng thực tế đã khai thác: Khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm (tách riêng từng loại khoáng sản).
- Khối lượng đất, đá thải mỏ.
- Trữ lượng tài, nguyên còn lại.

b) Các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

.....

.....

c) Hạng mục, khối lượng và phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

.....

d) Công tác giám sát và bảo vệ môi trường trong quá trình đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

.....

đ) Các giải pháp đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

.....

e) Công tác sử dụng đất đai:

.....

.....

3. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị

Đánh giá chung về tình hình thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản so với Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Lý do hoàn thành (hoặc không hoàn thành) các nội dung của Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Các đề xuất, kiến nghị liên quan.

Tài liệu gửi kèm theo:

- Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Hồ sơ nghiệm thu các hạng mục, khối lượng theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Mẫu số 19 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Phụ lục II**BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN****Tọa độ các điểm khép góc**

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....			
Tổng diện tích: ha/km ²			

.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....

Nền hiện trạng địa hình tại thời điểm đề nghị và ranh giới các điểm khép góc khu vực mỏ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ (đối với tổ chức phải có chức năng thành lập theo quy định)
 (Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân lập
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Khung và lưới tọa độ

Tỷ lệ:

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ, kinh tuyến trục, múi chiều, số hiệu”

Mẫu số 16 - Phụ lục

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ).....**

Số:/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 147/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt đề án)..... về việc phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.....(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ ý kiến của về việc tham gia ý kiến đối với nội dung điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Biên bản phiên họp ngày tháng năm của Hội đồng Thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Biên bản kiểm tra thực địa ngày tháng năm;

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh nội dung Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân)..... nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Nội dung điều chỉnh:

a)

b)

2. Các nội dung khác quy định trong Quyết định số/QĐ-BNNMT..... nêu trên vẫn giữ nguyên giá trị.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định tại Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và là bộ phận pháp lý không tách rời của Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(Tên tổ chức, cá nhân)..... và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;

- Bộ NNN&MT;

- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;

.....

- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

29. Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (QT-29.T)

1	Mục đích		
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản		
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính		
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).		
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản	Bản

		chính	sao
	Bản chính văn bản đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Mẫu số 02 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>)	x	
	Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>)	x	
	Bản sao hợp lệ phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc tài liệu thể hiện nội dung phương án cải tạo phục hồi môi trường được thẩm định, phê duyệt hoặc cấp giấy phép theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.		x
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	26 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 08 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		

	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ, Tiến hành kiểm tra thực địa. - Gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan về nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan</i>) - Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B6.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B6.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	9,0 ngày làm việc
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc

B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản TNN	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày làm việc
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	- Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày làm việc
B13.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả chấp thuận nội dung phương án mỏ khoáng sản để thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	1,0 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT;	1,0 ngày

B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau, Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 08 ngày làm việc</i> - B5.1: 4,0 ngày làm việc - B6.1: 1,0 ngày làm việc - B7.1: 2,0 ngày làm việc - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Mẫu số 02 - Phụ lục: Văn bản đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) <i>(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)</i>		
	Mẫu số 19 - Phụ lục: Bản đồ trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản <i>(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)</i>		
	Văn bản chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 14 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		

Mẫu số 02 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN
PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN (ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN
TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

Kính gửi:*(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:

Đề nghị chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)*(tên loại khoáng sản)*..... tại khu vực thuộc*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của*(Tên cơ quan cấp giấy phép)*.....).

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

(Đối với trường hợp đề nghị đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, cần bổ sung các thông tin sau):

- Diện tích đề nghị đóng cửa: ha/km²;

- Diện tích đề nghị tiếp tục khai thác: ha/km².

Thời gian đề nghị thực hiện: tháng.

Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa và khu vực tiếp tục khai thác có tọa độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị
đóng cửa mỏ khoáng sản

Chức danh

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Mẫu số 19 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Phụ lục II**BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN****Tọa độ các điểm khép góc**

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....			
Tổng diện tích: ha/km ²			

.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....

Nền hiện trạng địa hình tại thời điểm đề nghị và ranh
 giới các điểm khép góc khu vực mỏ

**Tổ chức, cá nhân
 lập bản đồ (đối với tổ
 chức phải có chức năng
 thành lập theo quy định)**
 (Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân lập
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Khung và
 lưới tọa độ

Tỷ lệ:

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập
 trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ, kinh tuyến trục, múi
 chiều, số hiệu”

Mẫu số 14 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-UBND

Địa danh....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO**Về việc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản**

Kính gửi: (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Xét hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... chấp thuận phương án đóng

cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....của (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiều, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản: Thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Thông báo này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm thực hiện đầy đủ khối lượng của các hạng mục công việc theo tiến độ nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường, khoáng sản, pháp luật khác có liên quan; quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng trong quá trình thi công phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; báo cáo bằng văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... sau khi hoàn thành toàn bộ khối lượng của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... phải thông báo cho Ủy ban nhân dân xã (phường) để chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)....;
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND xã (phường)....;
- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

Chữ ký, đóng dấu
 (Họ và tên)

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
*(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)*

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

30. Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (QT-30.T)

1	Mục đích		
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản		
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính		
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).		
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân phải hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận theo quy định của pháp luật		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHCN ngày 04/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây) quy định về thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức xạ trong hoạt động thăm dò, khai thác quặng phóng xạ;		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

* Trường hợp đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận; thành phần hồ sơ bao gồm:			
	- Bản chính văn bản đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)	X	
	- Bản chính Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)	X	
	- Bản chính Báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)	X	
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ hồ sơ hoàn công và các văn bản chứng minh đã thực hiện khối lượng theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận;	X	X
	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ văn bản thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với trường hợp khai thác khoáng sản phóng xạ hoặc có chứa chất phóng xạ đi kèm.	X	X
* Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản			
	Văn bản, tài liệu khẳng định việc chấm dứt hiệu lực của giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 66 và khoản 2 Điều 71 của Luật Địa chất và khoáng sản.	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		

	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	* Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận: 50 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 12 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. * Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản: 29 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	1. Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các		

<i>hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận</i>			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Lấy ý kiến bằng văn bản cơ quan chuyên môn và cơ quan khác có liên quan về kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan</i>) - Tổ chức kiểm tra thực địa, nghiệm thu kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (có thể tiến hành đồng thời với việc lấy ý kiến cơ quan chuyên môn và cơ quan khác có liên quan). <i>Trường hợp không có khối lượng ngoài thực địa thì không tổ chức kiểm tra;</i> - Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS - Thành viên Hội đồng đóng cửa mỏ	26,0 ngày làm việc

B6.1	Chuẩn bị hồ sơ trình ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	5,0 ngày làm việc
B7.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	2,0 ngày làm việc
B8.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	3,0 ngày làm việc
B9.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B10.1	Bàn giao HS trình UBND Thành phố	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	0,5 ngày làm việc
B11.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,5 ngày làm việc
B12.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	5,0 ngày làm việc
B13.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	- Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày làm việc
B14.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả chấp thuận nội dung phương án mỏ khoáng sản để thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	2,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ	Chánh Văn phòng	1,0 ngày

	không đủ điều kiện giải quyết	Sở	
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT; - TTPVHCC.	1,0 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- TTPVHCC; - Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau, Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 12 ngày làm việc</i> - B5.1: 7,0 ngày làm việc - B6.1: 1,0 ngày làm việc - B7.1: 3,0 ngày làm việc - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 5,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Mẫu số 04 - Phụ lục: Văn bản đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>)		
	Mẫu số 09 - Phụ lục: Báo cáo kết quả thực hiện đề án (phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>)		
	Mẫu số 19 - Phụ lục: Bản đồ trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>)		
	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 18 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		

Mẫu số 04 - Phụ lục
(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh..., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

Kính gửi:*(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đóng cửa mỏ)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:

Thực hiện Quyết định số ngày tháng năm của
*(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)*..... về việc phê
 duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản *(Tên Đề án (Phương*
án)).....;

Căn cứ Biên bản kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án
 (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản do Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam
 hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố) lập ngày tháng
 năm

Đề nghị được đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khai
 thác) *(tên loại khoáng sản)*.....tại khu vực.....thuộc.....*(tên cấp*
xã)....., ...*(tên cấp tỉnh)*.....(theo Giấy phép khai thác khoáng sản số
 ngày tháng năm của *(Tên cơ quan cấp giấy phép)*).

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

(Đối với trường hợp đề nghị đóng cửa một phần diện tích khu vực khai
thác khoáng sản, cần bổ sung các thông tin sau):

- Diện tích đề nghị đóng cửa: ha/km²;

- Diện tích đề nghị tiếp tục khai thác: ha/km².

Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa và khu vực tiếp tục khai thác có tọa độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

Chức danh

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Mẫu số 09 - Phụ lục
(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Địa danh....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
 ĐỀ ÁN (PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Người đại diện pháp luật:

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Thực hiện Quyết định số ngày tháng năm của
(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)..... về việc phê
 duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản.....(Tên Đề án (Phương
 án)).....;

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương
 án) đóng cửa mỏ khoáng sản như sau:

1. Nội dung chính của Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản

- Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:
- Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:
- Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

2. Kết quả thực hiện

a) Kết quả hoạt động khai thác:

- Sản lượng thực tế đã khai thác: Khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm (tách riêng từng loại khoáng sản).
- Khối lượng đất, đá thải mỏ.
- Trữ lượng tài, nguyên còn lại.

b) Các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

.....

.....

c) Hạng mục, khối lượng và phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

.....

d) Công tác giám sát và bảo vệ môi trường trong quá trình đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

.....

đ) Các giải pháp đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

.....

e) Công tác sử dụng đất đai:

.....

.....

3. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị

Đánh giá chung về tình hình thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản so với Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Lý do hoàn thành (hoặc không hoàn thành) các nội dung của Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Các đề xuất, kiến nghị liên quan.

Tài liệu gửi kèm theo:

- Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Hồ sơ nghiệm thu các hạng mục, khối lượng theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Mẫu số 19 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Phụ lục II**Tọa độ các điểm khép góc**

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....			
Tổng diện tích: ha/km ²			

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Nền hiện trạng địa hình tại thời điểm đề nghị và ranh giới các điểm khép góc khu vực mỏ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ (đối với tổ chức phải có chức năng thành lập theo quy định)
 (Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân lập
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHỈ DẪN

.....

Khung và lưới tọa độ

Tỷ lệ:

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ, kinh tuyến trục, múi chiều, số hiệu”

Mẫu số 18 - Phụ lục
(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đóng cửa mỏ khoáng sản
(đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 147/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Quyết định (Thông báo) số ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt (chấp thuận) đề

án (phương án))..... về việc phê duyệt (chấp thuận) Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản số ngày tháng năm; Biên bản kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm

Căn cứ Văn bản số của về việc tham gia ý kiến đối với kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân)..... nộp tại(Tên cơ quan thẩm định hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....
.....
.....

2. Diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiếu, được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I và Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ tại Phụ lục II²¹¹ kèm theo Quyết định này.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... đã hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền đóng cửa mỏ)..... phê duyệt (chấp thuận) tại Quyết định (Thông báo) số ngày tháng năm

1. Kết quả thực hiện khối lượng các hạng mục công trình theo Đề án đóng cửa

²¹¹ Phụ lục II. Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 5 của Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT và mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

mỏ khoáng sản đã được nghiệm thu nêu tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

2. Trên cơ sở hạng mục, khối lượng công tác đóng cửa mỏ và cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện nêu tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... thực hiện thủ tục liên quan đối với số tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

Điều 3.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Báo cáo với các cơ quan chức năng có liên quan để thực hiện thủ tục bàn giao đối với khu vực có diện tích nêu tại Điều 1 của Quyết định này để địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Tiếp tục thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo thời hạn trong Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

Điều 4. Ủy ban nhân dân xã (phường)..... có trách nhiệm:

Tiếp nhận, quản lý, sử dụng đất khu vực đóng cửa mỏ, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trong khu vực theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... có trách nhiệm:

Phối hợp với Quỹ bảo vệ môi trường trong việc hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường cho(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)....., Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Quỹ bảo vệ môi trường, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ NN&MT;
- Sở NN&MT;
-
- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

Phụ lục I

**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN)**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))*

STT	Tên điểm khép góc	Hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục III

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THEO ĐỀ
ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN (ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN
TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))*

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng		Tỷ lệ đạt (%)	Ghi chú
			Theo Đề án được phê duyet	Đã thực hiện (Tại thời điểm nghiệm thu)		
1						
2						
...						

31. Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (QT-31.T)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: - Thời điểm nộp hồ sơ: + Trước ngày 31 tháng 01 của năm quyết toán đối với trường hợp quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần (Thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là ngày 31 tháng 12 của năm cuối cùng trong kỳ quyết toán); + Trong vòng 24 ngày làm việc, kể từ thời điểm được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, quyết định đóng cửa mỏ đối với trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 139 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 52 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ (cụ thể: Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản. Quyết toán khi đóng cửa mỏ; giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực; giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản hết hiệu lực nhưng không phải đóng cửa mỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 82 Luật Địa chất và khoáng sản); + Trước ngày 30/9/2025 đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản lần đầu theo

	quy định tại điểm b khoản 9 Điều 111 của Luật Địa chất và khoáng sản (Thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là ngày 30/6/2025).		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2025/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản. - Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Bản chính văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (<i>Mẫu số 04 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>)	x	
	Bản chính bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (<i>Mẫu số 05 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông</i>	x	

	<i>tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)</i>		
	Bản chính báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng, khối lượng khoáng sản được phép khai thác còn lại hàng năm trong kỳ quyết toán; cụ thể: Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III hoặc Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV hoặc Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác tận thu khoáng sản hoặc Báo cáo định kỳ hoạt động thu hồi khoáng sản (Mẫu số 05, 06, 07 và Mẫu số 08 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	<i>* Đối với các trường hợp: (1) Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần; (2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản; (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ; giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực; giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản hết hiệu lực nhưng không phải đóng cửa mỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 82 Luật Địa chất và khoáng sản:</i> Thời hạn quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thì thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản). <i>* Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản lần đầu theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 111 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i> Thời hạn quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trước ngày 31/12/2026.		

3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	3,0 ngày
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	1,0 ngày
B4	- Kiểm tra hồ sơ; - Lấy ý kiến bằng văn bản các cơ quan có liên quan về đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản - Tổng hợp ý kiến của các phòng, đơn vị, cơ quan chuyên môn và cơ quan khác có liên quan - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1;	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước; - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	55,0 ngày

	- Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	10,0 ngày
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	6,0 ngày
B7.1	Lãnh đạo Sở ký Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Lãnh đạo Sở	10,0 ngày
B8.1	Phát hành Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B9.1	Bàn giao HS, trả kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT	1,0 ngày
B10.1	Chuyển hồ sơ Trung tâm phục vụ hành chính công;	- Sở NN&MT;	1,0 ngày
B12.1	Trả kết quả, thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.	TTPVHCC	1,0 ngày
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	1,0 ngày

B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	- Chuyên viên giải quyết HS; - Sở NN&MT.	1,0 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
	Sau khi đơn vị bổ sung hồ sơ 1. Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: tiếp tục từ bước 5.1. 2. Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: - Có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không phát sinh nội dung yêu cầu mới. - Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường dừng quyết toán và trả lại hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới		
4	Biểu mẫu		
	Mẫu số 06 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>)		
	Mẫu số 07 - Phụ lục II: Bảng kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</i>)		
	Bản chính báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng, khối lượng khoáng sản được phép khai thác còn lại hàng năm trong kỳ quyết toán; cụ thể: Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III hoặc Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV hoặc Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác tận thu khoáng sản hoặc Báo cáo định kỳ hoạt động thu hồi khoáng sản (Mẫu số 05, 06, 07 và Mẫu số 08 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)		
	Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).		

Mẫu số 06 - Phụ lục II
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN
TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền quyết toán).....

Tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán:

Mã số thuế:

Trụ sở tại:

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ)
thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác
khoáng sản số ngày.... tháng năm do(Tên cơ quan cấp giấy
phép khai thác khoáng sản)..... cấp.

Đề nghị được quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ
khoáng sản nêu trên với các nội dung như sau:

I. Thông tin về quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm.....
2. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) được phê duyệt: đồng.
3. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) phải nộp trong kỳ quyết toán: đồng.
4. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) đã nộp trong kỳ quyết toán: đồng.
5. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) còn nợ trong kỳ quyết toán: đồng.
6. Sản lượng khai thác thực tế trong kỳ quyết toán (quy đổi ra khoáng sản

nguyên khai): (tấn, m³).

7. Dự tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán: đồng.

8. Chênh lệch giữa số tiền quyết toán với số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thông báo nộp hàng năm: đồng.

II. Tài liệu kèm theo

1. Bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
2. Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên hàng năm trong kỳ quyết toán.
3. Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản hàng năm trong kỳ quyết toán./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tên tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 07 - Phụ lục II

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN QUYẾT TOÁN
TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền quyết toán).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán:
2. Mã số thuế:
3. Trụ sở tại:
4. Người đại diện theo pháp luật:
5. Điện thoại:, Fax:

II. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản

1. Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm.....
2. Cơ quan cấp giấy phép:
3. Khoáng sản được phép khai thác:
4. Phương pháp khai thác: (lộ thiên, hầm lò).
5. Diện tích khu vực khai thác: (m², ha, km²).
6. Trữ lượng được phép khai thác: (tấn, m³).
7. Công suất khai thác: (tấn/năm; m³/năm; m³/ngày-đêm).
8. Thời hạn giấy phép khai thác: (tháng, năm).
9. Vị trí mỏ:

II.2. Thông tin về quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản): đồng; được phê duyệt tại Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm....., phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm....., phê duyệt bổ sung tại Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm..... của(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, phê duyệt bổ sung).....).

2. Kết quả thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong kỳ quyết toán:

STT	Thời gian (trong kỳ quyết toán)	Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				Ghi chú
		Số nộp thừa chuyển từ kỳ trước	Số được thông báo hàng năm	Số đã nộp	Số còn nợ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
1	Năm....					
2	Năm....					
3	Năm....					
4	Năm....					
5	Năm....					
	Tổng cộng					

3. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong kỳ quyết toán:

TT	Tên loại tài nguyên	Khối lượng khoáng sản nguyên khai		Khối lượng khoáng sản sau chế biến		Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong tinh quặng, sản phẩm sau chế biến	Ghi chú
		Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn vị tính	Khối lượng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Năm.....								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								
2	Năm.....								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								
...									

	Tổng cộng								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								

Lưu ý:

a) Cột 4: là khối lượng khoáng sản nguyên khai (trừ than); là khối lượng than sạch trong than khai thác (đối với khoáng sản than).

b) Cột 7, 8, 9 chỉ áp dụng đối với khoáng sản thuộc mục 1 phần I của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

c) Số liệu, thông tin về sản lượng khai thác thực tế được tổng hợp từ sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP. Số liệu được tổng hợp từ nguồn nào cần được ghi chú rõ trong cột số 10.

d) Trường hợp số liệu trong sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP có sự chênh lệch quá 10% so với số liệu trong sổ theo dõi, thống kê quy định tại điểm a khoản 1 Điều 59 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, thu hồi khoáng sản phải có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về giải trình của mình.

4. Dự tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán: đồng.

5. Chênh lệch giữa số tiền quyết toán với số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thông báo nộp²¹² hàng năm: đồng.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán)..... cam kết số liệu kê khai là đúng và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày.....tháng.....năm 20...

Tên tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²¹² Theo Văn bản thông báo của cơ quan thuế

Mẫu số 08 - Phụ lục II

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN THÔNG BÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

THÔNG BÁO

**Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc
.....(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....**

Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm

Kính gửi:(Tên Thuế tỉnh (thành phố)).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng..... năm..... của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số/GP-..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép).....²¹³;

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số/GXN -..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp giấy xác nhận).....²¹⁴;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng..... năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản²¹⁵;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, ...(Tên cơ quan quyết toán tên cấp quyền khai thác khoáng sản)..... thông báo cho Thuế tỉnh (thành phố)..... nội dung quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... như sau:

²¹³ Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

²¹⁴ Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

²¹⁵ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

STT	Thời gian	Số tiền thông báo nộp hàng năm ²¹⁶ (đồng)	Số tiền quyết toán (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
1	Năm.....				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				
2	Năm.....				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				
...					
	Tổng cộng				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				

Số tiền tổ chức, cá nhân phải nộp bổ sung là²¹⁷: đồng.
(Tên cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... đề nghị
 Thuế tỉnh (thành phố)..... thông báo để(Tên tổ chức, cá nhân quyết
 toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... thực hiện việc nộp tiền cấp quyền
 khai thác khoáng sản theo quy định.

Số tiền thông báo thừa so với số tiền quyết toán là²¹⁸: đồng.
(Tên cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản).....
 thông báo để Thuế tỉnh (thành phố)..... biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-(Tên tổ chức, cá nhân)... (để thực hiện);
- Cục Thuế (để phối hợp);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (để báo cáo);
- Bộ NNMT²¹⁹ (để báo cáo);
- Cục ĐCKS²²⁰ (để biết);
- Lưu: HS, VT.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN THÔNG BÁO**
 (Ký tên, đóng dấu)

²¹⁶ Theo văn bản thông báo của cơ quan thuế

²¹⁷ Chỉ áp dụng nếu số chênh lệch tại cột số 5 là lớn hơn 0, bằng giá trị cột số 5

²¹⁸ Chỉ áp dụng nếu số chênh lệch tại cột số 5 là nhỏ hơn 0, bằng giá trị tuyệt đối của cột số 5

²¹⁹ Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

²²⁰ Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Mẫu số 05 - Phụ lục IV

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM**

Kính gửi:

I. PHẦN CHUNG

1. Tổ chức, cá nhân:

2. Loại hình doanh nghiệp:

3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:.....

- Năm sinh:.....

- Trình độ chuyên môn:.....

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm.....; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:..... ngày..... tháng..... năm.....

A. Thông tin chung về giấy phép khai thác khoáng sản và dự án khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác.....

2. Cơ quan cấp phép.....

3. Diện tích khu vực khai thác:(ha, m², km²).

4. Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò).

5. Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức..... m²²¹.
6. Trữ lượng được phép khai thác:
- Khoáng sản chính: (tấn, m³).
 - Khoáng sản đi kèm (nếu có):..... (tấn, m³).
7. Công suất được phép khai thác:
- Khoáng sản chính:(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm).
 - Khoáng sản đi kèm (nếu có):.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm).
8. Thời hạn giấy phép:(tháng, năm).
9. Vị trí mỏ: khu vực....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
10. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản):.....(VND).
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền).....
11. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:(VND).
12. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản (nếu có):(VND).
- Quyết định phê duyệt tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan phê duyệt).....
13. Tổng vốn đầu tư:.....(VND).

B. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác

1. Số lượng moong, vị trí (hoặc số lượng lò chợ) đang khai thác:
2. Sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế trong năm báo cáo:
- Khoáng sản chính: (tấn, m³).
 - Khoáng sản đi kèm (nếu có):..... (tấn, m³).
3. Sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo:
- Khoáng sản chính: (tấn, m³).
 - Khoáng sản đi kèm (nếu có):..... (tấn, m³).

²²¹ Áp dụng đối với mỏ khai thác hầm lò

4. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác còn lại:

- Khoáng sản chính: (tấn, m³).
- Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).

6. Hệ số tổn thất trung bình trong khai thác:

- Theo thiết kế:
- Theo thực tế của năm báo cáo:
- Theo thực tế từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo:

7. Hệ số làm nghèo khoáng sản thực tế:

- Theo thực tế của năm báo cáo:
- Theo thực tế từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo:

8. Tổng khối lượng đất đá thải trong năm báo cáo: (m³, tấn).

9. Hệ số bóc trung bình thực tế trong năm báo cáo:
(tấn/m³, m³/m³, tấn/tấn, m³/tấn).

10. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác trong năm báo cáo: (tấn, m³).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: (tấn, m³).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến (nếu có) trong năm báo cáo: (tấn, m³).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau công đoạn chế biến (nếu có) trong năm báo cáo: (tấn, m³).

- Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được (nếu có) trong năm báo cáo: (tấn, m³).

11. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm báo cáo:.. (tấn, m³).

Trong đó, khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): (tấn, m³).

12. Giá thành khai thác trung bình trong năm báo cáo: (VND/tấn, m³).

13. Tổng doanh thu trong năm báo cáo: (VND).

14. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:

- Đã nộp trong năm báo cáo (VND).

- Đã nộp từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến hết năm báo cáo: (VND).

15. Nộp ngân sách Nhà nước trong năm báo cáo:(VND).

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: (VND).
- Thuế xuất khẩu khoáng sản(VND).
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:..... (VND).
- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND).
- Thuế bảo vệ môi trường:(VND).
- Tiền thuê đất:(VND).
- Khác (nếu có):.....(VND).

C. Thông tin thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản (nếu có)

1. Tổng số hào:..... m³/cái.
2. Tổng số giếng:..... m/cái.
3. Tổng số lỗ khoan:..... m/lỗ khoan.
4. Các loại mẫu đã lấy: mẫu trọng sa, ... mẫu hóa cơ bản, ... mẫu nung luyện, ... mẫu HTNT.
5. Kết quả phân tích mẫu bổ sung (nếu có, kể cả mẫu thăm dò nâng cấp).
 - Số lượng mẫu:..... mẫu.
 - Vị trí đã lấy mẫu (trong, ngoài thân khoáng, vách, trụ, bãi thải...):
 - Kết quả phân tích (ghi theo phiếu kết quả của Phòng thí nghiệm):

D. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có):.....
2. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...), (nếu có).....
4. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....), (nếu có)
5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác, giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác:

D. Đánh giá chung

1. Đánh giá về việc thay đổi (tăng, giảm) trữ lượng khoáng sản theo số liệu thực tế khai thác tại mỏ trong kỳ báo cáo so với kết quả thăm dò, thăm dò bổ sung (nếu có):

- Đánh giá, giải trình làm rõ thông tin về sự tăng, giảm trữ lượng, chất lượng khoáng sản (chiều dày thân khoáng tăng, giảm; hàm lượng có ích cao, thấp hơn so với kỳ báo cáo trước hoặc so với dự án khai thác).

- Xác định rõ trữ lượng, chất lượng khoáng sản đã thay đổi (tăng, giảm) như thế nào so với kết quả thăm dò, thăm dò bổ sung (nếu có).

- Đánh giá khả năng trữ lượng khoáng sản thực tế tại mỏ có xu hướng cao hơn hay thấp hơn trữ lượng được phép khai thác.

- Các báo cáo, tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

2. Đánh giá về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

II.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm.....; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:..... ngày..... tháng..... năm.....

Nội dung báo cáo như Mục II.1 nêu trên

.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

**Bảng số 01. Kết quả thông kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản rắn
mỏ(tên mỏ)....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....**

tính đến ngày... tháng... năm...

(Giấy phép khai thác số: .../GP-... ngày... của....)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Theo giấy phép/báo cáo kết quả thăm dò	Theo thực tế tại mỏ	Ghi chú
1	Chỉ tiêu tính trữ lượng				
	Hàm lượng biên				
	Hàm lượng công nghiệp tối thiểu				
	Chiều dày thân khoáng tối thiểu				
	Chiều dày lớp kẹp				
	Hệ số bóc đất				
	...				
2	Phương pháp tính trữ lượng				
3	Kết quả tính trữ lượng				
3.1	Khối (số hiệu khối)-121				
	Hàm lượng trung bình				
	Chiều dày thân khoáng trung bình				
	Chiều dày lớp kẹp trung bình				
	Hệ số bóc đất				
	...				
	Trữ lượng còn lại cấp 121				
3.2	Khối (số hiệu khối)-122				
	Hàm lượng trung bình				

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Theo giấy phép/báo cáo kết quả thăm dò	Theo thực tế tại mỏ	Ghi chú
	Chiều dày thân khoáng trung bình				
	Chiều dày lớp kẹp trung bình				
	Hệ số bóc đất				
	...				
	Trữ lượng còn lại cấp 122				
3.3	Khối...				
...	...				
	Tổng trữ lượng (1+2+3+...)				
4	Sản lượng khai thác năm ...				
5	Trữ lượng đã khai thác (quy đổi) năm				
6	Tỷ lệ tổn thất trung bình năm ...				
7	Tổng sản lượng đã khai thác tính đến năm				
8	Tổng trữ lượng (quy đổi) đã khai thác tính đến năm ...				
9	Tỷ lệ tổn thất chung				
10	Tổng trữ lượng (quy đổi) đã khai thác tính đến năm ...				
11	Tổng trữ lượng còn lại tính đến năm...				

**Bảng số 02. Kết quả thống kê, kiểm kê trữ lượng nước nóng thiên nhiên (nước khoáng thiên nhiên) mỏ(tên mỏ)....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... tính đến ngày ... tháng ... năm ...
(Giấy phép khai thác số: .../GP-BNNMT ngày ... của)**

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Theo giấy phép	Theo thực tế tại mỏ	Ghi chú
1	Trữ lượng cấp B				
2	Trữ lượng cấp C1				
3	Sản lượng khai thác				
3.1	Năm...				
3.2	Năm...				
3.3	Năm...				
3.4	Năm...				
4	Tổng sản lượng đã khai thác tính đến năm				

Mẫu số 06 - Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM

Kính gửi:

I. PHẦN CHUNG

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên:
 - Năm sinh:
 - Trình độ chuyên môn:

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm.....; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:..... ngày..... tháng..... năm.....

A. Thông tin chung về giấy phép khai thác khoáng sản và dự án khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác:
2. Cơ quan cấp phép:
3. Diện tích khu vực khai thác: (ha, m², km²).
4. Phương pháp khai thác: (lộ thiên).
5. Mức sâu khai thác: m²²².
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác:
7. Công suất được phép khai thác: (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm).

²²² Áp dụng đối với mỏ khai thác hầm lò

8. Thời hạn giấy phép:(tháng, năm).
9. Vị trí mỏ: khu vực....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
10. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản):.....(VND).
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền).....
11. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:.....(VND).
12. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản (nếu có):(VND).
- Quyết định phê duyệt tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan phê duyệt).....
13. Tổng vốn đầu tư:.....(VND).

B. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác

1. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế:
- Trong năm báo cáo: (tấn, m³).
 - Từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: (tấn, m³).
2. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại:..... (tấn, m³).
3. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm báo cáo:... (tấn, m³).
4. Giá thành khai thác trung bình trong năm báo cáo : (VND/tấn, m³).
5. Tổng doanh thu trong năm báo cáo: (VND).
6. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:
- Đã nộp trong năm báo cáo(VND).
 - Đã nộp từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến hết năm báo cáo:(VND).
7. Nộp ngân sách Nhà nước trong năm báo cáo:(VND).
- Trong đó:
- Thuế tài nguyên: (VND).
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:..... (VND).
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND).
 - Thuế bảo vệ môi trường:(VND).
 - Tiền thuê đất:(VND).
 - Khác (nếu có):.....(VND).

C. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện khai thác khoáng sản (nếu có):.....
2. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...), (nếu có)
4. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....), (nếu có)
5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác, giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác:

D. Đánh giá chung

1. Đánh giá về việc thay đổi (tăng, giảm) trữ lượng khoáng sản theo số liệu thực tế khai thác tại mỏ trong kỳ báo cáo so với kết quả thăm dò, khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV:

- Đánh giá, giải trình làm rõ thông tin về sự tăng, giảm trữ lượng (khối lượng), chất lượng khoáng sản (chiều dày thân khoáng tăng, giảm; hàm lượng có ích cao, thấp hơn so với kỳ báo cáo trước hoặc so với dự án khai thác).

- Xác định rõ trữ lượng (khối lượng), chất lượng khoáng sản đã thay đổi (tăng, giảm) như thế nào so với kết quả thăm dò, thăm dò bổ sung (nếu có).

- Đánh giá khả năng trữ lượng (khối lượng) khoáng sản thực tế tại mỏ có xu hướng cao hơn hay thấp hơn trữ lượng (khối lượng) được phép khai thác.

- Các báo cáo, tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

2. Đánh giá về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

II.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm.....; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:..... ngày..... tháng..... năm.....

Nội dung báo cáo như Mục II.1 nêu trên

.....
.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....
.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 07 - Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN
NĂM**

Kính gửi:

I. PHẦN CHUNG

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên:
 - Năm sinh:
 - Trình độ chuyên môn:

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

II.1. Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm.....; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:..... ngày..... tháng..... năm.....

A. Thông tin chung về giấy phép khai thác tận thu khoáng sản và dự án khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác tận thu:
2. Cơ quan cấp phép:
3. Diện tích khu vực khai thác tận thu:(ha, m², km²).
4. Phương pháp khai thác tận thu: (lộ thiên, hầm lò).
5. Mức sâu khai thác: m.
6. Khối lượng (trữ lượng) được phép khai thác tận thu:
 - Khoáng sản chính: (tấn, m³).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).

7. Công suất được phép khai thác tận thu:

- Khoáng sản chính: (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm).

8. Thời hạn giấy phép: (tháng, năm).

9. Vị trí mỏ: khu vực....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

10. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản): (VND).

Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền).....

11. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND).

12. Tổng vốn đầu tư: (VND).

B. Kết quả hoạt động khai thác tận thu khoáng sản, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác

1. Số lượng moong, vị trí (hoặc số lượng lò chợ) đang khai thác:

2. Sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế trong năm báo cáo:

- Khoáng sản chính: (tấn, m³).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).

3. Sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo:

- Khoáng sản chính: (tấn, m³).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).

4. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác tận thu còn lại:

- Khoáng sản chính: (tấn, m³).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).

5. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác trong năm báo cáo: (tấn, m³).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: (tấn, m³).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến trong năm báo cáo (nếu có): (tấn, m³).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau công đoạn chế biến (nếu có) trong năm báo cáo:..... (tấn, m³).

- Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được (nếu có) trong năm báo cáo: (tấn, m³).

6. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm báo cáo:... (tấn, m³).

Trong đó, khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): (tấn, m³).

6. Giá thành khai thác trung bình trong năm báo cáo: (VND/tấn, m³).

7. Tổng doanh thu trong năm báo cáo: (VND).

8. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:

- Đã nộp trong năm báo cáo (VND).

- Đã nộp từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến hết năm báo cáo: (VND).

9. Nộp ngân sách Nhà nước trong năm báo cáo: (VND).

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: (VND).

- Thuế xuất khẩu khoáng sản (VND).

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:..... (VND).

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND).

- Thuế bảo vệ môi trường: (VND).

- Tiền thuê đất: (VND).

- Khác (nếu có):..... (VND).

C. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có):.....

2. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...), (nếu có)

4. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ...), (nếu có)

5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác, giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác:

D. Đánh giá chung

1. Đánh giá về việc thay đổi (tăng, giảm) khối lượng khoáng sản theo số liệu thực tế khai thác tại mỏ so với khối lượng khoáng sản được phép khai thác, giải trình làm rõ thông tin về sự tăng, giảm khối lượng, chất lượng khoáng sản,

xác định rõ trữ lượng, chất lượng khoáng sản đã thay đổi (tăng, giảm) như thế nào và trữ lượng khoáng sản thực tế tại mỏ có xu hướng cao hơn hay thấp hơn trữ lượng được phép khai thác.

2. Đánh giá về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

II.2. Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm.....; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:..... ngày..... tháng..... năm.....

Nội dung báo cáo như Mục II.1 nêu trên

.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08 - Phụ lục IV

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THU HỒI KHOÁNG SẢN NĂM**

Kính gửi:

I. PHẦN CHUNG

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên:
 - Năm sinh:
 - Trình độ chuyên môn:

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THU HỒI KHOÁNG SẢN

**II.1. Giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản số:..... ngày.....
tháng..... năm.....**

A. Thông tin chung về giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép thu hồi:
2. Cơ quan cho phép thu hồi:
3. Diện tích khu vực thu hồi khoáng sản:(ha, m², km²).
4. Phương pháp thu hồi khoáng sản: (lộ thiên, hầm lò).
5. Mức sâu thu hồi khoáng sản: m.
6. Khối lượng khoáng sản được phép thu hồi: (tấn, m³).

7. Thời hạn thu hồi khoáng sản:(tháng, năm).
8. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
9. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản(VND).
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền).....

B. Hoạt động khai thác tận thu khoáng sản

1. Sản lượng khoáng sản thu hồi thực tế:
- Trong năm báo cáo: (tấn, m³).
 - Từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: (tấn, m³).
2. Khối lượng khoáng sản được phép thu hồi còn lại: (tấn, m³).
3. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã thu hồi trong năm báo cáo: (tấn, m³).
 - Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã thu hồi từ khi bắt đầu thu hồi đến hết năm báo cáo: (tấn, m³).
 - Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến trong năm báo cáo (nếu có):..... (tấn, m³).
 - Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau công đoạn chế biến trong năm báo cáo (nếu có): (tấn, m³).
 - Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được trong năm báo cáo (nếu có): (tấn, m³).
4. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm báo cáo:... (tấn, m³).
- Trong đó, khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): (tấn, m³).
5. Tổng doanh thu trong năm báo cáo: (VND).
6. Nộp ngân sách Nhà nước trong năm báo cáo:(VND).
- Trong đó:
- Thuế tài nguyên: (VND).
 - Thuế xuất khẩu khoáng sản(VND).
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:..... (VND).
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND).
 - Thuế bảo vệ môi trường:(VND).

- Khác (nếu có):.....(VND).

D. Đánh giá chung

.....

**II.2. Giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản số:..... ngày.....
 tháng..... năm**

Nội dung báo cáo như Mục II.1 nêu trên

.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

32. Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (QT-32.T)

1	Mục đích		
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản		
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:		
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).		
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức cá nhân được xem xét để chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi có đủ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản quy định khoản 3 Điều 53 của Luật Địa chất và khoáng sản, Điều 55 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2025/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

* Đối với tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản và điểm c khoản 1a Điều 6 Thông tư 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026			
	Bản chính văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 55 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.		x
* Đối với tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1a Điều 6 Thông tư 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)			
	Bản chính văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)	x	
	Văn bản giới thiệu của nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản (trong trường hợp nhà thầu thi công, nhà đầu tư, chủ đầu tư đề xuất tổ chức, cá nhân khác để khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV);	x	x
	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công hoặc văn bản giao là chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản của cơ quan, người có thẩm quyền.		x
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		

3.4	Thời gian xử lý		
	09 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.	TTPVHCC	Giờ hành chính
B2	Trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	- Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	0,5 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	Trưởng phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá và kiểm tra tại thực địa; (thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo quy định); - Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước; - Phó trưởng phòng và Chuyên viên giải quyết HS	4,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	kiến các cơ quan có liên quan về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá. (thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ). <i>(Trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan)</i> - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Dự thảo Văn bản chấp thuận	Phó trưởng phòng và Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Văn bản	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Trả kết quả	Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày

	kiện giải quyết		làm việc
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày làm việc
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B9.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (tổng thời gian thẩm định là 09 ngày làm việc)</i> - B5.1: 5,0 ngày - B6.1: 1,0 ngày - B7.1: 2,0 ngày - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,5 ngày		
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
	Văn bản chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 03 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).		

Mẫu số 01 - Phụ lục I
(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ
THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do.....(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Căn cước công dân²²³ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Là nhà thầu thi công (hoặc chủ đầu tư, nhà đầu tư)²²⁴(Tên dự án, công trình, nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản).....

Đề nghị được khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Phạm vi khảo sát, đánh giá: (diện tích khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung)..... (có tọa độ dự kiến khu vực khảo sát, đánh giá kèm theo).

2. Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

3. Phương pháp, biện pháp kỹ thuật:

3.1. Khảo sát tại thực địa:(chiều dài lộ trình).....km lộ trình.

3.2. Thi công công trình:(Liệt kê tên công trình, khối lượng).....

²²³ Áp dụng đối với cá nhân

²²⁴ Chỉ áp dụng đối với nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

3.3. Công tác mẫu:(số lượng, chủng loại mẫu).....
.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03 - Phụ lục I

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH (THÀNH PHỐ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

Số:...../TB-.....

THÔNG BÁO

**Về việc chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản
..... (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực**

Kính gửi: (tên tổ chức, cá nhân).....

- Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;
 - Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
 - Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
 - Xét đề nghị của(tên tổ chức, cá nhân)..... tại văn bản đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố) chấp thuận(tên tổ chức, cá nhân)..... được khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi khảo sát, đánh giá: (diện tích khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung)..... (có tọa độ dự kiến khu vực khảo sát, đánh giá kèm theo).
2. Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
3. Phương pháp, biện pháp kỹ thuật:
 - 3.1. Khảo sát tại thực địa:(chiều dài lộ trình).....km lộ trình
 - 3.2. Thi công công trình:(khối lượng (m, m³)/số công trình).....

3.3. Công tác mẫu:(số lượng, chủng loại mẫu).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung khảo sát, đánh giá quy định tại Điều 5 của Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính trung thực của các nội dung, thông tin, số liệu khảo sát, đánh giá.

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải thông báo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân(Tên cấp xã nơi khảo sát, đánh giá)..... trước khi thực hiện việc khảo sát, đánh giá./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)...;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... (để báo cáo);
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND ...(Tên cấp xã nơi khảo sát, đánh giá)....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

33. Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (QT-33.T)

1	Mục đích		
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV		
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính		
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).		
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2025/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (<i>Mẫu số 02 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);	X	
	Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (<i>Mẫu số 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>).	X	

3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	17 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 08 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (thời gian lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan có liên quan trong trường hợp cần thiết không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ). - Thời hạn xem xét, quyết định và trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành nội dung thẩm định hồ sơ.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	Giờ hành chính
B2	Trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	0,5 ngày
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra, rà soát hồ sơ, thẩm định các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát,	-Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	8,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. - Trường hợp cần thiết, có thể lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan có liên quan đối với các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ). <i>(Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản lấy ý kiến nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan.)</i> - Tổng hợp ý kiến nhận xét của các cơ quan có liên quan, cơ quan chuyên môn, chuyên gia. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Phó trưởng phòng và Chuyên viên giải quyết HS	
B5.1	Dự thảo Văn bản xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Phó trưởng phòng và Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng và Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Văn bản	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Chuyển hồ sơ cho Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B10.1	Trả kết quả	TTPVHCC	1,0 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
			làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày làm việc
	1. Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B10.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (tổng thời gian thẩm định là 08 ngày làm việc) - B5.1: 4,5 ngày làm việc - B6.1: 1,0 ngày làm việc - B7.1: 2,0 ngày làm việc - B8.1: 0,5 ngày làm việc - B9.1: 1,0 ngày làm việc - B10.1: 1,0 ngày làm việc 2. Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: - Có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không phát sinh nội dung yêu cầu mới. - Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà báo cáo vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường dừng thẩm định và trả lại hồ sơ: tiếp tục từ bước 5.2.		

4	Biểu mẫu
	Mẫu số 02 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>);
	Mẫu số 05 - Phụ lục I: Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025</i>).
	Văn bản xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 04 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

Mẫu số 02 - Phụ lục I
(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ
THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do.....(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp; hoặc Căn cước công dân²²⁵ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Căn cứ Văn bản số ngày tháng năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố) chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản(*tên khoáng sản nhóm IV*) tại khu vực thuộc(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... đề nghị được xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (*tên khoáng sản nhóm IV*) tại khu vực thuộc(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*)..... với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, diện tích khu vực khảo sát:(*tọa độ khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung*).....;

2. Khối lượng, chất lượng khoáng sản tại khu vực khảo sát, đánh giá:.....

Có báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản(*tên khoáng sản nhóm IV*) tại khu vực kèm theo

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết các số liệu, thông tin trong báo cáo là trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật đối với các nội dung, thông tin, số liệu trong báo cáo khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản ...(*tên khoáng sản nhóm IV*) tại khu vực

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

²²⁵ Áp dụng đối với cá nhân

Mẫu số 04 - Phụ lục I

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH (THÀNH PHỐ).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../XN-.....

Địa danh, ngày... tháng... năm...

XÁC NHẬN

Kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản
..... (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực

Kính gửi: (tên tổ chức, cá nhân).....

- Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;
 - Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
 - Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
 - Xét đề nghị của(tên tổ chức, cá nhân)..... tại văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố) xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung chính như sau:

1. Tên báo cáo:
2. Tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, đánh giá:
3. Tên loại khoáng sản:(ghi theo tên khoáng sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Luật Địa chất và khoáng sản).....
4. Khối lượng: m³
5. Chất lượng khoáng sản:.....(khoáng sản đáp ứng chất lượng làm.....).....

6. Diện tích khu vực xác định khối lượng khoáng sản:..... (ha, m², km²) được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định theo Phụ lục kèm theo Bản xác nhận này.

7. Chiều sâu xác định khối lượng: từ mức (m) đến mức ... (m).

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... được sử dụng các thông tin, số liệu này cho hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)...;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... (để báo cáo);
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND ...(*tên cấp xã nơi khảo sát, đánh giá*)....

GIÁM ĐỐC

(*Ký tên, đóng dấu*)

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC

Xác định khối lượng khoáng sản

..... (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực

(Kèm theo Giấy xác nhận số /XN-..... ngày ... tháng ... năm
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố).....)

TT	Tên điểm góc	Hệ VN-2000 Kinh tuyến trực ..., múi chiều...	
		X(m)	Y(m)
1			
2			
3			

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục 2

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC
Xác định khối lượng khoáng sản
..... (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực

*(Kèm theo Giấy xác nhận số /XN-..... ngày ... tháng ... năm
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố).....)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 05 - Phụ lục I

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN CHUNG

đối với khoáng sản (tên khoáng sản nhóm IV)
tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh, tháng... năm...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Tác giả:.....

Chủ biên:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN CHUNG

đối với khoáng sản (tên khoáng sản nhóm IV)

tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN/TÁC GIẢ

(nếu có)

(ký tên, đóng dấu)

Địa danh, tháng..... năm.....

NỘI DUNG BÁO CÁO

PHẦN MỞ ĐẦU

- Cơ sở pháp lý thành lập báo cáo.
- Chủ đầu tư; đơn vị tư vấn (nếu có).
- Mục tiêu và nhiệm vụ của công tác khảo sát, thời gian thực hiện.
- Phương pháp, khối lượng công trình chủ yếu đã hoàn thành, khối lượng đạt được.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC KHẢO SÁT

- Vị trí hành chính và địa lý của khu vực khảo sát, ranh giới và diện tích khảo sát, đánh giá;
- Khái quát về địa hình, mạng lưới sông suối, tình hình dân cư, kinh tế, văn hóa; điều kiện giao thông vận tải, cơ sở công nghiệp, nông nghiệp.
- Khái quát công tác nghiên cứu, lịch sử phát hiện, công tác điều tra, tìm kiếm và thăm dò hoặc khai thác khoáng sản đã tiến hành trước đây (nếu có).
- Đặc điểm địa chất chung của vùng, đặc điểm địa chất khu vực khảo sát.

CHƯƠNG 2

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG ĐÃ THỰC HIỆN

1. Công tác trắc địa

- Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung kỹ thuật, khối lượng từng hạng mục thực hiện và kết quả đạt được.
- Các sản phẩm: File gốc đo, sổ đo nguyên thủy các loại, phiếu cấp tọa độ, độ cao các điểm gốc; bảng tính toán tổng hợp, bản đồ địa hình và mặt cắt địa hình.

2. Công tác địa chất:

2.1. Lộ trình địa chất (nếu có)

- Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, cách thức tiến hành đã thực hiện trên thực tế, kết quả đạt được và khối lượng đã thực hiện.
- Các sản phẩm: Các loại tài liệu nguyên thủy về nhật ký địa chất, bản đồ hành trình kèm theo và ảnh chụp vết lộ quan trọng.

2.2. Thi công công trình khảo sát, đánh giá

- Công trình khai đào (vết lộ, hố, hào): Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí công trình; quy cách kỹ thuật áp dụng; đánh giá kết quả, hiệu quả từng loại công trình; số lượng và khối lượng đã thực hiện.

- Công trình khoan: Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí, mạng lưới công trình khoan; thiết bị và công nghệ khoan; tỷ lệ thu hồi mẫu lõi khoan qua tầng sản phẩm; đánh giá hiệu quả công trình khoan; số lượng và khối lượng đã thực hiện.

- Các sản phẩm: Sổ nguyên thủy tổng hợp các công trình đã thực hiện; thiết đồ công trình khai đào (vết lộ, hố, hào); sổ theo dõi địa chất lỗ khoan; nhật ký khoan (sổ khoan); thiết đồ lỗ khoan tổng hợp; ảnh chụp công trình khai đào, mẫu lõi khoan.

2.3. Công tác lấy, gia công và phân tích mẫu

- Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ, cách thức thực hiện và khối lượng cụ thể của từng loại mẫu; các phương pháp lấy, gia công, phân tích mẫu đã áp dụng gồm:

- + Lấy mẫu: Mô tả chính xác quá trình lấy mẫu đã thực hiện. Đối với mỗi loại mẫu cần nêu được mục đích, vị trí, cách thức, khối lượng mẫu (kích thước), số lượng đã thực hiện (quá trình này phải phù hợp với hồ sơ ghi chép thực tế).

- + Gia công mẫu: nêu rõ quy trình gia công, sơ đồ rút gọn mẫu thực tế.

- + Phân tích mẫu: nêu đầy đủ chỉ tiêu phân tích, phương pháp phân tích, số lượng mẫu, phòng thí nghiệm thực hiện đối với mỗi loại mẫu.

- + Đánh giá chất lượng kết quả phân tích mẫu: tuân thủ theo các quy định hiện hành về loại mẫu kiểm soát, số lượng, bảng tính toán và đánh giá sai số.

- Đánh giá khả năng sử dụng số liệu phân tích trong việc luận giải và tính khối lượng khoáng sản.

- Các sản phẩm: Các loại sổ nguyên thủy về công tác lấy mẫu, gia công, phân tích mẫu; phiếu gửi mẫu; phiếu chứng nhận kết quả phân tích mẫu.

2.4. Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình (nếu có)

- Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện (quan trắc đơn giản ĐCTV-ĐCCT; quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm tại các trạm) và khối lượng đã thực hiện.

- Các sản phẩm: Các loại sổ nguyên thủy liên quan đến các công tác ĐCTV - ĐCCT đã thực hiện (Sổ quan trắc ĐCTV-ĐCCT công trình khoan, khai đào; sổ quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm; sổ lấy mẫu cơ lý đất...).

3. Những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng

Nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của những nội dung thay đổi so với văn bản chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản

nhóm IV (nếu có).

CHƯƠNG 3
ĐẶC ĐIỂM CHẤT LƯỢNG
VÀ CÔNG TÁC TÍNH KHỐI LƯỢNG KHOÁNG SẢN

- Đánh giá về chất lượng, khả năng sử dụng khoáng sản.
- Đánh giá về đặc điểm ĐCTV - ĐCCT và điều kiện khai thác mỏ (nếu có).
- Phương pháp tính khối lượng khoáng sản.
- Khối lượng(m³).

KẾT LUẬN

- Trình bày tóm tắt những nội dung công việc chính đã thực hiện.
- Kết quả chính đạt được về chất lượng, tính chất, khả năng sử dụng và khối lượng khoáng sản).

Phụ lục: CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Danh sách các bản đồ, bản vẽ

TT	Số ký hiệu ²²⁶	Tên bản vẽ ²²⁷	Số tờ
1		Bản đồ địa hình và khu vực khảo sát, đánh giá, tỷ lệ 1:2.000	
2		Sơ đồ địa chất, khoáng sản khu khảo sát, đánh giá, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
3		Bình đồ tính khối lượng khoáng sản, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
4		Các mặt cắt địa chất, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	

2. Danh sách các hồ sơ, tài liệu

- Báo cáo kết quả thực hiện công tác trắc địa.
- Các tài liệu nguyên thủy.
- Các tài liệu liên quan đến công tác mẫu.

²²⁶ Số ký hiệu bản đồ, bản vẽ đảm bảo tính thống nhất, thuận tiện cho tìm kiếm và tra cứu.

²²⁷ Nội dung bản đồ, bản vẽ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

34. Giao nộp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (QT-34.T)

1	Mục đích		
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc giao nộp báo cáo, dữ liệu địa chất, khoáng sản		
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính		
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện giao nộp báo cáo, dữ liệu địa chất, khoáng sản. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).		
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giao nộp trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ khi hoàn thành nhiệm vụ, dự án hoặc đề án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 119 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định trình tự, thủ tục giao nộp, thu nhận, cung cấp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
* Trường hợp giao nộp báo cáo, dữ liệu địa chất, khoáng sản:			
	Bản chính văn bản đề nghị giao nộp của tổ chức, cá nhân (Mẫu số 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025);	x	
	Bản chính và bản điện hồ sơ báo cáo (gồm: Báo cáo kết quả điều	x	

	tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, hoặc thăm dò khoáng sản; tài liệu nguyên thủy, bao gồm các tài liệu thu thập, số liệu khảo sát, bản đồ gốc và các hồ sơ liên quan).		
* Giao nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng:			
	Bản chính văn bản đề nghị giao nộp của tổ chức, cá nhân (Mẫu số 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025);	x	
	- Mẫu vật địa chất, khoáng sản;	x	
	- Hai (02) bộ phiếu ghi mẫu vật địa chất, khoáng sản.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	* Trường hợp giao nộp báo cáo, dữ liệu địa chất, khoáng sản: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ giao nộp hợp lệ. * Trường hợp giao nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ mẫu vật hợp lệ.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	Giờ hành chính

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B2	Trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra, rà soát, đối chiếu tính phù hợp giữa bản giấy và bản điện tử; xác nhận hồ sơ theo danh mục sản phẩm của đề án, dự án, nhiệm vụ đã được nghiệm thu, phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo danh mục được phê duyệt và phù hợp giữa bản giấy và bản điện tử: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thành phần theo danh mục được phê duyệt hoặc không phù hợp giữa bản giấy và bản điện tử phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước; - Phó trưởng phòng và Chuyên viên giải quyết HS	5,5 ngày làm việc
B5.1	Dự thảo Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu địa chất, khoáng sản	Phó trưởng phòng và Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Văn bản	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Chuyển hồ sơ cho Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở NN&MT	0,5 ngày
B10.1	Trả kết quả	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo	Phó phòng & Chuyên viên giải	1,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	quyết HS	
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết;	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Sở NN&MT; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày làm việc
	Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B10.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (tổng thời gian thẩm định là 10 ngày làm việc) - B5.1: 6,0 ngày làm việc - B6.1: 1,0 ngày làm việc - B7.1: 2,0 ngày làm việc - B8.1: 1,0 ngày làm việc - B9.1: 1,0 ngày làm việc - B10.1: 1,0 ngày làm việc		
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị giao nộp của tổ chức, cá nhân (Mẫu số 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025).		
	Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu địa chất, khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025).		
	Kết quả rà soát dữ liệu địa chất, khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025).		
	Giấy xác nhận giao nộp mẫu vật (Mẫu số 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025)		
	Kết quả kiểm tra mẫu vật địa chất khoáng sản, mẫu vật bảo tàng (Mẫu số 03 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025).		

Mẫu số 01 - Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

ĐƠN VỊ NỘP BÁO CÁO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

V/v Giao nộp lưu trữ “Báo
cáo.....”.

Địa danh, ngày tháng năm

Kính gửi:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính -
Bộ Nông nghiệp và Môi trường
- Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Căn cứ Quyết định số ... ngày.....tháng ... năm ... của về việc phê
duyet trữ lượng

Căn cứ Thông tư số ngày... tháng năm.... của Bộ Nông nghiệp và Môi
trường quy định về giao nộp, thu nhận, cung cấp dữ liệu địa chất, khoáng sản;

Để thực hiện đúng quy định về việc giao nộp hồ sơ, tài liệu lưu trữ (*Tên đơn
vị nộp báo cáo*) kính đề nghị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục
hành chính - Bộ Nông nghiệp và Môi trường/ Ủy ban nhân dân tỉnh..... tiếp nhận hồ
sơ báo cáo như sau:

1. Tên báo cáo: “Báo cáo”

2. Tài liệu giao nộp gồm:

- ... bộ tài liệu giấy (Thuyết minh, Phụ lục, Bản vẽ, Hồ sơ phê duyệt...);
- ... bộ tài liệu nguyên thủy;
- ... bộ đĩa CD/DVD/USB lưu file số tài liệu báo cáo.

3. Người nộp:

Số điện thoại liên hệ:

Kính mong Quý cơ quan xem xét, tiếp nhận và xử lý theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

-
-

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ NỘP BÁO CÁO**GIÁM ĐỐC***(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 02 - Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CƠ QUAN LƯU TRỮ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO**KẾT QUẢ RÀ SOÁT DỮ LIỆU ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN**

Cơ quan lưu trữ đã tiến hành rà soát, đối chiếu nội dung hồ sơ với danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt của báo cáo:

- Tên báo cáo: *(Tên báo cáo viết đúng theo quyết định phê duyệt)*
- Chủ biên:
- Đơn vị chủ đầu tư:

Kết quả rà soát như sau:

STT	Nội dung rà soát	Kết quả
1	Văn bản pháp lý	
2	Thuyết minh	
3	Phụ lục	
4	Bản vẽ	
5	Tài liệu nguyên thủy	
6	Vật dụng lưu tin	

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 03 - Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CƠ QUAN LƯU TRỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

THÔNG BÁO**KẾT QUẢ KIỂM TRA MẪU VẬT NỘP VÀO CƠ QUAN LƯU TRỮ**

Cơ quan lưu trữ đã kiểm tra, đối chiếu các mẫu địa chất, khoáng sản và mẫu vật bảo tàng nộp vào cơ quan lưu trữ với danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thông tin kiểm tra:

- Báo cáo: *(ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)*
- Đơn vị thực hiện: *(ghi tên đơn vị giao nộp)*
- Địa chỉ:

Kết quả kiểm tra: các mẫu vật không đủ điều kiện tiếp nhận do các lý do sau:

STT	Loại mẫu	Số lượng	Ghi chú
1	Hồ sơ chưa hoàn thiện		
2	Lập phiếu không đúng quy định		
3	Mẫu không đạt tiêu chuẩn		
4			
	Tổng cộng		

Đề nghị đơn vị nộp mẫu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ, mẫu vật đúng quy định.

NGƯỜI KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 04 - Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CƠ QUAN LƯU TRỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: CN-

GIẤY XÁC NHẬN
GIAO NỘP DỮ LIỆU ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

CƠ QUAN LƯU TRỮ XÁC NHẬN

Báo cáo (Tên báo cáo viết đúng theo quyết định phê duyệt)

Do (Tên đơn vị) thành lập, (Họ, tên tác giả chủ biên).... chủ biên, được phê duyệt theo quyết định số / ngày..... tháng năm 20.... của (Tên cơ quan phê duyệt), đã được giao nộp đầy đủ vào cơ quan lưu trữ.

Báo cáo có ký hiệu lưu trữ (ký hiệu tài liệu, báo cáo/số bảo quản) bao gồm các dữ liệu được thống kê chi tiết trong bảng danh mục đính kèm.

Giấy xác nhận này được lập thành 04 bản, trong đó cơ quan lưu trữ giữ 02 bản, đơn vị nộp báo cáo giữ 02 bản.

Hà Nội, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

BẢNG THỐNG KÊ DANH MỤC DỮ LIỆU ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN NỘP LƯU TRỮ ĐỊA CHẤT

(Kèm theo Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu địa chất, khoáng sản vào cơ quan lưu trữ
số/CN- ngày tháng năm)

STT	Tên tài liệu	Số trang	Số hiệu bản vẽ	Số lượng bản vẽ	Số bộ
1	Thuyết minh				
2	Hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản				
3	Phụ lục				
4	Bản đồ tài liệu thực tế địa chất tờ E-48-42-A (Phu Đen Đình), tỷ lệ 1:50.000				
5	Bản đồ tài liệu thực tế địa chất tờ E-48-42-B (Bản Thái Sơn), tỷ lệ 1:50.000				
6	Bản đồ địa chất khoáng sản tờ E-48-42-A (Phu Đen Đình), tỷ lệ 1:50.000				
7	Bản đồ địa chất khoáng sản tờ E-48-42-B (Bản Thái Sơn), tỷ lệ 1:50.000				
					
					
					

Ghi chú: Văn bản này có đóng dấu treo của cơ quan lưu trữ.

BẢNG THỐNG KÊ DANH MỤC TÀI LIỆU NGUYÊN THỦY

(Kèm theo Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu địa chất, khoáng sản vào cơ quan lưu trữ
số/CN- ngày.....tháng..... năm)

STT	Tên tài liệu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Nhật ký địa chất		
2	Sổ mô tả công trình hào		
3	Sổ mô tả công trình dọn vết lộ		
4	Sổ mô tả công trình giếng		
5	Sổ mô tả công trình khoan		
6	Sổ theo dõi công trình khoan		
7	Sổ quan trắc mực nước tĩnh trong công trình		
8	Bản đồ lộ trình cá nhân		
9	Bản đồ địa chất thực tế		
			
			

Mẫu số 05 - Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CƠ QUAN LƯU TRỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CN-

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN
GIAO NỘP MẪU ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

CƠ QUAN LƯU TRỮ XÁC NHẬNBáo cáo địa chất: *(ghi đúng tên theo Quyết định phê duyệt)*Đơn vị thực hiện: *(ghi tên đơn vị giao nộp)*

Địa chỉ:

Đã nộp mẫu vật vào cơ quan lưu trữ gồm:

- Số lượng: mẫu

- Chung loại: loại mẫu *(theo bảng thống kê chi tiết dưới đây)*:

STT	Loại mẫu	Số lượng	Ghi chú
1	Mẫu đá		
2	Mẫu hóa đá		
3	Mẫu khoáng sản		
4			
	Tổng cộng		

Tài liệu kèm theo:

+ Phiếu mẫu vật địa chất: *(ghi rõ số lượng phiếu)*.+ Các tư liệu khác: ảnh chụp mẫu *(số lượng)*; phiếu kết quả phân tích *(số lượng)*.

Giấy xác nhận này được lập thành 4 bản, cơ quan lưu trữ giữ 01 bộ, đơn vị nộp giữ 03 bộ.

Hà Nội, ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

35. Khai thác thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (QT-35.T)

1	Mục đích		
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản với mục đích nghiên cứu khoa học, lập quy hoạch, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, hoặc mục đích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật		
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính		
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản với mục đích nghiên cứu khoa học, lập quy hoạch, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, hoặc mục đích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT).		
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ quy định về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định trình tự, thủ tục giao nộp, thu nhận, cung cấp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản. - Thông tư số 11/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
* Trường hợp khai thác và sử dụng thông qua hình thức trực tiếp			

hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến			
	Bản chính phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).	x	
* Trường hợp khai thác và sử dụng bằng hình thức hợp đồng:			
	Bản chính hoặc bản điện tử hợp đồng khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản phải được ký kết giữa cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu và tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin (Mẫu số 04 - Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính Phủ).	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	(1) Miễn phí khi khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản đối với thông tin cơ bản được công bố công khai trên Cổng thông tin địa chất và khoáng sản quốc gia. (2) Trừ trường hợp nêu trên, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản phải nộp phí, lệ phí theo quy định tại Điều 2, Điều 4 và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 11/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	TTPVHCC	Giờ hành

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	- Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội		chính
B2	Trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước;	0,5 ngày
B4	- Kiểm tra, rà soát, đối chiếu tính phù hợp, có văn bản trả lời, nêu rõ nội dung đồng ý hoặc không đồng ý cung cấp thông tin, dữ liệu. - Trường hợp đồng ý cung cấp: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp không đồng ý cung cấp, chuyển sang bước B5.2.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước; - Phó trưởng phòng và Chuyên viên giải quyết HS	3,5 ngày làm việc
B5.1	- Khai thác trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tổ chức, cá nhân điền đầy đủ thông tin (theo mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường) để được cung cấp thông tin, dữ liệu; - Khai thác trên môi trường điện tử: Tổ chức, cá nhân thực hiện theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công quốc gia để truy cập, sử dụng thông tin, dữ liệu đúng với nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. - Sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu đã được yêu cầu.	Phó trưởng phòng và Chuyên viên giải quyết HS	Giờ hành chính
B5.2	Lập Báo cáo về việc không đồng ý cung cấp,	Phó phòng &	1,0 ngày

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo Phòng	Chuyên viên giải quyết HS	làm việc
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.2	Ký Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết và thông báo cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
4	Biểu mẫu		
	Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)		
	Hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính Phủ).		

Mẫu số 01 - Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:

Đại diện là ông (bà):

Số CCCD/Hộ chiếu / cấp ngày / / Tại

2. Địa chỉ liên hệ:

3. Số điện thoại E-mail:

4. Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp:

5. Mục đích sử dụng dữ liệu:

6. Hình thức khai thác, sử dụng:

7. Phương thức nhận kết quả:

8. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu đúng mục đích, không cung cấp tài liệu cho bên không liên quan đến nhiệm vụ. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC NƠI ĐANG LÀM VIỆC, HỌC TẬP

******(Ký xác nhân, đóng dấu)

NGƯỜI YÊU CẦU

**(Ký tên và ghi rõ họ và tên)*

* Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp tài liệu thì thủ trưởng cơ quan phải ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký, ghi rõ họ tên.

**** Trường hợp là cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thì tổ chức, doanh nghiệp nơi người đó đang làm việc ký xác nhận, đóng dấu; đối với các chuyên gia, thực tập sinh là người nước ngoài đang làm việc cho các chương trình, dự án tại các bộ, ngành, địa phương hoặc học tập tại các cơ sở đào tạo tại Việt Nam thì phải được cơ quan có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương hoặc các cơ sở đào tạo đó ký xác nhận, đóng dấu.**

Mẫu số 02 - Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CƠ QUAN LƯU TRỮ

Số phiếu:

PHIẾU YÊU CẦU THAM KHẢO DỮ LIỆU

Họ và tên:..... Số CCCD/HC: Số điện thoại:.....
Đơn vị:..... Chức danh Email:.....
Địa chỉ:.....
Đơn vị chủ quản:.....
Số giấy GT/.....

STT	KHLT	Loại tài liệu	Đơn vị tính	Số lượng

Người nhận phiếu yêu cầu

Địa danh, ngày tháng năm
Người yêu cầu

CƠ QUAN LƯU TRỮ

Số phiếu:

PHIẾU YÊU CẦU KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU

Họ và tên:..... Số CCCD/HC: Số điện thoại:.....
Đơn vị:..... Chức danh Email:.....
Địa chỉ:.....
Đơn vị chủ quản:.....
Số giấy CV:.....
Số giấy GT:.....
Mục đích sử dụng tài liệu:

STT	KHLT	Danh mục tài liệu	Nội dung yêu cầu (từ - đến trang; bản vẽ số)	Ghi chú

Hà nội, ngày tháng năm 20

Người nhận phiếu yêu cầu

Hà nội, ngày tháng năm 20

Người yêu cầu

Người xử lý dữ liệu

Trưởng bộ phận xử lý dữ liệu

CƠ QUAN LƯU TRỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

PHIẾU BÀN GIAO DỮ LIỆU

Đơn vị nhận bàn giao tài liệu:

Địa chỉ:
Đại diện bên nhận: Ông/Bà
Chức danh:
Số CCCD/HC:
Số công văn:
Số giấy giới thiệu:
Hình thức thanh toán:

STT	KHLT	Danh mục tài liệu	Mã tài liệu	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (vnd)	Thành tiền (vnd)
		TỔNG CỘNG						

Tổng phí khai thác và sử dụng tài liệu:.... vnd

(Bằng chữ:.....)

- Tài liệu nhận được sử dụng đúng mục đích, không được cung cấp cho bên thứ ba không liên quan đến nhiệm vụ. Nếu vi phạm, bên nhận tài liệu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật;
- Phiếu này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản.

GIÁM ĐỐC (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)	BỘ PHẬN XỬ LÝ DỮ LIỆU (Ký và ghi rõ họ tên)	NGƯỜI GIAO (Ký và ghi rõ họ tên)	NGƯỜI NHẬN (Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP
ngày 14/6/2017 của Chính Phủ)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG**CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐỊA
CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN**

Số: /HĐ

Căn cứ Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày.... tháng năm, tại, chúng tôi gồm:

1. Bên cung cấp thông tin, dữ liệu (Bên A):

Đại diện:

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại Fax: Email:

Số tài khoản :.....

2. Bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu (Bên B):

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Đại diện:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại Fax: Email:

Số tài khoản :.....

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng:

(Về việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu)

.....

Điều 2. Thời gian thực hiện:

..... ngày, kể từ ngày tháng..... năm

Điều 3. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả:

- Hình thức khai thác, sử dụng:
- Khai thác sử dụng thông qua việc truy cập:
- Nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu:
- Nhận gửi qua đường bưu điện:

Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Tiền trả cho việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu là:..... đồng

(Bằng chữ:..... đồng)

Trong đó: Tiền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu là:..... đồng

Tiền dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu là:..... đồng

Số tiền đặt trước:..... đồng

Hình thức thanh toán (tiền mặt, chuyển khoản):.....

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên:

.....

Điều 6. Bổ sung, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng và xử lý tranh chấp:

.....

Điều 7. Điều khoản chung

1. Hợp đồng này được làm thành bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, bên A giữ bản, bên B giữ bản.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày.....

BÊN B

(Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức, ghi
 họ tên đối với cá nhân)

BÊN A

(Ký tên, đóng dấu)

III. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ.

36. Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (QT-36.X)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, người sử dụng đất đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm III, nhóm IV từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp (và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 97 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ) và Trường hợp Chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV dôi dư trong quá trình thi công, thực hiện đề án, công trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa (bãi thải, bãi chứa quy định tại khoản 7 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: - Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân người sử dụng đất đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm III, nhóm IV từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp (và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 97 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ) và Chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV dôi dư trong quá trình thi công, thực hiện đề án, công trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa (bãi thải, bãi chứa quy định tại khoản 7 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và các phòng có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, người sử dụng đất chỉ được thu hồi khoáng sản khi bắt buộc phải san gạt, đào đắp bề mặt địa hình tạo mặt bằng xây dựng các hạng mục của công trình đó.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý

	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2025/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<i>* Đối với người sử dụng đất đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: thu hồi khoáng sản nhóm III, nhóm IV từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp):</i>		
	- Bản chính bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	- Bản sao hợp lệ giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có);		x
	- Bản sao hợp lệ quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có);		x
	- Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.		x
	<i>* Đối với chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản</i>		
	Bản chính văn bản đề nghị sử dụng khoáng sản (Mẫu số 03a - Phụ	x	

	lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026); nội dung văn bản phải thể hiện các thông tin gồm: Loại khoáng sản; khối lượng khoáng sản đề nghị được sử dụng; mục đích sử dụng; tiến độ, thời gian thực hiện hoạt động sử dụng khoáng sản.		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	<i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản</i> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 21 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định); - Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <i>* Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản</i> - Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công; - Thời hạn trả kết quả: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới UBND cấp xã	TTPVHCC	01 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo UBND cấp xã phân công và chuyển hồ sơ cho phòng chức năng	UBND cấp xã: - Lãnh đạo UBND cấp xã - Văn phòng UBND cấp xã	01 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phân công chuyên viên giải quyết hồ sơ	Trưởng phòng được giao nhiệm vụ thuộc UBND cấp xã	01 ngày làm việc
B4	Kiểm tra hồ sơ, tiến hành kiểm tra hiện trạng, kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản, thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi, phương pháp thu hồi, kế hoạch thu hồi và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tổng hợp kết quả kiểm tra hiện trạng. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, dự thảo thông báo bổ sung hồ sơ, chuyển sang bước 5.2.	Lãnh đạo phòng và chuyên viên giải quyết hồ sơ	14 ngày làm việc
B5.1	Dự thảo và Trình hồ sơ cấp Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Lãnh đạo phòng và chuyên viên giải quyết hồ sơ	3,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt Dự thảo và Trình hồ sơ cấp Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Trưởng phòng được giao nhiệm vụ thuộc UBND cấp	3,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
		xã	
B7.1	Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Chủ tịch UBND cấp xã	7,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Văn bản	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao hồ sơ cho Văn phòng UBND cấp xã	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B10.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn phòng UBND cấp xã	2,0 ngày làm việc
B11	Trả kết quả giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản cho Tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản sau khi đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo phòng và chuyên viên giải quyết hồ sơ	02 ngày làm việc
B6.2	Duyệt Thông báo	Trưởng phòng	01 ngày làm việc
B7.2	Ký Thông báo	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày làm việc
B8.2	Phát hành Thông báo	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng chuyên môn	- UBND cấp xã; - Chuyên viên giải quyết HS.	01 ngày làm việc
	Sau khi đơn vị bổ sung hồ sơ theo quy định 1. Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: tiếp tục từ bước 5.1 đến bước 11 2. Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: tiếp tục từ bước 5.2.		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
2. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản			
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới UBND cấp xã	TTPVHCC	01 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo UBND cấp xã phân công và chuyển hồ sơ cho phòng chức năng	UBND cấp xã: - Lãnh đạo UBND cấp xã - Văn phòng UBND cấp xã	01 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phân công chuyên viên giải quyết hồ sơ	Trưởng phòng được giao nhiệm vụ thuộc UBND cấp xã	01 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra hồ sơ, tiến hành tổ chức xem xét, kiểm tra thực địa và quyết định việc cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, dự thảo thông báo bổ sung hồ sơ, chuyển sang bước 5.2.	Lãnh đạo phòng và chuyên viên giải quyết hồ sơ	03 ngày làm việc
B5.1	Dự thảo và Trình hồ sơ cấp Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Lãnh đạo phòng và chuyên viên giải quyết hồ sơ	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt Dự thảo và Trình hồ sơ cấp Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Trưởng phòng được giao nhiệm vụ thuộc UBND cấp xã	1,0 ngày làm việc
B7.1	Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Chủ tịch UBND cấp xã	2,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B8.1	Phát hành Văn bản	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao hồ sơ cho Văn phòng UBND cấp xã	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B10.1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn phòng UBND cấp xã	02 ngày làm việc
B11	Trả kết quả giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản cho Tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản sau khi đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu	TTPVHCC	01 ngày làm việc
B5.2	Dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo phòng và chuyên viên giải quyết hồ sơ	2,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt Thông báo	Trưởng phòng	1,0 ngày làm việc
B7.2	Ký Thông báo	Lãnh đạo UBND cấp xã	1,0 ngày làm việc
B8.2	Phát hành Thông báo	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng chuyên môn	- UBND cấp xã; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày làm việc
	Sau khi đơn vị bổ sung hồ sơ theo quy định 1. Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: tiếp tục từ bước 5.1 đến bước 11 2. Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: tiếp tục từ bước 5.2.		
4	Biểu mẫu		
	Bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);		
	Văn bản đề nghị sử dụng khoáng sản (Mẫu số 03a - Phụ lục III ban hành kèm theo		

	Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).
	Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 06 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

Mẫu số 02 - Phụ lục III

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

Bản đăng ký thu hồi khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*)

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ngày tháng năm do (*tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số ngày tháng năm do (*tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư*) cấp; hoặc Căn cước công dân số ngày tháng năm cấp tại

Đề nghị cho phép thu hồi khoáng sản (*tên khoáng sản*) trong quá trình thực hiện Dự án (*Tên dự án đầu tư*)

Diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản là..... (ha, m², km²), tọa độ, diện tích khu vực thu hồi được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị thu hồi: (tấn, m³, ...)

Thời gian thu hồi: Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

(Có Báo cáo vị trí, khối lượng, chủng loại, thời gian thực hiện thu hồi khoáng sản kèm theo)

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐĂNG KÝ THU HỒI KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Bản đăng ký thu hồi khoáng sản ngày tháng năm
..... của)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu thu hồi thấp nhất: (m)		

Mẫu số 03a - Phụ lục III

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

Văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản

Kính gửi:*(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày.....
tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng.....
năm..... do*(tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giấy phép đầu tư)*..... cấp; hoặc Căn cước công dân số là nhà đầu tư hoặc
nhà thầu thi công các công trình.....*(tên dự án, công trình)*.....

Đề nghị cho phép được sử dụng khoáng sản.....*(tên khoáng sản)*..... để
cung cấp cho Dự án, công trình.....*(tên dự án, công trình)*.....

Diện tích bãi thải, bãi chứa tập kết khoáng sản được đề nghị sử dụng
là..... (ha, m², km²), tại vị trí*(tên địa danh)*....., toạ độ, diện tích khu
vực thu hồi được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị sử dụng: (tấn, m³,...).

Mục đích sử dụng khoáng sản:

Thời gian sử dụng: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ...
năm....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*.....cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài
chính và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của
pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ BÃI THẢI, BÃI CHỨA TẬP KẾT KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản ngày tháng
..... năm của)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

Mẫu số 06 - Phụ lục III

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND *(Tên cấp xã)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../XN-UBND

Địa danh, ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN
Đăng ký thu hồi khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ...*(Tên cấp xã)*...

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số/...../TT-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

*Xét hồ sơ đăng ký thu hồi khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của
.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*.....;*

*Theo đề nghị của *(Thủ trưởng đơn vị thẩm định hồ sơ)**

XÁC NHẬN:

Điều 1. Xác nhận *(Tên tổ chức, cá nhân)* đã đăng ký thu hồi khoáng sản với các nội dung chính sau đây:

1. Tên khoáng sản thu hồi:

2. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực thuộc *(tên cấp xã)*
....., ... *(tên cấp tỉnh)*

3. Diện tích (hoặc không gian) thu hồi khoáng sản:

a) Diện tích: (ha, m², km²).

b) Mức sâu (nếu có): (m).

Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm

theo²²⁸.

4. Khối lượng khoáng sản thu hồi: tấn (m³).

5. Mục đích sử dụng khoáng sản (nếu có):

6. Thời gian thu hồi khoáng sản: tháng, kể từ ngày Giấy xác nhận này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*) có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc thu hồi khoáng sản (*Tên khoáng sản*) theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại nêu trên.

2. Thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế để thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

3. Định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân (*Tên cấp xã*) để tổng hợp, quản lý theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường trong quá trình thu hồi khoáng sản.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... (bản chính);
- UBND ...(*Tên cấp xã*)... (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (bản sao);
- Sở NNMT tỉnh (thành phố)..... (bản sao);
- Lưu:...

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

²²⁸ Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, lấy theo tọa độ, vị trí thửa đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất. Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất thì lấy thông tin liên quan đến số hiệu của thửa đất.

UBND *(Tên cấp xã)*

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản ngày
tháng năm..... của)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu thu hồi thấp nhất (nếu có): (m)		

Lưu ý: Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, lấy theo tọa độ, vị trí thửa đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất. Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất thì lấy thông tin liên quan đến số hiệu của thửa đất.

37. Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (QT-37.X)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và các phòng có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2025/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản. - Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Bản chính văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 06 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).	x	
	Bản chính bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).	x	
	Bản chính báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng, khối lượng khoáng sản được phép khai thác còn lại hàng năm trong kỳ quyết toán. Cụ thể: Báo cáo định kỳ hoạt động thu hồi khoáng sản (Mẫu số 08 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Thời hạn quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thì thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản).		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định		
3.7	Quy trình xử lý công việc		

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới UBND cấp xã	TTPVHCC	01 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo UBND cấp xã phân công và chuyển hồ sơ cho phòng chức năng	UBND cấp xã: - Lãnh đạo UBND cấp xã - Văn phòng UBND cấp xã	01 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phân công chuyên viên giải quyết hồ sơ	Trưởng phòng chuyên môn được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ thuộc UBND cấp xã	01 ngày làm việc
B4	Kiểm tra, Thẩm định hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, dự thảo thông báo bổ sung hồ sơ, chuyển sang bước 5.2.	Lãnh đạo phòng chuyên môn và Chuyên viên giải quyết HS	65 ngày làm việc
B5.1	Dự thảo Tờ trình, dự thảo Thông báo quyết toán trình UBND cấp xã	Lãnh đạo phòng chuyên môn và Chuyên viên giải quyết HS	5,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND cấp xã	Trưởng phòng chuyên môn	8,0 ngày làm việc
B7.1	Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, ký Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Chủ tịch UBND cấp xã	7,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Văn bản	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B9.1	Bàn giao hồ sơ cho Văn phòng UBND cấp xã	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B10.1	Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khai thác, thu	Văn phòng UBND cấp xã	1,0 ngày làm việc

Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	hồi khoáng sản để thực hiện nghĩa vụ nộp tiền, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công		
B11	Trả Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo phòng và chuyên viên giải quyết hồ sơ	02 ngày làm việc
B6.2	Duyệt Thông báo	Trưởng phòng	01 ngày làm việc
B7.2	Ký Thông báo	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày làm việc
B8.2	Phát hành Thông báo	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng chuyên môn	UBND cấp xã	1,0 ngày làm việc
	Sau khi đơn vị bổ sung hồ sơ theo quy định 1. Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: tiếp tục từ bước 5.1. 2. Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không phát sinh nội dung yêu cầu mới. - Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, dừng quyết toán và trả lại hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tổ chức, cá nhân được quyền nộp lại hồ sơ mới		
4	Biểu mẫu		
	Văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 06 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
	Bản chính bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).		
	Báo cáo định kỳ hoạt động thu hồi khoáng sản (Mẫu số 08 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).		
	Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)		

Mẫu số 06 - Phụ lục II

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN
TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền quyết toán).....

Tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán:

Mã số thuế:

Trụ sở tại:

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ)
thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác
khoáng sản số ngày.... tháng năm do(Tên cơ quan cấp giấy
phép khai thác khoáng sản)..... cấp.

Đề nghị được quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ
khoáng sản nêu trên với các nội dung như sau:

I. Thông tin về quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm.....
2. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) được phê duyệt: đồng.
3. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) phải nộp trong kỳ quyết toán: đồng.
4. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) đã nộp trong kỳ quyết toán: đồng.
5. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) còn nợ trong kỳ quyết toán: đồng.
6. Sản lượng khai thác thực tế trong kỳ quyết toán (quy đổi ra khoáng sản

nguyên khai): (tấn, m³).

7. Dự tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán: đồng.

8. Chênh lệch giữa số tiền quyết toán với số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thông báo nộp hàng năm: đồng.

II. Tài liệu kèm theo

1. Bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
2. Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên hàng năm trong kỳ quyết toán.
3. Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản hàng năm trong kỳ quyết toán./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tên tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 07 - Phụ lục II

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN QUYẾT TOÁN
TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền quyết toán).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán:
2. Mã số thuế:
3. Trụ sở tại:
4. Người đại diện theo pháp luật:
5. Điện thoại:, Fax:

II. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản

1. Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm.....
2. Cơ quan cấp giấy phép:
3. Khoáng sản được phép khai thác:
4. Phương pháp khai thác: (lộ thiên, hầm lò).
5. Diện tích khu vực khai thác: (m^2 , ha, km^2).
6. Trữ lượng được phép khai thác: (tấn, m^3).
7. Công suất khai thác: (tấn/năm; m^3 /năm; m^3 /ngày-đêm).
8. Thời hạn giấy phép khai thác: (tháng, năm).
9. Vị trí mỏ:

II.2. Thông tin về quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản): đồng; được phê duyệt tại Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm....., phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm....., phê duyệt bổ sung tại Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm..... của(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, phê duyệt bổ sung).....).

2. Kết quả thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong kỳ quyết toán:

STT	Thời gian (trong kỳ quyết toán)	Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				Ghi chú
		Số nộp thừa chuyển từ kỳ trước	Số được thông báo hàng năm	Số đã nộp	Số còn nợ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
1	Năm....					
2	Năm....					
3	Năm....					
4	Năm....					
5	Năm....					
	Tổng cộng					

3. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong kỳ quyết toán:

TT	Tên loại tài nguyên	Khối lượng khoáng sản nguyên khai		Khối lượng khoáng sản sau chế biến		Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong tinh quặng, sản phẩm sau chế biến	Ghi chú
		Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn vị tính	Khối lượng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Năm.....								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								
2	Năm.....								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								
...									

	Tổng cộng								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								

Lưu ý:

a) Cột 4: là khối lượng khoáng sản nguyên khai (trừ than); là khối lượng than sạch trong than khai thác (đối với khoáng sản than).

b) Cột 7, 8, 9 chỉ áp dụng đối với khoáng sản thuộc mục 1 phần I của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

c) Số liệu, thông tin về sản lượng khai thác thực tế được tổng hợp từ sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP. Số liệu được tổng hợp từ nguồn nào cần được ghi chú rõ trong cột số 10.

d) Trường hợp số liệu trong sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP có sự chênh lệch quá 10% so với số liệu trong sổ theo dõi, thống kê quy định tại điểm a khoản 1 Điều 59 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, thu hồi khoáng sản phải có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về giải trình của mình.

4. Dự tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán: đồng.

5. Chênh lệch giữa số tiền quyết toán với số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thông báo nộp²²⁹ hàng năm: đồng.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán)..... cam kết số liệu kê khai là đúng và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày.....tháng.....năm 20...

Tên tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²²⁹ Theo Văn bản thông báo của cơ quan thuế

Mẫu số 08 - Phụ lục II

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN THÔNG BÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

THÔNG BÁO

**Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc
.....(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....**

Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm

Kính gửi:(Tên Thuế tỉnh (thành phố)).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng..... năm..... của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số/GP-..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép).....²³⁰;

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số/GXN -..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp giấy xác nhận).....²³¹;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng..... năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản²³²;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, ...(Tên cơ quan quyết toán tên cấp quyền khai thác khoáng sản)..... thông báo cho Thuế tỉnh (thành phố)..... nội dung quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... như sau:

²³⁰ Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

²³¹ Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

²³² Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

STT	Thời gian	Số tiền thông báo nộp hàng năm ²³³ (đồng)	Số tiền quyết toán (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
1	Năm.....				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				
2	Năm.....				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				
...					
	Tổng cộng				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				

Số tiền tổ chức, cá nhân phải nộp bổ sung là²³⁴: đồng.
(Tên cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... đề nghị
 Thuế tỉnh (thành phố)..... thông báo đề(Tên tổ chức, cá nhân quyết
 toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... thực hiện việc nộp tiền cấp quyền
 khai thác khoáng sản theo quy định.

Số tiền thông báo thừa so với số tiền quyết toán là²³⁵: đồng.
(Tên cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản).....
 thông báo đề Thuế tỉnh (thành phố)..... biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-(Tên tổ chức, cá nhân)... (để thực hiện);
- Cục Thuế (để phối hợp);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (để báo cáo);
- Bộ NNMT²³⁶ (để báo cáo);
- Cục ĐCKS²³⁷ (để biết);
- Lưu: HS, VT.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN THÔNG BÁO**
 (Ký tên, đóng dấu)

²³³ Theo văn bản thông báo của cơ quan thuế

²³⁴ Chỉ áp dụng nếu số chênh lệch tại cột số 5 là lớn hơn 0, bằng giá trị cột số 5

²³⁵ Chỉ áp dụng nếu số chênh lệch tại cột số 5 là nhỏ hơn 0, bằng giá trị tuyệt đối của cột số 5

²³⁶ Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

²³⁷ Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

IV. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CHUNG UBND THÀNH PHỐ, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ CỦA UBND CẤP XÃ

38. Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (QT-38)

1	Mục đích
	Quy định phương pháp tổ chức, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện việc Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản
2	Phạm vi và yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là TTPVHCC); Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước và các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở NN&MT). - Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và các phòng có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: - Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản thì chỉ được phép thu hồi khoáng sản khi bắt buộc phải san gạt, đào đắp bề mặt địa hình tạo mặt bằng xây dựng, nạo vét để thực hiện theo đúng thiết kế của dự án; đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận; - Trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm I quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư phải đánh giá hiệu quả kinh tế khi thu hồi khoáng sản và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xem xét, quyết định. - Trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm II, nhóm III hoặc nhóm IV quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản được thực hiện như sau: Được sử dụng khoáng sản để phục vụ cho xây dựng công trình hoặc các hạng mục công trình của dự án, đề án, phương án đó; Được cung cấp cho công trình, dự án khác. - Thực hiện đánh giá hiệu quả kinh tế đối với hoạt động thu hồi hoặc không thu hồi khoáng sản trong khu vực thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư trong trường hợp chưa có thông tin, dữ liệu về khoáng sản. - Trường hợp thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản được áp dụng đối với các trường hợp sau: + Khoáng sản được thu hồi là đất, đá thải mỏ, quặng đuôi của mỏ đang hoạt động đã được lưu trữ, bảo quản tại bãi chứa, bãi thải mỏ, hồ chứa quặng đuôi; + Khoáng sản nằm trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản, được phát hiện trong quá trình thi công các hạng mục công trình của dự án nhưng nằm ngoài phạm vi diện tích khu vực được phép khai thác khoáng sản. - Trường hợp chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư kết hợp thu hồi khoáng sản ở khu vực thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư khai thác khoáng sản chồng lấn lên

	diện tích khu vực đã được công nhận kết quả thăm dò khoáng sản được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau: + Phần khoáng sản trong diện tích chồng lấn không đủ điều kiện để huy động vào thiết kế khai thác; + Đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản trong trường hợp pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư có yêu cầu và cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng chấp thuận bằng văn bản; + Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản cam kết thu hồi tối đa khoáng sản trước khi tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của dự án đó và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với phần khoáng sản thu hồi được thuộc phạm vi diện tích thực hiện dự án.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2025/QH15); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15); - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
<i>* Đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 và điểm c khoản 1 Điều 70 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: Thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản khi tiến hành xây dựng cơ bản mỏ hoặc các hoạt động khác phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ)</i>			

	- Bản chính văn bản đề nghị thu hồi khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	x	
	- Bản chính báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế do chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công lập đối với trường hợp chưa có thông tin, dữ liệu về khoáng sản (thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ).	x	
<i>* Đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: (1) Chủ đầu tư, nhà đầu tư kết hợp thu hồi khoáng sản ở khu vực thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư được quyết định, phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật, kể cả khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư không có nhu cầu thu hồi khoáng sản thì giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản được cấp cho nhà thầu thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư trên cơ sở chấp thuận của chủ đầu tư, nhà đầu tư; (2) Chủ đầu tư, nhà đầu tư thực hiện hoạt động nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm là khoáng sản trong vùng nước cảng biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, vùng nước đường thủy nội địa, lòng sông, lòng hồ hoặc tại các vùng nước, đất ngập nước khác theo dự án, kế hoạch được quyết định, phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư không có nhu cầu thu hồi khoáng sản thì giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản được cấp cho nhà thầu thi công hoạt động nạo vét trên cơ sở chấp thuận của chủ đầu tư, nhà đầu tư)</i>			
	Bản chính bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)	x	
	Bản chính báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế do chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công lập đối với trường hợp chưa có thông tin, dữ liệu về khoáng sản (thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ)	x	

	Bản sao hợp lệ báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư (kèm theo quyết định phê duyệt) triển khai tại khu vực đăng ký thu hồi khoáng sản;		X
	Văn bản giới thiệu nhà thầu thi công của chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư dự án	X	
<i>* Đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: Tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản được phép thu hồi khoáng sản)</i>			
	Bản chính bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);	X	
	Bản chính Đề án đóng cửa mỏ hoặc phương án đóng cửa mỏ kèm theo quyết định phê duyệt hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền đối với trường hợp khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III (các Mẫu số 05, 06, 07, 08, 11, 12, 13 và 14 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026)	X	
	Bản chính phương án cải tạo, phục hồi môi trường được thể hiện trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản;	X	
	Bản chính phương án khai thác khoáng sản đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản	X	
<i>* Đối với chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản</i>			
	Bản chính văn bản đề nghị sử dụng khoáng sản (Mẫu số 03a - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-	X	

	BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026); nội dung văn bản phải thể hiện các thông tin gồm: Loại khoáng sản; khối lượng khoáng sản đề nghị được sử dụng; mục đích sử dụng; tiến độ, thời gian thực hiện hoạt động sử dụng khoáng sản.		
	<i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân (đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 16/01/2026) đề nghị sử dụng khoáng sản là khối lượng tài nguyên nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác mà bắt buộc phải khai đào, bóc xúc mới thì công được công trình khai thác mỏ</i>		
	Bản chính bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026); nội dung văn bản phải thể hiện các nội dung chính sau: Khối lượng, loại khoáng sản đã được khai đào, bóc xúc tại khối tài nguyên; các bản vẽ có liên quan; mục đích sử dụng; tiến độ, thời gian thực hiện hoạt động khai đào, bóc xúc khoáng sản tại khối tài nguyên.	x	
	<i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng khoáng sản đã khai thác, thu hồi trong phạm vi ranh giới, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản và đang được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật số 147/2025/QH15</i>		
	Bản chính bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026); nội dung văn bản phải thể hiện các nội dung chính sau: Khối lượng, loại khoáng sản đã được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa; mục đích sử dụng; tiến độ, thời gian sử dụng.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	<i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản</i>		

	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 31 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định); - Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. * Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và d khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản - Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công; - Thời hạn trả kết quả: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. * Thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Tổ chức, cá nhân (đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 16/01/2026) đề nghị sử dụng khoáng sản là khối lượng tài nguyên nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác mà bắt buộc phải khai đào, bóc xúc mới thì công được công trình khai thác mở; (2) Tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng khoáng sản đã khai thác, thu hồi trong phạm vi ranh giới, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản và đang được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật số 147/2025/QH15: - Thời hạn tiếp nhận và thẩm định hồ sơ: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân; - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về TTPVHCC thành phố Hà Nội; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ http://dichvucong.gov.vn).		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không quy định.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		
Thứ tự	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản			
1.1	Trường hợp khoáng sản đề nghị thu hồi là khoáng sản nhóm I, II, III		
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	1,0 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ. - Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản và kiểm tra tại thực địa. - Gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan. (Trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm I trong diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản (nằm ngoài diện tích khu vực khai thác) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đối với trường hợp thu hồi khoáng sản quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản, cơ quan thẩm định hồ sơ lấy ý kiến cơ quan quản lý chuyên ngành khu vực thực hiện nạo vét về dự án, kế hoạch nạo vét. <i>Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời</i>	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	17,0 ngày làm việc

	gian thẩm định hồ sơ.) Tổng hợp văn bản xin ý kiến. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.		
B5.1	Hoàn thành việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi, phương pháp thu hồi, kế hoạch thu hồi. Chuẩn bị hồ sơ trình cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	- Phó phòng, Chuyên viên giải quyết HS	5,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	2,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	3,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao cho Văn phòng Sở	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND Thành phố	7,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả, Thông báo cho tổ chức cá nhân để nhận kết quả và thực hiện nghĩa vụ tài chính	TTPVHCC	4,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc

B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Bộ phận Một cửa; - Chuyên viên giải quyết HS.	0,5 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (thời gian thẩm định là 21 ngày làm việc)</i> - B5.1: 10,0 ngày làm việc - B6.1: 2,0 ngày làm việc - B7.1: 3,0 ngày làm việc - B8.1: 0,5 ngày làm việc - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 7,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 4,0 ngày làm việc		
1.2	Trường hợp khoáng sản đề nghị thu hồi là khoáng sản nhóm VI (khoáng sản chỉ phù hợp với mục đích làm vật liệu san lấp, đắp nền móng công trình, xây dựng công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai, gồm: đất sét, đất đồi, đất có tên gọi khác; đất lẫn đá, cát, cuội hoặc sỏi; cát (<i>trừ cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển</i>))		
1.2.1	Trường hợp thu hồi khoáng sản từ các Dự án đầu tư không thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã: được Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản nhóm IV theo Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026		
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc

	Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội		
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	1,0 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ. - Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản và kiểm tra tại thực địa. - Gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan. Tổng hợp văn bản xin ý kiến. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	17,0 ngày làm việc
B5.1	Hoàn thành việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi, phương pháp thu hồi, kế hoạch thu hồi. Chuẩn bị hồ sơ trình cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	- Phó phòng, Chuyên viên giải quyết HS	5,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	2,0 ngày làm việc
B7.1	Giám đốc Sở ký duyệt Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Giám đốc Sở	3,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao hồ sơ cho Văn phòng Sở	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B10.1	Chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B11.1	Trả kết quả, Thông báo cho tổ chức cá nhân để nhận kết quả và thực hiện nghĩa vụ tài	TTPVHCC	4,0 ngày làm việc

	chính		
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Bộ phận Một cửa; - Chuyên viên giải quyết HS.	0,5 ngày
	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B11.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (thời gian thẩm định là 21 ngày làm việc)</i> - B5.1: 13,0 ngày làm việc - B6.1: 2,0 ngày làm việc - B7.1: 3,0 ngày làm việc - B8.1: 1,0 ngày làm việc - B9.1: 1,0 ngày làm việc - B10.1: 1,0 ngày làm việc - B11.1: 4,0 ngày làm việc		
1.2.1	<i>Trường hợp thu hồi khoáng sản từ các Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã:</i> được Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản nhóm IV theo Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026		
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc

	- Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới UBND cấp xã		
B2	Tiếp nhận HS từ TTPVHCC, trình Lãnh đạo UBND cấp xã phân công và chuyển hồ sơ cho phòng chức năng	UBND cấp xã: - Lãnh đạo UBND cấp xã - Văn phòng UBND cấp xã	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phân công chuyên viên giải quyết hồ sơ	Trưởng phòng được giao nhiệm vụ thuộc UBND cấp xã	1,0 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ. - Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản và kiểm tra tại thực địa. - Gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan nếu cần thiết. - Tổng hợp văn bản xin ý kiến. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo UBND cấp xã - Trưởng phòng được giao nhiệm vụ thuộc UBND cấp xã - Chuyên viên giải quyết HS	17,0 ngày làm việc
B5.1	Hoàn thành việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi, phương pháp thu hồi, kế hoạch thu hồi. Chuẩn bị hồ sơ trình cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Chuyên viên giải quyết HS	5,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND cấp xã	Trưởng phòng được giao nhiệm vụ thuộc UBND cấp xã	2,0 ngày làm việc
B7.1	Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Chủ tịch UBND cấp xã	3,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B9.1	Bàn giao hồ sơ cho Văn phòng UBND cấp xã	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc

B10.1	Chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	UBND cấp xã	1,0 ngày làm việc
B11.1	Trả kết quả, Thông báo cho tổ chức cá nhân để nhận kết quả và thực hiện nghĩa vụ tài chính	TTPVHCC	4,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng được giao nhiệm vụ thuộc UBND cấp xã	1,0 ngày
B7.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo UBND cấp xã	1,0 ngày làm việc
B8.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày
B9.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng chuyên môn	- Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày
<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B11.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (thời gian thẩm định là 21 ngày làm việc)</i> - B5.1: 13,0 ngày làm việc - B6.1: 2,0 ngày làm việc - B7.1: 3,0 ngày làm việc - B8.1: 1,0 ngày làm việc - B9.1: 1,0 ngày làm việc - B10.1: 1,0 ngày làm việc - B11.1: 4,0 ngày làm việc			
2. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản:			
2.1	Trường hợp khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa là khoáng		

	<i>sản nhóm II, III</i>		
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	1,0 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ. - Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản và kiểm tra tại thực địa. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	3,0 ngày làm việc
B5.1	Hoàn thành việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi, phương pháp thu hồi, kế hoạch thu hồi. Chuẩn bị hồ sơ trình cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	- Phó phòng, Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao cho Văn phòng Sở	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày

B10.1	Trình UBND Thành phố	- Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Chủ tịch UBND Thành phố	2,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B13.1	Trả kết quả, Thông báo cho tổ chức cá nhân để nhận kết quả và thực hiện nghĩa vụ tài chính	TTPVHCC	2,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Bộ phận Một cửa; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày làm việc
<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (thời gian thẩm định là 10 ngày làm việc)</i> - B5.1: 3,0 ngày làm việc - B6.1: 1,0 ngày làm việc - B7.1: 2,0 ngày làm việc - B8.1: 0,5 ngày làm việc - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 2,0 ngày làm việc - B12.1: 1,0 ngày làm việc - B13.1: 2,0 ngày làm việc			

2.1	<i>Trường hợp khoáng sản đôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa là khoáng sản nhóm IV: được Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản nhóm IV theo Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026</i>		
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	1,0 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ. - Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản và kiểm tra tại thực địa. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Lãnh đạo Sở; - Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	3,0 ngày làm việc
B5.1	Hoàn thành việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi, phương pháp thu hồi, kế hoạch thu hồi. Chuẩn bị hồ sơ trình cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	- Phó phòng, Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Giám đốc Sở duyệt hồ sơ ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Giám đốc Sở	2,0 ngày làm việc

B8.1	Phát hành giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao cho Văn phòng Sở	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.1	Chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	Sở NN&MT	1,0 ngày làm việc
B11.1	Trả kết quả, Thông báo cho tổ chức cá nhân để nhận kết quả và thực hiện nghĩa vụ tài chính	TTPVHCC	2,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Bộ phận Một cửa; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày làm việc
<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (thời gian thẩm định là 10 ngày làm việc)</i> - B5.1: 5,0 ngày làm việc - B6.1: 2,0 ngày làm việc - B7.1: 3,0 ngày làm việc - B8.1: 0,5 ngày - B9.1: 0,5 ngày - B10.1: 1,0 ngày làm việc - B11.1: 2,0 ngày làm việc			
3. Thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Tổ chức, cá nhân (đã được cấp giấy phép khai thác			

<i>khoáng sản trước ngày 16/01/2026) đề nghị sử dụng khoáng sản là khối lượng tài nguyên nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác mà bắt buộc phải khai đào, bóc xúc mới thì công được công trình khai thác mỏ; (2) Tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng khoáng sản đã khai thác, thu hồi trong phạm vi ranh giới, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản và đang được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật số 147/2025/QH15</i>			
3.1	Trường hợp khoáng sản đề nghị thu hồi là khoáng sản nhóm II, nhóm III		
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	0,5 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ. - Hoàn thành việc kiểm tra tại thực địa (trong trường hợp cần thiết) . - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước. - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	3,5 ngày làm việc
B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	- Phó phòng, Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc

B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Lãnh đạo Sở duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành Tờ trình	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B9.1	Bàn giao cho Văn phòng Sở	Chuyên viên giải quyết HS	0,25 ngày
B10.1	Trình UBND Thành phố	- Sở NN&MT	0,25 ngày
B11.1	Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Chủ tịch UBND Thành phố	3,0 ngày làm việc
B12.1	Nhận kết quả từ UBND Thành phố, chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	Sở NN&MT	Giờ hành chính
B13.1	Trả kết quả, Thông báo cho tổ chức cá nhân để nhận kết quả và thực hiện nghĩa vụ tài chính	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Bộ phận Một cửa; - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày làm việc

	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B13.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (thời gian tầm định là 07 ngày làm việc)</i> - B5.1: 3,0 ngày làm việc - B6.1: 1,0 ngày làm việc - B7.1: 2,0 ngày làm việc - B8.1: 0,5 ngày làm việc - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 3,0 ngày làm việc - B12.1: Giờ hành chính - B13.1: 1,0 ngày làm việc		
3.2	Trường hợp khoáng sản đề nghị thu hồi là khoáng sản nhóm IV: được Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản nhóm IV theo Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026		
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. - Hồ sơ hợp lệ: nhập hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển HS tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B2	Sở NN&MT tiếp nhận HS từ Trung tâm phục vụ hành chính công, trình Lãnh đạo Sở phân công thụ lý và chuyển hồ sơ cho phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	Sở NN&MT: - Lãnh đạo Sở; - Văn phòng Sở	1,0 ngày làm việc
B3	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước phân công giải quyết hồ sơ.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước.	0,5 ngày làm việc
B4	- Kiểm tra nội dung hồ sơ. - Hoàn thành việc kiểm tra tại thực địa (trong trường hợp cần thiết) . - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyển sang bước B5.1; - Trường hợp hồ sơ không đạt hoặc phải ra thông báo bổ sung hồ sơ: chuyển sang bước B5.2.	- Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước. - Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	3,5 ngày làm việc

B5.1	Chuẩn bị hồ sơ trình cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	- Phó phòng, Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.1	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	1,0 ngày làm việc
B7.1	Giám đốc Sở duyệt hồ sơ ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Giám đốc Sở	3,0 ngày làm việc
B8.1	Phát hành giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B.9.1	Bàn giao hồ sơ cho Văn phòng Sở	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày làm việc
B.10.1	Chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công;	Sở NN&MT	0,5 ngày làm việc
B11.1	Trả kết quả, Thông báo cho tổ chức cá nhân để nhận kết quả và thực hiện nghĩa vụ tài chính	TTPVHCC	1,0 ngày làm việc
B5.2	Lập Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; trình Lãnh đạo Phòng	Phó phòng & Chuyên viên giải quyết HS	1,0 ngày làm việc
B6.2	Duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	0,5 ngày
B7.2	Duyệt bổ sung hồ sơ/hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Lãnh đạo Sở	1,0 ngày làm việc
B8.2	Ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Chánh Văn phòng Sở	0,5 ngày
B9.2	Phát hành Thông báo bổ sung/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; gửi tổ chức, cá nhân	Chuyên viên giải quyết HS	0,5 ngày
B10.2	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển phòng Khoáng sản & Tài nguyên nước	- Văn phòng Sở - Chuyên viên giải quyết HS.	1,0 ngày làm việc

	<i>Tiếp tục thực hiện theo các bước từ B5.1 đến B10.1, trong đó thời gian tại các bước như sau: (thời gian tối định là 07 ngày làm việc)</i> - B5.1: 3,0 ngày làm việc - B6.1: 1,0 ngày làm việc - B7.1: 2,0 ngày làm việc - B8.1: 0,5 ngày làm việc - B9.1: 0,25 ngày - B10.1: 0,25 ngày - B11.1: 1,0 ngày làm việc
4	Biểu mẫu
	- Văn bản đề nghị thu hồi khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);
	- Bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);
	- Văn bản đề nghị sử dụng khoáng sản (Mẫu số 03a - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026
	- Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 05 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

Mẫu số 01 - Phụ lục III

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

Văn bản đề nghị (Bản đăng ký²³⁸) thu hồi khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng
..... năm do *(tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh
nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số ngày tháng năm
..... do *(tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư)*
..... cấp.

Được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng
..... năm của *(tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy
phép khai thác khoáng sản)* để khai thác khoáng sản *(tên khoáng sản)*
..... tại thuộc *(tên cấp xã)*, ... *(tên cấp tỉnh)*..... theo Dự án
đầu tư *(tên dự án)*

Đề nghị cho phép thu hồi khoáng sản*(tên loại khoáng sản đề nghị thu
hồi)* trong quá trình thực hiện Dự án đầu tư khai thác khoáng sản *(tên
dự án)*

Diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản là (ha, m², km²), thuộc
phạm vi ranh giới của Dự án đầu tư khai thác khoáng sản*(tên dự án)*,
toạ độ, diện tích khu vực thu hồi được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị thu hồi: (tấn, m³,...)

Mục đích sử dụng khoáng sản:

Thời gian thu hồi: Từ ngày tháng năm đến ngày tháng
..... năm

(Các bản vẽ có liên quan gửi kèm theo)

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)* cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác
khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác và thực hiện đúng quy định của pháp luật về
khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

²³⁸ Áp dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản và điểm a khoản 7 Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
THU HỒI KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thu hồi khoáng sản số
ngày tháng năm của)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

Mẫu số 02 - Phụ lục III

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

Bản đăng ký thu hồi khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*)

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ngày tháng năm do (*tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số ngày tháng năm do (*tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư*) cấp; hoặc Căn cước công dân số ngày tháng năm cấp tại

Đề nghị cho phép thu hồi khoáng sản (*tên khoáng sản*) trong quá trình thực hiện Dự án (*Tên dự án đầu tư*)

Diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản là..... (ha, m², km²), tọa độ, diện tích khu vực thu hồi được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị thu hồi: (tấn, m³, ...)

Thời gian thu hồi: Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

(Có Báo cáo vị trí, khối lượng, chủng loại, thời gian thực hiện thu hồi khoáng sản kèm theo)

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐĂNG KÝ THU HỒI KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Bản đăng ký thu hồi khoáng sản ngày tháng năm
..... của)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu thu hồi thấp nhất: (m)		

Mẫu số 05 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

*(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....*

Địa danh, tháng năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã),
..... (tên cấp tỉnh)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (dưới đây gọi tắt là đề án).
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập đề án.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập đề án

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập đề án.
- 2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến đề án.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đề án.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng

khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.

- Mục đích khác (nêu rõ).

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ khoáng sản phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;

- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Đề án/dự án/phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản,..... đã được phê duyệt; hiện trạng khu vực khai thác (các moong khai thác, lò khai thác), các công trình phụ trợ trên bề mặt mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ, TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LỊCH SỬ KHAI THÁC

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

1.1. Vị trí địa lý: Mô tả vị trí, tọa độ khu vực thực hiện đề án (khai trường, mặt bằng sản công nghiệp, khu phụ trợ, bãi thải), ranh giới tiếp giáp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội: Mô tả đặc điểm địa hình, sông suối, đặc điểm khí hậu, đặc điểm giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, điều kiện kinh

tế - xã hội nơi đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Các đối tượng xung quanh khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (*bao gồm cả phạm vi trên mặt và dưới sâu*).

2. Lịch sử khai thác

Nêu khái quát quá trình khai thác của khu vực khoáng sản theo từng giai đoạn: Giai đoạn trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra trong khai thác khoáng sản và kết quả khắc phục các tồn tại, vi phạm (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung kết luận thanh tra, thông báo khắc phục và yêu cầu kiến nghị, xử lý các tồn tại, vi phạm và kết quả khắc phục (nếu có).

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ khai thác;
- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản

chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu.

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ,...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác,... Cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong đề án khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương án thực hiện các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi

so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án. Lập bảng thống kê khối lượng theo Phương án (Đề án, Dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, khối lượng đã thực hiện (nếu có) và khối lượng còn phải phải thực hiện (khối lượng đóng cửa mỏ).

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện các hạng mục công trình của đề án.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường) trong quá trình thực hiện đề án.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công các hạng mục công trình của đề án.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó *(trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá)*, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra *(Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt)*.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các hạng mục công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công đề án; nguyên, nhiên liệu sử dụng; biện pháp kỹ thuật, an toàn.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ.
5	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng của khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
6	Bình đồ phân khối trữ lượng.
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản.
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu (nếu có).
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
10	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);

- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 06 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN ĐÓNG CỬA
MỎ KHOÁNG SẢN

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án,...; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố),... quản lý theo quy định của pháp luật về

đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*vị trí, tọa độ lỗ khoan/giếng khoan, trữ lượng, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác bơm hút, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, chế độ khai thác; Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng cấp phép phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Thống kê chi tiết trữ lượng khai thác theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng cấp phép phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã triển khai từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, đứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn của các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt .

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra tại khu vực mỏ và việc khắc phục, xử lý các tồn tại (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung thanh tra, kiểm tra và việc thực hiện kiến nghị, khắc phục, xử lý các tồn tại (nếu có).

4. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG II

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan .

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương

án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành các hạng mục công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

III. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG III DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành các hạng mục công việc của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận.

- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
5	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 07 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,.....(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,.....(tên cấp tỉnh).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN ĐÓNG CỬA
MỎ KHOÁNG SẢN

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh, tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Để thống kê trữ lượng (khối lượng) khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ

lượng (khối lượng) khoáng sản còn lại chưa khai thác.

- Bàn giao diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác.

- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, cung cấp điện*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... Trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất tại khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, các hạng mục công trình của công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG II

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương; đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ và cải tạo, phục hồi môi trường

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG III DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục*

hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt).

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của Phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công Phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ).
4	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải (nếu có).
5	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản được thể hiện trên không gian ba chiều (3D).
6	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;

- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
*(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp
tỉnh).....*

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
 (nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản

cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;
- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;
- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có*

tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);

- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 11 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-BNNMT

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ ý kiến của về việc tham gia ý kiến đối với Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Biên bản phiên họp ngày tháng năm của Hội đồng Thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Biên bản kiểm tra thực địa ngày tháng năm;

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản) nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....
.....
.....
.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiếu, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản:

Thực hiện theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản)..... thẩm định và thông qua (thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6. Đơn vị thực hiện:

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

có trách nhiệm:

Chỉ nêu các trách nhiệm chưa được quy định trong Luật Địa chất và khoáng sản, các luật khác có liên quan.

Điều 3.(*Tên cơ quan thẩm định hồ sơ*)..... có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Xác nhận hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật bảo vệ môi trường sau khi(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... hoàn thành Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát.....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*).....trong quá trình thi công các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

2. Kịp thời ngăn chặn và xử lý hoạt động khai thác, thu hồi khoáng sản trái phép trong khu vực thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Giải quyết các thủ tục có liên quan, đảm bảo thi công Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo đúng khối lượng và tiến độ.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND tỉnh (thành phố).....;
- Cục ĐCKS Việt Nam;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
- Lưu: VT, HS,....

BỘ TRƯỞNG

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-BNNMT ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

STT	Tên điểm khép góc	Hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-BNNMT ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

Mẫu số 12 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ)**

Số:/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ ý kiến của về việc tham gia ý kiến đối với Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Trên cơ sở Biên bản phiên họp ngày tháng năm của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Biên bản kiểm tra thực địa ngày

tháng năm;

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản) nộp tại (Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (tên loại khoáng sản) tại khu vực thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh) theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép) cấp cho (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản) với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiếu, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản:

Thực hiện theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được Hội đồng Thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của (Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản) thẩm định và thông qua (thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6. Đơn vị thực hiện:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản) có trách nhiệm:

Chỉ nêu các trách nhiệm chưa được quy định trong Luật Địa chất và khoáng sản, các luật khác có liên quan.

Điều 3. (Tên cơ quan thẩm định hồ sơ) có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để kiểm tra, nghiệm thu

kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Xác nhận hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật bảo vệ môi trường sau khi(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... hoàn thành Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Ủy ban nhân dân xã (phường) có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... trong quá trình thi công các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

2. Kịp thời ngăn chặn và xử lý hoạt động khai thác, thu hồi khoáng sản trái phép trong khu vực thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Giải quyết các thủ tục có liên quan, đảm bảo thi công Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo đúng khối lượng và tiến độ.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*).....và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ NNN&MT;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
-
- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

Mẫu số 13 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:/TB-BNNMT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO**Về việc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản**

Kính gửi:(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Xét hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày tháng năm

.....; bổ sung ngày tháng năm

Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... của (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiều, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Thông báo này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản: Thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Thông báo này.

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Thông báo này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm thực hiện đầy đủ khối lượng của các hạng mục công việc theo tiến độ nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường, khoáng sản, pháp luật khác có liên quan; quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng trong quá trình thi công phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; báo cáo bằng văn bản gửi Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam sau khi hoàn thành toàn bộ khối lượng của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... phải thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... để chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)....;
- UBND tỉnh (thành phố).....;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
- Các Cục: ĐCKS, MT;
- Lưu: VT, HS,....

BỘ TRƯỞNG

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
*(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)*

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

Mẫu số 14 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ).....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-UBND

Địa danh....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO**Về việc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản**

Kính gửi: (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Xét hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... chấp thuận phương án đóng

cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....của (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiều, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản: Thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Thông báo này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm thực hiện đầy đủ khối lượng của các hạng mục công việc theo tiến độ nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường, khoáng sản, pháp luật khác có liên quan; quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng trong quá trình thi công phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; báo cáo bằng văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... sau khi hoàn thành toàn bộ khối lượng của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... phải thông báo cho Ủy ban nhân dân xã (phường) để chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)....;
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND xã (phường)....;
- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

Chữ ký, đóng dấu
 (Họ và tên)

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
*(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)*

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

Mẫu số 03a - Phụ lục III

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

Văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản

Kính gửi:*(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày.....
tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng.....
năm..... do*(tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giấy phép đầu tư)*..... cấp; hoặc Căn cước công dân số là nhà đầu tư hoặc
nhà thầu thi công các công trình.....*(tên dự án, công trình)*.....

Đề nghị cho phép được sử dụng khoáng sản.....*(tên khoáng sản)*..... để
cung cấp cho Dự án, công trình.....*(tên dự án, công trình)*.....

Diện tích bãi thải, bãi chứa tập kết khoáng sản được đề nghị sử dụng
là..... (ha, m², km²), tại vị trí*(tên địa danh)*....., toạ độ, diện tích khu
vực thu hồi được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị sử dụng: (tấn, m³,...).

Mục đích sử dụng khoáng sản:

Thời gian sử dụng: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ...
năm....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*.....cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài
chính và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của
pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ BÃI THẢI, BÃI CHỨA TẬP KẾT KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản ngày tháng
..... năm của)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

Mẫu số 05 - Phụ lục III

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/XN-UBND

Địa danh, ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN
Đăng ký thu hồi khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số/...../TT-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Xét hồ sơ đề nghị thu hồi (hoặc sử dụng) khoáng sản ngày..... tháng năm của (Tên tổ chức, cá nhân)

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

XÁC NHẬN:

Điều 1. Xác nhận (Tên tổ chức, cá nhân) đã đăng ký thu hồi khoáng sản với các nội dung chính sau đây:

1. Tên khoáng sản thu hồi:

2. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh)

Thuộc phạm vi diện tích thực hiện Dự án đầu tư (tên dự án²³⁹)

²³⁹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, khoản 7 Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP.

3. Diện tích (hoặc không gian) thu hồi khoáng sản:

a) Diện tích: (ha, m², km²).

b) Mức sâu (nếu có): (m)²⁴⁰.

Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II²⁴¹ kèm theo.

4. Khối lượng khoáng sản thu hồi: tấn (m³).

5. Mục đích sử dụng khoáng sản (nếu có):

6. Thời gian thu hồi khoáng sản: tháng, kể từ ngày Giấy xác nhận này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*) có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc thu hồi khoáng sản (*Tên khoáng sản*) theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại, kế hoạch nêu trên.

2. Thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế để thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

3. Định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân (*Tên cấp tỉnh*) để tổng hợp, quản lý theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường trong quá trình thu hồi khoáng sản.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)..... (bản chính);
- Sở NNMT (bản chính);
- Cục ĐCKS VN (bản sao);
- Lưu:...

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

²⁴⁰ Chỉ áp dụng đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản.

²⁴¹ Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục I

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản ngày tháng
năm của)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trục múi chiều)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu thu hồi thấp nhất (nếu có): (m)		